193 — 194 NGÀY 15-1-65

BÁCH KHOA

Đặc biệt kỷ niệm 8 năm

VŨ BAO . VŨ HẠNH . NGUYÊN HIẾN LÊ . CÔ LIÊU . DOHAMIDE TUỆ TRUNG . SƠN NAM . XUÂN HIẾN . ĐOÀN THÊM . NGUIÊN NG U Í . TÚY HỒNG . VÕ HỒNG . TR ỪNG ĐƯƠNG . HỒ HỮU TƯỜNG DOÃN QUỐC SỸ . LÊ TẤT ĐIỀU VÂN TRANG . LỮ QUỲNH . VIÊN LINH . BÙI KHÁNH ĐẢN . THÀNH TÔN . TẦN HOÀI DẠ VŨ . HUY LỰC . TRẦN HUIỀN ÂN . THANH THUYỀN . THANH TÂM TUYỀN

XUÂN ẤT-TỴ

Thanh thoát

Fine

Dịu dàng

Racé

Tonique

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"

DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA Sté Fse DES DISTILLERIES DE L I C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat, en vérifiant que la capsule inviolable que comportent les bouteilles d'origine sous leur bouchon à vis est bien en place

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi mua quý ngài nên để đặt kiểm soát lại nắp chì ngừa gian bọc ở miệng chai chánh gốc nằm phía trong nắp vặn đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

AIP.

BÁCH KHOA

Số 193 - 194

ngày 15 - 1 - 65

SỐ ĐẶC BIỆT KỶ NIỆM 8 NĂM VÀ XUÂN ẤT-TỴ

VŨ-BẢO *thế giới năm qua*	5
VŨ-HẠNH *một năm văn học, báo chí*	17
NGUYỄN-HIẾN-LÊ *Alexander Fleming*	37
CÔ-LIÊU *những con toán kinh khủng của một nhà bác học*	46
DOHAMIDE *Hồi-giáo tại Việt Nam*	53
TUỆ-TRUNG *chuyện 6 vị thuyền sư*	61
SƠN-NAM *tâm sự của một nhà văn ký giả*	71
XUÂN-HIẾN *cành hoa thứ tám (thơ)*	76
ĐOÀN-THÊM *nỗi niềm di cư*	77
VIÊN-LINH *thiên địa ca (thơ)*	79
THANH-THUYỀN *đoản ca (thơ)*	80
THÀNH-TÔN *đến với mùa Xuân (thơ)*	81
LỮ-QUỲNH *nỗi nhớ từ cao nguyên (thơ)*	82

Kính chúc
quý vị độc giả,
quý vị đăng quảng cáo,
phát hành và cổ động cho
Bách-Khoa

một năm mới nhiều may mắn
thịnh vượng và hạnh phúc

NGUIỄN-NGU-Í • SƠN NAM • TÚY-HỒNG • VÔ-HỒNG • TRÙNG-DƯƠNG • HỒ-HỮU-TƯỜNG • DOÃN QUỐC-SỸ • LÊ-TẤT-ĐIỀU • VŨ-BẢO • VŨ-HẠNH • VÂN-TRANG *10 câu chuyện Tết* 83

NGUIỄN-NGU-Í *về quê (thơ)* 110

TRẦN-HUIỀN-ÂN *tìm lại mùa xuân (thơ)* 111

ĐOÀN-THÊM *thủy triều XIX (thơ)* 112

LÊ-ĐÌNH-PHẠM-PHÚ *kêu gọi (thơ)* 114

LÊ-TẤT-ĐIỀU *đồng cỏ trong sương (truyện ngắn)* 115

BÙI KHÁNH-ĐẢN *chân tình — ân nghĩ (thơ)* 126

VÕ-PHIẾN *hoạt cảnh (truyện ngắn)* 133

THANH-TÂM-TUYỀN *cát lấy (truyện dài)* 149

TRÙNG-DƯƠNG *vừa đi vừa ước nhìn (truyện)* 159

NGUIỄN-NGU-Í *sống và viết với Dông-Hồ* 167

SINH-HOẠT

Những bước tiến về dân chủ của Việt-Nam Cộng-Hòa trong năm 1964 181

Cáo Lỗi

Vì lý do kỹ thuật, nên tạp chí Bách Khoa số Kỷ niệm 8 năm ra trễ mất 3 ngày. Trân trọng xin cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

BÁCH-KHOA

Các bạn thân mến,

Trong năm qua, trước bao nhiêu biến cố dồn dập, trong những điều kiện sinh hoạt khó khăn, giao thông trắc trở, mà Bách-Khoa vẫn cố gắng đều đặn, hai tuần một lần, tới tay các bạn, trình bày cùng bạn đọc những vấn đề thời sự trong năm, những kiến thức hiện đại, những sáng tác văn nghệ đặc sắc, để rồi lại gặp bạn đọc trong số kỷ niệm hôm nay.

Với trên 190 số, nhờ sự góp ý của bạn đọc, Bách-Khoa đã luôn luôn cải tiến, từ kỳ báo này tới kỳ báo khác, từ năm này đến năm khác, để trở thành một tạp chí thực sự lợi ích đối với bạn đọc trong việc tìm hiểu những điều cần biết của thời đại chúng ta về chính trị, giáo dục cũng như về văn học, tôn giáo v.v...

Nếu xem lại các tập mục lục theo bộ môn của Bách-Khoa trong suốt 8 năm, bạn đọc sẽ thấy rõ sự rồi rào của các bộ môn, cùng sự phong phú của những đề mục trong mỗi bộ môn đó, và toàn bộ Bách Khoa với sự góp sức của hàng trăm cây bút từ trước đến nay, đã cung cấp những kiến thức thiết yếu giúp bạn đọc am tường các sự việc hàng ngày thường thấy nêu trên báo chí hay trong những cuộc luận đàm.

Có bạn đọc yêu cầu Bách-Khoa trong năm nên ra nhiều số đặc biệt hướng về một chủ-điểm như số xuất bản trong dịp đản-sinh đức Phật. Bách Khoa, với cái tên của nó, có ước vọng trình bày mỗi kỳ được tối đa những vấn đề thuộc các lãnh vực đi biệt. Bởi vậy thay vì ra một số về tôn giáo thì Bách-Khoa đăng một loạt bài trong nhiều kỳ liên tiếp về các tôn giáo đã phát sinh hay bắt rễ trên đất nước chúng ta mà ít người

biết rõ, từ đạo Cao-Đài, Phật-giáo Hòa-Hảo đến đạo Ba-Hai, Hồi-Giáo... Thay vì ra một số về cuộc đời và sự nghiệp các nhà văn hiện tại, thì Bách-Khoa giới thiệu cùng bạn đọc trên mỗi số về « Sống và Viết » của một nhà văn, để góp lại sau này thành được một tác phẩm mấy trăm trang chứ không phải chỉ thu gọn trong mấy chục trang của một số đặc biệt.

Có nhiều loạt bài, nhiều sáng tác đăng trên Bách-Khoa trong năm vừa qua mà cũng đã được góp lại in ngay thành sách như : «*Triết lý Zen*» của Đoàn-Văn-An, «*Tư tưởng hiện đại*» của Trùng-Thiên. « *Khởi hành* » của Lê-Tất-Điều...

Tuy nhiên sang năm thứ chín này, Bách Khoa sẽ cố gắng ra thêm nhiều số đặc biệt, về những chủ điểm mà nhiều bạn đã đề nghị, để đáp lại thịnh tình của quý bạn. Cũng từ năm nay, Bách Khoa sẽ trích đăng thêm nhiều tác phẩm sắp xuất bản của một số nhà văn, như đã trích đăng « Thế giới trong tương lai, Việt-Nam trong hiện tại » của ông Nguyễn Hiến-Lê, một việc mà đông đảo bạn đọc đã tỏ ý tán thành. Bách Khoa cũng sẽ ghi lại trong mục Sinh-hoạt những việc quan trọng đã xảy ra trong nước cũng như trên thế giới để đánh dấu các biến cố của thời đại.

Năm nay Bách Khoa số kỷ niệm 8 năm lại ra trùng với số Tết, bởi vậy một phần vì phải dành ưu tiên cho các bài liên quan đến Tết, lại một phần vì số trang có hạn định, nên một số bài khảo luận, một số sáng tác văn nghệ có rao trước mà đến phút chót đành phải dành lại cho số tân niên sẽ ra ngày 15-2-65. Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc và nhất là các tác giả những bài nói trên đây.

Nhân dịp Tết Ất-Tỵ, kính chúc quý bạn một năm mới may mắn, vui vẻ và hạnh phúc.

BÁCH KHOA

Vũ-Bảo

THẾ GIỚI NĂM QUA

BUỔI sáng hôm đó, nhân dân thành phố Copenhague, thủ đô nước Đan-Mạch, đã thức giấc trong kinh hoàng. Bức tượng nữ thần mình người đuôi cá đã từng làm bao nhiêu du khách mê say, trong đêm trước đã bị một kẻ nào lén tới cưa đứt cổ. May mà thành phố còn giữ được khuôn cũ của bức tượng. Người ta vội đổ đồng làm một cái đầu khác gắn trả lại thân «ngư-nhân». Từ nay du khách đứng trước tượng sẽ chẳng thấy gì khác xưa nhưng chắc chắn thế nào cũng phải tự hỏi không biết cái khuôn mặt kia có đúng là mặt nữ thần không, có thực chuyện ấy đã xảy ra không, và từ nay còn có chuyện gì nữa không ?

Tất cả những câu hỏi đầy nghi hoặc mà người ta đã phải đặt ra trước bộ mặt của bức tượng kia, tất cả những câu hỏi đó đều lởn vởn trong đầu óc mọi người khi người ta nhìn vào bộ mặt của năm 1964 vừa hết.

Thật vậy năm 1964 cho người ta cái cảm tưởng là chuyện gì cũng đáng e ngại vì chuyện gì cũng có thể xảy ra và nhìn vào bộ mặt thật của 1964, người ta cũng còn mường tượng đó là bộ mặt vừa mới đổ ở một cái khuôn nào ra để gắn tạm vào một thân hình đang cần sự chắp nối.

Đó là cảm tưởng chung. Đi vào trong các sự việc để tìm xem các biến cố xảy ra có đi theo một lực-tuyến nào không, người ta tạm nhìn thấy trong năm 1964 những nét chính sau đây :

— Nếu có những ngôi sao lặn...

— Thì cũng có những vì sao mới mọc qua các cuộc tuyển-cử then chốt.

— Hoa-Kỳ và Nga-Sô vẫn phải chấp nhận con đường hòa hoãn.

— Trung Cộng bộc lộ nhiều tham vọng.

— Các nước Cộng-Sản Đông Âu cựa mình.

— Pháp cố tìm nhan sắc cũ.

— và nói chung thì thế giới thêm nhiều chỗ đau nhức.

Những ngôi sao lặn

Cái tang lớn nhất trong năm 1964 hẳn là cái chết của thủ tướng Nehru, nhà lãnh đạo đã được toàn thể dân tộc Ấn Độ coi như một vị quốc phụ này đã mất năm 75 tuổi. Trên giường bịnh ông đã được chính con gái là bà Indira-Gandhi tiếp máu cho nhiều lần nhưng cũng không thoát khỏi tay tử thần. Ông đã để lại cho thế giới tấm gương của một nhà chính trị luôn luôn tin tưởng vào chữ «Thiện», luôn luôn chủ trương giải quyết mọi vấn đề bằng cách hòa giải. Lịch sử sẽ còn ghi mãi tên ông như là một nhà ngoại giao kỳ tài. Người ta thường nói ngoại giao chỉ là phản ảnh của thực lực. Nhưng trong khi Ấn-Độ không có quân đội hùng mạnh không có kinh tế rồi rào, Ông Nehru với một đường lối ngoại giao riêng biệt vẫn đưa Ấn Độ lên hàng một cường quốc mà tiếng nói được nhiều nước khác kiêng nể. Người ta khó quên được khuôn mặt dày vò và đôi mắt xao xuyến của con người đã chủ xướng 5 nguyên tắc sống chung hòa bình, con người sống ở Á-Châu thì thấy mình là Tây-Phương, mà sang đến Tây-Phương lại thấy mình nguyên vẹn trở về thành người Châu-Á.

Trước ông Nehru một tháng rưỡi là tướng *Mạc Arthur*, chết năm 84 tuổi. Người hùng Thái-Bình-Dương của thế chiến thứ hai này, sau cuộc đổ bộ như vũ bão lên Nam-Cao-Ly đã bị Tổng-Thống Truman buộc phải dừng chân bên sông Áp-Lục, nên đã xin rút về ẩn dật, từ chối mọi danh vọng, sau khi đọc trước Quốc-Hội Hoa-Kỳ những lời từ giã trong đó có câu : «An old soldier never dies». Người lính già không có bao giờ chết.

Sau Nehru một tháng là *Lord Beaverbrook* ông vua của báo chí Anh, triệu phú từ năm 25 tuổi, chủ nhân ông sủa 3 tờ Daily Express, Sunday Express và Evening Standard, tổng cộng gần 10 triệu độc giả.

Một ông vua khác, — ông này là vua thật, — cũng mất trong năm là quốc vương *Paul* nước *Hi-Lạp* để lại ngôi báu cho hoàng tử Constantin từ nay là ông vua trẻ nhất Âu Châu và ông vua độc nhất trên thế giới đã chiếm được một huy chương ở Thế Vận Hội.

Trong năm 1964, phe Cộng-Sản mất 2 lãnh tụ tài ba. Đó là *Thorez* người đã lãnh đạo trong 34 năm đảng Cộng-Sản Pháp và *Togliatti* lãnh tụ đảng Cộng-Sản Ý mà lá chúc thư chính trị vạch hết các lỗi lầm của Quốc-Tế Cộng-Sản đã như là một trái bom nổ chậm làm rung động nếp sinh hoạt của các đảng viên trên thế giới. Một ngôi sao khác chưa lặn mà đã tắt đó là *Krouchtchev*. Đúng 6 tháng không sai một ngày nào, trước

khi ông bị hạ bệ thì hãng Thông-Tấn Đức D.P.A. đã loan tin ông chết. Nhưng ông chỉ từ chức vì « lý do sức khoẻ», Cái lý do chính thức đó không làm cho ai tin cả. Các đảng Cộng-Sản trên thế giới đòi Nga-Sô giải thích, nhưng tới nay vẫn chưa được thỏa mãn. Chờ đợi mãi không được, người ta bèn nghĩ ra một câu chuyện, gọi là vô lý cũng được, nhưng kể ra cũng chẳng vô lý hơn cái «lý do sức khoẻ » nói trên để giải thích tại sao Krouchtchev rời khỏi chính trường. « Tại sao, tại sao ? (và đây là câu chuyện bắt đầu). Lý do thật là giản dị. Marx, thủy tổ Cộng-Sản, có một bộ râu xồm xoàm, Engels râu ngắn hơn nhưng cũng khá rậm rạp. Đến Lénine thì rút lại một chòm. Staline chỉ còn có bộ ria. Krouchtchev đã chẳng có râu ria lại còn không có cả tóc. Như vậy Krouchtchev không xứng đáng lãnh đạo Cộng-Sản thế giới. Người ta giảng cho hắn như vậy, hắn nghe ra ngay và tự ý rút lui !».

Trái lại có ngôi sao đã rút khỏi chính trường mà ánh sáng để lại vẫn còn sáng rực. Đó là trường hợp *Winston Churchill*. Ngày 27 tháng 7 năm 1964, hồi 17 giờ 3 phút, lão tướng chín chục tuổi này đã tới điện Westminster, trụ sở quốc hội Anh, lần chót sau 64 năm chói lọi ở nghị trường, chói lọi không những khi thắng mà ngay cả khi thua.

1964 : năm của những cuộc tuyển cử then chốt

Trước hết là cuộc bầu cử *Tổng Thống Hoa-Kỳ*, ông Johnson vừa được tạp chí Time bầu là « người của năm 1964 » đã chiếm được đa số trong 44 tiểu bang thắng ông Goldwater, và đã bỏ xa địch thủ với 15 triệu phiếu. Thế là cho tới hết năm 1968, ông ta là người số 1 của thế giới, nắm trong tay quyền hành pháp của một nước đứng đầu về những con số kỷ lục : lợi tức quốc gia 600 tỷ Mỹ kim (khoảng 60 ngàn tỷ bạc V.N.) 800 hoả tiễn liên lục địa, 665.000 chiếc tầu, 18 giải Nobel từ năm 1955, 36 huy chương vàng tại Thế-Vận-Hội Đông-Kinh (trong đó một mình sinh viên Schollander 18 tuổi chiếm 4 cái).

Có thể là sau khoá này, ông Johnson sẽ còn ứng cử và trúng cử khóa nữa, nghĩa là ông có thể sẽ ở Bạch-Cung cho hết năm 1972 sau ông Johnson đảng Dân chủ đã có Robert Kennedy chờ sẵn. Người em ruột của Tổng-Thống Kennedy thường mang trong người một bao đựng thuốc lá bằng bạc do ông anh tặng cho khi ra ứng cử Tổng-Thống năm 1960. Mặt trong bao thuốc có khắc dòng chữ ; « Sau anh, tại sao không là em. »

Đảng Cộng-Hòa, vừa thất bại với ông Goldwater đang lo củng cố lại hàng ngũ, nhưng trong vòng 12 năm sắp tới, ngoại trừ bất ngờ, người ta chưa nhìn thấy hy vọng của đảng này trở lại chính quyền.

Khác với cuộc tổng tuyển cử ở Hoa-Kỳ mà phe nọ thắng phe kia quá rõ ràng, *cuộc tranh cử ở Anh-Quốc* giữa đảng Bảo-Thủ và đảng Lao-Động đã cho những kết quả sát nút hơn. Đảng Bảo Thủ thua có 203.000 phiếu nhưng cũng đủ thất bại sau

13 năm cầm quyền. Hai năm sau cùng đã là những năm tai hại nhất cho đảng Bảo Thủ : nào trong đảng lục đục, nào thủ tướng Mac Millan đau yếu lại thêm những chuyện tai tiếng như vụ cô Keeler với bộ trưởng Profumo. Dân chúng Anh đang chờ đợi ở đảng Lao-Động của ông Harold Wilson một sự phát triển kỹ nghệ mạnh mẽ hơn, một nền giáo dục bình đẳng hơn và an ninh xã hội bảo đảm hơn.

Một số các vị nguyên thủ khác cũng vừa được bầu năm nay :

Mikoyan lên làm chủ tịch của Liên Bang Sô-Viết một chức hữu danh vô thực vì bao nhiêu quyền hành ở Nga đều nằm trong tay Tổng Thư Ký đảng Cộng-Sản và Thủ-Tướng Chánh-Phủ.

Thống Chế *Tito* cũng vừa được bầu lại và với khóa này ông lãnh đạo Nam-Tư trong 30 năm liền.

Ở Nhật ông Eisaku Sato, đảng Bảo Thủ lên thay Thủ-Tướng Ikeda, với một đường lối gần bó hơn với Tây-Phương tuy vẫn kiếm cách buôn bán với Trung Cộng

Ở Tunisie, Tổng-Thống *Bourguiba* tái cử với 96, 43% số phiếu, nhưng đa số này không làm cho thế giới hồi hộp bằng 4 ghế ông Wilson giật lại của Sir Alec Douglas Home.

Ở Tây-Đức, ông *Heinrich Luebke* cũng được bầu lại làm Tổng-Thống Cộng-Hòa Liên Bang trong 5 năm nữa. Nhưng dân chúng Tây-Đức lại ngóng trông cuộc bầu cử sắp tới nhiều hơn. Đó là cuộc bầu cử Thủ Tướng vào năm 1965 giữa hai ứng cử viên thượng thặng : đương kim thủ tướng *Erhard* đảng Dân chủ công giáo và ông thị trưởng đầy nghị lực của thành phố Berlin, ông *Brandt* đảng Dân Chủ Xã Hội.

Bên Pháp cũng vậy, ngay từ năm 1964 người ta đã bàn tán nhiều về cuộc bầu cử Tổng-Thống tổ chức vào năm 1965. Người ta đặt nhiều câu hỏi : Tướng *De Gaulle* có ra khóa nữa không ? Hay là cử *Pompidou* kế vị? Dầu sao đối thủ của phe De Gaulle, người ta cũng được biết trước rồi. Đó là *Defferre*, Ông thị trưởng đảng xã hội của thành phố Marseille, quê hương của boule gauloise và bouillabaisse.

Sở dĩ người ta chú ý từ một năm trước đến hai cuộc bầu cử nói trên ở Tây-Đức và ở Pháp là vì sau khi Wilson thắng ở Anh, nếu bây giờ Brandt thắng ở Tây-Đức và Defferre thắng ở Pháp thì có thể nói là Âu-Châu đang tiến về khuynh hướng xã hội.

Thứ nhất là Tổng-Thống *Ý-Đại-Lợi* mới được bầu ông *Saragat* cũng là lãnh tụ Đảng Dân Chủ Xã hội. Đây là cuộc bầu cử gay go nhất trong lịch sử, bầu 21 lần trong 13 ngày mới xong, và bỏ cả ăn lễ Giáng sinh để mà bầu. Và đây cũng là một bài học kinh nghiệm cho các nhà soạn thảo Hiến Pháp về những sự dằng co, mà cả, thường xảy ra khi người ta để cho đại diện các đảng phải chọn bầu vị nguyên thủ một nước.

1964 : năm mà Hoa-Kỳ và Nga - Sô vẫn phải chọn lựa con đường hòa hoãn

Tất cả là do bom nguyên tử Nó gói ghém tất cả một ác mộng hãi hùng của nhân loại nhưng nó lại tạo ra một nền « luân lý mới » cho một thế giới điên cuồng tìm lại sự thăng bằng. Tấn bi hài kịch lớn nhất của mấy năm gần đây và chắc chắn là còn của nhiều năm sắp tới là nụ cười hoà hoãn nở trên môi kẻ sợ chết. Vì Nga chẳng bao giờ muốn Hoa-Kỳ nhận nút phóng ra 1000 oanh tạc cơ hạng nặng chở bom hạch tâm, 800 hỏa tiễn Minutemen chôn ngầm, 656 Polaris từ lòng 52 tầu ngầm nguyên tử. Số võ khí của Nga chỉ bằng một nửa thôi nhưng cũng đủ thiêu rụi Hoa-Kỳ.

Và cả hai anh khổng lồ đó đều sợ giết lầm nhau. Nên giữa Mạc-Tư-Khoa và Hoa-Thịnh-Đốn đã có một đường dây nối liền hai máy điện thoại mầu đỏ rực Đường dây lúc đầu chỉ trù liệu để tránh những rủi ro trong việc nhận nút nguyên tử.

Nhưng điều không ai ngờ tới là nó đã thay đổi tâm lý của hai kẻ ở hai đầu. Chỉ có một sợi dây mà tự nhiên hai bên đều nảy ra ý muốn nói chuyện với nhau hơn là gây gổ với nhau. Chính sợi dây đó đã thay đổi cả tính chất sự tranh chấp Đông-Tây và hơn thế nữa chính sợi dây đó đã thay đổi cả bộ mặt thế giới ít nhất trên ba khía cạnh.

— Trước hết sự xung đột toàn bộ không thể xảy ra thì người ta quay về những sự xung đột cục bộ, đánh nhau trên đất kẻ khác hay đánh nhau ngay trong phe mình. Thế giới từ sự phân biệt lớn giữa hai khối đã đi xuống những mảnh đất vụn nhỏ như Chypre, Congo hay những chia xẻ giữa Cộng sản Nga và Cộng sản Tàu.

— Nga hòa hoãn với Hoa-Kỳ cũng làm cho nhiều đàn em phân vân không biết từ nay nên xét trên căn bản nào mối tương quan với Tây Phương. Xích gần lại Tây Phương chăng, và gần đến mức nào để khỏi bán đứng chủ nghĩa ?

— Sự hòa hoãn giữa Hoa-Kỳ và Nga-Sô cũng làm cho các nước phi-liên-kết mất rất nhiều ảnh hưởng. Điển hình nhất là trường hợp Ấn - Độ. Trước đây, khi Hoa-Kỳ và Nga-Sô công kích nhau dữ dội, Ấn-Độ cất tiếng nói hòa giải của mình lên thì cả thế giới lắng tai nghe. Ngày nay, Hoa Kỳ và Nga Sô đã chọn con đường đối thoại, tiếng nói của ông Shastri, vị Thủ Tướng Ấn cao 1 thước 52 và cân 47 kí làm sao mà còn nặng đồng cân được ? Vai trò trung gian của Ấn tự nhiên lu mờ khi hai đối thủ đã nói chuyện với nhau trực tiếp.

Nói tóm lại chính trị thế giới trong những năm sắp tới sẽ còn phản ảnh một cách sâu xa nhu cầu sống chung hòa bình giữa hai cường quốc có nhiều khả năng tiêu diệt nhân loại nhất.

1964 : năm mà Trung-Cộng bộc lộ nhiều tham vọng

Trước hết tham vọng ngay trong phe Cộng-sản. Bằng đủ mọi cách Trung

Cộng đang dành vai trò lãnh đạo Cộng Sản thế giới với Nga Sô, Theo Trung Cộng thì Nga sô thỏa hiệp với Đế quốc tái lập chế độ tư bản và chủ trương xét lại các giáo điều chính thống Mác Lê. Lẽ tất nhiên đó là những lý do chính thức. Còn những lý do không nói ra được như mối chia rẽ về chủng tộc, sự tranh chấp về lãnh thổ, hay nỗi giận hờn vì Nga rút viện trợ kỹ thuật. Mấy năm đầu còn là những lời công kích nhau nhưng đến năm 1964 thì sự chửi rủa nhau lên đến một cao độ chưa từng thấy đến nỗi người ta không thể ngờ được là những danh từ ông Mao ông Krouchtchev tặng nhau lại có thể thốt ra ở mồm hai lãnh tụ đàn anh mà số tuổi cộng lại gần 140 tuổi.

Nếu Krouchtchev chưa bị hạ bệ thì ngày 15 tháng Chạp năm 1964 người ta đã được chứng kiến hội nghị sơ bộ các đảng Cộng-Sản để chuẩn bị cho một Đại Hội lên án Trung-Cộng. Những người thay thế Krouchtchev, hai ông Brejnev và Kossyguine đã lui ngày triệu tập hội nghị sơ bộ tới mồng 1 tháng ba năm 1965. Người ta đoán trước là về hình thức, Nga-sô sẽ giữ mặt cho Trung-Cộng hơn, nhưng về nội dung cuộc tranh chấp vẫn đặt ra nguyên vẹn. Và thế giới tự do tò mò chờ ngóng xem nước nào tới dự, nước nào không đi, và tùy thái độ của mỗi nước chiến lược chống Cộng của Tây phương trong năm 1965 sẽ uyển chuyển theo cho thích hợp với tình thế mới.

Nhưng không phải Trung-Cộng chỉ gây gổ với Nga-Sô mà thôi đâu. Cái con rồng giấy mà người ta thường thấy ở các bức hí họa trên báo chí Mỹ để chỉ Trung-Cộng, năm 1964 tức năm Thìn đã dơ nanh múa vuốt đe dọa cả thế giới.

Người ta chưa quên câu nói của Trần-Nghị : « Thà dân Trung-Hoa không mặc quần chứ nước Trung-Hoa phải có bom nguyên tử ». Quả nhiên ngày 16 tháng 10 vừa qua, hồi 15 giờ Trung-Cộng đã cho nổ quả bom nguyên tử đầu tiên bên hồ Lop Nor. Bom này còn thuộc loại bom «bẩn» và chưa dùng làm khí giới chiến lược được. Nhưng sạch hay bẩn chỉ 5 năm nữa là Trung-Cộng vác bom đi tấn công được, và 25 năm nữa dân số Trung-Cộng sẽ lên tới 1 tỷ. Nghĩa là thời gian trước mắt còn ngắn lắm để cho ai nấy kịp nhận thấy nguy cơ. Thứ nhất là khi đó Trung-Cộng đã rửa được cái hận thua kém Nga-Sô về kỹ thuật nguyên tử, sẽ có thể làm lành trở lại với Nga-Sô sau khi đã trút bỏ được hết các mặc cảm.

Cũng trong năm 1964, người ta thấy thái độ của Trung-Cộng với Tây Phương có những sự phân biệt đáng chú ý. Tuy chiến lược của Trung-Cộng nhằm chôn vùi «tư bản đế quốc» nói chung, nhưng tất cả mũi dùi chỉ nhằm riêng vào Hoa-Kỳ. Pháp cũng là đế quốc nhưng thứ đế quốc này đối với Trung-Cộng còn khá hơn thứ trên vì Pháp năm 1964 đã công nhận và đặt liên lạc ngoại giao với Trung-Cộng, Pháp cũng thử bom nguyên tử và thông cảm hơn ai những cố gắng của Trung-Cộng để làm bom, hơn nữa Pháp lại biết có một thái độ ương ngạnh với Hoa-Kỳ. Như vậy đế quốc Pháp chưa là bạn thiết được cũng hết là kẻ thù.

Đối với Anh thì người ta có thể đoán được lập trường của Trung-Cộng qua vụ Mã-Lai-Á. Tuy Trung-Cộng có thiện cảm với Indonésia nhưng trong vụ Mã-Lai-Á, Trung-Cộng cũng không tỏ ý ra mặt bênh ông Sekarno, vì cứ để nguyên cho Mã-Lai-Á đi đôi với đế quốc Anh còn dễ chịu hơn là la lối om sòm khiến cho Mã-Lai phải kêu cầu cứu Hoa-Kỳ rồi Hoa-Kỳ lại có cơ hội đặt vài căn cứ quân sự trên bán đảo Mã-Lai mà đe dọa sự an ninh của Trung-Cộng.

Thành ra cái dư luận phổ thông cho rằng Trung-Cộng chỉ biết gây chiến là một dư luận đánh giá quá thấp Cộng-Sản Á-Đông. Họ cũng biết lúc đánh lúc xoa, nghĩa là họ còn nguy hiểm hơn là Tây-Phương nghĩ.

Có như vậy mới giảng nghĩa được tại sao người Tầu ở Hương-Cảng vẫn ăn sinh nhật Nữ-Hoàng Anh và tổ chức 2 ngày quốc khánh (một của Trung-Cộng một của Trung-Hoa quốc gia) và tại sao Trung-Cộng chưa nghĩ đánh Đài-Loan vì như Mao-Trạch-Đông đã nói : « Để Tưởng-Giới-Thạch ở đó có cái lợi là Đài-Loan vẫn còn thuộc người Tầu ».

1964 : năm mà thuyết « Cộng-Sản đa tâm » phát triển mạnh

Từ nay, Nga-Sô không còn là mẫu mực duy nhất cho sự phát triển của chủ nghĩa Cộng-Sản. Trái lại, mỗi nước Cộng-Sản sẽ là một trung tâm phát triển của chủ nghĩa, mỗi nước sẽ chọn lấy đường đi riêng biệt của mình. Chính Krouchvchev tại Đại hội Cộng-Sản Liên-Sô lần thứ 20 đã ném ra khẩu hiệu « Có nhiều đường đi tới xã hội chủ nghĩa ». Và trong năm 1994 người ta đã thấy thuyết này ảnh hưởng một cách sâu xa đến đời sống các nước Cộng-Sản trên nhiều phương diện :

— Đối nội, một số các đảng Cộng-Sản đã nghĩ đến nới rộng các sự kiểm soát về chánh trị. Du khách tới Ý có thể vào dự phiên nhóm của một tổ đảng viên và các cuộc tranh luận giữa Ủy ban Trung Ương thường được đăng tải trên báo chí của Đảng, mặc dầu trong những lời bàn cãi đôi khi rất gay go. Các lãnh tụ Cộng-Sản Ý thường nói : « Khi nào hết bí mật mới là bắt đầu dân chủ » và chính Togliatti đã đặt ra danh từ « Cộng-Sản đa-tâm. »

Đối với Nga và đối với các nước Cộng-Sản khác từ nay sẽ không còn đảng «cha» và đảng «con» nữa, trái lại các đảng Cộng-Sản sẽ bình đẳng với nhau và không có quyền xen lấn vào nội bộ của nhau. Về phương diện kinh tế nước nào cũng muốn trọn quyền hoạch định việc phát triển của mình, không phải nhất thiết ở trong một khuôn khổ phát triển nào.

Điển hình nhất về khuynh hướng này là Lỗ-Ma-Ni đã từ chối không gia nhập Ủy Hội tương trợ kinh tế Comecon của các nước cộng sản Đông-Âu, và đã tung ra bản tuyên ngôn độc lập ngày 22 tháng 4 năm 1964 xác nhận chủ quyền quốc gia tuyệt đối của Lỗ trong việc giải quyết các vấn đề chính trị kinh tế của mình.

— Đối với các nước Tây-Phương, từ nay sẽ cởi mở hơn, trong các sự trao đổi về du lịch, văn hóa, thương mại, kinh tế v.v.

Và nhiều nước Cộng Sản Đông Âu đã bắt đầu có những cuộc tiếp súc với bên ngoài.

Trước kia, chỉ có một khối Cộng Sản thuần nhất, ngày nay thế giới Cộng Sản đã xòe ra như nan quạt, cực tả là Trung Cộng và Albanie cực hữu là Nam-Tư và Lỗ-Ma-Ni với một số nan còn nghiêng ngửa ở giữa nhưng đã thấy tiếng kèn độc lập ngày một thêm quyến rũ. Sở dĩ trong năm 1964, thuyết «Cộng Sản đa tâm» đã tiến bộ được một bước dài chính vì sự tranh chấp Nga-Hoa và Trung-Cộng trong năm 1964 đã vào giai đoạn gay cấn nhất. Trước kia hai đàn anh còn thuận hòa với nhau thì có một đàn em nào hỗn hào muốn bước sai đường đã vạch, hai anh có thể xúm vào cho nó một trận để cho nó ngoan ngoãn trở lại. Ngày nay hai anh đã lục đục với nhau, anh nào cũng muốn kéo các em nhỏ về với mình nên lại càng nuông chiều chúng và chúng nắm được nhược điểm đó nên càng lên chân.

Tuy nhiên, cái khuynh hướng cởi mở và độc lập đó vẫn có những giới hạn. Trước hết, các nước Cộng-Sản Đông-Âu không thể nào không cần nhờ đến sự che chở về quân sự của Nga-Sô. Ngoài ra các nước đó cũng không thể xa lìa được chủ thuyết Mác Lê, nếu không, họ sẽ phá vỡ cái căn bản lý thuyết của quyền hành họ đang nắm giữ và đó là một sự tự tử về chính trị.

Mặc dầu có những giới hạn đó, Tây-Phương cũng đã tìm được những khung cửa hé mở để đưa tới những luồng gió mới đủ sức phân hóa dư luận sau các bức màn sắt và đem lại hi vọng cho hàng chục triệu dân chúng đang khao khát tự do. Và đó sẽ là một địa bàn hoạt động nhiều hứng thú cho Tây-Phương trong năm 1965 và những năm tới.

1964 : Pháp cố tìm nhan sắc cũ

Tướng De Gaulle, con người lúc nào cũng tự coi mình nhận một thiên mệnh để đưa nước Pháp tới chỗ hùng cường, tuy đã đem lại sự thắng trận cho nước Pháp trong thế chiến thứ hai, nhưng tới nay 25 năm sau, vẫn chưa quên được cách đối xử của Đồng-Minh, coi ông ta như là một thứ họ hàng nghèo. Hai kỳ hội nghị ở Dumbarton Oaks rồi lại tới kỳ hội nghị Yalta, trong đó các cường quốc chiến thắng quyết định trước về bộ mặt thế giới sau này, cả mấy kỳ hội nghị đó nước Pháp đều không được mời dự. Rồi lại đến hội nghị Cựu-Kim-Sơn soạn thảo hiến chương Liên-Hiệp-Quốc, Pháp cũng dỗi không đi.

Ngày nay, Pháp đã giải quyết được hầu hết các vấn đề đã từng làm Pháp lúng túng hay vẫn còn là mối bận tâm cho nhiều nước khác ; Pháp đã thanh toán xong các cựu thuộc địa, Pháp đã củng cố được đồng phật lăng, phát triển nền kinh tế, chấm dứt được các xâu xé chính trị. Nên nếu Pháp có nghĩ tới phục hồi lại lòng tự tín cho

chính mình và sự kính nể của thế giới cũng là chuyện dễ hiểu, thứ nhất là công việc đó lại vẫn là nỗi lòng canh cánh của tướng De Gaulle.

Trong năm 1964, De Gaulle đã đứng hẳn ra làm giáo chủ của Âu-Châu ly khai, độc lập với Hoa-Kỳ. Trong quan niệm của Hoa-Kỳ thì trước sự đe dọa của Nga-Sô, Âu-Châu chỉ có thể tự phòng vệ được bằng cách liên kết chặt chẽ với Bắc-Mỹ. Nhưng De Gaulle ngay từ đầu năm 1964 đã dội cho Hoa-Kỳ một gáo nước lạnh khi ông ta tuyên bố rằng : « xây dựng Âu-Châu trên một chính sách đa phương tức là không muốn cho Âu-Châu có một chính sách chi hết ».

Âu-Châu của De Gaulle chỉ gồm có những nước ở bên này Đại-Tây-Dương và trong tổ-chức đó Pháp phải giữ vai trò «lịch sử» của mình. Nghĩa là ảnh hưởng của Pháp phải thay thế ảnh hưởng của Hoa-Kỳ.

Do đó mà Pháp không tán thành dự án thành lập một lực lượng nguyên tử chung cho các nước trong Tổ Chức Bắc Đại-Tây-Dương. Trái lại Pháp nhất định thực hiện cho kỳ được một chương trình võ trang nguyên tử trong 6 năm cho riêng nước Pháp. Âu-Châu nếu có bị Nga-Sô tấn công nguyên tử thì Âu-Châu sẽ có một cái dù nhưng cái dù đó không có phải mang từ Hoa-Kỳ tới mà sẽ là dù của Pháp.

Tham vọng của De Gaulle còn xa hơn thế nữa. Trong phong trào «Cộng-Sản đa tâm», những nước Cộng-Sản Đông-Âu đang hướng về Tây-Phương tìm cách đặt những mối liên lạc văn hóa, thương mại hay kinh tế thì nước Pháp sẽ đứng ra làm một quốc gia bản lề để các nước kia bắc được một đầu cầu Tân-tiến. Sự tiếp đoán mà Pháp đã dành cho Thủ Tướng Lỗ Gheorghe Maurer, vị thủ tướng đầu tiên của các nước Cộng-Sản Đông-Âu sang viếng Tây-Phương, và việc ký kết với Lỗ một hiệp ước trao đổi văn hóa, khoa học và kinh tế, đủ chứng tỏ ý muốn của Pháp.

Cũng trong năm 1964, mặc dầu vừa phải chịu một cuộc giải phẫu, De Gaulle đã dành ra 26 ngày viếng 10 nước ở Nam-Mỹ, diễn thuyết bằng tiếng Y-Pha-Nho để nhắc cho họ nguồn gốc la tinh chung, hứa giúp họ về kinh tế mà không ràng buộc về chính trị. Nhưng mục đích không nói ra của cuộc du hành là muốn dành với Hoa-Kỳ ít ra nhiều ảnh hưởng ở vùng Nam-Mỹ.

Về tinh thần, có thể nói là cuộc công du của De Gaulle đã có kết quả. Đối với những nước thỉnh thoảng lại đảo-chính cho đỡ buồn, De Gaulle đã tới như là xuất phẩm nguyên chất của cuộc cách mạng Pháp năm 1789. Nhưng một mặt khác các nước Nam-Mỹ cũng vẫn chưa quên được họ cần mỗi năm một tỷ đô-la viện trợ của Hoa-Kỳ, nên De Gaulle vừa dời khỏi nước nào thì các nhà cầm quyền nước đó lại vời Đại sứ Hoa-Kỳ tới nhắc lại bản hát «J' ai deux amours » của cô đào Joséphine Baker : « Chúng tôi có 2 mối tình : Hoa-Kỳ và Pháp ». Sau Nam-Mỹ, Tướng De Gaulle chắc chắn còn nhiều chương trình công du trong đầu. Ông già 74 tuổi đó còn xem lại phiếu sức

khỏe của mình và có thể là năm 1965 ông sẽ đi Phi-Châu, 1966 sang Đông-Nam Á, 1967 sang các nước Cộng-Sản Đông-Âu v. v..., sửa soạn rút ra khỏi sân khấu chính trị như một cô đào cuối mùa xuân sắc cố tìm cách chiếm nhiều vỗ tay của khán giả.

Nói chung, năm 1964 là năm thế giới thêm nhiều chỗ đau nhức

Những vết thương cũ vẫn chưa lành. Các nước bị chia cắt chưa trông thấy dấu hiệu nào báo trước ngày thống nhất. Các vĩ tuyến 17 và 38 xẻ đôi *Việt-Nam* và *Cao-Ly* vẫn nằm ềnh ềnh với sự vô lý của những đường vô hình mà có thực. Việt-Nam lại còn thêm cái vinh dự hãi hùng là ngày nào cũng chiếm trang nhất báo chí trên thế giới do tình hình chính trị chưa ổn định và do cuộc chiến tranh chống Cộng - Sản- xâm lăng.

Tại *Đài-Loan*, Thống-Chế Tưởng-Giới-Thạch từ 14 năm nay thao luyện binh sĩ hẹn ngày trở về lục địa mà nhìn về đất cũ vẫn còn thấy sương mù xa xa trên eo bể Mã Tổ Kim Môn.

Tại *Bá-Linh*, bức tường ô nhục, năm 1964 lại được kéo dài thêm một đoạn nữa, mỗi năm một lần đục hổng vài cửa cho dân Tây-Đức nối đuôi nhau hàng giờ để được sang Đông-Đức thăm gia đình trong chốc lát . . . ở giữa một thời đại mà khoa học Liên-Sô có thể phóng 3 phi hành gia lên một quỹ đạo chạy vòng quanh trái đất trong vài chục phút.

Vấn đề thống nhất bốn nước bị chia đôi này chưa được giải quyết thì người ta đã bàn tới chia đôi đảo *Chypre*, một đảo rộng có 9.250 cây số, mà 454.000 người gốc Hy-Lạp đang tranh dành với 106.000 người gốc Thổ-Nhĩ-Kỳ. Tháng 3 năm 1964, Liên Hiệp Quốc đã phải phái quân đội tới giữ cho 2 bên khỏi đổ máu. Người ta trù liệu quân đội Liên-Hiệp-Quốc chỉ phải đóng tại đảo trong 3 tháng là người ta có thể tìm ra một giải pháp cho tình thế đảo này. Nhưng tới nay đã 3 lần Liên-Hiệp Quốc phải gia hạn đồn trú cho quân đội mà vẫn chưa ai trông thấy giải pháp đó ở đâu !

Phi-Châu năm 1964 luôn luôn ở một thế quân bình bất ổn chỉ chờ bất cứ một xách động nào để cho nổ bùng lên tất cả những sự phân tranh biên giới, những nỗi hờn chủng tộc, những cựu thù bộ lạc. Phi-Châu năm 1964 cũng đã là một mảnh đất thí nghiệm hết sức phì nhiêu cho chiến lược xâm nhập của Trung-Cộng. Và ở trong địa hạt này người ta đã được chứng kiến Trung-Cộng chuẩn bị một cách hết sức tỉ mỉ và khoa học, bỏ xa những cố gắng còn rời rạc của Nga-Sô. Nào hàng đoàn cán bộ nói thạo tiếng các bộ lạc các nơi họ hoạt động, nào hàng ngàn tấn tài liệu huấn luyện và tuyên truyền, nào hàng chục thổ ngữ trên đài phát thanh Bắc-Kinh, nào tiền, nào khí giới, nào những cơ cấu những Mặt Trận Giải Phóng, không có một chi tiết nào của cuộc chiến tranh xâm nhập không được Trung-Công nghiên cứu và thực hiện một cách có quy củ.

Người ta có thể kể được một danh sách dài những loạn động mà những cán bộ quấy rối chuyên nghiệp của

Trung-Cộng đã nhúm đốt lên tại Phi-Châu, dưới đây chỉ nói qua tới 2 vụ điển hình ở Rwanda - Burundi và Congo.

Rwanda và Burundi đang sống yên ổn thì cán bộ Trung-Cộng xâm nhập đã khai thác một mâu thuẫn lâu đời giữa hai bộ lạc Hu-tu và Tutsi. Đã từ lâu dân Hu-tu bị coi là ở giai cấp thấp hơn và phải nghe theo lệnh dân Tutsi. Người ta chờ đội Bắc-Kinh ủng hộ giai cấp vô sản Hu-tu chống lại giai cấp phong kiến Tutsi, nhưng trái lại Trung Cộng đã ủng hộ các chủ nhân ông Tutsi, không kể gì đến quyền lợi của dân Hu-tu là kẻ bị bốc lột. Và bây giờ thì Burundi hướng về Trung-Cộng còn Rwanda thì quay về Tây-Phương. Nhưng thế giới đủ thấy là Cộng-Sản có thể thoả hiệp giai đoạn được với bất cứ giai cấp nào miễn là thực hiện được mục tiêu của họ. Người ta không thể dùng «Ô mơ lết» mà không có trứng, nhưng Cộng-Sản có thể làm «cách mạng» mà không có vô sản lao động.

Tại *Congo* thì ngày 30 tháng 6 vừa qua, quân đội Liên-Hiệp-Quốc sau 4 năm đồn trú tốn kém (mà đến bây giờ Nga cũng chưa đóng góp kinh phí). Ông Tschombé, người trước đây đã định lập Katanga thành một nước riêng, trở về lập chánh phủ. Nhưng chưa được một tháng, thì Mặt Trận Giải Phóng Congo được Trung-Cộng giúp đỡ tiền bạc, khí giới cán bộ, đã nổi lên chiếm cứ một phần đất đai và đánh lại quân Chánh Phủ. Hai cán bộ cao cấp của Mặt Trận là Pierre Mulélé và Gaston Soumialot đã từng được Bắc-Kinh mang về huấn luyện, nay đang gieo gió bão ở Kwilu và phía Bắc Katanga.

Vấn đề đặt ra cho Tây-Phương hiện nay là ngồi đó chờ ngày các quốc gia mới độc lập kia làm miếng mồi ngon cho chiến tranh «giải phóng» của Cộng-Sản, hay nhẩy vào giúp đỡ những chính phủ quốc gia yếu đuối hiện hữu để rồi lại bị xa lầy. Việc Hoa-Kỳ và Bỉ cho quân nhẩy dù xuống Stanleyville cứu 2000 con tin, tuy là một việc nhân đạo mà đã bị một số lớn các nước Phi-Châu lên án. Những mối hờn chủng tộc, da trắng da đen chắc chắn sẽ được khai thác một cách có lợi cho Cộng-Sản da vàng. Và Phi-Châu trong những ngày tới, nếu không kịp thức tỉnh trước âm mưu thâm độc của đế-quốc đỏ sẽ bị chia xẻ giữa cuộc tranh chấp Đông-Tây. Cái tổ-chức Phi-Châu Thống-Nhất mới thành hình được một cách khó nhọc cách đây hai năm đã mang từ bây giờ những dấu hiệu rạn vỡ vì chuyện Congo !

Trở về Đông-Nam-Á thì, ngoài Việt-Nam, một chỗ nữa đang nóng bỏng đó là Mã-Lai-Á trong cuộc xung đột với Indonésia vì ông Soekarno không thể nào chịu cho Mã-Lai sáp nhập 200.000 cây số vuông của đảo Borneo trong đó có nhiều rừng nhưng cũng có nhiều dầu hoả. Đã có những toán biệt kích hay những toán nhẩy dù lẻ tẻ của Indonesia đổ bộ lên bán đảo Mã-Lai. Vấn đề đã được đem ra Hội-Đồng-Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc nhưng trong hiện tình không mấy ai tin rằng cơ quan này có thể giải quyết được gì.

Vì chính *Tổ chức Liên-Hiệp-Quốc* cũng đang bị khủng hoảng. Đại Hội Đồng thường niên đáng lý họp tháng 10 năm 1964 đã phải dời tới tháng chạp vì Nga không chịu đóng góp phần mình vào những kinh phí cho sự đồn trú của quân đội mũ xanh tại Congo trong khi Hoa-Kỳ thì lấy nội quy của Tổ chức Liên-Hiệp-Quốc ra không cho các nước thiếu tiền đóng góp được bỏ phiếu. Thành ra năm 1964 là năm đầu tiên mà Đại-Hội Đồng Liên-Hiệp-Quốc đã bầu chủ tọa ông Alex Quaison Sackey bằng lối vỗ tay và chỉ bàn được mấy vấn đề phụ thuộc trong đó người ta có thể đo thái độ của các nước hội viên bằng cách xem các vị đại biểu đập mạnh hay nhẹ, lâu hay ngắn cánh tay mặt vào cánh tay trái.

Theo dõi các phiên họp, người ta đã thấy một số các đại biểu mượn chuyện Congo và diễn-đàn Liên-Hiệp Quốc để tuyên truyền sách động mối thù giữa các mầu da. Đại biểu xứ Ghana (quê hương của ông chủ tọa Quaison Sarkey) đã hét lên: « Hoa-Thịnh-Đốn đã cho nhảy dù cứu người da trắng, Hoa-Thịnh-Đốn nghĩ sao nếu chúng tôi đổ bộ lên Hoa Kỳ cứu những bạn da đen của chúng tôi đang bị hành hạ ».

Nhưng ông đại biểu đã lạc đề vì năm 1964 Hoa-Kỳ có thể tự hào đã ký *Đạo Luật công quyền* gồm mười khoản để hủy bỏ, theo như Tổng-Thống Johnson đã tuyên bố, « những tàn tích cuối cùng của bất công » và bảo đảm cho người da đen Hoa-Kỳ sự bình đẳng với người da trắng.

Tuy còn có một vài phản ứng chống đối, Đạo Luật công quyền thực ra đã là một nét son của năm 1964 đầy biến cố.

Trong bức tranh màu sắc tối om của năm đã qua, người ta cũng không quên được bóng áo trắng hiền hòa của một khách hành hương, đầu năm đã về nơi Đất-Thánh tái lập sự thống nhất của Thiên chúa Giáo, sau gần 1000 năm phân cách giữa Giáo hội La-Mã và Chính Thống Giáo, và đến cuối năm đã sang Ấn-Độ, đất nẩy nở của 3 tôn giáo lớn nhất Á-Châu, Ấn giáo Hồi giáo và Phật giáo, để bày tỏ thiện chí đoàn kết trong tình huynh đệ của Giáo hội với các tôn giáo khác. Sứ giả của tình thương và của hòa bình đó chính là Đức Giáo Hoàng Phao-Lồ VI từ Bombay đã lên tiếng súc động kêu gọi các nước dành tiền thi đua võ trang vào chiến dịch chống nghèo đói.

Ở giữa một thế giới ồn ào tiếng cãi lộn, om sòm chuyện tương tranh, lời kêu gọi kia vang lên đến độ nào và ảnh hưởng đến mức nào tới cục diện của những năm sắp tới ?

Chưa bao giờ nhân loại sống nguy hiểm như ngày nay. Con người, cái gì cũng làm được, không biết sẽ làm được cái gì ? Không phải năm 1965 sẽ trả lời được cho câu hỏi đó. Nhưng ít nhất ai nấy đều mong trong năm 1965 nhân loại sẽ mang nhiều thiện chí và tình thương để trả lời câu hỏi đó.

VŨ-BẢO

Một năm văn học

MỘT NĂM BÁO CHÍ

VŨ HẠNH

Nói đến sinh-hoạt văn-hóa của năm 64, sau khi chế độ độc tài họ Ngô kéo dài suốt chín năm qua đã bị xuyên thủng ở trên chóp đỉnh, có lẽ nên đề cập đến tổng số thành tích văn-học, nghệ-thuật đã thâu đạt được. Nhưng mà nhìn đi, nhìn lại, văn-nghệ có được chút gì khởi sắc trọn một năm qua?

Về ngành tân-nhạc, có thêm được vài bài ca chào mừng... Cách-mạng, nhưng cứ mỗi ngày những lời ca mừng loãng đi trong các bổn cũ soạn lại của lối nhớ thương rền-rĩ. Về ngành hội-họa, có thêm được một số tranh dựng lại công cuộc đấu tranh của Phật-Giáo-đồ, nhưng ngoài những mối nhiệt-tình hưởng ứng vốn đã có sẵn nơi lòng khán-giả, còn thì giá trị tranh vẽ không đủ chịu-đựng lâu hơn thời gian có hạn của cuộc triển-lãm. Về kịch, hầu như không có vở nào mới mẻ, ở trên sân-khấu cũng như ở trong sách báo. Từ lâu thoại-kịch vẫn giữ im-lặng của kẻ cam-chịu phận mình. Và trong nghệ-thuật, cái kẻ «đến trễ muôn thuở» là ngành kịch ấy, lần này vẫn không có triệu-chứng gì muốn đến giữa cuộc đời này. Một dạo người ta đã đem tập dượt vở kịch Thành-Cát-Tư-Hãn của Vũ-Khắc-Khoan — cũng là một lối soạn lại bổn cũ — nhưng rồi mọi việc qua đi chẳng gây một tiếng vang nào. Không còn có gì đáng nên quan-tâm hơn là cơm áo, cùng những nhu-cầu thiết-thực. Và trong nhạc-điệu cuồng loạn của một sinh-kế mỗi ngày mỗi thêm khó khăn, người ta dễ bị lông-lốc quay đi, quên cả thân mình, và cả cuộc đời. Thế mà nghệ-thuật cứ việc chối bỏ sự sống trước mắt để cố ru hồn vào

những mê-lộ, u-cung, làm sao hòa nhập thành một kêu đòi da thịt ? Các vở Cải-Lương trực-tiếp hàng ngày với lớp quần-chúng tương đối đông-đảo cũng chỉ chú trọng giải trí bằng những đề-tài cũ kỹ : tranh giành ngôi báu, giành giựt yêu-đương.. hoặc sao chép lại một cách tôi-đòi các phim ngoại quốc, hoặc chạy theo các phong trào kiếm-hiệp đang buổi thịnh-hành, đưa các tác-phẩm Cô Gái Đồ-Long, Anh Hùng Xạ Điêu lên trên sân-khấu. Gần đây người ta mới nghe nói đến soạn-giả Hoàng-Khâm cho ra đôi tuồng xã hội : *Xanh xít đít đui, Bạc sáu vàng mười*.. bày tỏ thực trạng đen tối ở chốn hậu trường gánh hát và cố góp phần làm sáng tỏ thêm đôi chút về những nguyên nhân khiến cho nghệ-thuật cải-lương xuống chỗ suy đồi. Phải chăng trong sự bế-tắc, tuyệt cùng, đôi kẻ nạn-nhân mới quay trở lại tấn công những lớp đao phủ gần gũi, trực tiếp với mình ?

Bước qua lãnh vực văn-chương, cũng không có gì đáng xem như triệu-chứng tốt. Sau một thời gian ngưng lại như để dò-dẫm con đường, định lại thái độ, thi-ca, tiểu-thuyết tiếp-tục ra đời theo cái nhịp điệu rời rạc, uể-oải cố hữu của những năm qua, vẫn lại tiếp-tục phiêu lưu trên những lối cũ đường mòn của lòng ích-kỷ hoảng-hốt và một bản-năng mù-quáng đã mỏi mệt rồi. Sau khi Diệm-Nhu tắt-thở, có một thời kỳ hưng-thịnh của loại đặc-san, tuyển tập hoan hô.. Cách-Mạng, chúc tụng... tăng-ni, bán mua bằng giá cảm-thông, ủng hộ, nhưng đến một lúc nào đó người ta mới kịp sửng sốt nhận rằng đa số những kẻ chủ xướng văn-chương lối ấy chỉ là một bọn lừa-bịp dạn-dày, từng có thành-tích bất-hảo trải qua đủ mặt chế-độ, và các bài vở và víu, sao chép đó đây chỉ có giá trị của kẻ nói nhảm tuy còn nguyên vẹn trí khôn nhưng đã đánh mất lương-tâm từ thuở nào rồi. Nếu kể tạp chí văn-chương đứng đắn trong năm, người ta phải nhắc tờ *Văn* đi đôi với nhà xuất bản *Giao-Điểm*. Ưu điểm của tờ báo này là đã tự chọn cho mình hẳn một đường lối riêng biệt, thuần túy văn-chương, hướng về lớp trẻ, và giới thiệu được khá nhiều văn phẩm nước ngoài. Tạp chí ấy còn có một khả-năng liên kết rộng rãi nên trong sáng tác tập hợp được khá nhiều người cầm bút, đồng thời đã biết phản-ứng thích hợp trong khá nhiều dịp, đối với tình hình. Tuy vậy nếu phải cần toàn, người ta có thể trách cứ tờ báo đã thiếu hẳn một thái độ phê phán cần thiết tối-thiểu đối với tác giả, tác phẩm nước ngoài và chưa có một kế hoạch khai thông hợp lý đối với các ngòi bút mới có nhiều tài năng của tạp chí ấy. Về phần sinh hoạt văn nghệ, có lẽ là phần lôi cuốn được khá nhiều người theo dõi, tờ báo chưa khai thác kịp và hết được tình hình ... Nhưng ngoài tờ *Văn* chiến đấu tương đối gay go để mà sinh-tồn, cái điểm nổi bật sau ngày Diệm Nhu bước xuống hỏa-ngục, là cảnh vắng-vẻ của các tạp-chí văn-chương. Các nhà xuất bản mới mẻ có cho ra sách, nhưng trên căn bản, các tác phẩm ấy chỉ là một cách phục hồi bổn cũ chứ chưa có dấu vết nào của hoàn cảnh đã đổi thay. Trong quyển *Những người đang tới* ông Đỗ-Thúc-Vịnh có cho chúng ta nghe tiếng súng

nổ và những đám người sôi nổi đứng lên khi một giai đoạn độc-tài phong-kiến chấm dứt, nhưng sự có vẻ như bắt đầu ấy lại là đoạn kết của tác phẩm ấy. Nhà sách *Sáng-Tạo* với Doãn-Quốc-Sỹ, với Thanh-Tâm-Tuyền, với cô Minh-Đức, cho ra một số đáng kể truyện dài, truyện ngắn và thơ, nhưng các cây bút lưu loát và dồi dào này xem ra cũng không quan tâm bao nhiêu đến cái hiện-tình. Chúng ta nói chung đều có phản ứng rất chậm đối với thực tại, và thường thích hồi đầu về dĩ vãng để được tự ve vãn mình một cách yên ổn, dễ dàng. Những cây bút mới trong năm tương đối độc đáo là cô Túy-Hồng và Lê-Tất-Điều. Cả hai cùng cho ra đời một tập truyện ngắn đầu tay gồm những tác phẩm đã cũ. Với quyển *Thở Dài*, cô Nguyễn-Túy-Hồng tỏ ra là một ngòi bút tinh tế, thông minh, có một bút pháp riêng biệt mang nhiều nữ tính đậm đà. Với quyển *Khởi-Hành* tác giả là Lê-Tất-Điều đã sớm già-giặn trong cách mô tả tinh hoạt, sống động với nhiều nhận xét tỉ mỉ về những cảnh đời. Nhưng điều thật đáng quan tâm là các tác phẩm nói chung đều không ra khỏi một sự bế tắc về mặt tư tưởng, phản ảnh những bế tắc khác về đời. Vì vậy trong cách quan niệm vấn đề, thể hiện vấn đề, vẫn không tránh khỏi cái nhìn cá nhân, cảm tính, bi quan dẫn đến những cõi phiêu lưu, trừu tượng. Dù Đỗ-Thúc-Vịnh có viết *Những người đang tới*, với sự tin tưởng, phát khởi, ta cũng hiểu rằng con đường đang tới ấy rất mơ hồ, và Lê-Tất-Điều bắt đầu *Khởi-Hành* nhưng chính anh đang lưỡng lự, băn khoăn chẳng biết về đâu... Nếu những nhà văn không tự ý thức sâu xa về cảnh ngộ mình để cùng chọn lấy một con đường sống thích hợp cho sự khai triển cá nhân song song với đà tiến bộ xã hội thì không chắc gì chúng ta có thể ra thoát khỏi vòng lẩn quẩn, và đành cuối cùng quay về khởi điểm với một tinh thần mệt mỏi và chán chường hơn.

Cả sự phát triển văn học nghệ thuật nói chung cũng ở trên đà khô kiệt sinh lực, bày ra một cái trạng thái héo hon cằn cỗi dị thường. Cuộc thi sáng tác văn nghệ nhân dịp giỗ tổ Hùng Vương năm nay với một thể tài rộng rãi và nhiều giải thưởng vẫn không thu hút được sự chú ý của những tầng lớp văn nghệ khác nhau. Cuối cùng khi vào tổng kết những vị giám khảo đều phải ngơ ngác trước một số lượng bài vở tham dự ít oi ngoài mức tưởng tượng và một nội dung kém cỏi, kỹ thuật nghèo nàn. Mới đây, cuộc thi truyện ngắn do Hội Văn Bút tổ chức, với một đề tài tự do cũng không có dấu hiệu gì sẽ tươi sáng hơn cuộc thi của Nha Văn Hóa vừa qua. Nếu trong toàn quốc mà không quá năm, sáu người muốn viết một truyện dài ngắn tự do, đề tài tự do, để lãnh một món tiền thưởng trên cả vạn bạc, thêm cái vinh dự làm người trúng giải, thì cũng là một sự kiện đáng để cho ta suy ngẫm mà có cơ hội buồn phiền hơn nữa về cái sự tình văn nghệ hiện nay.

Tóm lại, qua nhà xuất bản Giao-Điểm, Sáng-Tạo, Thời Mới vv... qua tất cả những công trình sáng tác văn học của năm 64, người ta đều thấy rằng sự mong mỏi ở cuối năm qua, khi chế độ cũ sụp đổ vẫn chưa thực hiện được mảy may nào. Bởi vì chưa

có một bạn văn nào biết tranh thủ lấy cơ hội của một hoàn cảnh kiểm duyệt mà trong nhiều lúc có vẻ nới rộng hơn xưa để cho ra đời những sáng tác phẩm mang nhiều sự thực, có sự phản ảnh bạo dạn, có một ý hướng tiến bộ rõ-rệt. Cơ hội «mười năm một thuở» gần như qua rồi, và chúng ta lại bắt đầu một giai-đoạn mới, y-nguyên như cũ !

Thế rồi, những người tự nhận là làm văn học chân chính — ít nhất là đối với mình — lại chịu cúi đầu ngoan ngoãn bước theo những kẻ dòng dây, nếu không muốn làm một loại mơ mộng bất lực. Và thị trường lại đầy dẫy sách vở dâm ô, diễm tình hạ-cấp, võ hiệp hoang-đường, ma-quái, phiêu-lưu. Mỗi ngày loại sách vở này lại đông đảo hơn, và từ vị-trí của loại đầu trộm đuôi cướp phân tán, sợ-sệt, chúng đã nghiễm-nhiên chiếm một ghế ngồi trịch thượng, đủ sức tác oai tác phúc cho biết bao nhiêu tờ báo muốn ra chào đời !

Do đó, có thể nói rằng, văn học của năm 64, dù có những cây bút mới, những tác phẩm mới, vẫn là văn học cằn-cỗi, nghèo nàn. Nền văn học ấy dù có thêm được một số tài-năng vẫn cứ tiếp tục truyền thống lạc lõng, thoát ly thực-tại, phủ nhận giá trị tích cực và những kêu đòi sâu xa của lớp đông-đảo con người. Nền văn học ấy, xét trên căn bản, vẫn chưa có đủ tinh thần tự giác, tự động để tự giải thoát.

***

Nhiều người đã nhận thấy rằng, một trong nguyên nhân khiến cho văn học nghèo nàn, là sau tiếng súng 1-11-63 tình hình chính-trị lại càng bất ổn nên mọi tầng lớp sáng tác đều không còn có thì giờ thích hợp để mà thai nghén tác-phẩm. Đồng thời quần chúng đều nôn nóng biết tình hình, đều đổ xô về nhật báo mỗi lúc càng ra đông đảo, cho nên vai trò báo chí mới thật đáng kể trong năm 64.

Điều ấy thực không giải đáp căn bản vấn đề tác-phẩm văn-học lạc-lõng nghèo-nàn, nhưng đã xác-nhận được một sự thực là sự đòi hỏi báo chí — đặc biệt là báo hàng ngày — ở trong nhu-cầu tinh-thần quần chúng trọn một năm nay.

Trước ngày 1-11-63 nhựt báo không được một sự chờ đợi tương-đối sốt sắng như thế. Với những lập-luận một chiều, báo chí thời ấy đa số chỉ là tôi-đòi nhục-nhã của một chế độ phản dân, luôn luôn xuyên tạc sự thực, bưng bít sự thực, lấy sự vu cáo bỉ ổi và sự đầu độc quần chúng làm một bằng chứng trung thành đối với tập đoàn độc tài, ngõ hầu có thừa phương tiện làm giàu theo lối đầu cơ ngôn-luận. Sau khi lớp độc-tài cũ đã ngã gục rồi, báo chí ít nhiều đã được cởi mở phần nào, đã có sắc diện mới mẻ và gần trọn năm 64 đã có một số đóng góp quan trọng trong sự thông tin, nghị luận, tranh đấu thực hiện dân chủ, kêu đòi cải thiện dân-sinh.

Đành rằng báo chí năm nay ra đời có phần dồi dào hơn trước, số lượng người đọc cũng đã tăng lên gấp bội, nhưng báo chí vẫn trải qua nhiều nỗi thăng-trầm cũng như những nỗi khó khăn đáng kể, song song với những

thể chế chính trị đổi thay. Trong khoảng thời gian chỉ 12 tháng, báo chí đã trải liên tiếp ba thứ chính sách của ba chính phủ (chính phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ, chính phủ Nguyễn-Khánh, chính phủ Trần-Văn-Hương), báo chí đã phải cải dạng thay tên nhiều lượt,

Thời chính-phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ, một số báo đã trung thành với chế độ cũ bắt đầu đổi tên cúng cơm ra một tên mới để cho yên lòng . . . «Cách-mạng». Tuy vậy người ta thật tâm không muốn mới hẳn vì một lý do thương mãi, cho nên vẫn cố duy trì một vài tiếng cũ để khỏi tỏ ra dứt khoát với một dĩ-vãng giàu sang. *Ngôn-Luận* đổi thành *Dư-luận*, *Dân Việt* hóa ra *Việt Báo*. *Lẽ Sống* thành *Lẽ Sống Mới*, *Tiếng Chuông* trở nên *Tiếng Chuông tân báo*, và *Sàigòn Mới* cắt cụt thành ra *Sàigòn* . . .

Có những tờ báo từ thời Diệm Nhu bị phá cửa phá nhà, khoá mồm khoá miệng bây giờ được dịp mở mặt trở lại chào đời, có những tờ báo được chế-độ cũ một thời sủng-ái bây giờ bèn lẽn rút lui vào chốn hậu cung, nghiên-cứu phấn son mốt mới và chờ «phòng khi động đến cửu-trùng»... Có những tờ báo ra được vài ngày rồi chết, không kèn không trống, như một hài nhi lâm nạn tiểu sản giữa đường. Có những tờ báo sau khi tắt thở đột ngột đã lại đột ngột hồi sinh, như chịu một cái phép mầu kỳ-diệu chìa ra từ một ngân hàng nào đó, rồi lại tiếp tục sống chết nhiều phen liên tục đến thành chai-sượng, dạn-dày. Vào một lúc nào, những sự xót xa cáo từ hay là hân-hoan tái ngộ của họ cũng không được các độc-giả «mến yêu» biết đến, và họ trở về tình cảnh của Kiều «một mình mình biết, một mình mình hay». Lại có những tờ vẫn cố có mặt ở trên thị trường để giữ một cái thể-diện dai-dẳng cho vị chủ báo còn đủ... tư cách làm ăn lối khác. Nếu chịu để ý chút ít, người ta có dịp nhận thấy

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

nhà thuốc Âu-Mĩ

NANCY

378, đường Trần-Hưng-Đạo, Chợ-quán

Dược sĩ : cô Lưu - Hữu - Dung

&

NHƠN THẠNH

537, đường Nguyễn-Trãi — Chợ-Lớn

Dược sĩ : cô Lưu - Hữu - Tuyến

ở dưới một số tên báo gan lì như bất chấp mọi tang-thương, cái tên quản lý luôn luôn thay đổi như là không muốn tham-quyền cố-vị chút nào. Người ta không sao ngờ được một sự chênh lệch kỳ lạ giữa các số in các báo hàng ngày ! Có báo mỗi ngày in năm, sáu chục ngàn tờ lại có tờ in vỏn vẹn có... 500 tờ. Đấy là một thứ bí mật nhà nghề, không nên tiết lộ hơn nữa để cho khắp hải-nội chư quân-tử bẽ-bàng. Nhưng mà như thế chẳng hơn là có những tờ quảng cáo inh ỏi, cần đủ mọi người hợp tác, kêu gọi đủ mọi hạng người tham gia, nhờ các đồng nghiệp sốt sắng loan truyền tin tức bốn-phương và cho nào xe, nào cộ, nào bằng, nào giấy tung-tác khắp cả phố phường hứa hẹn sẽ có nhiều trò mới lạ, rồi thôi, im bặt, bởi vì im lặng là . . . vàng. Độc giả đã quen trò «văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình» nên cũng không mấy khó chịu khi khỏi bỏ tiền để mua một sự tò mò có thể rất là cũ-kỹ.

Tuy vậy, phải nhìn nhận rằng báo chí trong suốt năm nay thật chưa bao giờ được hưởng một cảnh thái hòa tương đối... dài lâu, và những tờ nào trường thọ trọn năm mà không chết giấc đôi ngày hoặc đôi ba tuần có thể nên liệt vào hàng quái-kiệt có một phúc phận khác phàm.

Cho đến hôm nay, tổng số nhật báo hiện diện khoảng bốn mươi tờ. Tất nhiên trong hàng ngũ đó có đủ kẻ mạnh, người yếu, có những chiến sĩ thương tích đầy mình, có những cụ già bán thân bất toại. Và bên cạnh những kẻ cười dài, có lắm những người méo xệch, bên cạnh những gái hiền lành cố giữ nếp nhà còn có những ả phấn son bôi trát nhiều đời dày cộm, đang cong cớn lên múa mỏ, khua môi.

* *

Nhận xét tổng quát, chúng ta có thể nhìn thấy ở trong năm nay ngoài một số báo nặng về kinh-doanh còn khá nhiều báo đặt nặng mục đích chính-trị. Tuy cái mục-đích chính-trị vẫn không tách rời ý nghĩa kinh doanh vì sự tranh đấu chính-trị mạnh mẽ của báo còn nhằm mục đích lôi cuốn cho nhiều độc giả (thêm nữa trong xã hội ta, sự làm chính-trị tất có bao hàm ý hướng về những địa vị, quyền hành, tiền bạc dồi dào) nhưng lại nhờ thế mà các nhật báo có nhiều sắc thái, cá tính hơn trước. Người ta có thể chia các nhật báo ra làm sáu hạng, nhằm vào sáu loại đối tượng độc-giả khác nhau : *Thứ nhất*, loại báo chú trọng tin tức mà *Dân Chủ Mới* là tờ tiêu biểu, *Thứ nhì*, loại bao chú trọng tiểu thuyết mà tờ *Tia Sáng* có thể xem như điển hình. *Thứ ba*, loại báo nói mạnh, chỉ trích thẳng thắn mà tờ *Ngày Nay* là đáng kể nhất, *Thứ tư*, loại báo nói tục, nói ngỗ mà ê-kíp của tờ *Sống*, tờ *Tiến* trước kia là loại hoàn toàn riêng biệt. *Thứ năm*, loại báo có khen có chê, phát biểu phải chăng như tờ *Dân Chủ*, *Chính Luận*. *Thứ sáu*, có một tính cách nặng về tôn giáo như tờ *Xây Dựng*. Tất nhiên, bất cứ tờ nhật báo nào cũng có thông-tin và đăng tiểu-thuyết, nhưng phân biệt sáu loại hạng là dựa vào một cá tính rõ nhất nên không thể nào tránh khỏi ít nhiều võ-đoán. Cũng có nhiều tờ đã biết dung hoà khéo léo khá nhiều

sắc thái trên đây như tờ *Dân Chúng*, *Tiếng - Vang* . . . nên đã lôi cuốn được một số lượng độc giả trung thành. Nhưng ngoài tờ báo *Xây-Dựng* dễ được tín-đồ của mình ủng-hộ dễ-dàng và *Dân Chủ Mới* là tờ có một phương thức đặc biệt — nặng về tin tức — còn báo nào cũng bám vào một cái bí-quyết cũ-kỹ, duy-nhất là «*giữ độc-giả bằng các trang trong*». Một ký giả chuyên về trang trong đã nói : « Tờ báo cũng có hai mặt sinh hoạt y như con người : trang ngoài là cái đời công, trang trong là cái đời tư. Ở xã hội ta, đời công chẳng có gì là quan trọng và rất ít được đàn bà, trẻ con lưu ý, Chỉ có đàn ông là còn hay nói đến chuyện quốc-gia, quốc... thịt, là còn muốn xem qua mục lập-trường, lập... chợ đó thôi. Nhưng mà khốn nỗi các anh đàn ông lại ít giữ tiền và chỉ thích đọc có ba thứ báo : báo tặng, báo thuê và báo... mượn. Đàn bà, trẻ con rất khoái trang trong và là lực-lượng chính yếu dám bỏ tiền ra mua báo hoặc có đầy đủ thế lực tình cảm để buộc đàn ông phải chọn tờ này, tờ khác. Do đó, tuy nói viết báo hàng ngày nhưng phương châm lớn là phải phục vụ hữu hiệu đàn bà, con nít. Muốn thế, ta phải làm gì ? Phải: có bói số tử vi, phải có cổ tích ma quái, võ hiệp đánh phép, đánh chưởng, tiểu thuyết diễm-tình gay cấn, giải đáp thắc mắc tâm tình, mách thuốc, mách luật, bày sửa sắc đẹp, quảng cáo thuốc dán, thuốc xổ... ».

Lời nhận xét này không phải là không có lý ở trong nhiều điểm, nhất là đem nó đối chiếu với các tờ báo bán chạy hiện tại, chúng ta sẽ thấy nó có giá trị của một kinh nghiệm thực-tế. Điều đó giải thích rõ hơn tại sao có những nhà báo kỳ cựu trong nghề mà vẫn không làm cho báo phát triển — ngoại trừ trường hợp ký giả Nam-Đình ở Dân Chủ mới — mà có những kẻ «tay ngang» vào nghề lại quyến rũ được khá nhiều độc giả.

Tuy vậy, lời nhận xét ấy chỉ có tính cách phiến diện, tiêu cực, mà thiếu hẳn một quan điểm toàn-diện, chủ-động vì không có một cái nhìn thích-đáng đối với báo chí hiện nay. Người ta không thể chỉ biết nhận xét theo một tinh thần chấp nhận thực trạng mà tưởng cần phải đứng trên yêu cầu cải thiện, tranh đấu dân chủ để mà phê-phán sự việc. Qua những sinh hoạt cùng những thăng trầm như đã trình bày, báo chí vẫn có một số ưu-điểm đáng cho chúng ta quan tâm. Ngoài phần cá tính rõ đậm hơn trước, báo chí đã có phương thức phong phú hơn nhiều và nhất là đã đặt nặng vấn đề phổ biến tin tức kết hợp với sự đấu tranh dân chủ. Nói một cách khác, báo chí đã có ý thức chính trị rõ rệt và trong năm qua đã gạt bỏ được phần lớn sắc thái nô lệ, tôi đòi đối với chính quyền. Một số đã biết dự đoán tình hình cũng như phản ứng kịp thời trước nhiều diễn biến chính trị quan trọng. Vấn đề Cách Mạng hay là đảo chính, vấn đề chỉnh lý, Dự án lập viện Văn Hoá, Hiến chương Ô-Cấp, Chính phủ dân sự... đều được một số báo chí góp ý sáng suốt, thẳng thắn để mà xây dựng dân chủ. Nhiều bài quan điểm, lập trường của báo *Dân-Chủ, Ngày*

Nay, *Dân Chúng*... và một số bài bàn về chính trị tổng quát ở tờ *Chính Luận* có một thái độ thích đáng, cụ thể đã nâng phẩm chất nghị luận báo chí vượt cao hơn hẳn thời trước khá nhiều. Trong cách khai thác tin tức, trình bày tin tức, báo chí cũng tỏ ra có kỹ thuật vững vàng hơn xưa. Tờ *Dân Chủ Mới* được xem như là kiểu mẫu về cách đăng tin theo một tinh thần nhật báo thương mãi già giặn kinh nghiệm. *Người Việt Tự Do* có những trường hợp khác thác tin tức một cách khéo léo, *Dân Chủ*, *Chính Luận* có những tranh vẽ kịp thời và nhiều ý nghĩa, *Dân Ta*, *Tiếng Vang* cũng có cách thế khôn ngoan khi đề cập đến một số vấn đề thời sự. Trong nhiều trường hợp bị sự tịch thu, đóng cửa, một số báo chí vẫn giữ vững được bản sắc, tác phong của mình và có một số đã chứng tỏ được tinh thần tận tụy đối với nghề nghiệp, lý tưởng một cách đáng trọng. Có thể nói rằng, trong năm 64, đã có những tờ nhật-báo không lấy tinh thần vụ lợi thấp hèn làm một lẽ sống mà có ý hướng phục vụ ngôn luận tự do một cách hẳn hòi, đã có một số ký giả cầm bút không chỉ vì tiền mà biết kết hợp hành nghề với một tinh thần phụng sự lý tưởng tranh đấu xã-hội. Đồng thời kỹ-thuật trình bày cũng được cải tiến không ngừng và các bộ mặt tờ báo cũng không còn vẻ đồng-tính cũ kỹ nhàm nhán như xưa. Người ta còn nhớ những sự « khởi sắc » đợt I, đợt II tương đối ... ồn-ào của tờ *Người Việt tự do*.

Về cách trình bày, tờ *Sống*, *Chính-Luận*, *Dân-Chúng*, *Tự Do* đều có cá tính riêng biệt.

Nói chung tất cả ưu-điểm của các nhật báo thực sự chỉ có mỗi một giá trị khởi đầu và chưa trở thành sự kiện phổ biến. Do đó nhật báo vẫn chưa tránh khỏi khá nhiều khuyết điểm nặng nề tiêu biểu như sau : *Về mặt đấu tranh dân-chủ, đa số báo chí vẫn còn ở trong trạng thái mơ-hồ, bị-động*. Mơ hồ là vì vấn-đề đấu tranh không nhằm vào các đối tượng cụ thể, không có hệ-thống, và không đi vào những vấn-đề lớn, thật là căn-bản. Người ta dễ lạc vào trong những nét đại cương, kêu gọi chung chung, phát biểu rời rạc, hoặc quá chú trọng đến những chi tiết không đáng quan-tâm. Một số quan-điểm, lập trường, ở nơi trang nhất chỉ có giá trị phát triển ... khẩu-hiệu, không thoát ly khỏi tính chất công thức khô-khan, trống rỗng, không có một tác động nào, ngoài sự kín giấy và tạo cho mặt tờ báo một nét nghiêm trang giả-tưởng. Bị động là vì đa số báo chí chỉ biết phản ứng đối với tình hình khi nó đã xảy ra rồi và chỉ bằng lòng theo đuôi như thế để mà chỉ-trích hoặc là tiếc rẻ. Những sự dự đoán khoa học, những thứ tiên-liệu sáng suốt thật là hiếm-hoi, do đó những kẻ cầm quyền thường có tâm-lý chờ đợi — và tìm mọi cách phòng ngừa — báo chí chỉ trích mà không có lòng mong mỏi được sự soi sáng, góp ý về những biện-pháp đối phó trước những biến cố có thể xảy ra. Cũng có một vài tờ báo nghe ngóng được một đôi tin tiết lộ quá sớm bằng những con đường không mấy chính

thức, đã vội bày tỏ một niềm tự mãn quá sức dễ dãi khiến cho giá trị nghị luận của họ trở thành một mối nghi vấn đối với độc giả. Chính vì bị động như vậy nên khi tình hình không có những biến cố gì đáng nói, nhiều báo lâm vào tình trạng cùng quẫn để tài nên mục lập-tttường, quan điểm của họ không tránh được những ý-kiến lẩn thẩn.

Đó là chưa nói những tờ nhật báo không muốn bàn đến chính trị nhưng vì thể diện của mình và vì đòi hỏi của một số lượng độc giả đáng kể sau ngày Diệm-Nhu sụp đổ, nên phải cố gắng đề-cập qua loa đến một số việc theo một tinh thần chiếu lệ, với một thái-độ phải chăng, để rồi gỡ gạc trở lại bằng những phương-thức trang trong riêng biệt.

Chính vì mơ hồ, bị động về mặt đấu tranh dân chủ mà báo hàng ngày đặt nhẹ quan niệm tranh đấu dân sinh. Rất ít có tờ quan tâm đúng mức đến đời sống của dân chúng, nhất là phản ảnh trung thực sinh hoạt của những tầng lớp lao động khốn khổ, hoặc của những giới «thượng lưu», của lớp cầm quyền, của giới áp-phe, và cả thiên hình vạn trạng cảnh sống hỗn loạn trước mắt. Báo chí không có tờ nào có mục ghi nhận đứng đắn thường xuyên nguyện vọng quần chúng, thiếu hẳn phóng sự điều tra là những thể tài sống động chép lại kịp thời sinh hoạt. Người ta có đọc ở trện *Tự do* phóng sự về đời sống ở Đồn Điền Cao Su, trên tờ *Xây Dựng*, điều tra về cảnh chợ người, về một hoàng đế và cái triều đại ông ta hiện đang thiết lập trong một ngõ hẻm, và rải rác một đôi tờ nói về cuộc sống Bin-Đinh, mc Mêo, kỹ-nghệ lấy Mỹ v.v... Những điều tra ấy ít nhiều cũng có giá trị, vì đã bày tỏ được một ý thức quan-tâm sinh hoạt nhưng vẫn còn các khuyết điểm như sau : a) chú trọng về những sinh hoạt quá cũ b) mượn chuyện trước mắt để nói ba hoa về mục-đích khác c) không chịu đào sâu khai thác đến nơi đến chốn vấn đề...

Chính vì không thấy dân chủ cùng với dân sinh là một thực thể duy nhất nên đã làm ngơ trước những kêu đòi sinh hoạt thực tế khiến nhiều nhật báo, xét về nội dung, đều có một vẻ giống nhau rất đỗi buồn thảm. Cũng tin tức ấy, cũng lập luận ấy, cũng võ hiệp ấy. Cuối cùng chỉ còn có mỗi mánh khoé đơn giản là đăng võ hiệp dài hơn báo khác một đoạn để cho độc giả nôn nóng tìm mua. Và nếu phải bị đóng cửa một thời gian nào, thì khi «tái ngộ bạn đọc thân mến» lại phải vội vàng tóm tắt sơ lược các đoạn võ hiệp mà mình không thể đăng tải suốt cả thời gian «nghỉ phép» để mà đuổi kịp đồng nghiệp. Cứ nhìn cái vẻ nghèo nàn của báo, người ta chạnh nghĩ đến cái cuộc sống ích kỷ và cái tầm mắt hẹp hòi không chịu cố gắng ra khỏi lối cũ đường mòn mà chỉ quanh quẩn trong một lề lối trì thủ thiếu hẳn sinh-lực. Cũng có những tờ biết chọn lấy một trọng điểm dân sinh và lưu ý được độc giả như tờ *Hành-Động* về việc đuổi đất đuổi nhà, như tờ *Dân Chúng* về việc bắt cóc trẻ con, hoặc *Dân Chủ Mới* về chuyện điều tra Tòa Án, nhưng các vấn-đề dân sinh vẫn thiếu khai thác

liên tục, chí thành, trên một lập trường tiến bộ.

Báo chí sẽ không bao giờ ra khỏi thực trạng nghèo nàn buồn thảm nếu không đặt nặng vấn đề quan tâm sinh hoạt, phản ảnh sinh hoạt, và *từ những sinh hoạt ấy sẽ phát hiện được những vấn đề mới về sự đấu tranh dân chủ*, cũng như dùng sinh hoạt ấy minh chứng cụ thể lập trường quan điểm của mình.

Rồi để gỡ gạc sự nghèo nàn ấy, người ta chỉ có mỗi việc cùng nhau hướng về trang trong với một phương thức duy nhất : *đầu độc quần chúng bằng cách nuông chiều thị hiếu thấp kém của họ, khai thác các chỗ nhược điểm ở trong tâm hồn của họ*. Các thị hiếu ấy, các nhược điểm ấy là gì ? Trước hết, là chuyện khiêu dâm chia thành ba bậc : thấp nhất, vào bậc... «tiểu học» là mô tả các vấn đề sinh lý, «giáo dục sinh lý» bằng cách viện dẫn nào bác học này, nào giáo sư nọ để có nhãn-chứng cầu tòa cho lời nói họ được phần bạo dạn nhiều hơn. Người ta nhớ đến cả cái quảng cáo bán sách cũng có những câu khêu gợi như sau : «*Phải làm những gì trên giường hôn phối để thể hiện ngay đêm tân-hôn nền hạnh phúc tuyệt vời của ân-ái ? và phải làm những gì mới lạ để cho hạnh phúc cực độ đó mãi mãi kéo dài ?*» vv... và ở dưới đề giá bán mỗi quyển là 100$. Tất cả những câu lừa bịp khá trơ trên ấy không phải là không dối gạt được một số người. Mới đây, một tờ nhật báo ra mắt bạn đọc đã đăng liên tiếp những bản báo cáo thuộc loại dâm-thư của giáo sư Kinsey — mà ai cũng biết là chứa đựng nhiều nhận xét lạc-hậu, sai lầm — và trong một loạt bài đầu không quên nêu cái tít lớn ngụ ý khuyến khích phụ nữ nên xem mất trinh lang-chạ là một chuyện thường, là một điều vui. Đồng thời ngay bên cạnh đó, người ta không quên tuyên truyền công khai, trâng tráo, cho sự hút-xách và không xấu hổ khi viết những chuyện tục tĩu bằng cách nhại lại tiếng nói của người Trung-Hoa.

Cao hơn cái cấp dâm-ô loại «tiểu học» ấy, là bực dâm-ô... « trung học ». Đó là các loại giải đáp thắc mắc, gỡ rối tơ lòng, tìm bạn bốn phương, một loại đội lốt đạo đức để mà làm việc ma-cô, hoặc mượn bút mực để thay các liều kích thích bán rong ở các vỉa hè đại-lộ. Hơn một bậc nữa, lên đến « đại-học », người ta giở giọng nghiêm chỉnh bàn về tâm lý ái tình, phổ biến kinh nghiệm chồng vợ, làm như người ta luôn luôn sốt sắng lo âu cho giống nòi nhà, tuy trong lập luận vẫn không che giấu được cái giọng điệu tú-bà chính cống.

Tất cả bọn người mang danh trí thức, đội lốt văn hoá, bám vào khai thác cơ năng sinh dục, khuyến khích dâm-ô để mà xây dựng sự - nghiệp, không khỏi gợi cho chúng ta hình ảnh của một sa-đọa thảm thương. Và ngoài cái chuyện khiêu-dâm, người ta còn có bói số tử-vi, còn có đoán điềm giải mộng, còn xem chữ ký để mà tiếp tục chính-sách ngu-dân. Để cho ý thức trên đây hoàn chỉnh hơn nữa, người ta thêm vào những sự ma quái với đủ hạng loại yêu tinh bày đặt với chuyện báo oán, hiện hồn, với sự cam đoan trắng trợn, vô lương là « *đúng sự thật* » phối hợp với đủ loại hạng võ hiệp hoang đường khai thác đủ các

khía cạnh vô-lý để mà khiêu dẫn tưởng tượng người đọc, ngõ hầu giải tỏa tâm hồn cho những bản tính yếu hèn. Thực chưa bao giờ các truyện kiếm-hiệp độc chiếm thị-trường nhật báo đến độ kinh khủng như vậy. Và nó lan tràn sang cả màn ảnh, sang cả sân khấu cải lương, chi phối chính-trị, văn hoá. Người ta chỉ xiết ngạc nhiên khi thấy những người có học hẳn hòi, « địa vị » xã hội khá cao, mà dùng lại các biệt hiệu của bọn thảo khấu ở trong sách vở, do đôi tác giả bịa chuyện sau lúc bàn đèn khô nhựa cần phải «dề» gấp... kiếm tiền để dễ kiếm... tiền.

Chính sự đầu độc quần chúng bằng đủ loại chuyện thấp hèn ở các trang trong là một biểu hiện khá đậm của óc vụ lợi tiêu-cực. Óc vụ-lợi ấy còn được chứng tỏ một cách đáng tiếc ở ngay trang nhất : người ta đổ xô vào tìm khía cạnh gay cấn, mới lạ của các sự-kiện mà quên cả các vấn đề căn bản, đặt nhẹ thực-chất hơn là hình-thức. Vì thế vấn-đề không có bề sâu, không có trọng lượng, dễ trùng lặp với các tờ báo khác, và *nhất là làm lệch-lạc nhận định độc giả đối với tình hình*. Đôi khi do sự chú trọng quá đáng đến cái mặt ngoài sự việc, theo cái tinh thần loan tin gay cấn, giựt gân, người ta dễ phạm vào sự xuyên tạc, vu khống, dễ mất uy-thế đối-thoại đối với chánh quyền và mất tín nhiệm đối với quần chúng. Thực ra, đi vào bề sâu vấn đề không phải là không hấp dẫn. Trái lại, sự hấp dẫn ấy mới thực sâu xa. Do đó, nhiều khi nhìn các tờ báo a vào khai thác một sự kiện nào, thiên hạ dễ có cảm tưởng là sự-kiện ấy chỉ bị xé áo, xé quần, bứt râu, vặt lông, chứ da thịt vẫn y-nguyên và cả óc tủy vẫn giấu nguyên vẹn sự thực với ở ngoài mặt nụ cười... khoan-dung vì biết rằng mình bất khả xâm-phạm.

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa đã nhận được :

— **Sách dạy máy dầu cặn** soạn theo chương trình giáo khoa kỹ-thuật của Ô . Phan-Văn-Mão Thanh-Quang xuất bản, và gửi tặng. Sách dày 227 trang, in lần thứ ba, giá 70 đ.

— **Tầm tay của tuổi**, tập thơ của Song-Nguyên-Hoài-Thảo, Ngọc-Thùy-Khanh, Lê-Thị-Bích-Ngọc Phạm - Nguyễn - Gyễm, do Thoại Ca xuất bản và các tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, gồm những bài thơ sắp theo từng tác giả, không đề giá bán.

— **Bóng đêm** truyện dài của Ngô-Thế-Vinh, Sông-Mã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 228 trang Nghiêu-Đề trình bày, giá 50đ.

— **Đợi mùa trăng**, tập thơ của Tôn-nữ Hỷ-Khương, do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 100 trang, do Ngọc-Dũng trình bày, Nguyễn-Văn-Cổn đề tựa, giá 40đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

Với một phương-thức nghèo nàn, hời hợt, tất nhiên không sao thỏa mãn rộng rãi quần chúng cũng như không thể đương đầu với các nhật báo có một chính sách độc-đáo, khôn ngoan. Vì thế có những tờ báo đã tỏ rõ một tác phong lãnh tiền chửi thuê rất là tỉ tiện, tạo thêm cơ hội cho lớp cầm quyền khinh miệt báo chí và làm độc giả hoang mang, nếu không nói là phỉ nhổ. Đồng thời, vì óc vụ lợi hẹp hòi tiêu cực và những thành kiến lỗi thời, mà đời sống của nhật-báo thật là hết sức rời rạc, lẻ loi. Trong sự bề bộn, phong-phú của nhiều nhật báo chất đầy các sạp với những mỹ danh ngụ ý hợp đoàn như là *Thiện Chí*, *Đoàn Kết*, *Ngày Mới*, *Tương Lai*, *Xây Dựng*, *Tranh Đấu*, v.v... người ta cơ hồ vẫn đọc thấy sự cô-độc lạ lùng, của mỗi một tờ, như những cô-đảo giữa biển sinh-hoạt hoang vu. Không có hợp-tác, nâng đỡ lẫn nhau không có liên hệ, tương quan gì hết. Thỉnh thoảng, trong cảnh hoạn nạn của các đồng nghiệp, người ta có thấy đôi tờ như là *Dân Chủ*, *Dân Chúng*, *Ngày Nay*, *Người Việt Tự Do*... lên tiếng bênh-vực nhưng thái độ ấy mang nhiều sắc thái cảm tình cá nhân hơn là nâng cao thành một chủ trương liên tục, thành một bổn-phận tích cực. Nhiều khi người ta có cảm tưởng rằng trước nạn đồng nghiệp bị đóng cửa, tịch-thu có những tờ báo không giấu được sự vui mừng của một tinh thần vụ lợi thiển cận. Cuộc sống xô bồ và rời rạc ấy, đông đảo và vắng vẻ ấy chỉ có ý nghĩa cạnh tranh kinh tế hơn là đấu tranh sinh hoạt tinh thần, làm cho báo chí thiếu hẳn sức mạnh, kém hẳn lực-lượng, mất hẳn uy-thế ngôn-luận.

Kể ra, sự thiếu liên-minh lỏng lẻo hay là chặt chẽ, ngoài cái khuyết điểm về mặt ý thức chính trị, còn là dấu hiệu của một khuyết điểm về mặt kinh tế, nghề-nghiệp. Đi vào khá nhiều Tòa-soạn, ngoại trừ các tờ báo có cơ sở hẳn hòi từ trước, người ta thấy sự tổ-chức quá đỗi sơ sài, không có một chút tinh thần khoa học. Nói chung, trong sự thông tin nghị luận, ý-thức khoa học cũng bị xem nhẹ hầu như nhiều tờ không biết đến sự chính xác, muốn « chủ-quan-hóa » gần mọi vấn đề. Chẳng hạn như cuộc biểu tình của Thiên-Chúa giáo ngày nào, nhiều báo tổng kê nhân-số theo một tinh thần có dân ngoài mức tưởng tượng. Có báo hoan hỉ loan tin số người đi dự lên đến trên 400 ngàn, nhưng lại có báo... đứng đắn xác nhận rằng đám biểu tình tổng chỉ có độ... 10 ngàn người dự cuộc! Sự sai lệch ấy — tiêu diệt hay là sinh hóa gần mấy trăm ngàn sinh-mạng — chỉ có giá trị đơn giản của một thành kiến hẹp hòi, nói một cách khác, chỉ là biểu hiện tâm lý của một thái độ phản đối hoặc là tán thành. Chúng ta có thể tìm thấy vô số sự kém chính xác như thế rải rác ở trong các báo, hàng ngày. Tất nhiên có những sự kiện ở ngoài hẳn mức kiểm tra kịp thời của báo, nhưng có biết bao chi tiết không phải là không có đủ thì giờ soát lại hoặc là đính chánh để khỏi một sự mập mờ hay là nhầm lẫn phi lý. Có khi ngay cái đầu đề và cái nội dung,

cũng có những sự tố cáo lẫn nhau một cách buồn cười. Độc giả còn nhớ vụ một số người ở tại miền Trung đã rải truyền đơn đòi thả hai tướng Đính, Đôn hồi đó còn bị giam cầm Về tin ấy, có nhiều báo loan tin họ là chín giáo sư, với cái đầu đề khá lớn ở trên bức ảnh : «*Đây chín giáo sư*» Nhưng mà đọc bài ở dưới, đếm đi đếm lại, người ta chỉ thấy vỏn vẹn hai ông thầy giáo, còn thì đủ cả nhân viên tòa án, công chức tại ngạch, chủ các . . . lò vôi. Ấy, cái sự chính xác ở phần tin tức trang ngoài và sự cam đoan đúng với sự thực về chuyện ma quỉ ở trong ruột không phải là trang không có dây liên lạc gia-đình !

Tất nhiên người ta khó lòng kể hết các sự cố gắng cũng như khuyết điểm ở trong báo chí năm qua và nhiều khuyết điểm, nhược điểm chắc rằng sẽ được thời gian đào thải dễ dàng trừ những trường hợp một số chủ báo có một chủ trương xuyên tạc ở trong huyết thống, hoặc vu cáo vì nhiệm vụ

Nhưng nhận xét về sinh hoạt báo chí người ta không thể không thấy hai cái thành phần quan trọng đã quyết định cho báo chí có bộ mặt như ngày nay. Hai thành phần ấy gồm có một bên là những chủ báo và những ký giả, một bên là nhà cầm quyền và các chính-sách.

Ký giả phải chịu trách nhiệm trực-tiếp về giá trị của tờ báo. Họ gồm lực lượng 210 người chính thức ở trong nghiệp đoàn, và ở ngoài chừng 30 đến 50 người. Trừ một thiểu số là được ưu đãi và hưởng cuộc sống tương đối cố định, sung túc, phần đông đều có cuộc đời bấp bênh, thiếu thốn, luôn luôn ở trong tình trạng bị sự đe dọa thất nghiệp, hoặc phải thất nghiệp nhiều tháng trong năm. Cũng chính vì thế mà ngoài một số có một trình độ chính trị vững vàng, có một tư cách xứng đáng, thận trọng đối với ngòi bút, một số không ít lệ thuộc hẳn vào chủ báo trong các chủ trương biên tập câu-dẫn độc giả. Phần đông đều không trải qua một sự đào tạo nào khác là óc thông-minh và sự ưa thích của mình, nên phải phát triển chậm chạp trong nghề, nhiều khi đành chịu lệ thuộc vào một số kẻ đi trước dẫn dắt theo một tinh thần đàn anh đối với em út, nhưng trên thực chất có thể chỉ là tương quan giữa kẻ cai thầu với người công-nhân tập sự.

Ký giả hầu như không có thì giờ, không có cơ hội thuận tiện để học-tập thêm văn hóa, trau dồi nghề - nghiệp, do đó ngoài sự thiệt thòi về mặt vật chất họ còn bị sự thiệt thòi căn bản về mặt tinh thần. Tất nhiên trên điều kiện ấy, họ không tránh khỏi phiến diện trong sự nhận-định và khi thành công, nghĩa là ăn khách và được chủ báo chiều chuộng, thì dễ tự-mãn nhiều khi đến thành hẹp-hòi. Đời sống giữa các ký giả với nhau cũng rất rời rạc, có

chờ đọc :

BIỂN ĐỘNG trong
THÀNH PHỐ CHÚNG TA

THƠ KIÊM-THÊM

phát hành mùa đầu xuân

nhiều bè nhóm, phân chia theo các giới hạn tuổi tác, theo các cơ sở làm ăn, hoặc theo xu hướng chính trị nhưng rõ rệt nhất là theo xu hướng giải-trí. Các đoàn thể của ký giả — Nghiệp đoàn và hội Ái-Hữu — gần như không giúp ích gì căn bản cho ký giả cả. Nghiệp đoàn Ký giả trước sau chỉ là một loại công-cụ chính quyền, mải lo bảo vệ quyền lợi chính phủ hơn là đoàn viên của mình. Thậm chí có nhiều trường-hợp nghiệp đoàn đi ngược hẳn lại quyền lợi ký-giả và coi thái độ trung thành với chính-phủ lại vẻ vang hơn trung thành với đoàn viên của mình. Một số phần tử nguy hiểm còn dựa vào các sự trạng tiêu cực trên đây để mà chia rẽ hàng ngũ ký-giả, không từ cả đến hành động vu cáo, đe-dọa, cưỡng áp. Trước đây, ký giả Phi-Vân, đã phải ân-cần đăng báo để tự thanh minh rằng ông vì quá «*chán ngấy*» nghiệp đoàn nên đã đưa đơn xin từ chức phó chủ-tịch từ lâu, thế mà vẫn bị một bọn «ký giả» nào đó tung các truyền đơn chụp mũ ông là Cộng-Sản, là ông ham hố «địa vị» để mà «*khống chế nhân dân miền Nam*». Trước những tai nạn, chính sách làm cho cuộc sống Ký giả và nghề nghiệp họ thường xuyên bị đe dọa trầm trọng, người ta không hề nghe đến Nghiệp Đoàn lên tiếng bênh vực, can thiệp gì hết, và khi Nghiệp Đoàn có dịp tỏ bày thái độ, nhất định là chỉ để làm ngược lại nguyện vọng đa số đoàn viên. Về nỗi thống khổ mà giới ký giả trải chịu, tổ chức Ái-Hữu cũng không có biện-pháp gì cụ thể. và tích cực cả Chỉ có mỗi lần gặp gỡ họ được đãi đằng ăn uống ở tại một Câu Lạc Bộ gọi tên Báo chí, nhưng chỉ có một tính cách hẹn hò, nhậu nhẹt.

Chính cái đời sống bị sự trói buộc gay gắt của các chủ báo và các chính sách chính-phủ khiến cho ký giả có một nguyện vọng hợp lý là muốn được làm chủ báo, nhưng họ thường vấp nhiều thứ trở ngại căn bản khó lòng vượt qua, mà nhiêu-khê nhất là vấn-đề tiền. Đôi người xin được một «măn-sết» báo, cuối cùng tự biến thành kẻ chủ nhà cho thuê, hoặc bị chi phối nhiều cách bởi kẻ bỏ vốn khai thác. Sự lệ thuộc ấy cộng với cuộc sống quá đỗi bất thường và một sinh hoạt không có qui tắc, kỷ luật rõ rệt, khiến cho một số đáng kể đi vào con đường trụy lạc, mà nặng nề nhất là sự hút xách nghiện ngập. Thậm chí có tòa soạn báo chỉ gồm độ 8 nhân viên mà đến 5 người mắc phải bệnh ghiền. Người ta tự hỏi với chứng tật ấy, làm sao những ký giả ấy có thể giữ vững lương tâm trước các món tiền lung lạc kếch xù ?

Thực ra, sau ngày Diệm Nhu vừa bị sụp đổ, ký giả đã có một thời vàng son đặc biệt. Cùng với nhật báo ra đời tấp nập ký giả chuyên nghiệp trở thành sản phẩm cao giá, khó tìm, hưởng sự kẻ đón người đưa nồng hậu. Nhưng vàng son ấy chỉ như tia nắng hoàng-hôn lóe sáng rồi tắt vội vàng. Báo chí đóng cửa, ký giả thất nghiệp, rồi sự khó khăn trở lại, cuộc đời hỗn tạp của những trang trong tái diễn dưới một khuôn mặt rối nát hơn xưa. Ký giả chuyên nghiệp không còn là một huyền tượng linh thiêng, và ai cũng có thể viết được báo, cũng có mánh khóe, thủ đoạn, dù rằng hạ cấp để cho người khác chú ý

và đọc báo mình. Rồi nhữrag nhà thơ bí hiểm, những kẻ chuyên viết tiểu thuyết tạp-chí nhảy vào làng báo cũng sớm trở thành ký giả chuyên nghiệp có cơm có áo như ai. Ký giả chuyên nghiệp cũng phải chen vai thích cánh một cách khó khăn nhiều khi đuổi sức đành để lớp mới hăm hở đánh bật ra ngoài. Một cuộc làm ăn gay go, với eac thủ đoạn và các bè phái thành hình, gây nên một cuộc di động, chuyển hóa gần như thường trực.

Xét trên đa số, thực trạng ký giả hiện nay rất là bi đát. Trước hết họ phải trực tiếp chịu sự chi phối của các ông bà chủ báo, và các người này phần đông đều có tư tưởng vụ lợi khá mạnh. Các chủ báo này không phải toàn là những nhà văn hoá hoặc có ý niệm đầy đủ về nghề nghiệp mình. Do sự lựa chọn hết sức gắt gao của các chính phủ để có những người hoàn toàn « tin cậy » về mặt chính-trị, và do một sự mở rộng của mấy tháng đầu, sau khi chế độ họ Ngô sụp đổ, chủ báo gồm một thành phần tương đối .. hỗn tạp. Vẫn biết một người chuyên về ăn nhậu hay chuyên mở tiệm tạp-hóa cũng vẫn có quyền mở thêm một thứ cơ quan ngôn luận như ai, và chúng ta cũng hết lòng mong mỏi cho mọi con người, ở mọi tầng lớp, đều có thể thành chủ báo, nếu họ có một ý niệm tối thiểu về nhiệm-vụ mình. Một khi ông chủ, bà chủ thiếu ý niệm ấy, tất nhiên họ có những cái sở thích mua bán kỳ-lạ, hoặc là có những sáng kiến quái gở do một loại hạng quân sư chỉ vẽ đường đi nước bước. Bởi vậy vào năm 64 mới có những tờ nhật báo quảng cáo rầm rộ ngoài các ngã tư ngã ba hơn cả gánh hát ế khách, kèm theo những lời lừa bịp trắng trợn, những câu sỗ-sàng, trơ trẽn làm cho xấu hổ nhiều kẻ đi đường.

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Đạo phật đi vào cuộc đời** của T. T. Nhất-Hạnh do Lá-Bối xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 206 trang, gồm 8 tiểu-luận quan trọng, trong đó có bài « Đi tìm prajnapti cho thời đại » đã được giới thiệu với bạn đọc trên Bách-Khoa, số đặc biệt về Phật-Giáo, bản đặc biệt, không đề giá.

— **Đạo Đồng**, lối thoát của Việt-Nam và nhân-loại của Vũ-Đình-Mẫu do tác giả gửi tặng. Sách dày 150 trang, trình bày « sự xung khắc và chế-hoá giữa ba phái Cộng-Sản, Tư Bản và Trung-Lập sẽ đưa đến kết quả là sự thành lập một chế độ tổng hợp, tạm gọi là Đạo Đồng. » Giá 50 đ.

— **Tuổi Xanh**, tuần san thiếu nhi, bộ mới (khổ lớn) số 1 ra ngày 7-1-65, do Ô Trần-Quang-Khải làm chủ nhiệm và báo quán đặt tại 63/2, Nhựt-Tảo, Chợ Lớn. Mỗi số 16 trang, khổ 20-x 30 giá 2 đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và tuần san Tuổi-Xanh Hòa-Đồng trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

Có những chủ báo có lẽ muốn gợi đến lòng thương hại của người thiên hạ đã không ngượng ngập « quảng cáo » ê-kíp của mình là « *chó lếu bếu mất chủ* » và các nhân viên cọng sự của họ hình như cũng rất bằng lòng với danh hiệu ấy nên không thấy ai tỏ một ý gì chống đối. Với một ý- thức như thế, tất nhiên người ta chỉ biết có mỗi đồng tiền. Và phải nói rằng có một vài tờ đã có sắc diện lưu manh hoặc là tinh thần đĩ điếm dạn dày rõ rệt, qua sự nói tục, nói dối và sự xuyên-tạc nồng nặc hơi tiền.

Với những chủ báo như thế, tất phải có những ký giả như thế, và kiểu trang trong bốn tạp, lố lăng, mất dạy, cũng được - thành hình. Theo cái qui - luật phát triển tất nhiên, khi sự ăn tục nói dối đã cạn nước rồi, đã mất công-hiệu, nghĩa là không còn câu được khách hàng thì người ta dễ bán... mình để sống. Có những chủ báo chỉ có mỗi một tiêu chuẩn cao nhất để chọn ký giả trang trong là viết thế nào cho thật mùi mẫn miễn sao bà xã vừa lòng là tốt. Bởi vậy có những cây bút chuyên viết truyện dài đăng báo đã cố thu thập một số kinh nghiệm để khi nhập đề gây sự sôi nổi, gay cấn, éo le và ít hôm sau, bà chủ ỏn ẻn bảo rằng : «Viết lách như vậy, tôi chịu lắm đó» là được coi như vào ngay chính ngạch của lớp công-thần.

Chính cái tinh thần hiểu biết của một số loại chủ báo rất có giới hạn, cho nên ký giả nhiều khi phải có khả năng chịu đựng rất ., cao, nếu không muốn được thất-nghiệp. Thỉnh thoảng người ta lại thấy cả một «toàn bộ biên tập» từ biệt chủ cũ sang tìm chủ mới và không chắc gì chủ mới có được tấm lòng đãi sĩ chiêu hiền đúng cỡ. Thậm chí có những ký giả, khi bắt đầu viết truyện dài trang trong, mãi lo ngay ngáy về nỗi trời mưa bất thần... Bởi lẽ, trời mưa, báo ế, chủ báo sẽ qui sự ế-ẩm đó vào cái... truyện dài, để mà cúp đi, hoặc hạ bớt lương. Cho nên có những ký giả khi nhận lời rồi, cố ý chần chờ một ngày nắng ráo, ở vào đầu tháng mới bắt đầu viết, vì vào ngày ấy người ta còn ưa dạo chơi, còn dư tiền túi, và số báo bán có thể tăng thêm để tăng uy tín . . . « tác giả » ! Hiện tượng phổ biến của năm 64 về mặt chủ báo, là sự quỵt tiền. Do đó nhiều ký-giả đã xác-nhận : «*Viết bài không khó bằng sự đòi tiền* ». Ở nhiều tờ báo, đồng lương ký giả, công-nhân trả làm nhiều đợt, mỗi đợt quá ít, và phải kiên tâm hết sức mới nhận được một món tiền hợp lý, mà kẻ đưa ra thường có vẻ mặt của bọn cho vay làm phúc. Nhiều khi, ký giả, công nhân hỏi tiền quản lý, thì người nầy đổ thừa cho chủ báo, rồi chủ báo đổ thừa cho nhân viên quảng cáo, nhân viên quảng cáo lại đổ thừa cho quản-lý. Đi cho gặp gỡ khắp mặt quí vị trên đây phải mất hàng tuần hay hai ba tuần, bởi lẽ những kẻ giữ tiền ít khi sum họp. Khi ông chủ nhiệm đi xuống bà... nhỏ, chủ bút đi nhậu, quản lý đi.., hút và ông phụ trách quảng cáo «đi đâu không biết» thì có quỉ sứ mà tụ họ lại cho được đông đủ để biết đích xác kẻ nào là kẻ cần phải chi tiền ! Luôn luôn ở nhiều tòa-soạn có kẻ đứng chực mỏi mòn để

đợi tiền lương. Có nơi công nhàn nhà in đã phải viết ngay ở cửa : « *Trưa nay mà không trả tiền thì xuống cớ bót* » và các nhà văn, họa sĩ, thi sĩ.. cao quý của chúng ta đây luôn luôn nổi sùng, chưởi thề, vung tay múa chân trước cửa báo quán, vì khoản tiền lương vắng mặt Có khi tòa soạn cãi nhau như là mổ bò về các vấn đề chính trị, chính sách, quốc tế, quốc gia, đến nỗi đập bàn đập ghế như những con người quá sức sôi nổi bảo vệ lập trường, nhưng suy cho cạn mọi lẽ là họ đang bực vì «*chưa lãnh được một đồng. nhó nào* ». Do đó, khi nghe ký giả khen một chủ báo : « *Thằng cha ấy khá* », là ta phải hiểu lập tức tiếng *khá* có nghĩa như sau : « *không hề quỵt tiền và trả đúng hẹn* ». Bởi lẽ có những tờ báo quỵt hẳn cả tiền ký giả, công nhân, chủ giấy, và khi mọi người đến tìm chủ báo thì chẳng khác nào Kim-Trọng, sau khi chôn gấp ông chú của mình, trở lại vườn Thúy tìm Kiều !

Nhưng ngoài khoản tiền giữ khá chặt chẽ, một số chủ báo còn kiểm soát khá chi-ly bài vở ký giả về mặt chính trị, hơn cả Hội đồng kiểm duyệt của nhà cầm quyền. Có vị chủ báo lại còn dặn dò ký giả phụ trách trang nhất phải đăng hình các «ông lớn» ở vào chỗ nào cho nó «quan trọng» và phải lựa hình «cho đẹp» để các «ông lớn vui lòng». Tất nhiên, nếu chưa có hình thật đẹp thì đành bỏ mục đăng hình, nhưng phải nêu cái tít cho «lớn lớn» cũng để «ông lớn ưng bụng». Đại khái, ký giả cần phải nắm vững các kỹ thuật ấy để sống và khi nhập gia, phải biết tùy tục, nếu không muốn bị... xuống đường thường trực.

Như thế nếu có một số chủ báo chỉ biết hai tiếng vụ-lợi nông-cạn, trần-truồng, và có một số ký giả khốn khổ. lệ thuộc, thì nguyên nhân chính không phải là tại «trình độ báo chí nước nhà lạc hậu » như một số người thường nói. Nhận định như vậy chỉ là một cách lập-luận gian dối, buồn cười, tương-tự như bảo «ông Diệm độc-tài là bởi những bọn tay chân của ông che đậy tất cả».

Sự thật, nguyên nhân sâu xa, quan trọng của nhiều sự kiện kém cỏi trên đây là tại chính sách báo chí của nhà cầm quyền. Từ trước đến nay, báo chí nước nhà chưa ra khỏi luật 1881 của thời Thực dân, hay nói đúng hơn chưa đạt đến cái trình độ của luật lệ ấy mà một ký giả vừa là luật sư — ông Tiểu-Nguyên-Tử — đã gọi là «luật khốn-kiếp», như những người Pháp thực sự dân chủ ngày xưa đã từng gọi nó là luật đê hèn. Đó là đạo luật của một thiểu số trưởng giả phản động ở Pháp khi lên cầm quyền đưa ra để chống lại những phong trào dân chủ, cách mạng, và để che đậy quá khứ thối nát của chúng, không muốn cho ai được quyền phanh phui ra trước công luận. Không những cho đến ngày nay chúng ta vẫn còn áp dụng lại đạo luật ấy mà còn tăng cường cho nó bằng cái sắc luật tháng 2 / 64 thêm rằng Toà Án có quyền đóng cửa những tờ báo bị truy tố và trên thực tế thì Bộ Thông-Tin — chỉ là cơ quan hành-pháp — cũng có quyền rút giấy-phép như thường. Đồng thời để gây khó khăn cho người làm báo, sắc luật 2 / 64 còn buộc nhà báo khi chỉ trích các nhân viên công quyền về một hành

động có liên quan đến chức vụ, «*phải có bằng chứng đầy đủ* », làm như nhà báo là một pháp-đình có đủ nhân viên công-lực dưới tay và có nhiệm vụ xây dựng hồ sơ hàng ngày ! Nếu không xuất trình đủ các bằng chứng, luật còn đe dọa phạt vạ từ 200.000 đ đến 400.000 đ. và phạt 3 tháng đến 1 năm tù. Thực ra, người ta đã quá chu đáo đến mức vô ích, bởi lẽ luật hình cũng đã qui định các thứ hình phạt vu cáo mạ lỵ rồi mà ! Sau này, trong cái sắc luật tháng 10/64, nói về « tự do báo chí » người ta lại được đọc thấy những điểm đặc biệt : «Muốn được ra báo cần phải *ký quĩ 200.000 đồng* và *phải tốt nghiệp tại một phân khoa báo chí* của các học đường được chính thức công nhận trong nước (?) hay tại các quốc-gia có liên quốc ngoại giao với Việt - Nam Cộng - Hoà» Dành hẳn các quyền ra báo cho lớp có tiền và có cấp bằng (hẳn là cấp bằng ngoại quốc, chứ ở trong nước nào có trường dạy báo chí nào đâu !), đủ hiểu nhận thức của kẻ cầm quyền đối với « tự do » ngôn luận là thế nào rồi. Và đến Hiến chương lâm thời do Thượng Hội Đồng Quốc Gia (bây giờ đã tiêu-tan rồi) soạn thảo ở thiên thứ 2, điều 5, tuy có nói về tự do báo chí nhưng vẫn mờ ảo, mập-mờ, không khác gì những văn kiện tiền-bối.

Tóm lại, qua những đạo luật, sắc luật, biện pháp đối với báo chí, người ta nhận thấy những điểm như sau : *một là*, sự xin ra báo vẫn bị hạn chế đặc biệt, ngoại trừ một sự dễ dãi ngắn ngủi vào lúc Diệm Nhu sụp đổ. *Hai là* trước một ý thức dân chủ bùng nổ, chính quyền đã không coi báo như một lực lượng hỗ trợ mà vẫn có những biện pháp đẩy báo vào thế thụ động. *Ba là* sau một năm dài vinh nhục, vất vả, lao đao, báo chí đã lại quay về khởi điểm lệ thuộc ngày nào.

Nhưng bao trùm ba điểm ấy, người ta thấy rõ hơn hết điều này : *chính quyền vẫn xem báo chí là một lực lượng đối lập và đó quả là một điều rất có ý nghĩa trong một chế độ mệnh danh dân chủ, tự do.*

Có những tâm-hồn nô-lệ luôn luôn chỉ thích đổ lỗi cho những người dưới mà quên hẳn rằng báo chí Việt-Nam từ hồi khai sinh đến giờ, trước sau chỉ là nạn nhân, mang cái mặc cảm bị sự đàn áp, khủng bố ở trong xương tủy. Như thế, thay vì chính quyền — đây là nói một chính quyền dân chủ — phải tự nhận cái trách nhiệm tìm đủ mọi cách giúp đỡ cho họ xóa mặc cảm ấy, đi thì trái ngược lại, đã tìm mọi cách để trói buộc họ hơn nữa, đã xem họ như kẻ thù và tự tố cáo rằng mình cũng chỉ tiếp tục sứ mạng của kẻ cầm quyền ngày xưa đó thôi.

Như thế, tương quan đối đãi giữa người hữu trách và các cơ quan ngôn luận không ở trong mối thân thiện, trong sự bình đẳng mà ở trong niềm ngờ vực, trong thế đối phó. Tất nhiên, cái thực trạng ấy sẽ dẫn tới hai kết luận : *một là* chính quyền sẽ tìm mọi cách để gia-nô-hóa báo chí, biến lớp ký giả thành loại bồi bút ô-nhục, phản bội công-luận, chà đạp lương tâm, cưỡng hiếp chân-lý. *Hai là* báo chí, những tờ vốn có tự trọng và sẵn thiện ý xây dựng, cũng dễ

trở thành đối lập quyết liệt, nhất định một mất một còn đối với chính quyền,

Nếu nhà cầm quyền biết tự trách mình trước hết, biết rõ nhiệm vụ của họ và xóa bỏ cái mặc cảm tự xem mình là đối tượng chỉ trích của các tờ báo (tất nhiên, với một điều kiện là kẻ cầm quyền chân thành muốn làm điều lợi cho dân) và nhận định rằng mọi cái khuyết điểm, nếu có, ở trong báo chí, là do trước hết nơi mình, để mà thành tâm giúp đỡ bằng sự cảm thông chứ không bằng sự hằn học, căm thù, thì thực trạng không đến nỗi trầm trọng như vậy. Hơn nữa các nhà cầm quyền hầu như không muốn nhìn thấy một điều là *chế độ phải rước hết hậu quả về một chính sách lệch lạc đối với báo chí* Những hậu quả ấy có thể nhìn thấy ở nhiều khía cạnh phức tạp, sâu xa, nếu ta nghĩ rằng chế độ quyết-định chủ báo, thì chủ báo sẽ quyết-định ký giả, và ký-giả sẽ quyết-định độc-giả.

Một khi quần chúng không tìm thấy được những thắc mắc lớn của mình ở ngay trang nhất thì họ phải đổ xô vào trang trong. Và không nói được chính-trị một cách rộng-rãi thì người ta phải nói chuyện ái-tình phù-phiếm, bói toán hoang đường, võ-hiệp phiêu-lưu. Không thể quay ra thì đành quay vào, không thể đi lên, tất phải đi xuống. Nếu không muốn cho báo mình bị đóng cửa, bị tịch thu thì chỉ còn có mỗi cách thuận tiện hơn cả là biến tờ báo thành loại tiểu thuyết hàng ngày, không hơn không kém. Do đó gần đây một tờ báo mới ra đời, quảng cáo rầm rộ : « *Bài vở tràn ngập trang trong* » và bài vở ấy chỉ là võ hiệp hoang-đường kê một dọc dài. Cứ nuôi sống bằng bao nhiêu thứ ấy, tinh thần độc giả rồi sẽ ra sao ?

Cũng chính vì vậy mà xét nhật báo của năm 64, người ta nhận thấy hai tờ có một giá trị nổi bật : về mặt *thương mãi*, tờ *Dân Chủ Mới* của Hà Thành-Thọ được xem như là kiểu mẫu về sự cố gắng để tạo cho mình một lối đi riêng, ăn khách mà vẫn giữ được phong độ tương-đối vững-vàng. Đó là tờ báo biết khai thác đúng nhiệm vụ của mình để mà phát triển, không phải trục lợi bằng cách đầu độc quần chúng hoặc là nuôi sống bằng sự xuyên tạc, vu cáo. *Về mặt chính-trị*, tờ báo *Dân-Chủ* của Vũ-Ngọc-Các có một thái độ tương đối công-minh của kẻ ý-thức được cái trọng trách cầm cân nghôn luận, có những nhận định sáng suốt trong nhiều trường hợp, và biết cân nhắc, dung chế để giữ vững một lập trường trí-thức đứng đắn, tự trọng.

Tóm lại, người ta mong rằng chính quyền sẽ có thái độ mạnh dạn hơn nữa trong sự tự nhận trách nhiệm của mình đối với thực trạng báo chí và tìm mọi cách để cho báo chí giúp mình hữu hiệu hơn nữa trong việc xây dựng dân chủ, tự do, nếu quả chính quyền vốn có thực tâm xây-dựng như thế.

Các nhà cầm quyền xưa nay, có lẽ vì quá đề phòng, đã chú ý nhiều đến các biện pháp tiêu-cực, là sự hạn chế, cấm-đoán. Kinh nghiệm thực-tế lại cho thấy rằng một khi sự thực bị sự ngăn chận, nó thường biến hình thành những

quái vật có một khả năng phá hoại tất đỗi phi-thường. Hơn nữa mọi sự cấm cản không chỉ có một ý nghĩa đơn thuần chính trị hoặc chỉ tác-động nhất thời. Một tờ báo bị đóng cửa còn có ảnh hưởng sâu xa đến tận xương tủy của một bác tổng-thư-văn hay một cô thợ đếm báo và sự đói khổ còn có nhiều mối liên hệ sâu xa, lâu dài.

Có thể nói rằng, một năm báo chí vừa qua là một năm dài xáo trộn, chứa đựng bao nhiêu buồn phiền cho cả chính quyền cũng như nhà báo, cho cả kinh tế cũng như văn hóa. Tưởng với những ưu khuyết điểm thâu được, chúng ta sẽ sáng tỏ hơn về một đường lối báo chí dân chủ, tự do, thích hợp với sự kêu đòi tha-thiết của một dân tộc đã biết đau khổ và biết hy-sinh cho lẽ tồn tại chính đáng của mình.

VŨ-HẠNH

Cung Chúc Tân Xuân

hiệu Nguyễn-Văn-Tập

Bán kiểng, hoa,
cây ghép ăn trái

chủ nhơn : bà Nguyễn-Văn-Đồn
241, đường Nguyễn-Trãi Chợ-Lớn

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ
MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ
HIỆU
HERMES

LOẠI XÁCH TAY ● LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.
IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT
la. Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

ALEXANDER FLEMING

(1881 — 1955)

thiên tài hay chỉ là vận may ?

«Dịp may chỉ tới với những kẻ nào đã dự bị sẵn sàng ».

PASTEUR

ÔNG Ferdinand Lot trong cuốn « Les jeux du hasard et du génie» (Plon 1956) kể chuyện rằng năm 1945, trước khi qua Thụy-Điển để lãnh giải thưởng Nobel về y-học, Alexander Fleming ghé Paris vì được Hàn-Lâm-Viện Y-Khoa Pháp mời diễn-thuyết về sự phát minh ra thuốc Pénécilline. Lúc đó dân chúng Pháp chỉ nghe danh Fleming chứ chưa biết mặt ông. Khi ông ở máy bay xuống, có tới khoảng năm chục nhà báo ôm máy ảnh chạy lại. Bẩm tính khiêm tốn không muốn ai để ý tới mình, ông tiến sau những hành khách khác. Thình lình một phóng viên lại gần hỏi ông một câu mà ông chỉ hiểu mỗi một tiếng, tức tên ông. Ông gật đầu thế là các nhà báo xúm lại chụp hình một người có một bộ râu rất đẹp, ra vẻ một nhà bác học lắm. Khi các nhà đại diện của Chính Phủ Pháp lại chào ông, họ mới biết là lầm. Thì ra họ hỏi ông câu này : Ông có râu kia có phải là Fleming không? » mà ông tưởng rằng họ hỏi «Phải ông là Fleming không ?

Ở Hàn-Lâm-Viện Y-khoa ông tuyên bố : « Người ta cứ gán cho tôi cái công phát minh ra chất pénéciline. Không có ai phát minh được ra chất pénéciline vì tạo hóa đã sinh ra nó từ hồi nào tới giờ, nhờ một loại mốc... Tôi chỉ có công làm

cho mọi người chú ý đến chất đó và đặt cho nó một cái tên, thế thôi. »

Mà cái công đó, ông cho là nhờ may chứ chẳng phải ông tài giỏi gì. Suốt trong bài diễn văn, ông thường dùng những tiếng như : By good fortune (Nhờ may) By a mere chance (chỉ do một sự may mắn), I had the luck to (Tôi được cái may là)...

Chưa bao giờ một nhà phát minh lại khiêm tốn, quy công hết cả cho vận may như vậy, làm cho thính giả phải cảm động và một giáo sư, giáo sư Henri Mondor, phải rưng rưng nước mắt.

By good fortune... Lời đó có phần đúng. Tôi nhớ mười mấy năm trước, nhiều bài báo viết về sự phát minh chất pénéciilline đều bảo là do ngẫu nhiên. Có tác giả còn bảo do cái tật làm việc luộm thuộm của ông, do ông sơ ý để hở một ống thí nghiệm, chất xu xoa lên mốc, và may sao mốc đó chứa chất pénicilline. Nhưng gần đây đọc cuốn «La Vie de sir Alexander Fleming» của André Maurois (Hachette 1959), nhất là cuốn «Les jeux du hasard et lu génie», tôi mới thấy rằng những dịp may ngày nào cũng xảy ra, xảy ra cho mọi người, cho cả bạn lẫn tôi nữa, song biết được cái giá trị của dịp may, biết nắm lấy nó, lợi dụng nó để giúp ích nhân loại thì không phải là ai cũng làm được. Phải hiểu biết nhiều, phải sáng suốt, trông thấy cái mà không ai thấy, nảy ra những ý mà không ai có, lại phải kiên nhẫn thí nghiệm, thử đi thử lại, có khi hằng năm, hằng chục năm, đôi khi phải gặp một số người tin ở mình tận tâm giúp mình ; tóm lại phải có đủ bốn điều kiện : gặp may, có tài, kiên nhẫn, gặp thời cơ thuận tiện, thì mới làm nên việc lớn được.

∴

Alexander Fleming gốc ở xứ Tô-Cách-Lan, một xứ nghèo, đất xấu, thiếu đường giao thông kỹ nghệ kém mở mang. Vì nghèo nên dân siêng năng, can đảm làm việc rất hăng hái, tính tình rất nghiêm khắc và tiện tặn. Ở các thế kỉ trước, thanh niên của họ ra tỉnh học thường vác trên vai một bao bột mì, y như các cụ ta hồi xưa có vợ hoặc em gánh gạo theo vậy. Họ cắm đầu học, không tiêu pha gì cả và người Anh thường đem tính hà tiện của họ ra mà chế giễu. Bị chế giễu, họ có mặc cảm nửa tự ti, nửa tự tôn sinh ra lầm lì ít nói mà lại càng chăm học để hơn những kẻ mỉa mai họ, thành thử họ học rất giỏi.

Song thân Fleming đều là chủ điền, cha là Hugh Fleming, mẹ là Grace Morton. Ruộng đất không nhiều mà nhà lại đông con — tám người — nên chỉ đủ ăn. Ông là áp út, sanh ngày 6-8-1881.

Hồi nhỏ ông sống ở trại ruộng, được tự do chạy nhảy ở ngoài đồng và trên đồi. Đời sống giữa thiên nhiên đó tập cho ông tinh thần nhận xét. Mùa hè, anh em

ông bắt cá, bắt chim, bắt thỏ. Họ nhận thấy rằng những ngày nóng, thỏ ở dưới hang chui lên, tìm bóng sậy để núp, mà hễ người ta không ngó thẳng vào mắt nó thì không khi nào nó chạy. Mấy anh em ông biết vậy, nghĩ ra được một cách bắt thỏ tài tình là cứ tự nhiên đi lại gần con thỏ, đứng ngó nó, rồi thình lình té xoài trên đất, đè lên nó. Người lớn té chậm không thể dùng cách đó được, nhưng trẻ con lanh lẹn, có thể thành công.

Mùa đông có cái thú khác : đi bới cừu. Những đêm tuyết đổ xuống thình lình, cừu ngủ ở đồng, bị tuyết phủ kín cả mình. Anh em ông dậy sớm đi tìm chúng, cứ thấy chỗ nào mặt tuyết có màu hơi vàng vàng, biết là do hơi thở của cừu, moi tuyết lên, quả nhiên thấy con vật. Ông thích những công việc lặt vặt ở nhà quê đó, và sau này phải giam mình trong phòng thí nghiệm suốt tuần, ông thường nhớ tiếc : « Dân quê làm việc khó nhọc thật nhưng được sống cái đời sống của con người, không phải làm hoài một công việc ngày này qua ngày khác ».

Năm tuổi ông đi học. Trường cách nhà hai cây số ; phải đi bộ, có khi đi chân không nữa. Mùa đông lạnh quá, mẫu thân lùi cho ông hai củ khoai tây để ông cầm trong tay khi đi đường cho ấm người lên. Tới trường lột vỏ khoai ra ăn rồi vô lớp. Hồi tám hay mười tuổi, ông lên trường tỉnh, cách tới bảy cây số, ngày ngày sáng đi tối về, mà cũng vẫn đi bộ. Chính nhờ vậy mà ông được cường tráng.

Mười bốn tuổi ông lên London học, ở với một người anh ruột làm y sĩ và hai người anh khác. Một người chị đi theo để nấu ăn, ông học rất giỏi, mới đầu người ta cho Ông vào một lớp hợp với tuổi, nhưng chỉ trong một hai ngày. Ông giáo cho lên lớp trên ; vẫn còn dư sức, lại được nhảy một lớp nữa, như vậy bốn lần trong nửa tháng đầu. Hai năm sau ông thôi học, làm cho một hãng tàu biển vì nhà không đủ tiền nuôi.

Ông không ưa gì nghề thư ki đó, nhưng cũng an phận.

Năm 1900, thuộc địa Transvaal ở Nam Phi nổi dậy chống Anh, ông xin dầu quân, nhưng số người tình nguyện đông quá, ông không được tuyển. Ai cũng tưởng đời ông không còn hi vọng cao xa gì nữa : làm một chân cạo giấy tạm đủ ăn cho tới mãn đời, nhưng thình lình vận may tới, hướng Ông về con đường khác.

***

Năm ông hai mươi tuổi, một ông chú hay bác độc thân để lại một gia tài cho anh em Flemi g. Ông được hưởng hai trăm rưỡi Anh kim, tính ra bằng trong hai năm rưỡi ở hãng tàu. Người anh làm y sĩ khuyên ông học y khoa. Ông nghe lời chứ không có ý định gì trước. Giá có một người anh làm ở sở canh nông khuyên ông vô

trường canh nông thì chắc ông cũng nghe nữa.

Hồi đó ở bên Anh môn Y học chưa được tổ chức. Tại London có mười hai dưỡng đường, mỗi dưỡng đường muốn tự ý đào tạo y sĩ ra sao tùy ý, không phải theo một chương trình nhất định.

Fleming học một lớp dự bị trong ít tháng rồi thi và đỗ đầu.

Được bằng cấp dự bị đó rồi, ông lựa một trường y khoa để ghi tên. Cách lựa của ông khá đặc biệt. Ông kể : «ở London có mười hai trường y khoa mà nhà tôi cách ba trường xuýt xoát như nhau. Tôi không biết rõ trường nào cả nhưng tôi ở trong đội thủy cầu (water polo) London Scottish, thường đấu với đội Sinh viên trường Saint Mary, vì vậy tôi xin vô trường Saint Mary.

Ông học ở trường đó một năm, rồi thi vô đại học đậu. Suốt mấy năm ở đại học, kì thi nào, bất kì là thi học bổng hay thi lên lớp, ông đều đứng đầu sổ. Chắc độc giả muốn biết cái bí quyết đậu đầu đó ? Đây theo các bạn học của ông thì nó như vầy :

— ông không làm một việc gì thừa, học bài chỉ lựa cái quan trọng, cái cần thiết mà bỏ những chi tiết lặt vặt; nhưng cái gì ông đã cho là cần thiết thì ông đào rất sâu, hiểu rất kĩ ;

sức phán đoán của ông rất vững ;

tài nhận xét của ông rất cao ;

— kí tính của ông hơn hẳn mọi người.

Có người lại bảo ông có thêm cái tài này nữa : khi nghe giáo sư giảng, ông ghi chép rất cẩn thận, tìm được những chỗ mà giáo sư nhấn mạnh, lại dò xét tâm lí giáo sư, nhờ vậy tới kì thi ông đoán được giáo sư sẽ hỏi về chỗ nào mà đoán gần như luôn luôn đúng. Tóm lại, ông nhận xét giáo sư cũng như hồi nhỏ nhận xét loài thỏ, loài cừu vậy. (1)

Ở trường Saint Mary, một người bạn khuyên ông học khoa giải phẫu. Ông đóng tiền, ghi tên, nhưng trong khi học, ông không ưa môn đó. Sở dĩ ông tiếp tục học rồi thi là vì tiếc tiền học. Cái bản tính Tô Cách Lan của ông không cho ông phí năm Anh Kim — số tiền ghi tên — mà chẳng được việc gì, nên ông xin thi, không ngờ lại đậu.

Tốt nghiệp rồi ông muốn làm ngay ở dưỡng đường Saint Mary nhưng chân y sĩ giải phẫu đã về một người khác. Một y sĩ trẻ tuổi, Freeman, thấy ông bắn giỏi, cố tìm cho ông một chân khác trong dưỡng đường để đội Saint Mary giữ được chức quán quân về môn bắn, nên khuyên ông xin vô làm phòng thí nghiệm. Ông còn do dự, Freeman dỗ dành :

---

(1) Xin bạn trẻ nhớ : ông học hết chương trình rồi mới chú ý đặc biệt tới những điểm quan trọng mà giáo sư có thể hỏi, chứ không phải chỉ học riêng ít chương để cầu may. Ông học một cách thông minh, biết đào sâu chứ không « học tủ ».

« Nhận một chân ở phòng thí nghiệm đi, như vậy dễ tìm cơ hội để nhảy qua nghề giải phẫu. Công việc trong phòng thí nghiệm vui lắm mà anh em trong phòng có tinh thần rất thân mật».

Fleming bằng lòng. Vậy ông học y khoa nhờ được hưởng một gia tài và nhờ có một người anh làm y sĩ ; ông vô học trường Saint Mary vì chơi môn thủy cầu, rồi vô làm phòng thí nghiệm để nghiên cứu sinh vật nhờ có tài bắn giỏi. Đều là những chuyện bất ngờ cả.

***

Giám đốc Phòng thí nghiệm là bác sĩ Wright. Con người đó cũng kì dị. Chỉ thích thơ. Học thuộc lòng rất nhiều thơ của Shakespeare, Milton, Dante, Wordsworth Kipling, có lần ngồi buồn, tính nhẩm thì thuộc được tới hai trăm rưỡi ngàn câu thơ ! Muốn lựa nghề viết văn, hỏi ý kiến một giáo sư văn chương, ông này khuyên nên học y khoa vì y học cho ta «những hiểu biết căn bản rất quí báu » để vào đời và viết văn, nếu ta có khiếu viết văn. Lời khuyên đó hữu lí. Ta chẳng thấy Somerset Maugham, A J. Cronin và Georges Duhamel thành công rực rỡ trên văn đàn một phần là nhờ tập được tài nhận xét sự vật và tâm lí con người trong khi theo học y khoa đó ư ? Nhưng khác hẳn ba nhà đó, Wright đeo đuổi công việc nghiên cứu khoa học mà chỉ coi văn thơ là một trò tiêu khiển.

Ông học rất rộng, có tài kể chuyện, bình thường thì hiền lành nhưng lúc nổi giận lên thì có thể tàn nhẫn. Ông là một y sĩ nổi tiếng ở London, đông thân chủ, kiếm được rất nhiều tiền nhưng không phải để làm giàu mà để dùng vào việc nghiên cứu y học. Quĩ của phòng thí nghiệm thiếu hụt thì ông lấy tiền túi ra bù vào, Vì vậy các người cộng sự đều kính mến ông và ông điều khiển phòng thí nghiệm như điều khiển gia đình thứ nhì của ông.

Hồi đó ông đương nghiên cứu cách miễn dịch (immunisation) để chống với bệnh trường nhiệt (fièvre typhoïde) »). Trạng thái miễn dịch đã được Jenner và Pasteur tìm ra. Một số vi sinh vật nếu tiếp xúc với không khí trong một thời gian thì yếu sức đi ; tiêm vi sinh vật đó vô máu, ta sẽ thấy trong máu hiện ra những chất mới — y học gọi là kháng thể (anticorps) những chất này giúp cơ thể chống nổi với những vi sinh vật mạnh. Jenner đã dùng phép miễn dịch để chủng đậu mà đề phòng được bệnh đậu mùa (sự thực thì từ trên ngàn năm trước, người Trung Hoa và người Ba-Tư đã biết cách giồng đậu nhưng không hiểu rõ nguyên nhân ra sao vì họ không có kính hiển vi, không nhìn được vi sinh vật) ; Pasteur đã dùng phép miễn dịch để trị bệnh thán thư

(1) Người ta thường dịch là thương hàn. Tôi e rằng không đúng : bệnh thương hàn trong sách Đông y khác hẳn bệnh fièvre typhoide.

(charbon) của loài cừu ; bây giờ Wright áp dụng vào việc trị bệnh trường nhiệt, có kết quả. Ông tin rằng tất cả những bệnh do vi sinh vật gây ra đều có thể trị bằng cách đó. Ông tuyên bố : « Sau này, nghề y sĩ chỉ còn là một nghề chích thuốc miễn dịch. Nếu y sĩ không phát minh, tìm kiếm được cái gì thì họ sẽ chỉ còn giữ địa vị một nữ khán hộ mà thôi ». Lời ông có phần quá đáng, làm cho nhiều bạn đồng nghiệp bất bình — vì không phải bệnh nào cũng do vi sinh vật gây ra cả — nhưng ta phải nhận rằng nhãn quang của ông đáng phục : ngày nay y hhoa bắt đầu chú ý trở lại tới thuyết của ông, tìm cách giúp cơ thể chống với bệnh hơn là tìm những thuốc để giết vi sinh vật. Người ta lại còn phục tinh thần hi sinh của ông cho khoa học nữa trong bốn mươi lăm năm điều khiển phòng thí nghiệm ở dưỡng đường Saint Mary, ông suốt ngày cặm cụi, bỏ bê cả gia đình đến nỗi con gái ông phải phàn nàn : «Nếu ngày chủ nhật ba có thì giờ về thăm xem gia đình ra sao thì vui biết mấy ! »

Được tập sự ở dưới quyền một nhà bác học như vậy, Fleming quả đã may mắn hơn nhiều người. Đó là vận may thứ nhì trong đời ông.

Hai thầy trò khác tính nhau : thày thì vui vẻ, nói rất nhiều, mà hễ nói nhiều quá thì thế nào cũng có điều sai ; trò thì ít nói, lầm lì, làm thinh cả những khi bạn bè rầy mắng. Nhưng cả hai đều hiểu giá trị của nhau : Fleming trọng sức hiểu rộng, tinh thần hy sinh và quang minh, liêm khiết của thày; Wright mến tinh thần tìm tòi, nhận xét, phục óc phán đoán và bao quát của trò. Khi Wright hùng hồn đưa ra một ý kiến sai, bị Fleming bình tĩnh chặn lại «không được đâu, thưa cụ», ông cũng không giận mà lí luận lại từ đầu, và lần lần coi Fleming, như «đệ tử ruột » của mình.

***

Khi thế chiến thứ nhất phát, Wright được phái qua Pháp để lập một Trung tâm nghiên cứu ở Boulogne sur Mer. Ông dắt theo Fleming và ba người nữa. Công việc của họ là tiêm thuốc miễn dịch để phòng bệnh trường nhiệt cho quân đội và tìm những thuốc sát trùng từ những bệnh truyền nhiễm, nhất là chứng hoại thư, những vết thương ở trong sâu, nó loét ra, lan ra, hôi thối ghê gớm mà nhiều khi chỉ có cách giải phẫu mới trị nổi.

Fleming nhận thấy rằng quân nhân có sức chống cự với vi sinh vật mạnh hơn người thường, mà vi sinh vật lại yếu hơn trong thời bình vì chúng không có thì giờ để truyền từ người này sang người khác như trong thời bình, vậy mà những vết thương do mảnh đạn gây ra lại rất khó chữa. Ông suy nghĩ và đoán rằng tại mảnh đạn làm nát da thịt ở chung quanh, trong những chỗ thối nát đó, vi trùng sanh sản

rất mau mà những chất trong máu chống cự lại với chúng lại không tới đó được để diệt chúng. Tìm ra được điều đó rồi, ông khuyên các nhà giải phẫu phải nạo cho sạch những chỗ da thịt thối chung quanh vết thương.

Nhưng giải phẫu chỉ là phương pháp vạn bất đắc dĩ. Phải tìm cho được một chất sát trùng mạnh vì những chất sát trùng thời đó không công hiệu mấy đối với chứng hoại thư. Ông ngày đêm thí nghiệm để kiếm một chất hóa học nào có thể chích vào mạch máu, không làm hại cơ thể mà giết được vi trùng hoại thư, cũng như chất Salvarsan diệt được vi trùng bệnh giang mai.

Ông tìm chưa ra thì đại tướng Foch đánh những đòn kịch liệt vào quân Đức và chiến tranh kết liễu. Đầu năm 1919, Fleming được giải ngũ về London sống với vợ, cô Sarah Marion Mc Flroy cưới hồi 1915.

Cô làm khán hộ, có một dưỡng đường riêng, đông thân chủ, kiếm được nhiều tiền, giúp chồng khỏi phải lo về sinh kế mà có thể để hết tâm lực vào công việc nghiên cứu, vì cô tin rằng chồng sẽ thành công. Có lần cô nói với người thân : « Anh Alec (1) có tài mà không ai biết. Anh sẽ là một danh nhân ».

Vì tìm không ra một chất hóa học sát trùng như ý muốn, nghĩa là có thể tiêm vào máu, diệt được vi trùng hoại thư mà không làm hại cơ thể, ông thất vọng, trở về đường lối cũ, đường lối của Wright, nghĩa là kiếm cách tăng chống cự của cơ thể.

Năm 1919 về Anh rồi, ông đọc một bài diễn văn ở viện giải phẫu Hoàng gia, đại ý nói rằng trong chiến tranh có hai phái về cách trị của vết thương : một phái *sinh lí* chuyên chú vào sự giúp đỡ có thể chống lại với vi sinh vật ; một phái *diệt trùng* chuyên tìm những chất hóa học để giết vi sinh vật ; rồi ông giảng giải vì lí do gì nhóm Almroth Wright đứng vào phái thứ nhất. Tuy hăng hái tuyên bố như vậy ông vẫn biết rằng phương pháp của phái sinh lí nhiều khi không công hiệu Ông vẫn tiếp tục giúp sức Wright nhưng vẫn chưa mãn nguyện về những thí nghiệm của Wright thì một vận may nữa xảy ra, lần này là lần thứ ba,

***

Như trên kia tôi đã nói, tính của ông hơi luộm thuộm, không có ngăn nắp, thứ tự. Trên bàn thí nghiệm ông để lộn xộn những ve ống cấy vi sinh vật. Bạn bè ông và hầu hết mọi nhà bác học hễ thí nghiệm xong rồi thì đổ thuốc đi, rửa ve cho sạch. Ông thì cứ để đó, có khi hai ba tuần vẫn chưa liệng đi. Nhưng phải chăng ông cố ý lộn xộn như vậy ? Vì trước khi đổ một cái ve, một cái

(1) The Alexandre gọi tắt.

ống nào đi, ông cũng nhìn một lần nữa xem có gì xãy ra không Cả ngàn lần không có gì cả, nhưng một lần một sự bất thường đã xảy ra.

Lần đó, trước khi đổ những hộp cũ đi, ông nhìn qua mỗi hộp, bỗng ngạc nhiên đưa cho bạn là bác sĩ Allisen coi : « Có cái này lạ ». Mặt xu xoa (gélose) đầy những vi sinh vật vàng vàng, trừ một chỗ rất trong, không có một sinh vật nào hết. Chỗ đó chính là chỗ mà Fleming đã cấy một chút nước mũi của ông trong một cơn xổ mũi. Vậy thì nước mũi có chất diệt trùng ? Lạ nhỉ ! Phải nghiên cứu thêm mới được Ông nhuộm những vi sinh vật đó thì thấy nó là một loại không có hại cho cơ thể, có lẽ từ ngoài trời bay vào rơi trên mặt xu xoa, rồi sinh sản trên đó và bị nước mũi của ông diệt.

Ông thí nghiệm lần nữa, kết quả cũng như trước. Ông nảy ra ý thí nghiệm về nước mắt, thấy sức diệt trùng của nước mắt mạnh lạ lùng, chỉ trong vài giây làm tan hết những vi sinh vật.

Thế là luôn trong năm tuần lễ ông mua chanh về, nhỏ vào mắt cho chảy nước mắt rồi hứng để thí nghiệm. Từ nhân viên trong phòng đến khách khứa đều phải tặng nước mắt. Mỗi nhân viên mỗi lần được trả 3 pence (khoảng ba đồng bạc bây giờ). Biên «bông» rồi cuối tháng tính tiền. Có người hi-sinh quá, mắt nhặm, đỏ gay, ông phải khuyên : « Thôi, đã khóc đủ rồi, cho về hưu ». Một tờ báo in một hình hài hước vẽ một bày trẻ ham tiền, lại chìa đít cho một nhà «kỹ thuật» đánh, trong khi một nhà «kỹ thuật» thứ nhì hứng nước mắt của chúng vào một cái ve có dán nhãn : «Thuốc sát trùng».

Wright đặt tên cho chất sát trùng trong nước mắt đó là Lysozyme. Fleming ngờ rằng cơ thể của ta, bất kì chỗ nào tiếp xúc với những vi sinh vật trong không khí đều có chất lysozyme để giết chúng, như vậy loài người nói chung là sinh vật — mới sống được. Ông thí nghiệm thêm thì quả nhiên từ nước miếng tới một lớp da mỏng, một sợi tóc, một giọt sữa, một miếng móng tay, đều không nhiều thì ít, chứa chất lysozyme. Vậy mà trong sách y học người ta dạy sinh viên rằng móng tay móng chân là một tổ chức chết chứ. Bậy quá.

Loài thảo mộc cũng có chất lysozyme. Nhưng nhiều nhất là trong lòng trắng trứng. Đem lòng trắng trứng hòa nước loãng sáu chục triệu lần, nó vẫn còn đủ sức giết một số vi sinh vật. Hóa công tính toán thật đã chu đáo : vỏ trứng đâu phải là nhẵn thín, phải có lỗ thông để không khí vô nuôi bào thai, mà không khí vô được thì vi sinh vật trong không khí cũng vô được ; chất lòng trắng trứng là thổ sinh sản thuận tiện cho vi sinh vật, nếu nó không chứa lysozyme thì vi sinh vật sẽ sinh nở rất mau và giết chết bào thai rồi còn gì nữa.

Vậy thì lysozyme là chất sát trùng thiên nhiên rất quý báu và phát minh của Fleming đáng được coi là quan trọng. Trời đã sinh ra vật thì phải cho vật khả năng tự bảo tồn. Rất hợp ý Wright và Wright mừng rằng có một đệ tử làm vẻ vang cho mình.

Nhưng chất lysozyme tuy rất mạnh đối với đa số vi sinh vật không có hại gì mấy cho cơ thể thì đối với những vi sinh vật có hại nhiều cho cơ thể, sức lại rất yếu. Fleming tìm cách cô chất đó lại cho thành nguyên chất. Ông nhờ một nhà hóa học giúp sức, nhưng thất bại. Sau này một nhà khác thành công và hiện nay người ta còn dùng chất đó để trị vài chứng bệnh ở mắt và ở ruột, nhưng thời đó ngoài giới của Fleming, chẳng ai để ý đến công trình của ông cả.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN
TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explocions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN
GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á
BẢO HIỂM MỌI NGÀNH
VỐN : 8.750.000.000 PHẬT LĂNC
Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP
CHI NHÁNH TẠI SAIGON
26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)
Giây nói : 21.253 — 23.913

NHỮNG CON TOÁN KINH KHỦNG của một nhà bác học

(Lược dịch bài «Les terrifiants calculs d'un savant» của Linus Pauling đăng trong tạp chí Le Courrier của UNESCO số tháng 11-1964).

CỒ-LIÊU

Giáo sư Linus Pauling là một nhà bác học Mỹ. Ông đã hai lần được tặng giải Nobel. *Giải Hóa Học* năm 1954 và *Giải Hòa Bình* năm 1962 và xưa nay ít người được cái danh vọng ấy. Bài dưới đây trích dịch bài diễn văn của ông đọc tại *Nhà Văn-Hóa Quốc Tế* ngày 19-6-64 về giáo dục khoa học và những trách nhiệm của khoa học.

Xã hội toàn quyền định đoạt những giải pháp quan trọng liên hệ tới các vấn đề xã hội, chính trị và kinh tế, nhưng nhà khoa học, hiểu biết hơn ai nhiều cạnh khía kỹ thuật của các vấn đề ấy, có bổn phận giúp ý kiến đồng bào để cho việc quyết định được thích đáng.

Năm ngoái, trong cuộc thảo luận về hiệp ước Mạc-Tư-Khoa có một vấn đề rất khúc mắc nhưng lại tối quan trọng. Đó là vấn đề tìm hiểu xem bụi phóng xạ thoát ra từ các cuộc thử bom Nguyên-tử có thể chất như thế nào và hủy hoại cơ cấu tế bào truyền giống, nguy hiểm cho tương lai nhân loại đến mức nào ? Ngày xưa những cuộc thử khí giới mới chế tạo không gây tai họa cho dân cư ở bất kỳ địa điểm nào trên thế giới, nhưng ngày nay nhân loại không tránh được ảnh hưởng khốc hại của những cuộc thử bom nguyên-tử.

Trong mấy năm gần đây, một trong nhiều phát minh khoa học quan trọng là sự khám phá ra bí mật truyền thống. Các nhà bác học đã tìm ra bí quyết truyền thống là hạt gène (hạt truyền giống), về phương diện hóa học đó là những phần tử a-cít déoxyribonucléique

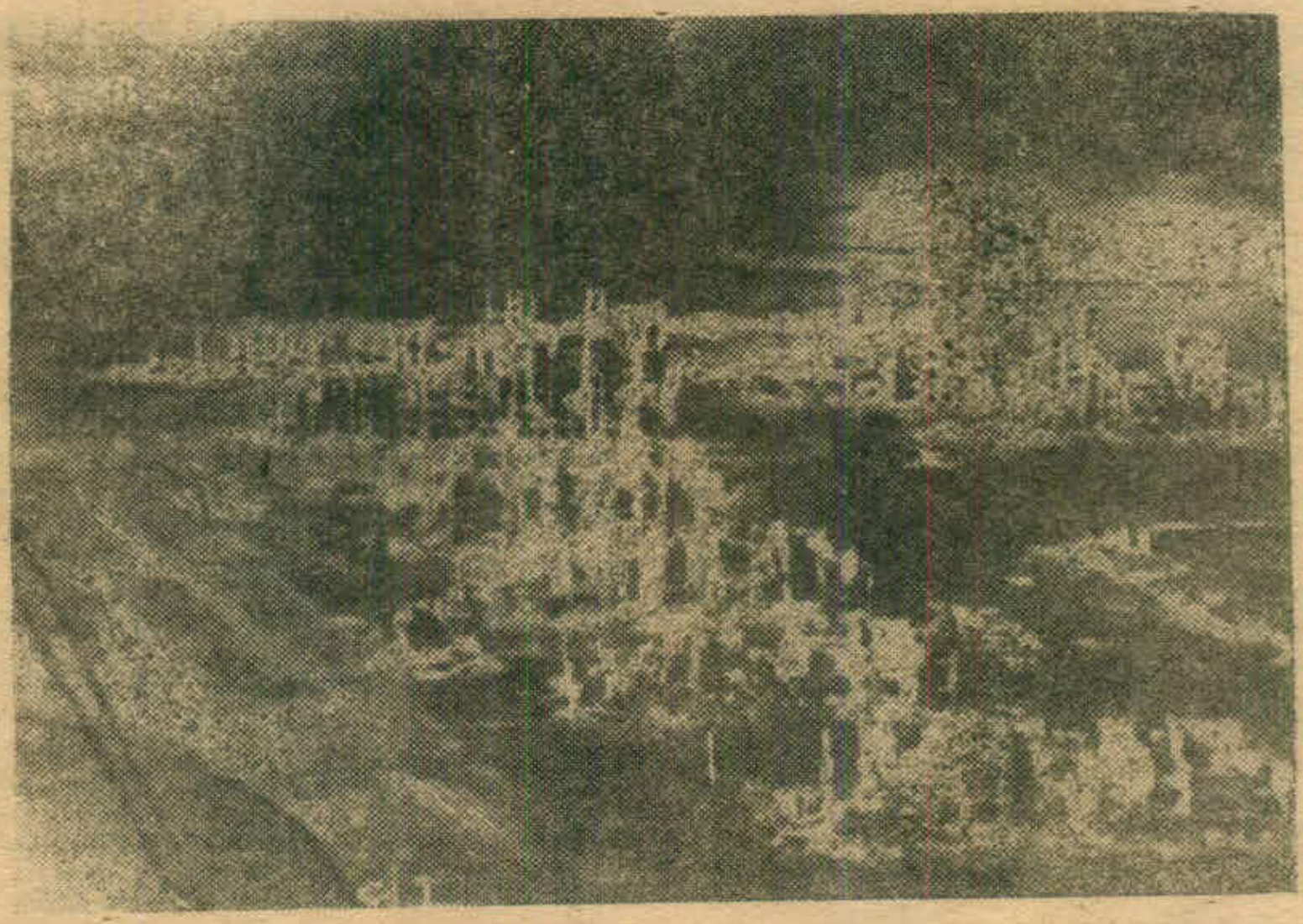

Một đô thị (ở Âu-Châu) sau một cuộc oanh tạc trong kỳ thế chiến vừa qua

(A.D.N). Những hạt truyền giống ấy do cha mẹ truyền lại cho con cái, chúng xác định tính chất di truyền của đứa trẻ.

Trong một cái trứng (người) đã thụ thai có 100.000 hạt gènes, 50.000 của cha và 50.000 của mẹ. Nếu cái thai chỉ có một số hạt gènes ít ỏi nó sẽ chết yếu trước ngày sinh. Một đứa trẻ nguyên khí tốt hay tiên thiên bất túc mạnh hay yếu phần lớn là do hạt gène. Bảy phần trăm trẻ sơ sinh bị thể chất hay tinh thần cấu tạo sai lệch trầm trọng; người ta ước lượng phân nửa những cố tật ấy nguyên do tại hạt gène biến tính. Thí dụ, tính trung bình trong 1200 trẻ em có một đứa trẻ sinh ra với một hạt gène chỉ huy các xương dài bị biến tính tức thì toàn thể các xương dài của nó không lớn được. Phần lớn những trẻ ấy chết yếu, nhưng cũng có đứa sống được, chúng sẽ có cái đầu thật lớn, bàn chân bàn tay lớn, nhưng người lùn, cẳng chân cẳng tay rất ngắn. Đó chỉ là một trong muôn ngàn trường hợp khác mà hạt truyền giống biến tính có thể gây ra cho con người.

Người ta biết rằng bụi phóng xạ gây ra sự biến tính của hạt truyền giống. Ngày nay đã có thể ước lượng cường độ biến tính của hạt truyền giống gây nên bởi tia phóng xạ của hóa chất césicum 137, cạc-bon 14 và nhiều nguyên tố khác do khí giới nguyên tử phóng ra không trung. Những tia phóng xạ ấy, nhất là cạc-bon 14, còn tiếp tục tạo ra những đứa trẻ tàn tật hàng ngàn năm nữa.

Theo đà gia tăng dân số trên thế giới ngày nay, người ta tính ra bụi phóng xạ do các cuộc thử bom (tổng số 600 triệu tấn) sẽ làm hại 16 triệu đứa trẻ : chúng sẽ chết yểu hay nếu sống được cũng tàn tật về thể chất hay tinh thần.

∴

Trong số 16 triệu đứa nhỏ đó, độ một phần mười, nghĩa là 160.000 đứa trẻ thụ độc trong đợt đầu, đến thế hệ sau độc tính sẽ bớt đi và sẽ bớt dần về sau, nhưng có thể tồn tại trong vài ngàn năm.

Con số 160.000 có vẻ không đáng kể so với tổng số 4 triệu trẻ em mỗi năm ra đời đã tàn tật vì ảnh hưởng phong xạ thiên nhiên hay vũ trụ tuyến không thể kiểm soát được, hay vì những nguyên nhân di truyền khác.

Tuy nhiên, ta không thể nói rằng 160 000 đứa trẻ tàn tật đó không can dự gì đến chúng ta. Loài người không thể quan niệm trẻ em là những con số thống kê lạnh lùng.

Những con số trên đây không có gì là chắc chắn vì sự ước lượng rất khó khăn. Con số 16 triệu nói trên có thể xa sự thực gấp 5 lần, nghĩa là sự thực chỉ có 3 triệu (ít hơn 5 lần) hay 80 triệu (nhiều hơn 5 lần). Cũng có thể con số 16 triệu còn xa sự thực gấp 10 lần 20 lần.

∴

Ngày nay một trái bom 20 triệu tấn nổ trên không hay trên mặt đất, phóng ra bụi phóng xạ có thể gây tai họa cho 550.000 trẻ con sắp sinh, theo sự ước lượng xác đáng nhất. Vậy trước khi thử một trái bom, nhà cầm quyền nên nghĩ đến việc làm của mình vô đạo đến mức nào.

Chúng ta biết rằng bụi phóng xạ phát ra từ các nguồn năng lượng cao trọng (như thử bom nguyên-tử) tích lũy trong cơ thể người ta sẽ làm ra bệnh ung thư. Nếu cho rằng với tỷ-lệ nhỏ, bụi phóng xạ đó cũng có thể gây bịnh, ta có thể ước lượng được tai họa gây cho nhân loại bởi những vụ thử bom nguyên tử. Hai triệu người bị giảm tuổi thọ từ 15 đến 20 năm vì mắc bệnh ung thư hay bệnh khác gây ra bởi bụi phóng xạ của những trái bom đã thử trước đây. Con số ấy tượng trưng cho $\frac{1}{15.000}$ dân số trên trái đất. Nhờ sự ước lượng trên đây ta có một ý niệm khác rõ ràng về vũ khí nguyên tử, mới « thử » đã gây tai họa âm thầm nhưng bi thiết như vậy, huống hồ đem xử dụng thực vào chiến tranh.

Dĩ nhiên, nếu có chiến tranh nguyên tử, bụi phóng xạ sẽ nhiễm độc mạnh hơn nhiều. Thêm vào ảnh hưởng tiêu hủy của nhiệt độ và những quang tuyến phát ra ngay lúc nổ, còn ảnh hưởng chậm của bụi phóng xạ một thời gian sau mới rơi xuống mặt đất, khiến cho những người ở cách trung tâm bom nổ hàng trăm cây số cũng bị nhiễm bụi phóng xạ mà chết sau đó vài ngày. Những người sống sót cũng bị phóng xạ hủy hoại trầm trọng tế bào truyền giống

khiến cho hàng ngàn năm sau nhân loại còn thoái hóa.

Bây giờ xin nói đến một vấn đề khác, vấn đề sản xuất và tàng trữ võ khí nguyên tử. Ngày nay, trái bom nguyên tử có tính cách phổ biến nhất là trái bom 20 triệu tấn. Liên-Xô đã cho nổ một trái bom 60 triệu tấn, hình như đó mới là một bộ phận của trái bom 100 triệu tấn. Một trái bom 100 triệu tấn chỉ chứa có 3 tấn rưỡi chất nổ, phải dùng một hỏa tiễn cỡ lớn mới có thể chở từ Mỹ sang Nga. Nhưng trái bom 100 triệu tấn thừa sức quá thành ra vô ích, vì chỉ cần một trái 20 triệu tấn cũng đủ tiêu hủy bất kỳ đô thị lớn nào trên thế giới.

Một trái bom 20 triệu tấn nổ trên không sẽ thiêu hủy hoàn toàn mọi sinh vật, trong một khoảng đất rộng 20 cây số đường kính, bằng lửa và quang tuyến phát ra trực tiếp. Cách trung tâm 300 cây số, người ta còn có thể bị chết vì phóng xạ.

***

Trong đệ nhị thế chiến có nhiều cuộc oanh tạc dữ dội các thị xã nước Đức. Một ngàn phi cơ mỗi cái chở theo 4 trái siêu bom (bom thường) nặng 1 tấn đã phá hủy gần hết thành phố Hambourg và giết hại 75.000 người. Nếu ta tưởng tượng hàng ngày có cuộc oanh tạc như thế trong 14 năm liên tiếp, cộng tất cả sức mạnh của những trái bom dội trong 14 năm lại, sẽ thấy sức mạnh của một trái bom nguyên tử 20 triệu tấn.

Người ta tính ra trên hoàn cầu có tất cả chừng 16.000 trái bom nguyên tử 20 triệu tấn hay một số bom nguyên tử có sức mạnh tương đương với 16.000 trái bom nguyên tử 20 triệu tấn. Trên hoàn cầu làm gì có được đến 16.000 đô-thị lớn, mà không hiểu sao người ta lại điên rồ chế ra một số lớn bom như vậy. Có lẽ tại trước đây người ta không am hiểu vấn đề võ khí nguyên tử cho lắm, nên nhà cầm quyền ký một quyết nghị mà cũng không hiểu mình làm cái gì. Kho vũ khí nguyên tử vượt khỏi nhu cầu quá xa như vậy có lẽ tại các nhà cầm quyền đã có những quyết định bất ngờ hay không có sự thống nhất về trách nghiệm. Điều ấy đã xảy ra ở Mỹ, Nga-Sô và phần nào ở Anh.

Theo bản phúc trình Frank của Mỹ thì hiện nay trên hoàn cầu vũ khí nguyên tử tổng cộng chừng 320.000 triệu tấn.

Thí dụ có một trận chiến tranh nguyên tử, chỉ cần dùng 10% số vũ khí đó, ném không cần trúng mục tiêu (cách độ 100 hay 50 cây số cũng được) là đủ phá hủy cả nước Mỹ, Âu-Châu và Liên-Xô trong 60 ngày, nghĩa là một vùng gồm 800 triệu dân cư trở thành hoang địa không còn một loài sinh vật nào sống sót. Ấy là không kể đến những tai họa xảy ra tại các nơi khác cũng khốc liệt kinh khủng.

Bởi vậy chúng ta hiểu tại sao người ta không ngừng nhắc lại rằng không một sự tranh chấp nào có thể biện hộ cho việc xử dụng vũ khí nguyên tử. Mới đây ông U Thant, Tổng thư ký Liên-Hiệp Quốc tuyên bố: «Người nào đề nghị dùng vũ khí nguyên tử vào mục tiêu tàn phá là một người

điên». Ngày nay chúng ta bắt buộc phải bài trừ chiến tranh như trước đây Alfred Nobel đã dự tính. Tuy đó là một vấn đề khó khăn và phức tạp nhưng mỗi người công dân của bất cứ nước nào cũng nên có thiện chí vận động trong khuôn khổ phương tiện và khả năng của mình cho một nền hòa bình thế giới và đẹp bỏ tham vọng của những kẻ gây ra chiến tranh.

∴

Hiệp ước Mạc-Tư-Khoa năm ngoái nhằm mục đích đình chỉ việc thử bom nguyên tử là một bước đầu quan trọng, tiếc rằng hiệp ước ấy không được ký kết sớm hơn ba năm, ba năm ấy là thời kỳ khá lâu không nước nào thử bom nguyên tử trừ nước Pháp có thí nghiệm những loại bom nhỏ.

Tổng số bom nguyên tử đã cho nổ đến ngày nay là 600 triệu tấn, ba phần tư, nghĩa là 450 triệu tấn, mới thí nghiệm vào mấy năm gần đây. Chỉ vì người ta đã bất lực không quyết định đình chỉ được việc thí nghiệm sớm hơn 3 năm mà có hàng triệu đứa trẻ ra đời phải chịu tàn tật.

Ước ao rằng sau này người ta không phạm những lỗi lầm như thế nữa. Nếu hiệp ước đình chỉ thử bom nguyên tử là một bước đầu đáng mừng thì mọi người nên cố gắng tiến thêm bước nữa.

Cố Tổng-Thống Kennedy đã xác định giai đoạn kế tiếp khi ông tuyên bố như sau tại phiên Đại Hội-đồng Liên Hiệp Quốc tháng 9 năm 1961 : «Giải giới không còn là mộng ảo nữa. Đó

là một vấn đề thực tế có tầm quan trọng sinh tử. Những tai hại do cuộc giải giới gây ra cũng phải lu mờ đi trước hiểm họa gây nên vì cuộc thi đua võ trang».

Ông đã đưa ra nhiều đề nghị, trong số đó đề nghị cấm xử dụng khí giới nguyên tử trong không gian đã được Liên-Hiệp-Quốc nghị-quyết chấp thuận. Mặt khác, việc đình chỉ sản xuất «chất phân tán», dùng để chế vũ khí nguyên tử, cũng tiến bộ khả quan sau khi có thoả ước giữa Hiệp-Chúng-Quốc và Liên-Sô.

Giai đoạn chót, giải giới toàn diện thì xem ra khó khăn hơn.

Người ta nên nỗ lực giải quyết vấn đề trong lúc đã giảm bớt tình trạng căng thẳng thế giới; bớt hiểm họa chiến tranh tàn khốc gây nên vì nguyên nhân tâm lý hay kỹ thuật hay sự ngẫu nhiên nào, khiến cho các nhà cầm quyền không ngăn cản được tai họa kinh khủng xảy ra chỉ trong chớp mắt.

Một đề nghị khác đáng được chú ý là đề nghị (1) đặt võ khí nguyên tử của Hiệp-Chúng-Quốc và Liên-Xô dưới sự kiểm soát song hành quốc gia và quốc tế. Phải có quyết định song phương của chủ tịch Xô-Viết-Liên-Sô và Tổng thư ký Liên-Hiệp-Quốc mới được phép xử dụng võ khí nguyên tử của Liên-Xô. Đối với nước Mỹ cũng vậy, cũng phải có quyết định song phương của Tổng Thống Mỹ và Tổng Thư Ký Liên-Hiệp-Quốc. Trong những đài kiểm soát ở Liên-Xô nhân viên Liên-Hiệp-Quốc cộng

(1) Chính là đề nghị của Linus Pauling.

tác hoạt động với nhân viên Liên-Xô, trong những đài kiểm soát ở Mỹ, nhân viên Liên-Hiệp-Quốc cộng tác hoạt động với nhân viên Mỹ.

***

Tiến một bước theo hướng ấy có thể tăng thêm sự yên ổn cho nhân loại và giảm bớt họa chiến tranh nguyên tử.

Mong rằng sẽ có ngày một hệ thống quốc tế công pháp hữu hiệu được thiết lập để có phương tiện pháp lý giải quyết các cuộc tranh chấp không cần đến chiến tranh. Tiêu diệt được chiến tranh, chế độ quân phiệt và quan niệm thái quá về quyền lợi quốc gia, người ta có thể hướng hoàn toàn khả năng và thiện chí về những mục tiêu đích đáng là quyền lợi và tự do nhân loại.

Ý kiến thay thế chiến tranh bằng một nền pháp chế quốc tế không phải là một khái niệm mới mẻ gì, bởi vì đã có nhiều người nghiên cứu và cổ xúy. Đã đến lúc các quốc gia phải công tác vào việc thực hiện nền pháp chế ấy.

Cũng như trước đây Nobel đã nói : « Khi nào hai quân đội có khả năng tiêu diệt lẫn nhau hoàn toàn trong một giây đồng hồ, thì bấy giờ phni bỏ hẳn chiến tranh», ngày nay không những hai binh đội mà hai nước có thể tiêu diệt nhau trong một vài giờ.

Bảy mươi lăm năm trước đây, Nghị viện nước Na-Uy đã đề nghị thiết lập một hệ thống trọng tài quốc tế để giải quyết những vụ tranh chấp giữa các quốc gia, họ đã tuyên bố : « Bản viện tin tưởng rằng ý kiến này sẽ được đại đa số dân chúng tán thành. Cũng như luật pháp đã thay thế những cuộc ẩu đả để giải quyết những vụ tranh chấp tư nhân, ý kiến nhờ nhờ một cơ quan trọng tài giải-qnyết những vụ tranh chấp giữa các quốc gia tự nhiên sẽ phát triển mạnh mẽ. Mỗi ngày, trong lương tâm mọi người, chiến tranh càng hiện ra như một hành động dã man và một thảm họa cho loài người. »

Ngày nay đã điểm giờ quyết định của lịch sử nhân loại, giờ mà chúng ta phải chấm dứt những hành động dã man, thuộc về tiền sử, gây ra thảm họa cho loài người. Chúng ta có nhiều hy vọng thực hiện công cuộc vĩ đại ấy ; khi đã loại bỏ được chiến tranh và những thống khổ gây nên vì chiến tranh, người ta có thể tận dụng tài nguyên trên trái đất, khám phá của khoa học và kết quả của cần lao để phục vụ toàn thể nhân loại.

CÔ-LIÊU *lược dịch*

Đính chính

B.K. số 192, bài «Thử tìm một giải pháp cho các xứ kém phát triển» trang 10, ba hàng 27-28-29 cột bên mặt, xin đưa xuống trang 11, cột bên trái, sau hàng 19.

Mong bạn đọc sửa lại giùm cho.

Đa tạ

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Thiên Thai

HIỆU MẠCH NHA KẸO GƯƠNG

Chủ nhơn : Bà Trương - Thị - Tiến

192, đại lộ Quang-Trung

QUẢNG-NGÃI

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.

Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9è

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135 *Đại-lộ Nguyễn - Huệ*

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à 'Étranger, notamment en A.O.F .AF.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la union, à Djibouti, à Addis-Abeba - Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagoos Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico); à Panama (Panama Trust Co. Inc).

بسم الله الرحمن الرحيم

Hồi-Giáo tại Việt-Nam

● *DOHAMIDE*

Tại Việt-Nam, người theo Hồi-Giáo chỉ bao gồm một thiểu số bé nhỏ và đa số là Đồng bào Chàm, vì Hồi-Giáo nguyên đặt cơ sở và đã có thời cực thịnh trong Vương Quốc Chiêm-Thành ngày trước.

Có điều Hồi-Giáo đã xâm nhập Chiêm-Thành từ hồi nào, thì hiện vẫn chưa có câu trả lời dứt khoát.

Ed. HUBERT có tìm được trong tài liệu sử nhà Tống, một công thức tựa hồ như « *Ollohu Akbar* » (câu kinh nhật tụng của Hồi-Giáo đề cao Thượng-đế vĩ đại) trong đoạn văn :

« Cũng có (nói người Chàm) « nhiều trâu trên núi, nhưng người « ta không dùng để cày bừa mà chỉ « để tế thần. Khi giết một con trâu « người ta đọc : «A Lo ho ki pa».

Vịn vào đó, người ta suy đoán là hồi đời nhà Tống, đã có người Chàm theo Hồi-Giáo. (1)

Một bi ký năm 1039 và lối giữa năm 1025, 1035 tìm lại được cũng chứng minh tại vùng Phan-Rang, Phan-Rí, đã có người Hồi-Giáo từ giữa thế kỷ thứ 10.

Nhưng người ta tự hỏi tại sao mãi đến thế kỷ thứ 10 ? Trong khi đó thì thuyền buôn A-Rạp, vẫn thường lui tới ngang qua bờ biển Đông-Dương ? Người ta đoán rằng có lẽ là do khí hậu, giặc cướp, và nhất là Chiêm-Thành lại thiếu những hải cảng thuận tiện. . .

Điều chắc chắn là Hồi-Giáo chỉ phát triển mạnh, nhờ những quan

(1) G. Maspero, Royaume du Champa.

hệ ngoại-giao giữa Chiêm-Thành và miền Tây In-Đô-Nê-Xia, ở những thế kỷ sau này.

Trong lịch sử, vào khoảng năm 1822, 1823, khi bắt đầu triều đại Minh-Mạng, Chiêm-Thành suy vong bị xâm nhiễu, Chiêm Vương hiệu là Pô-Chon-Chan cùng một nhóm cận thần trốn sang Cam-Bốt. Sách chép rằng Pô-Chon-Chan vốn theo Hồi-Giáo.

Mặt khác, E. Aymonier (3) cũng có ghi lại được một truyện truyền kỳ lịch sử Chiêm về một ông Vua, hiệu là Pô-Ovloah trị vì từ năm 1000 đến 1036 và có đi hành hương tại Mecca (A-Rạp). Ovloah thực sự là do danh từ Olloh hay Allah chỉ định Thượng-Đế của Hồi-Giáo ; ở đây có lẽ vì lòng ngưỡng mộ quá cao, giới bình dân đã đồng hóa Thượng Đế với một vị lãnh đạo xã hội Chiêm-Thành.

Tín đồ Hồi-Giáo tại Việt-Nam ngày nay ước khoảng 40.000 người, có thể phân chia thành những nhóm chánh yếu như sau :

Nhóm thứ nhất bao gồm những người ngoại quốc, sống hầu hết tại Thủ-đô Saigon :

1) Các Ấn kiều và Hồi kiều (lối 600 người) thuộc Trường phái *Ha-Nê-Phi*, phần lớn là những thương gia giàu có, chuyên nhập cảng, buôn bán hàng vải, tạp hóa, ngọc trai..., đa số gốc ở miền Nam Ấn-Độ, một số ở miền Bombay.

Các Ấn kiều thường để vợ con lại ở quê nhà và một hai năm mới quay về một lần. Một số ít cưới vợ Việt, nhưng đều tìm cách mang con cái về nước.

Một Thánh Đường Hồi-Giáo lớn nhất ở Việt-Nam hiện nay chính do nhóm Ấn Kiều này xây cất và quản trị, tại đường Thái-Lập-Thành Saigon.

Một Thánh đường Hồi-Giáo khác nhỏ hơn ở đường Nguyễn-Trãi, Chợ-lớn, cũng thuộc nhóm này.

Nổi danh trong hoạt động tôn giáo của nhóm này, người ta thường nhắc đến Haji L. A. M. Maideen, Z. A. Latif v.v...

2) Người Mã-Lai, A-rạp, A-phú-Hãn hiện chỉ còn độ 200 người, trước có cất được một Thánh Đường nhỏ ở đường Pasteur Sai-gon, chuyên các nghề « gác-dan », tiểu thương v.v...

Nhóm thứ hai : Đồng bào Chàm.

Như đã có dịp trình bày (4) một số đồng bào Chàm hiện sống tại lãnh địa cũ ở miền Trung (tỉnh Ninh-Thuận và Bình-Thuận) một số lưu vong định cư tại tỉnh Châu-Đốc (Nam-Phần), tỉnh Tây-Ninh, một số lập nghiệp tại Saigon.

Đồng bào Chàm Hồi-Giáo ở miền Trung, tục gọi là *người Ba-ni*, trải

---

(3) E. Amonier, Légendes historiques des Chams, Excursions et Reconnaissances, XIV, 153.

(4) Xem Bách-Khoa từ số 135 đến số 137 bài « Người Chàm tại Việt-Nam ».

qua những giai đoạn thăng trầm của thời cuộc, sống trong những thôn ấp biệt lập, có những vòng rào kiên cố bao quanh, nên việc hành đạo, hòa cùng với sắc thái huyền bí của tập tục địa phương, với sự tôn thờ các đền tháp, đã có phần lệch lạc đối với Hồi-Giáo-pháp chính thống. Do đó, Hồi-Giáo đồng bào ngưỡng mộ biến thành một thứ Hồi-Giáo của riêng đồng bào ở đây mà thôi.

Một vài dấu vết còn sót lại của thời Hồi-Giáo cực thịnh Chiêm-Thành là kiến trúc của các Thánh Đường, phương hướng đã được tính toán rất đúng *kì-blat*, tức hướng Thánh Địa Mecca, như tất cả các Thánh Đường Hồi-Giáo khác trên thế giới. Thứ nữa là kỹ thuật quy định ngày tháng cúng lễ ; mặc dù đồng bào không có liên lạc với các nước Hồi-Giáo bên ngoài, nhưng hằng năm vẫn định được ngày Thánh lễ, ngày *ăn chay* đúng với Hồi lịch thế giới.

Tuy nhiên, việc đạo ở đây dường như được xem là việc riêng của một giới Tu-sĩ, tức một giới người chuyên nghiệp, mặc sắc phục riêng, tự họ có thể thay mặt tập thể đảm trách những nghĩa vụ của Thượng-đế đã truyền phán cho mọi Hồi-Giáo-đồ qua Thánh kinh *Cur-An*. Do đó, những người Hồi-Giáo trong thôn ấp chỉ cần biết một số kinh sách *Cur-An*, còn thì không bị ràng buộc bởi những quy luật của Hồi-Giáo như cầu nguyện mỗi ngày, nhịn đói tháng Ra-ma-đan v.v...

Đồng bào Chàm Hồi-Giáo miền Trung còn lưu giữ một số bản Kinh *Cur-An* chép tay khá đặc biệt. Và vì chép tay, nên nội dung có rất nhiều sai lạc, so với chính bản hiện lưu hành tại các nước Hồi-Giáo.

Giới Tu-sĩ Chàm Hồi-Giáo miền Trung hành đạo theo phương pháp truyền khẩu, nên dường như không còn ai hiểu được nội dung của quyển *Cur-An* nữa.

Trong bản *Cur-An* đồng bào sử dụng, người ta thường nhận thấy có những phần chú thích riêng viết bằng chữ Chàm cổ (*khăg ta-păk*), nói rõ tác dụng của các đoạn kinh.

Các Thánh Đường *Chàm Ba-ni* miền Trung thay vì mở cửa hàng ngày đón tiếp tín đồ, thì trái lại phải đóng cửa quanh năm và ngày mở cửa được xem xét rất kỹ, kèm theo những lễ tục long trọng.

Thánh đường được xem là nơi tôn nghiêm, còn gọi là *nhà Thượng-Đế*, (Thang Ovloah ; Thang Pô), mà sự hành lễ là việc riêng của các Tu-sĩ.

Tại mỗi Thánh-Đường, có một hệ thống Tu sĩ mặc sắc phục trắng đầu vận khăn trắng, đứng đầu là vị *Gu-Ru*, tiếp đến là các *Mươm*, *Tip*, *M'Đinh*, *Chang* . . . gồm từ 18 đến 20 người (5).

Hằng tuần, đến thứ sáu là ngày Thánh lễ Hồi-Giáo, các Tu-sĩ này

---

(5) Xem Bách Khoa số 136, trang 10-11.

tụ họp tại một Thánh Đường nào đó, được chỉ định theo luân phiên, cùng nhau hành lễ.

Tháng Ra-ma-đan, toàn thể giới Tu-sĩ *Ba-ni* đều mang đồ đạc vào sống trong Thánh Đường và chỉ có tháng này, Thánh Đường mới được mở cửa suốt tháng, để tín đồ địa phương mang lễ vật đến cúng. Còn việc nhịn đói của các Tu-sĩ thì chỉ còn có ý nghĩa tượng trưng trong 3 ngày đầu tháng *Ra-ma-đan* mà thôi.

Tính cách tượng trưng cũng được nhận thấy trong lễ tục cắt da quy đầu (circoncision) với con dao bằng cây và thường được cử hành long trọng, nhân dịp đó, một thanh niên thọ nhận một cái tên Hồi-Giáo *Hô-Thanh* hoặc *Hô-Thai* mà thanh niên này, trên thực tế, sẽ không bao giờ dùng đến.

Nhận được những sự sai lạc của Hồi-Giáo Chàm miền Trung, Hiệp-Hội Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam từ năm 1961 đã tìm cách liên lạc với giới Tu-sĩ lãnh đạo địa phương, mục đích cải thiện lại cho đúng với Hồi-Giáo-luật. Công việc này gặp khó khăn, vì hệ thống cũ, trên thực tế, đã tạo nên một số quyền lợi thủ đắc đối với một số người.

Mặt khác, hoàn cảnh sanh hoạt địa phương mang nhiều màu sắc mê tín, mọi người đã quen giao phó việc đạo cho giới Thầy Chang chuyên nghiệp, nên người dân dường như luôn luôn mang mặc-cảm e sợ thần linh, e ngại sự thay đổi sẽ gây tai hại cho mạng sống của mình.

Vì những lẽ đó, Hiệp-Hội Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam, hợp lực cùng một vài Ấn-Kiều có phương tiện tài chánh, đã thiết lập được 3 Thánh-Đường tại Ninh-Thuận ở các thôn Văn-Lâm, Phước-Nhơn, An-Nhơn, hiện quy tụ được một số người Chàm Hồi-Giáo, hành đạo đúng theo giáo lý Hồi-Giáo chính thống, mục đích tạo nên những người gương mẫu, lôi kéo phần đa số còn lại.

Hiện đã có 2 vị trước là Thầy Chang ở Phước-Nhơn, nay đã nhận được con đường và đang hành đạo dưới hệ thống của Hiệp-Hội Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam. Nổi danh trong giới lãnh đạo của tập thể Chàm Hồi-Giáo ở Ninh-Thuận hiện nay là cụ Nguyễn-Giàu, ngụ tại thôn Phước-Nhơn, quận Bửu-Sơn.

Theo những điều trình bày kể trên, hiện giới lãnh-đạo Chàm Hồi-Giáo miền Trung phải đương đầu với hai vấn đề chánh yếu :

1) phổ biến sâu rộng giáo lý Hồi-Giáo trong các tín đồ, để mọi người cùng ý thức đúng bổn phận do Giáo-luật quy định.

2) bài trừ mọi hình thức mê tín dị đoan đã ăn sâu vào tập tục, do nhiều năm hành đạo sai lạc.

Những công trình dự định kể trên ngày nay mới còn ở giai đoạn chuẩn bị, và mọi việc tổ chức, đồng bào ở đây đều phải trông

mong ở cố gắng của cộng đồng Chàm Hồi-Giáo Nam-Phần, tức Chàm Châu-Đốc, hiện có sẵn một số phương tiện vật chất lẫn tinh thần.

Thực vậy, đồng bào Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc từ lâu nay đã sẵn có một hệ thống tổ chức thôn ấp hoàn mỹ, dựa vào Hồi-Giáo-luật.

Trong 7 thôn ấp Chàm Hồi-Giáo hiện có ở tỉnh Châu-Đốc, có tất cả 9 ngôi Thánh - Đường và sanh hoạt tôn giáo ở đây có liên hệ thường xuyên với các Trung Tâm Hồi-Giáo thế-giới, qua trung gian của những người xuất ngoại hành hương hàng năm ở Mecca.

Mỗi người Hồi-Giáo Châu-Đốc ít lắm cũng đọc được Thánh Kinh *Cur-An* và đều hiểu biết rõ những điều tối yếu trong bổn phận của người Hồi-Giáo trước Thượng-Đế. Do đó, những quy luật Hồi-Giáo đều được tổ chức xã-hội địa-phương hỗ trợ, để ít ra cũng gây được một sự tuân hành trên phương diện hình thức.

Có lẽ, người ta khó nhận thấy toàn thể người dân ở đây đều hành lễ (*sgo-lah*) mỗi ngày đúng năm lần, những giờ hành lễ thường được báo hiệu bằng những hồi trống, nhắc nhở mọi người làm công việc bắt buộc, lâu dần thành một thứ tập tục, khiến người ta có thể khiếm khuyết khi phải đi xa, nhưng khi đã hiện diện ở nhà, thì như có một cái gì thúc đẩy con người ta phải làm đúng như quy định, để khỏi bị lạc lõng và khinh bỉ.

Mặt khác, đồng bào Chàm Châu-Đốc có tổ chức sẵn một hệ thống giáo dục riêng, về phương diện này.

Người ta nhận thấy bên cạnh hầu hết các Thánh Đường đều có một căn nhà gọi là *Ma-dra-sah* dùng làm nơi dạy kinh sách, với những trình độ khác nhau.

Thường thường, các em bé trước nhất được dạy đọc Thánh kinh *Cur-An*, nhưng việc học đọc này chỉ cốt để thi thố tài ngâm trong những buổi lễ đạo mà thôi, vì kinh *Cur-An* vốn viết bằng chữ A-Rạp, và như đã trình bày, sự diễn dịch ra thứ tiếng khác gây nhiều trở ngại phức tạp.

Muốn thông hiểu ý nghĩa của *Cur-An*, người ta phải nhờ những cuốn *Taf-Sir* tức những quyển sách bình - giảng thường viết bằng tiếng Mã-Lai. Điều này khiến người ta không lấy gì làm ngạc nhiên, khi phần lớn những người Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc đều thông thạo tiếng Mã-Lai.

Nhiều vị lãnh đạo Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc nguyên trước đã được đào tạo ở Mã-Lai, trong số đó, có một vị nổi tiếng nhất và được mọi người kính phục (cả đến trong tập-thể Chàm Hồi-Giáo ở Cam-Bốt) là Ha-Kim MƠ LY, một bô lão đã từng sống nhiều năm học đạo ở Thánh Địa Mecca.

Trong những điều kiện sanh hoạt đó có một thời đồng bào Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc có ý thích nói tiếng Mã-Lai hơn là tiếng Chàm, vì tiếng Mã-Lai tượng trưng cho trí thức, đồng thời cũng chứng tỏ trình độ giáo-lý của con người.

Chính sự-kiện này đã khiến một nhóm người ở Châu-Đốc, chỉ muốn tự cho mình gốc Mã-Lai và luôn luôn phủ nhận mình là người Chàm. Đó là trường hợp của một thôn ấp xã Châu-Giang dưới quyền lãnh đạo của Ha-Kim IDRESS gồm độ 300 tín đồ, hằng ngày thường dùng tiếng Miên để thông cảm với nhau, nhất quyết không chịu cho mình là Chàm, gây ra tranh chấp phức tạp, bề ngoài xem như có tính cách tôn giáo, đối với thôn ấp kế cận thuộc quyền lãnh đạo của Ha-Kim MƠ LY.

Theo chỗ chúng tôi được biết, thì ngày 9-11-1964 vừa qua, Trung Tá Lý-Bá Phầm, Tỉnh Trưởng Châu-Đốc, đã thân hành đến tận nơi, tổ chức cuộc gặp gỡ giữa hai bên, nhưng hiện vẫn chưa có một lối thoát tích cực.

Tinh thần biệt phân và chia rẽ kể trên nguyên đã phát sinh và được khích lệ dưới thời Pháp thuộc nay còn lưu lại dấu vết và là những điều không may cho xã hội Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc.

Một tác giả Pháp, Jean-Paul Roux đã viết : « Đó là những người Chàm, mặc dù người ta cứ để quyết là người Mã-Lai » (6)

Nhân dịp này, người ta có thể tìm hiểu tại sao Hồi - Giáo nguyên đã đặt cơ sở tại Việt-Nam khá lâu mà rất ít người Việt-Nam theo Hồi-Giáo.

Trường hợp của ấp Ba-Cụm thuộc xã Tân-Bửu (khoảng 20 cây số cách Chợ-lớn, trên đường đi Long-An) là một sự tình cờ, do một người Chàm Châu - Đốc đi thuyền lên Sàigon, ghé lại và đã chữa bệnh giùm cho một người Việt. Người Việt này khỏi bịnh đã quyết cùng gia đình theo Hồi-Giáo và từ đó Hồi-Giáo lần hồi lan rộng được cả một thôn ấp, hiện một Thánh Đường nhỏ đã được xây cất để làm cơ sở hành lễ thường nhật.

Ngoài ra, những người Việt sống lân cận đồng bào Chàm Hồi-Giáo cũng rất ít khi hiểu được ý nghĩa của các sanh hoạt tinh thần của đồng bào này và nhiều người tự nhiên xem như là một thứ tập tục riêng của người Chàm.

Nguyên nhân chánh có lẽ là hầu hết các vị hấp thụ được một trình độ giáo lý uyên bác, có khả năng truyền bá Hồi-Giáo, thì lại chỉ thích duy-trì chữ Mã-Lai hoặc A-Rạp và thường không biết chữ Việt.

Đó là một trở ngại lớn cho việc phát triển Hồi-Giáo tại Việt-Nam.

Đứng về phương diện tổ chức lãnh đạo tinh thần, thì toàn thể các hệ thống cổ truyền tại các thôn

(6) Jean-Paul, Roux, L'Islam en Asie, trang 282.

ấp Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc, Tây-Ninh, Sài-Gòn, nay đã được chánh thức hóa trên căn bản pháp lý của, Hiệp - Hội Chàm Hồi - Giáo Việt - Nam được Bộ Nội-Vụ cho phép thành lập từ năm 1961, đặt Trụ sở Trung Ương tại số 23 TK 10, Bến Chương-Dương, Sài-Gòn.

Tổ chức này hiện đảm trách hầu hết các vấn đề liên lạc với chánh quyền, liên hệ đến đời sống tinh thần của đồng bào Chàm Hồi-Giáo và vừa rồi, mới lập được tại Ka-tambong (Châu - Đốc)một *Trung Tâm Truyền-Bá Hồi-Giáo*, theo quan niệm mới, mục đích đào tạo những người có khả năng truyền giáo, để phát huy Hồi-Giáo, trong cộng-đồng Hồi-Giáo sẵn có tại Việt-Nam.

Theo giới hữu-trách của Hiệp-Hội Chàm Hồi-Giáo, thì mối quan tâm của các vị lãnh đạo hiện nay trước tiên là xây dựng lại Thánh Đường làm cơ sở tinh thần cho toàn thể đồng bào Chàm tại Sài-Gòn. Thánh Đường này bị phá hủy từ biến cố Bình Xuyên năm 1954, ngày nay vẫn còn trơ trọi với hàng rào gạch đổ nát, tọa lạc bên Đại lộ Trần-Hưng-Đạo, ngang Trường Huấn-Luyện Cảnh-Sát Đô-Thành.

Vấn đề thứ hai là việc đối phó với một nhóm người chủ trương chia rẽ tự cho là phái trẻ (*Mu-Đơ*), hiện với trăm mưu ngàn kế hoạt động lật đổ hệ-thống tổ chức cổ truyền, đứng ngoài cương vị các Trường-Phái để xuyên tạc giáo lý.

Phong trào *Mu-Đơ* này nguyên phát sinh trong Cộng đồng Chàm Hồi-Giáo Cam-Bốt, khuynh hướng vô-thần, bắt nguồn từ lý thuyết các Đảng chánh-trị Hồi-Giáo ở In-Đô-Nê-Xi-A, Mã-Lai.., và đã được du nhập tại Châu-Đốc từ khi một một lãnh tụ tên là Haji Ayob từ Mã-Lai về nước hồi năm 1959.

Ô. Ayob đưa ra nhiều thuyết gây xáo trộn sanh hoạt thường nhật của đồng bào địa phương và chủ trương sửa đổi một vài điểm căn bản của Giáo-luật, như chỉ công nhận 23 vị Thiên-sứ (Ro-xôn) thay vì 25, không đưa hai tay lên khi cầu nguyện, không làm *Mâu-luđ* tưởng niệm Muhammad v v...

Phản ứng của dân chúng quá mạnh, nên ô. Ayob phải quay về Mã-Lai Á ngay, nhưng có lưu lại một số môn đệ, tuyển chọn trong thân quyến, tạo thành nhóm mà đồng bào thường gọi là nhóm ba mươi bảy người, vừa rồi, lợi dụng bầu không khí cởi mở của sau cuộc Cách-mạng 11 tháng 11-1963, đã vận động xin được phép chánh quyền cho cất một cơ sở dưới hình thức «Tịnh-Xá» tại xã Phum-Soài (Châu-Đốc).

Hoạt động của nhóm này trước đây đã gây nhiều xung đột tại địa phương, ảnh hưởng đến trật tự công cộng.

Điều đáng chú ý là toàn thể đồng bào Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc thuộc Trường-Phái *Sa-Phê-Y*, đã nhất quyết chỉ hành đạo cùng bảo vệ sự nguyên vẹn của tín ngưỡng, trên căn bản Trường phái của mình mà thôi.

DOHAMIDE

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ★ ☆

HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London :	*Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*
Tokyo :	*No 1, 2Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*
Hongkong :	*60, Bonham Strand West.*
Central district :	*Shell House, Queen's Road.*
Kowloon :	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
Singapore :	*64 South Bridge Road*
Kuala lumpur :	*14 Ampang Street.*

Chuyện sáu vị Thuyền sư

Tuệ-Trung

Lời người dịch—Đây là sáu chuyện trong muôn ngàn chuyện về phương pháp truyền Đạo của các vị Thuyền-sư ngày xưa. Đọc qua những chuyện này, ta không khỏi cho là vô-nghĩa, hay nếu cố gán cho chúng một ý-nghĩa, thì ý-nghĩa đó lại bí-hiểm chẳng khác gì những sấm-ký của Trạng-Trình hay Nostradamus tiên-đoán tương-lai thế-giới.

Sự thực không phải như vậy. Những bậc giác-ngộ như các ngài thì mỗi hành-vi, ngôn-ngữ, cử-chỉ đều hàm-súc ý-nghĩa. Nhưng các ngài không bao giờ chịu nói rõ, để mặc người hỏi Đạo tự hiểu lấy là vì các ngài muốn thử trí hiểu-biết của các đồ-đệ và vì Chân-lý của Thuyền chỉ nên hiểu bằng *im-lặng cảm-thông* chứ không thể bằng sự *diễn-giải của ngôn-từ*. Thực vậy, Chân-lý ấy được hiểu bằng cái mỉm cười của ngài Ca-Diếp với cành hoa sen của Đức-Thế-Tôn trong Hội Linh-Sơn hay bằng những cái gật đầu đầy ý-nghĩa của các Thuyền-sư... Chủ-đích của loạt bài này cốt khai-triển ý-nghĩa ngôn-ngữ, hành-động của các ngài khi giác-ngộ các đệ-tử. Để độc-giả tiện theo dõi, dịch-giả xin trình-bày đại-

lược mục-đích cũng như phương pháp truyền Đạo của các ngài.

Thuyền được định-nghĩa như là con đường đi đến Chân-lý một cách trực-tiếp nhất. Thực vậy, bằng công-phu tập-luyện, trong một sớm chiều nào đấy, ngay chỉ trong *một* cuộc đời, con người có thể bước lên bờ Chân-lý. Dĩ nhiên, con đường tất bao giờ cũng gặp nhiều khó khăn, cho nên ta sẽ hiểu tại sao các Thuyền-sư suốt cả cuộc đời may ra chỉ tìm được một kẻ hiểu Đạo như lời ngài Hoa-Đình bảo ông Giáp-Sơn : *Than ôi ! ta đã buông cần khắp ngọn sông này, giờ mới cần được con cá vàng !* Vì sao ? Vì muốn được Giác-ngộ phải diệt-trừ vọng-tâm, dứt bỏ óc tư-tưởng phân-biệt, giữ tâm-hồn trong sáng như gương, phẳng-lặng như tờ. Nhưng tâm-hồn con người là một mặt bể luôn nổi sóng. Một ý-nghĩ gợn lên, cả một chuỗi tiên-tưởng chẳng chịt kéo đến khiến con người triền-miên trong đà liên-tưởng ấy, rồi vọng-tưởng , dục-vọng dồn-dập như sóng triều, thúc-đẩy con người hành-động để thỏa-mãn, rút cục khoái-lạc thành-công thì ít mà đau khổ thất bại thì nhiều. Bằng một văn-ảnh rất đúng, Thạch-Củng Thuyền-sư đã ví tâm hồn con người vời loài *trâu bò* ở trên *đồng cỏ*, nghĩa là sự bướng-bỉnh thích lang-bạt đi tìm ngoại vật. Những lúc ngủ, nghỉ, tưởng tìm được sự ổn định cho tâm hồn thì đời sống tiềm-thức lại trỗi dậy mãnh-liệt hơn bao giờ. Cho nên suốt cả một đời tâm trí con người như ở trên mặt bể bão tố.

Nhưng nói thế không phải để thất-vọng. Tâm hồn con người tuy hỗn-loạn thật đấy, nhưng đó chẳng qua một lối *sinh hoạt ở bên ngoài*. Mà đã *rõ tất cả sự vật từ hình thái cụ thể đến ý niệm trừu tượng đều là hư vô*. cho nên *tình trạng hỗn loạn của tư tưởng cũng hư vô*. Đã xem nó là hư vô nên không để nó chi phối, ảnh hưởng nữa, trái lại đem lòng hăng-hái đi tìm một cái gì Chân Thực, Vĩnh-Cửu hơn. Và con Đường Thuyền đưa ta đi tìm cái Chân-Thực Vĩnh-Cửu đó. Thuyền chủ trương cái gọi là đời sống nội-tâm chỉ là một sự sinh hoạt xào-xạc ở bên ngoài. Phá bỏ đời sống nội-tâm ấy đi, vén bức màn vọng tưởng mê-mờ lên, sẽ thấy hiện ra rực-rỡ một Thể trong suốt, phẳng-lặng, bất-biến, vĩnh-viễn. Thể ấy gọi là Ngã-Tính, Chân-Ngã, Chân-Tâm, Chân-Như. Trở về với nó là trở về với Chân-lý Tuyệt-đối, là Giải thoát, Giác-ngộ. Nói *trở về* vì Chân-lý ấy vốn tồn-tại trong mỗi cá-nhân, nhưng vì bị lầm lạc che lấp nên không nhận thấy đấy thôi. Con người, vì cái Nghiệp nặng nề của mình, phải trải qua nhiều kiếp sống, nhưng vẫn luôn mang theo một *Bản thể duy nhất, bất biến* mà nếu biết cách phát huy sẽ xuất hiện rạng rỡ, Bằng chủ trương như vậy, Thuyền tuy công nhận cuộc đời khổ não nhưng còn có thể cứu vãn được bằng nỗ lực của chính cá nhân nhằm phát lộ Chân-Ngã để được Giải-thoát và khuyến-cáo cá nhân không nên thất vọng về thân phận bi-đát của mình.

Đối với các sinh hoạt hàng ngày của mỗi cá nhân, Thuyền quan niệm tất cả điều-khiển do Ngã-Tính. Điểm này rất quan-trọng vì các Tuuyền-sư trước khi truyền Đạo cho một đệ tử,

đều đặt ra những câu hỏi cốt xem đệ tử ấy có lý hội được điều đó không. Quan-niệm này thoạt đầu có vẻ vô lý vì không dựa trên những định luật về tâm-lý, sinh-lý của con người. Nghe tiếng ngói vỡ của ngài Hương-Nghiêm chẳng hạn; tâm lý học sẽ cắt nghĩa đấy là phản ứng của thính quan, luồng dây thần kinh truyền vào óc v.v. rồi nảy sinh ra tri giác tiếng ngói vỡ. Quan-niệm của Thuyền, trái lại cho rằng chính Ngã-tính tri giác chứ không phải do cái gì hết vì mọi sự vật, trừ Ngã-tính, đều là hư vô. ảo tưởng. Như vậy, *Tri giác Ngã tính* khác hẳn *tri giác Giác quan*. Tri giác Giác quan bao gồm hai sự việc *Đối-tượng tri giác* và *chủ thể tri giác*, cả hai ta thường vẫn cho là có thực. Tri-giác Ngã-tính chỉ có *một*, đối tượng cũng như khách thể đều bị xóa nhòa để kết thành một thể nhận-thức. (xin xem phần bình-luận hai bài kệ của ngài Hương-Nghiêm)

Phương pháp Giác ngộ

Như đã nói trên, ngôn-ngữ hành-động của các Thuyền-sư rất bí-hiểm. Chẳng hạn, ngài Hương-Nghiêm cười lớn để trả lời câu hỏi của một Thượng-Tọa, ngài Thạch-Củng đang nấu cơm mà bảo là đang chăn bò, ngài Phó-Đạo-Sĩ ăn vận như một kẻ điên vào viếng vua Lương-Vũ-Đế và giảng kinh Kim-cang bằng cách gõ vào bàn một cái rồi đứng dậy không nói một lời, và còn biết bao hành động kỳ-quặc nữa... Tại sao cáa ngài làm thế ? Ta đã rõ chủ-đính của Thuyền là tách tâm hồn con người khỏi sự ràng-buộc của tư tưởng tình cảm, ngôn ngữ, cử chỉ trần gian. Do đấy, các Thuyền sư thường tránh sử dụng lối diễn-tả chân lý bằng ngôn ngữ thông-thường do con ngươi sáng tạo, vì tuy chúng dễ hiểu nhưng con người sẽ câu-nệ vào đấy, tưởng rằng có thể dùng ngôn-từ để diễn-tả chân-lý. *Chân lý vượt hẳn cuộc đời hư vô. hông thể nhận thức được bằng phương ktiện của cuộc đời mà chỉ bằng một thể Chân Ngã sáng-láng thoát khỏi sự ràng buộc với đời.*

Thuyền còn quan niệm chân-lý không thể định nghĩa, xác định được. «Định nghĩa» là vạch giới hạn, xác-định ý nghĩa thực sự của một điều gì. Nói đến vạch giới-hạn tức là nói đến cái gì đã bị đóng khung trong một biên giới bẹp hòi ; nói đến «xác định» tức là nói đến tìm hiểu trong giới hạn ý nghĩa một điều gì — chỉ *một* thôi, không phải *tất cả* mọi sự. Vậy làm sao dùng cái giới hạn bao trùm được cái *Vô hạn, Vô cùng, Phổ-quát, Bất-biến* là Chân-lý ? Bởi thế, ta sẽ thấy các thuyền sư, khi các đệ-tử đến hỏi Đạo, đã không chịu trả lời thẳng vào câu hỏi (trả lời như thế tức là định nghĩa mất !) mà chỉ nói ra một sự thực trực-tiếp, giản dị của ngài cảm thấy lúc câu hỏ, được đặt ra Do đấy cùng một câu hỏi nhưng được các ngài đáp một cách khác nhau. Ta hãy lấy một ví dụ : Một vị tăng đến hỏi một Thuyền sư Bồ-đề Đạt-ma ở Tây-Phương sang nghĩa là thế nào ? (nghĩa là Chân lý là gì ?). Thuyền-sư đáp : cây tùng ở ngoài sân ! Cũng một câu hỏi như thế, một Thuyền sư

khác trả lời: Dòng sông nước chảy! Các ngài muốn nói rằng *Chân-lý bao-trùm sống-động khắp nơi*, như cây tùng giữa bầu trời lộng gió, như giòng sông cuồn cuộn trôi mau. Vậy thì mục đích của Tổ Bồ-Đề Đạt-Ma ở Tây-Phương sang là truyền-bá và làm sáng tỏ cái Chân lý Đại-đồng ấy.

Những ngôn-ngữ, hành-động nói trên Thuyền gọi là *Công-Án* (Nhật-ngữ: Koan). Theo nguyên-nghĩa, *Công-án* là những luật lệ chung do chính-quyền đặt ra để duy-trì trật tự, trong Thuyền đấy là những sự chỉ dạy của các Thuyền-sư để tạo nên sự *thức tỉnh* của những tâm-hồn mà ý-thức giác-ngộ đã *chín mùi*. Do đấy, trước khi gặp được các bậc thầy để được thức-tỉnh, con người phải chuẩn-bị đầy-đủ những điều-kiện để Ngộ Đạo. Phải sống đời sống Thuyền, phải chịu lắm đau khổ, thất vọng trong khi một mình đi tìm Chân-lý. Những Công-án của các Thuyền-sư chẳng qua như một cơn gió mạnh làm rơi-rụng những quả ngọt đã chín mùi. Muốn có được những quả Giác-Ngộ ngọt-ngào phải khổ-công vun-xới vườn cây trái của Trí-tuệ mình.

Còn một điểm này nữa: Sau khi giác-ngộ, các nhà tu Thuyền vẫn chưa cho rằng con đường đi đến Giải thoát đã đến để dừng chân an-nghỉ. Thực ra, chính ở giai-đoạn này con người mới *bắt đầu* bước vào con đường Thuyền thật sự. Trước đó, con người như đứng đàng xa, quan-sát tìm một lối đi. Ngôn ngữ Thuyền có hai từ-ngữ *Kiến* và *Hành* để chỉ hai giai-đoạn đó: Giai-đoạn đầu chỉ là quan sát, tìm kiếm Chân-lý; khi đã thấy được Chân-lý rồi mới bắt đầu hành-động thể-hiện Chân-lý ấy. Cho nên, từ *Ngộ* của nhà tu Thuyền đến *Đại-Ngộ, Giải-thoát hoàn-toàn* của Phật Như-Lai, vẫn còn khổ-công lâu-dài nữa. Và nhà tu Thuyền như một lữ-khách độc hành mãi-miết trên Đường-Thiên-Lý không phút nào ngừng.

Nguyên-tác Chuyện sáu vị Thuyền-sư bằng anh-ngữ của một đệ-tử Hư-Vân Thuyền-sư, (*) ông Lu K'uan Yu. Phần bình-luận của tác-giả rất hàm-súc và cô-đọng nên dịch giả xin quảng diễn thêm không ngoài mục đích làm sáng-tỏ ý-nghĩa các công-án. Về những bài kệ, dịch-giả không được hân-hạnh đọc nguyên-tác bằng Hán-Văn của các Thuyền-sư nên mạo muội tạm dịch sang văn vần từ bản Anh-ngữ của ông Lu K'uan Yu

Huế, mạnh Đông Giáp thìn

TUỆ-TRUNG

(*) Một Thuyền sư danh tiếng nhất hiện đại, đắc-đạo năm 30 tuổi, thị-tịch tại núi Vân-Môn (Trung-quốc) năm 1959, tại thế 120 năm. Ngoài việc thiết-lập vô-số tu viện để khuyến khích tăng chúng tu hành, ngài còn có những cải-cách quan trọng về phương pháp Tham Thuyền rất thích hợp với người đời nay.

● Thật là một điều buồn khi nghĩ rằng thiên nhiên nói mà loài người chẳng nghe.

Victor Hugo

CHUYỆN SÁU VỊ THUYỀN SƯ (1)

I.— Hương-nghiêm Thuyền-Sư

Ngài Hương-Nghiêm đến thăm Tổ Qui-Sơn. Tổ hỏi : «Ta nghe khi ngươi học với thầy ta là Ngài Bách-Trượng, mỗi khi ai hỏi một câu ngươi trả lời mười câu, mỗi khi ai hỏi mười câu ngươi trả lời một trăm câu. Đó là vì nhà ngươi thông minh tài-giỏi và cái Tâm phân-biệt suy-tưởng của ngươi rất khác thường. Này ! tất cả cái đó chỉ gây ra sinh-tử luân-hồi thôi ! Nay ta chỉ hỏi ngươi hãy nói ta nghe cái bản lai diện-mục của ngươi trước khi ngươi sinh ra như thế nào ? »

Ngài Hương-Nghiêm không trả lời được bèn lui về tìm hết sách vở nhưng vẫn không sao tìm được câu trả lời. Ngài thở dài tự nhủ : «Cái bánh vẽ trên giấy làm sao thỏa được cơn đói lòng !» Ngài cố nài Tổ Qui-Sơn giảng cho nghe nhưng Tổ bảo : « Nếu bây giờ ta nói cho ngươi về sau ngươi

---

(1) Tất cả sáu chuyện đều trích từ *Ngự Tuyển Ngữ Lục* và do Lu K'uan Yu (Charles Luk) dịch sang Anh ngữ in trong *Ch'an and Zen Training*, Ist Series, Rider, London, 1960.

sẽ nguyền rủa ta mà thôi. Nếu ta nói thì lời nói ấy cũng chỉ là của ta, nào có ích gì cho ngươi ? »

Ngài Hương Nghiêm thất vọng vô cùng liền đốt hết kinh-sách, nói rằng : « Ta thề kiếp này không học Phật nữa. Ta sẽ làm kẻ hành khất cho khỏe tâm». Nói xong, ngài khóc mà từ biệt Tổ. Ngài đến Nam-dương thấy cảnh chùa đổ-nát của quốc-sư Tuệ-Trung liền ở lại đấy tu Thuyền.

Một hôm ngài đang nhổ cỏ gặp một viên ngói liền nhặt ném đi đụng phải cành tre phát tiếng kêu loảng-xoảng. Nghe tiếng ngói vỡ bỗng nhiên ngài tỏ ngộ hoàn toàn, liền trở về chùa đốt hương, hướng về Tổ Qui-Sơn mà đảnh lễ ngợi khen Tổ :

« Lạy Sư-phụ, lòng từ-bi của Sư-phụ thật vô-lượng.
« Công ơn Sư-phụ thật lớn hơn cha mẹ con.
« Nếu ngày xưa Sư-phụ không làm thế,
« Thì ngày nay làm gì còn được thế này ?

Rồi ngài viết bài kệ :

Tiếng kêu Tâm buông hết,
Thói cũ dứt đi rồi !
Còn chi điều ràng-buộc ?
Đường cũ thảnh thơi chơi !
Lối xa thanh-hình lặng
Nẻo cũ biến đi thôi,
Hành-nhân chân qua đấy,
Chân-tâm chiếu rạng ngời ! (2)

Tổ nghe bài kệ mới bảo đệ tử là Ông Ngưỡng-Sơn : « Sư-đệ con đã tỏ-ngộ rồi ! » Ông nói : «Bạch sư-phụ, con chưa tin. Có thể sư-đệ con vì biết nhiều kinh-sách mà nói thế. Con muốn tự mình nhận xét mới thôi » Liền đó ông Ngưỡng-Sơn đến viếng ngài mà nói rằng : «Sư-phụ khen ông đã tìm

---

(2) The sound of a blow causes all knowledge to cease,
Gone is my need of further practice and observance.
Casting away old habits, I tread the Ancient Path
To avoid falling back into dull potentiality.
That Path leaves no traces anywhere
Being beyond both sound and form.
Those who on it achieve success
Say that this is the highest potentiality).

ra «đại sự». Vậy hãy nói ít điều cho ta tin ». Ngài Hương-Nghiêm liền ngâm bài kệ trên. Ông Ngưỡng-Sơn nói : «Đó chẳng qua cái Ngã của ông lúc trước nói ra đó thôi. Nếu đã tỏ-ngộ rồi hãy nói ta nghe cái gì khác. »

Ngài Hương-Nghiêm bèn ngâm bài kệ :

Năm xưa ta vẫn chưa nghèo,
Năm này ta đã đói meo thực mà !
Năm xưa còn miếng đất nhà,
Có con chim đậu tuổi già vui chơi.
Năm này nghèo rớt mồng tơi,
Miếng đất chẳng có chim ơi còn nào ! (3)

Ông Ngưỡng-Sơn nghe xong, nói : « Ông đắc Như-Lai thuyền chứ không phải Tổ thuyền ». Ngài Hương-Nghiêm bèn ngâm bài kệ khác :

Ta đạt trí-huệ
Thấy trong chớp mắt
Kẻ nào không biết
Chẳng gọi là tu. (4)

Nghe xong, ông Ngưỡng-Sơn trở về nói với Tổ : Bạch Thầy, sư-đệ con cũng đắc cả Tổ thuyền nữa ! »

Sau khi đắc đạo, ngài giảng trước tăng chúng rằng : «Học Đạo chẳng khác gì người trèo cây cao miệng cắn cành cây, tứ chi buông thõng. Trong lúc đó lại có kẻ hỏi kẻ trèo cây rằng : Tổ ở phương Tây sang đây làm gì ?. Nếu kẻ trèo cây không trả lời thì câu hỏi bị bế tắc, nếu trả lời thì phải mở miệng tất rơi xuống đất, mạng sống còn chi ? Như thế phải làm sao ? »

Nghe hỏi thế, một vị Thượng-tọa trong hàng tăng-chúng tiến lên trả lời : « Tôi không hỏi như vậy khi người đó đang treo cây. Tôi chỉ hỏi trước khi người đó trèo lên cây thôi. Xin Ngài giải cho chúng tôi biết việc ấy như thế nào ? »

Ngài Hương-Nghiêm cười lớn không trả lời.

---

(3) Last year my poverty was not poor enough,
But this year it is real.
Last year, though poor, I still had ground in which to stick an owl,
But this year, my poverty is real for I do not even own an owl.

(4) I possess potentiality.
It is seen in a blink.
He who does not understand
Cannot be called a monk).

BÌNH LUẬN

Tổ Qui-Sơn là một vị Thuyền-sư danh-tiếng. Ngài đã cùng đệ tử là ông Ngưỡng-Sơn lập nên phái Qui-Ngưỡng (Nhật-ngữ : *Ikyo*), một trong năm phái Thuyền chính ở Trung-Quốc (Lâm-Tế, Qui-Ngưỡng, Tào-Động Vân-Môn, Pháp-Nhãn).

Trước khi đắc đạo, ngài Hương-Nghiêm là một người rất thông hiểu Phật-pháp, ứng đối rất lanh lẹ. Tuy nhiên, kiến-thức của ngài là một kiến-thức chấp trước vào kinh-điển, chứ không phải phát-xuất từ bản-thể giác-ngộ. Kiến-thức như thế, theo Thuyền, là hoàn-toàn vô-ích vì kinh-điển chẳng qua chỉ được coi như là một chiếc thuyền cho kẻ học Đạo chèo đến bờ Giải-thoát. Lên đến bờ rồi, kẻ học Đạo đâu có dùng gì đến thuyền nữa ! Tổ bảo ngài Hương-Nghiêm rằng « Nếu ngươi còn dùng cái trí hiểu-biết mê-lầm mà học-hỏi và diễn-tả lời Phật, ngươi sẽ không bao giờ thoát khỏi vòng sinh-tử luân-hồi. Này, ngươi hãy nói cho ta biết thử cái bản-lai diện-mục của ngươi lúc sinh ra như thế nào đi ! Ngài Hương-Nghiêm không trả lời được vì câu hỏi nhằm đến cái Chân-Ngã, Chân-Tâm của con người mà ngài chưa tỏ ngộ nên chưa biết. Ý-thức sự tai hại do mê-lầm chấp-nệ vào ngôn-từ danh-tính mà chẳng qua chỉ là cương-danh và hư-vô nên ngài mới khẩn-khoản xin Tổ bày-tỏ cho ngài thấy Chân-lý. Tổ bảo rằng nếu Tổ có nói cũng vô-ích vì Chân-lý phải tự người học Đạo tìm thấy mới có giá-trị, mới đem lòng Tin. Hơn nữa, vì ngài Hương-Nghiêm vẫn còn dùng cái Tâm phân-biệt xét-đoán mà hỏi Đạo ở Tổ thì làm sao có thể giác-ngộ được ? Mà một khi không giác-ngộ được thì thế nào cũng oán-thán Tổ suốt đời. Tổ thật là một người biết tâm-lý con người rất sâu-sắc.

Thất-vọng, ngài Hương-Nghiêm đốt hết kinh-sách, thề không học Phật-pháp nữa và làm nhà sư hành-khất này đây mai đó, cốt không sử-dụng đến cái Tâm phân-biệt mê lầm nữa. Thực vậy, người hành-khất là kẻ lười-biếng không để ý gì đến Phật-pháp !

Mặc dù thất-vọng não-nề nhưng kể từ lúc đốt sách ra đi ngài, Hương-nghiêm đã đi sâu từ lâu vào con đường Thuyền mà ngài không biết, vì Thuyền là chi nếu chẳng chẳng phải là phá bỏ cái Ngã-chấp sai-lầm ràng buộc cái Tâm con Người vào cuộc đời trần-lụy ? Từ khi ngài Hương-nghiêm dứt bỏ vọng-tưởng thì ngài đã làm cho tâm hồn ngài thoát khỏi những phiền-não của đời. Do đấy, khi ngài nghe tiếng ngói vỡ, hẳn không phải thính-quan của ngài nghe vì rằng cái giác-quan này đã ngừng hoạt động từ lâu và *mọi ý-niệm về khách-thể đối tượng và chủ-thể nhận-thức trước đã phân-chia Chân-Ngã duy-nhứt của ngài. Sau thời gian tu Thuyền, đã bị xóa nhòa để trở thành một thể Chân-tâm trong-suốt bất-biến và chính cái Chân-tâm trong-suốt bất-biến đó nghe tiếng ngói vỡ ở đây.* Một khi Ngã tính chân-thực đã được phát-hiện rạng-rỡ thì lẽ giác-ngộ dĩ nhiên phải đến với ngài.

Đến bây giờ ngài mới hiểu tại sao Tổ Qui-Sơn lúc trước không chịu giảng Đạo cho ngài nghe. Cho nên ngài mới quay về phía Tổ mà đãnh lễ ca-ngợi lòng từ-bi của Tổ.

Bài kệ thứ nhất đại ý như sau : « Khi cái Tâm của ta thoát khỏi sự phân-biệt, ràng-buộc bởi ảo-tưởng Chủ-thể và Đối-tượng thì chỉ một tiếng động do hòn ngói đụng cành tre cũng đủ khiến cho Chân-Ngã hiện ra rực-rỡ. Lúc ấy, sẽ không còn phải ràng-buộc gì với cuộc đời hiện-tại vì chính những tập-quán, thành-kiến đều biến mất. Con người lại trở về con đường cũ, bản ngã chân thật. Bản ngã chân thật ấy là Thể Chân-như, là Phật tính nên có tính cách *vô-tướng-hình, vĩnh-viễn, bất-biến.* Vẻ vĩ đại oai-hùng của nó không thể diễn-tả nổi vì nó vượt qua cả hình-thái và âm-thanh. Những kẻ giác-ngộ đạt được trạng-thái ấy đều cho rằng đấy là một khả-năng trí huệ cao cả nhất.

Ông Ngưỡng-Sơn nói : Đó chẳng qua cái Ngã của ông lúc trước nói đó thôi. Nếu đã tỏ ngộ rồi hãy nói ta nghe cái gì khác. Ông Ngưỡng-Sơn vẫn còn chưa tin rằng những lời ngài Hương-Nghiêm nói là phát-xuất từ Tâm của kẻ giác-ngộ mà có lẽ do sự hiểu biết kinh-sách lâu ngày mà thành, nên mới yêu-cầu ngài nói một cái gì khác để chứng tỏ rằng ngài đã giác-ngộ thật sự.

Bài kệ thứ hai tả nỗ-lực xóa-bỏ vọng tâm của ngài Hương-Nghiêm. Vọng-tâm là kết-quả của cái nghiệp nặng-nề từ muôn đời muôn kiếp không dễ gì một sớm một chiều có thể loại bỏ được, cho nên ngài Hương Nghiêm phải cố-gắng thực-hiện dần dần. Năm xưa, ngài nói rằng ngài chưa nghèo thật sự, nghĩa là tuy ngài đã gột-bỏ được những ý-niệm lầm-lạc xấu-xa nhưng vẫn còn bị ràng-buộc bởi ý-niệm tốt mà tượng trưng là con chim và miếng đất, nghĩa là còn bị ràng-buộc bởi vọng-niệm chủ-thể và khách-thể : chủ-thể là người nhận-thức con chim đậu trên miếng đất và khách-thể là con chim bị đặt trên miếng đất. Trong lúc ấy, thực ra, *con chim, miếng đất và người chỉ là hư-vô vọng-niệm.* Năm nay, ngài thật hết sức nghèo vì cái Tâm ngài đã thoát khỏi những ý-niệm về chủ-thể và khách-thể. Điều ấy được diễn-tả bằng sự *mất hẳn* con chim, miếng đất mà năm ngoái là sở-hữu của ngài.

Nghe thế, ông Ngưỡng-Sơn vẫn còn nghi-ngờ khả-năng giác-ngộ của ngài. Ông bảo rằng ngài Hương-Nghiêm có lẽ đã đắc Như-Lai Thuyền chớ không phải tổ Thuyền, nghĩa là có lẽ ngài Hương-Nghiêm đã dùng những Thuyền-ngôn dựa kinh-sách của Như-Lai, chứ không phải do sự chứng-ngộ của riêng ngài, vì muốn đắc Thuyền của Như Lai trước hết phải đắc Thuyền của Tổ đã.

Bài kệ thứ ba để trả lời ông Ngưỡng-Sơn có nghĩa như sau :

« Ta đã có đủ trí-tuệ để chứng-ngộ. Vì bây giờ cái Tâm đã thoát khỏi mọi vọng tưởng nên cái cử động nhắm mắt mở mắt cũng đều do chính chân ngã mà thôi. Người nào không hiểu được điều ấy không thể gọi là đệ-tử của Thuyền-gia được ».

Sau khi tỏ-ngộ, ngài Hương-Nghiêm dạy đồ-đệ. Để xét-đoán khả-năng hiểu-biết chân-lý của các đồ-đệ, ngài lấy ví-dụ một người treo lơ-lửng trên không bằng cách dùng răng cắn chặt cành cây. Đấy chính là một *cái bẫy* vì nếu có ai đụng tới (đây có nghĩa là hỏi tới) thì cái bẫy đó (con người ở trên cây đó) sẽ sập xuống. Nói đến cái bẫy tức là nói đến ngụy-trang một cái gì bí-mật và quan-trọng. Đấy chính là Bí-truyền của Tổ-Bồ-Đề Đạt-Ma khi ngài ở phương Tây sang : *Sự trực-chỉ nhân-tâm để ý-thức Chân Ngã mà thành Phật.* (5)

Một vị Thượng-tọa biết ngài đã dăng một cái bẫy để thử trí đồ-đệ mới xin ngài đừng nói đến chuyện người ở trên cây, nghĩa là đừng nói đến cái gì ngụy-trang vô ích vì nó không liên quan đến chân ý nghĩa của sự giác-ngộ. Ngài Hương-Nghiêm cười lớn mà trả lời, để cho đồ-đệ thấy rằng *có sự hiện-hữu của một chân ngã đã tác động nên tiếng cười* và *Chân-ngã đó không thể mô tả bằng ngôn-từ được.* Đấy chính là ý nghĩa của Thuyền-tông do Tổ Bồ-Đề Đạt-Ma truyền từ Tây-Phương sang.

TUỆ-TRUNG

---

(5) Chang Chen Chi trong quyển *The Practice of Zen* (*Thuyền đạo Tu tập*) đã giải thích Công án này như sau :

« Công án này có thể giải thích theo hai cách. Thứ nhất, đấy là một kỹ thuật điển hình thường được các Thuyền sư sử dụng để bắt buộc những ý nghĩ và liên tưởng thường ngày của môn đệ dồn vào bước đường cùng, đặt kẻ môn đệ vào một hoàn cảnh phải chấm dứt tư tưởng. Sau đấy, đẩy môn đệ tiến thêm một bước nữa đến cảnh giới kỳ bí, vị Thuyền sư có thể mở rộng Huệ nhãn (wisdom eye) của học trò. Thứ hai, căn cứ vào biểu-tượng của nó, công-án này cho ta thấy tính cách chấp-trưởng của cái Tâm con người. Thực thế, đã là người, ai cũng phải luôn luôn bám sát vào một cái gì. Không thể nào hiểu được rằng một tâm hồn tư tưởng mà lại không tư tưởng về một đối tượng nào. Tất cả mọi sinh hoạt vật chất cũng như tinh thần của ta bao giờ cũng nhắm vào đối tượng nào đó.

Hơn nữa, có nhiều lúc chúng ta phải giữ chặt lấy nhiều đối-vật. Nếu mất cái này, ta lại dùng đến cái khác : Người mù sử-dụng trở lại thính quan và xúc quan. Kẻ đau khổ vì tình mượn rượu tiêu sầu hay cắt tóc đi tu... Nhưng, các Thuyền-sư, trái lại, thường đẩy chúng ta vào bước đường cùng, nơi đấy ta không còn gì để bám, không còn gì để giữ, không còn gì để thoát. Chính ở đấy—ở lúc tuyệt-vọng ấy—chúng ta bắt buộc phải từ-bỏ lòng tham-chấp, câu nệ để tìm sự Giải-Thoát Tuyệt-Đối; chính ở đấy chúng ta phải tránh cái hố sau cùng của những dòng tư tưởng phân-biệt. Lúc ấy chúng ta phải đầu hàng với hai bàn tay trắng vì không có cái gì để níu chặt nữa, và thảnh-thơi nhảy vào thung lũng kỳ-diệu của Phật Tính»

(*The Practice of Zen* Chap. 3, p. 127, Rider, London, 1960.)

tâm-sự của một nhà-văn, ký-giả

Sơn-Nam

Sở trường của tôi là viết truyện ngắn từ bảy tám năm qua, tôi hy vọng dùng công việc sáng tác truyện ngắn làm một cái nghề để kiếm cơm ; như vậy, tôi vui sướng và được những tự do hơn các bạn làm tư chức, giáo viên. Tôi viết sẵn từng loạt truyện ngắn (viết theo đề tài do tôi chọn lựa) đem đến các tòa soạn báo hằng ngày để «bán bài», nghĩa là đăng báo bài nào thì lãnh tiền bài nấy, không đăng thì mất luôn bản thảo. Người bán bài phải có nhiệm vụ tới lui thường xuyên các tòa soạn để «ngoại giao», dò xem tình, hình để tiên đoán truyện ngắn của mình chừng bao lâu nữa sẽ đăng. Khổ cực quá ! Nói chung, hễ viết mười truyện, được đăng ba truyện còn bảy truyện kia thì để đó chờ xem. Mấy anh bạn phụ trách trang trong (tranh 2 và 3) thường tỏ bày thiện cảm, an ủi tôi bằng một câu đại khái :

— Bài của anh thì hay nhưng ngặt vì đăng không hợp. Nên chọn lựa cốt truyện, viết hấp dẫn hơn.

— Hấp dẫn là làm sao ?

— Là ly kỳ, gay cấn.

— Ly kỳ gay cấn nghĩa là sao ?

— Là... độc giả ngửi được.

— Độc giả thích ngửi mùi gì ?

Mấy anh bạn phụ trách trang trong lại trợn mắt :

— Bộ anh muốn ăn cắp bí mật nhà nghề sao chớ. Trong làng báo, ai đánh hơi giỏi, đoán trúng nhu cầu của độc giả là người đó làm

giàu. Phải cung cấp nhu cầu hiện tại và chuẩn bị trong tương lai, tạo thành một thứ «thời trang» ; người sành điệu phải cầm trong tay tờ báo đó, chớ không phải tờ báo khác. Sống như tiệm phở, tiệm uốn tóc, tiệm may áo. Tuy hai tiệm giống nhau nhưng khách hàng thích ra vào nơi nào hợp thời trang nhứt.

Tôi lại hỏi :

— Theo ý các anh, hiện giờ và trong vài tháng tới, độc giả thích những truyện ngắn thuộc về loại gì ?

— Nếu biết trước, tôi sẽ trở thành triệu phú. Chẳng có ai biết trước cả. Đó là việc cầu may. Mỗi ông chủ báo đều hưng thịnh hoặc suy vong tùy theo số... tử vi của họ.

Kể từ đó, qua những chập chững trên đường sanh kế, tôi bắt đầu tìm tòi suy nghĩ, thấy rằng báo chí ở Sài-gòn cũng giống như báo chí Âu Mỹ.

Hồi thời báo Đuốc Nhà Nam, Nông Cổ Mín Đàm, bài báo được viết kỹ lưỡng như bài Khảo cứu, in thành sách ngày nay. Độc giả thời xưa rất ít, gồm giới thượng lưu hoặc trung lưu. Ngày nay khác xa. Nhựt báo là món ăn tinh thần của « toàn dân, mọi giới, mọi ngành » như lời nêu trên báo. Trong thời đại dân chủ, máy in, kỹ nghệ giấy, phương tiện giao thông phát triển, tờ báo đã tới tay giới bình dân, từ thành thị tới thôn quê. Giới bình dân, tiêu thụ báo rất mạnh. Hễ

bám được giới bình dân, chủ báo mỗi ngày mỗi thâu tiền lời.

— Giới bình dân gồm những ai ?

— Xin trả lời : Gồm nhiều từng lớp mà hơn phân nửa số người bình dân là đàn bà, con gái. Thời xưa, báo chí luôn cả văn nghệ đều sản xuất, nhắm vào cảm quan của bọn đàn ông. Bây giờ, báo chí, văn nghệ đã biết nhắm vào đối tượng đàn bà, con gái và bọn trẻ vị thành niên. Đó là một sự tiến bộ, tại sao có người lại bi quan ? Bi quan vì ưu thời mẫn thế hay vì ganh tị với ông chủ báo bất tài nhưng làm giàu quá mau hơn mình ?

Ngày nay, chẳng riêng vì bên Âu Mỹ, chúng ta sống trong thời đại phổ biến mà báo chí, phim ảnh, máy thâu thanh đóng vai trò quan trọng. Đọc báo, xem xi-nê, nghe radio chẳng còn là ưu quyền của một số người ở thành thị như hồi ba chục năm về trước. Các phương tiện nói trên có tác dụng mạnh, lẽ dĩ nhiên chủ báo, chủ hãng phim và ban giám đốc đài phát thanh đều muốn thu hút khán giả, độc giả, càng nhiều càng tốt. Sự hiểu biết của quần chúng ngày càng rộng (tuy không sâu), trình độ thưởng thức nghệ thuật ngày càng đồng đều nhau (tuy không cao).

Đàn bà, con gái đã ra đường, tham gia sinh hoạt kinh tế, xã hội. Họ đòi được « giải phóng » khỏi sự áp bức của bọn đàn ông nhưng lần hồi họ thất vọng âm thầm vì đi làm ngày nai buổi với đồng lương hơi thấp thật là cực nhọc hơn

nấu bếp giữ con. Họ muốn giải trí, muốn tìm một chân trời hạnh phúc mơ hồ, nửa hư nửa thực ! Hoàng hậu Saroya, công chúa Margaret, cô đào Thanh-Nga, Tây-Thi, Hoa-Mộc-Lan, . . . đã trở thành những người bạn quen thuộc. Trong khi đó, đa số bọn đàn ông cảm thấy thất bại trước trào lưu xuống đường của phái yếu ! Họ dùng uy quyền, tiền bạc để câu đề nhử phái yếu nhưng hỡi ôi ! rốt cuộc họ bị phái yếu làm khổ; thợ câu đã trở thành con cá và con cá lại hiên ngang lôi kéo ông thợ câu xuống nước.

Đối với cuộc sống, bọn đàn ông tỏ ra thái độ hùng hồ, dùng lý luận để phân tách, cãi vã; phái yếu thì giữ thái độ dường như hợp lý hơn : xây dựng hạnh phúc, hưởng hạnh phúc... Viễn ảnh một cuộc chiến tranh nguyên tử, sự phi lý, sự cô độc... đã chứng minh rằng bọn đàn ông dường như thất bại. Nhiều người đàn ông đã ngoan ngoãn ôm ấp cái nhân sinh quan của đàn bà để mà sống. Bởi vậy nhiều bai báo, nhiều tiểu thuyết nhằm vào nữ độc giả nhưng rất ăn khách đối với nam độc giả...

Sự phát triển khoa học và võ khí nguyên tử đã khôi phục ngành tiểu thuyết dự tưởng, tiểu thuyết rùng rợn toát mồ hôi lạnh. Trong nhựt báo ở nước ta, hai loại tiểu thuyết này vẫn có mặt mang màu sắc Á Đông ; đó là loại kiếm hiệp đánh chưởng và chuyện ma quỉ. Kiếm hiệp đánh chưởng đưa độc giả vào khung cảnh Trung Cổ, những nhân vật Trung-Cổ dùng khí giới tự động, điện tử của tương lai. Một điều đáng chú ý là muốn gây cảm giác rùng rợn, những văn sĩ Tây Phương dùng phương pháp phân tích tâm hồn con người : nào vô thức, tiềm thức, bản năng; đối với độc giả bình dân ở xứ ta phương pháp phân tách ấy không có hiệu quả. Họ thích đọc những chuyện luân hồi quả báo, oan gia nghiệp chướng, dính dấp tới số mạng, tiền định hoặc những cổ tục.

Trong thời đại giao thông dễ dàng nhanh chóng (nào xe hơi, máy bay, máy radio) đã xảy ra hiện tượng con người cô độc, ít tha thiết đến vấn đề chánh trị vì chánh trị được xem như một ngành chuyên môn với kỹ thuật riêng. Mỗi người sống theo kiểu đóng khung trong phạm vi nghề nghiệp của mình. Cô gái gánh hồ, khiêng gạch chỉ cần biết đến anh cọp rằng, người phát tiền hoặc ông thầu khoán, ai làm bộ trưởng bộ Kiến Thiết, chủ trương của bộ Kiến Thiết như thế nào, cô gái chẳng cần biết. Đừng nói chuyện xa vời, cứ nhìn vào làng văn nghệ mà xem : mỗi ngành đều biến hóa, người viết văn chưa thông cảm hoặc chưa hiểu sơ qua sanh kế, hoặc thắc mắc về đường lối của người phồ nhạc, người họa sĩ.

Thôi thì cơm ai nấy ăn, nhà ai nấy ở. Ngày chúa nhật, ta đi thăm viếng quanh quẩn đôi ba người bạn thân. Trưa hoặc chiều, ta về nhà mà ăn cơm, nghỉ dưỡng sức, trong

khung cảnh gia đình, với sách, nhựt báo, tuần báo, máy thâu thanh. Ta vui sống trong đời tư với cái bàn, cái ghế, chiếc xe gắn máy. Nếu cần tìm hiểu những ngành khác, ta cứ tìm những loại sách bách khoa phổ thông. Nếu muốn thông cảm với dân tộc, với nhân loại, ta nghe tin tức, nghe nhạc ngoại quốc hoặc tranh ảnh... Đời ta lên voi hay xuống chó là do số tử vi. Nhiều khi bạn bè ta thất nghiệp nhưng ta có thể kiếm tiền khá nhiều. Hoặc ngược lại.

***

Có người đọc báo hằng ngày để tìm hiểu sinh hoạt văn nghệ căn cứ vào truyện ngắn, tiểu thuyết đăng từng kỳ để kết luận :

— Văn nghệ Việt-Nam đang xuống dốc !

Những bạn ấy muốn hoài niệm thời kỳ báo Phong-Hóa, Ngày Nay chăng ? không thể được.

Muốn hiểu văn nghệ đã lên hay xuống dốc, ta nên tìm sách hoặc tạp chí. Tôi tưởng rằng bên Pháp, bên Mỹ, tình hình nhựt báo cũng giống như ở nước ta. Điều khổ tâm nhứt là thỉnh thoảng lại nghe vài bạn phàn nàn :

— Bà X, cô Y, viết tiểu thuyết, truyện ngắn thuộc hàng hạ cấp, dành cho con Sen. Thế mà dám xưng là nữ sĩ. Bên Pháp, báo chí... tiến bộ lắm.

Sự thật như thế nào ? Nữ sĩ nói trên đã làm cái công việc phóng tác, chọn những chuyện trong các tuần san Pháp, thêm thắt vài chi tiết, sửa đổi phần kết luận cho có hậu hơn. Tại sao một «bà đầm» cầm báo Marie-Claire, nằm trước biệt thự lại «có vẻ sang trọng» ? Con Sen, cô gái gánh nước ở xứ ta đã đọc một chuyện ngắn phóng tác của báo Marie-Claire, chuyện phóng tác lại lành mạnh hơn nguyên bản.

Báo hằng ngày là một ngành kinh doanh, cần bỏ ra vốn to, cần thâu lợi (ở đây tôi không đề cập đến trường hợp những người làm báo vì mục đích chánh trị, cần ra báo cho có mặt trong giai đoạn nào đó).

Nếu làm báo hằng ngày theo đường lối «khô khan» mà bán chạy thì các ông chủ báo đã làm rồi. Nhiều người chủ trương làm báo đứng đắn khô khan, bỏ những mục nhảm nhí, phục vụ văn nghệ thuần túy... nhưng báo sống được chẳng bao lâu ! chủ báo ấy đâm thất vọng, xoay qua làm báo... thương mãi đi từ thái cực nầy đến thái cực khác : cũng diễm huyền, cũng ướt át, cũng kiếm hiệp, tử vi. Rốt cuộc, báo lỗ vốn nặng. Độc giả báo hàng ngày đâu phải là hạng người dễ cầm ; « ướt át, đánh chưởng » ngay đến cả tử vi là những nghệ thuật riêng đâu phải viết bừa bãi ra là thiên hạ chọn đọc.

Báo hàng ngày ở xứ ta khó bị vượt qua báo chí Âu Mỹ về hình thức cũng như về nội dung. Cách thức trình bày kỹ thuật ấn loát của t đều rõ phỏng. Các ký giả Việt-Nu đã nghiên cứu, theo dõi báo chí Tây-

Phương, rút những kinh nghiệm để kịp thời cải tiến. Nhưng số độc giả ở xứ ta tiền bạc của chủ báo đều có giới hạn. Tâm lý của độc giả ở xứ ta vẫn theo đuôi độc giả Âu Mỹ. Dễ hiểu quá : Chúng ta bước vào nếp sống trưởng giả sau người Âu Mỹ. Chúng ta chưa có vô tuyến truyền hình. Rồi đây, báo hàng ngày ở nước ta sẽ đến giai đoạn có thêm mục mốt quần áo, thêm nhiều trương đăng quảng cáo.

Tóm lại, tình trạng chưa đến đỗi bi quan. Đó là kết luận tạm thời do tôi nêu ra. Là dĩ nhiên, tôi đã chủ quan. Tôi mang ơn báo hàng ngày. Nó giúp cho tôi vài công ăn việc làm. Và bạn trẻ nào yêu văn nghệ, muốn sống để làm văn nghệ (mà chưa có huê lợi nào khác) thì hãy theo «sách lược» bán văn nuôi miệng như sau :

— Mỗi tờ nhựt báo đều có công thức riêng. Nhập gia tùy tục, đừng tự ái lặt vặt. Hãy xem mình như người kép hát, ai biểu ca bản nào thì ca bản nấy.

— Đừng mong chiếm đoạt những mục dễ ăn. Đã có những người khác chiếm trước rồi. Viết tiểu thuyết đăng báo đâu phải chuyện dễ. Viết thì ai cũng viết được, nhưng độc giả chịu theo dõi hay không ? Những mục «hộp thơ» «giải đáp tâm sự» đã lọt vào những cây bút thân cận của chủ báo, hoặc chủ bút.

— Mỗi chuyện phải có cốt chuyện đầu đuôi mạch lạc tránh lối phân tích hiện sinh. Những chuyện gọi là «cao» thì nên đăng ở tạp chí hoặc in thành sách cho xong.

— Nên gia nhập vào một «ê-kíp» để dễ bề làm ăn. Anh em đi đâu cũng kéo mình theo. Nếu mình thất nghiệp, những bạn thân ấy sẽ nhớ tới.

— Viết bài ít tốn thời giờ hơn là... chờ lãnh tiền. Phải theo dõi tình hình lương phạn, ngày giờ trả tiền, cách thức mượn tiền.

Nhưng điều quan trọng nhứt vẫn là dành riêng thời giờ để sáng tác — những sáng tác mà mình đắc ý nhứt. Nhiều bạn trẻ viết truyện ngắn, làm thơ rất khá nhưng sau hhi viết báo hằng ngày thì lần hồi quên chuyện sáng tác. Thế là hỏng! Phải chủ động, lúc vùi đầu vào sanh kế. Nếu nổi danh thì đừng chủ quan cho rằng : «Tờ báo ấy bán mỗi ngày 30 ngàn số, tức là ta đây có 30 ngàn người ái mộ ». Lúc nào làm ra tiền, nên ăn xài lai rai, đừng trụy lạc làm bạn với nàng tiên nâu mà nguy hại về sau. Nếu thất nghiệp, nên kiên nhẫn chạy chọt, chờ đôi ba tháng là sẽ gặp cơ hội. « Trong trần ai, ai dễ biết ai ? Thế chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế thế, thời phải thế ». Báo hằng ngày đã tạo ra nhiều nhà văn, đồng thời cũng giết chết sự nghiệp tinh thần của nhiều kẻ có khiếu viết văn. Sau năm bảy năm viết báo, ta còn lại bài nào hay ? Thảm hại cho những ai chỉ còn hai bàn tay trắng, ương ương gàn gàn, văn sĩ không ra văn sĩ, ký giả không ra ký giả với một bầy con đông, một bà vợ bé và một thú tiêu khiển đi mây về khói.

SƠN-NAM

cành hoa thứ 8

Năm tháng cao theo chồng báo cũ
Cành dù gió táp vẫn đơm hoa
Tám mùa hồn bát say hương mực
Thuyền hướng trăm sông một bến nhà
Bão lửa, thác nguồn, mưa vẫn thạch
Ngất trời thịnh nộ trận phong ba
Mầm non, lộc nhỏ gom tay giữ
Tưới nước Ân-Tình nụ Thiết-Tha

Biển sâu đem gió từ bi lại
Đất dẫn nhô mầm bác ái ra
Cát bỏng mát chân người đợi nước
Tưng bừng tiếng máy nhịp lời ca
Sóng người cuồn cuộn say mà đến
Hội trẩy mùa thơ lớp lớp xa
Không chói hoa đăng mà rực lửa
Vẫn gieo thanh đạm át kiêu sa

Áo mầu đất nước tươi làn mạ
Hịch cũ nghe truyền vẳng tiếng loa
Chẳng thẹn sử xanh thề sát đát
Khinh ngôi vương Bắc một hồn ma
Thuyền Hương mấy độ trôi sông Lửa
Mực quyện mồ hôi tuổi thép pha
Đất hẳn chịu gan người đội đá
Vá trời dân tộc giữa can qua

Máy lạnh nằm bên chồng giấy ngủ
Cây nghiêng trời nhớ rộng bao la
Lửa gây ấm một người trong tiệc
Ai một cành Hương gửi đến ta ?

XUÂN-HIẾN

nỗi niềm di cư

Đoàn-Thêm

CHO tới khi cầm bút viết những giòng nầy, đời sống di-cư của tôi và gia-đình đã được 10 năm 5 tháng 19 ngày.

Thôi thì cho là 10 năm đi...

Hồi nhỏ, nghe nói ai đi đâu xa nhà vài năm, tôi có cảm-tưởng là quá lâu, biền biệt qua những tháng ngày mờ ảo như chân trời khói phủ.

Nhưng nay chợt tính ra, mới thấy là chóng. Thằng út của tôi, mà mẹ nó phải bồng khi lên máy bay ở phi-trường Gia-Lâm, đã cao một thước hai; mấy cháu họ tôi, lúc rời Hà-Nội còn đương học đệ-tứ, mới đây vừa sinh con thứ ba, thứ sáu.

Mỗi lần tôi nhắc mấy điều trên, thì những cụ già trong họ tôi đều trạnh lòng nghĩ tới cảnh tha-hương, mà than với nhau rằng: biết bao giờ lại trông thấy quê cha đất tổ, không lẽ gửi nắm xương tàn ở đây? Cụ này mong sớm hết loạn để trở về xóm làng trước khi nhắm mắt; cụ khác xuýt xoa tiếc mãi ngôi nhà gỗ xoan với mảnh vườn con, giàn trầu không lá vàng, rặng rau, cây ngâu, và cái cầu ao hai ván. Từ ngày vào Nam, tuy được yên vui với đàn con cháu, nhiều lúc các cụ vẫn thở dài, nhất là mỗi khi năm hết Tết đến.

Song nỗi-niềm của các cụ không được nhiều lớp người sau chia xẻ. Những đứa cháu mười lăm hoặc hai mươi tuổi, chưa có gì để nhớ, nên cứ dửng dưng khi thấy nói

đến cửa Ô Chợ Rừa, Bến Khuất, hồ Tây, ga Hàng Cỏ, Ngã Ba Thá, trại Ngọc-Hà đầy hoa, đầm Vạc, Quán Bún, cầu Long-Biên... Đối với chúng, những tên địa-dư đó cũng chẳng khác chi sông Danube, hồ Genève trong sách, hay cái bến Tầm-Dương của thi-nhân nhà Đường... Chúng không thể tưởng tượng sao lại bấu víu vào dĩ-vãng xa lắc, vào những vật thiếu hấp-dẫn như cây cau lá trầu. Đương lúc thích bay nhảy, ước mơ cảnh đời xa lạ ở các xứ ngoài, chúng coi là lần-thần sự tha-thiết đối với một mái gianh hay những xóm nghèo bên ruộng lúa.

Còn tâm-trạng của những người đứng tuổi, xem chừng phức-tạp hơn nhiều. Đã trưởng thành khi từ giã đất Bắc, mấy ai không từng hiểu biết để quyến luyến ít nhiều một cuộc sống cực nhọc nhưng quen nếp lâu đời, những tiết trời nóng rét làm khổ con người nhưng không thiếu màu thơ... Dù sao, những sự vật tạo thành quá-khứ bao giờ chẳng nhờ bóng thời-gian mà khuất về đáng tiếc, để gây buồn và gợi nhớ thương ? Dễ lắm, vì ở tuổi 35-45, khí-huyết ôn hòa hơn trước cũng như sự từng trải việc đời, thường khiến chúng ta trở lại với những tâm-tình cố-hữu : nên tránh sao những lúc hồi tưởng đến những cảnh những người đã chứng kiến thời niên thiếu của ta ?

Tuy-nhiên, bị lôi cuốn trong hiện-tại, phải lo nghĩ về tương-lai, chúng ta không có nhiều giờ phút ngó lại quãng đường đã qua ở bên trên vĩ-tuyến 17 Những nhu-cầu mưu-sinh hoặc tranh-đấu bắt nhìn lên hướng trước, nên tình quê-hương nếu không phai nhạt, cũng lắng dịu dần, hoặc ở một số người, còn sẵn sàng nhường chỗ cho một ý-niệm thiết-thực mà không kém phần hữu-lý.

Nhớ nhà ? Song nhà là gì, nếu không là nơi tổ ấm hiện nay của ta cùng những người thân yêu. Mong về quê quán ? Trái đất bây giờ quá nhỏ rồi, hà-tất tự ràng buộc mãi như tổ-tiên, vào một lũy tre xanh hay một khu phố-phường chật hẹp ? Tha-hương thì ngại mất gốc rễ tinh thần ? Người Trung-Hoa, mà ta theo nhiều phong-tục, đã lũ lượt đến sinh-nhai ở các xứ khác từ mấy thế-kỷ, mà vẫn giữ bản-chất tự-nhiên với tập-quán cổ-truyền. Chú ba Tàu sang ở Chợ-Lớn mấy đời rồi ? Vậy khi tới cư trú ở Sài-gon, Vũng-Tàu hay Rạch-Giá, sao con dân nước Việt lại có thể ngộ tưởng là ngụ cư ?

Một bạn thân có ngỏ ý cùng tôi :

— Một ngày kia, nếu nước mình được thái-bình, thống-nhất trong tự-do, chưa chắc tôi đã hồi cư về Bắc. Về sống với ai ? Con cái lớn khôn, được dựng vợ gả chồng và làm ăn ở đây rồi. Bạn bè và họ hàng nội ngoại kéo nhau khá đông vào Đa-lat, Nha-trang, Cần-thơ... Ông bà bố mẹ mất đã lâu, số ít bà con còn lại, chắc chỉ là người rất trẻ, chưa quen biết mình. Làng

xóm thì đã do những dân vùng nào bị xua đến ở từ 1955; mình có trở lại, họ với mình sẽ chỉ thấy nhau xa lạ như người hai nước, nhất là vì lâu nay, họ đã phải sống theo những lề-lối khác hẳn của nông-thôn thời trước. Vậy thì còn chi đáng tiếc ? Trái lại, sau nhiều năm gần gũi anh em trong Nam, mình đã quen thuộc tính tình và gây được khá nhiều thiện cảm để hy vọng một hoàn-cảnh yên vui về lâu dài.

Nghe bạn, tôi chưa dám vội-vàng kết luận. Song tôi nghĩ dù ở lại miền Nam, hàng năm tôi cũng sẽ cố mua vé máy bay khứ-hồi về thăm viếng những nơi đầy kỷ-niệm. như các ngã đường Hà-Nội, bãi biển Sầm-Sơn, xóm làng cũ với rặng si rủ bóng bên bờ sông Nhuệ.

Nhưng muốn thực hiện vài nguyện-vọng tầm-thường như vậy, còn phải thay đổi cả cục-diện Á-Đông.

Trong khi chờ đợi, mái tóc tôi sẽ mang nhiều sợi bạc, và cỏ gianh vẫn sẽ mọc dài trên mộ phần cha mẹ tôi.

Viết tới câu này, tôi thấy hiu-hắt như buổi chiều đương xuống các mái nhà sắp tối.

Có lẽ giờ đây mặt trời cũng lặn sau ngọn cây đa cỗi gốc, ở quán Đình Găng ...

Đ.T.

☆

viên linh thiên địa ca

Về trong cuộc sống hôm nay
Nghe chân bước chậm nghe tay vội vàng
Đây rồi chặng cuối dương gian
Kiếp xưa muôn tội, thiên đàng một xa

Năm năm tôi mỏi tôi già
Cây xuân chửa nụ tàn ma ít nhiều
Đỉnh trời độc nhỡn nom theo
Chàm lưng dấu mụ còn đeo mỗi giờ

Về trong cuộc sống tiêu sơ
Vôi tô sắc diện son mờ tuổi xuân
Thôi còn nhất điểm lương tâm . . .
Khuya nay gầy mối tình chân với đời

Thiên cùng, địa tận về thôi
Ở đây trời đất và tôi một người.

đoản ca

THANH-THUYỀN

cùng với mặt trời chúng tôi mọc lên
cùng với núi rừng chúng tôi còn đó
tiếng hát thủy-triều lênh-đênh về Nam
đất ngậm phù-sa tháng ngày máu đỏ

●

hãy để chúng tôi làm Người
bài ca quê-hương dạt-dào tình-ái
những nụ hôn thơm chan-chứa tuổi đời
cho những vòng tay yêu thương kết lại

●

những người phơi thây nắng gió quên về
mong đất mau nguôi vết đau mòn-mỏi
này mùa xuân ơi xin em ở lại
cho làn môi khô chưa héo nụ cười.

●

những hạt mưa trong lưu-ly màu mắt
niềm tin phơi phới gió mùa
hai chữ tự-do rót đầy rượu mật
cho trái tim hồng mãi mãi làm vua

●●

Việt-Nam, Việt-Nam
xin mẹ nghìn năm trẻ lại
để nghe đoản-ca làm Người !

THANH-THUYỀN

đến với mùa xuân

đến với mùa xuân bằng đôi cánh mỏng
bướm ngây thơ chở nặng phấn hương đồng
tuổi nhỏ lời chim lưng hồn âm vọng
giọng ru xanh hòa lẫn nắng xuân hồng

tôi mở vòng tay nâng hồn biếc lá
xanh tương lai gói đẹp ấu thơ mình
tiếng nói trinh nguyên ấm từng mái rạ
trôi bâng khuâng theo suốt tuổi ân tình

cha cúi xuống nụ cười vương luống đất
mạch mồ hôi bón sống lên cây cành
như áo mở hò quàng lên chân thật
và mến yêu tiếp sắc rũa màn xanh

mẹ vắt niềm thương xuống đời đứa bé
nâng lời ru ngọt sữa mát linh hồn
tấm thân gầy che mưa chiều nắng xế
và nghiêng đời rót sống nuôi tình con

nhưng cuộc chiến còn thắp nghìn bóng khói
với thiên tai giày xéo mảnh quê tình
cha mẹ già nua mỏi mòn tiếng nói
ai nâng niu cuộc sống hắt hiu mình

ơi cánh bướm, lời chim, màu xanh lá
ơi giọng ru, ánh mắt, nụ cười son
tôi đứng lại sững sờ nâng mái dạ
nhìn ngây thơ vỗ cánh diễu qua hồn

THÀNH-TÔN
(thắp tình)

tho Lữ-Quỳnh

nỗi nhớ từ cao nguyên

những con đường đất đỏ đưa về đâu ?
mỗi buổi sáng thức dậy nghe chim kêu
anh nhớ em mùa thu chúng ta còn mười chín
và con đường cát trắng giữa hai hàng liễu xanh
ôm dấu chân em
vô cùng kỷ-niệm

buổi sáng Cao-nguyên mắt mòn lối đỏ
giữa rừng già mùa thu không có
những trận mưa làm đen cả vòm trời
anh vuốt mặt mình lòng buồn nức-nở
quê-hương ơi
Hà Nội — Huế — Sài gòn
bao giờ trên một đường
anh về thăm ba xứ ?
kể với quê-hương
chuyện núi rừng — máu xương — và rất nhiều anh
em đã chết.

có những phút muốn mang hồn Thượng-du
làm người Mọi đen
mỗi lầnước-ao cầu nguyện
chỉ cần giơ hai cánh tay lên
mà nói với Trời.
Niềm vui sẽ nở ra trên nụ cười trắng dã
nhưng anh biết đã muộn rồi
khi đất là da thịt anh em
khi mùa Xuân bắt đầu hồng lên sắc máu
nên em ơi
anh phải cúi đầu
nhận số-phận quê-hương.

ánh vinh-quang trong mắt chúng ta
(những người còn sống)
cũng là của bùn đất các Anh — những người đã
chết.

xin mỗi em
hãy ghép lời ca-dao với những tiếng thở dài mới
rụng

và hát bằng giọng rất cao
nhưng hàng như lời hoan-hô Dân-Tộc.

tháng mười một, 6

mười câu chuyện Tết

NGUIỄN - NGU - Í • SƠN - NAM • TÚY - HỒNG • VÕ - HỒNG • TRÙNG - DƯƠNG • HỒ - HỮU - TƯỜNG • DOÃN - QUỐC - SỸ • LÊ - TẠT - ĐIỀU • VŨ . BẢO • VŨ - HẠNH

≡ nguiễn - ngu - í

1 | KHI anh chủ trương bộ trên tập đưa ý kiến : mỗi anh em «góp» một chuyện Tết đặc sắc của mình để kết làm một bó hoa Xuân cho số kỉ niệm tám năm mà cũng là số Tết Ất-Tị, tôi nhớ ngay cái Tết mười lăm năm về trước, mặc dầu nó không có. . . chuyện gì đặc sắc cả, nhưng cái Tết năm Canh-Dần ấy (Dương lịch 1950) quả đã để một ấn tượng đặc biệt trong tâm tưởng tôi.

Để các bạn dễ cảm thông cái Tết đặc biệt này đối với tôi, tôi xin phép các bạn được nói thêm vài chuyện trước và sau cái Tết ấy.

Vì gia biến, tôi phải sống xa Thầy, Má và em gái từ năm lên bảy. Và từ đó đến năm tôi hai mươi bốn tuổi, năm toàn dân đứng dậy giành Độc lập, vì việc học, việc làm, trung bình mỗi năm tôi về sống với người thân độ chừng một tháng. Em gái tôi nhỏ hơn tôi ba

tuổi, và từ nhỏ tới lớn, ở với mẹ cha. Tuy không sống gần nhau, nhưng hai anh em chúng tôi rất qui thương nhau. Một phần vì chúng tôi chỉ có hai anh em, một phần vì phải bỏ nơi chôn nhau cắt rún sống ở quê người Tôi càng thương em vì em đã thay mình nâng đỡ cha mẹ trong những lúc ốm đau, già yếu.

Năm 1945, Nhật lật Pháp, gia đình tôi mới về lại quê xưa ở miền Nam tỉnh Bình-Thuận. Chung sống với gia đình giữa bà con, cô bác, bạn bè được nửa năm, thì tôi lại phải li hương, vì cuộc giành Độc-lập trong tay người Pháp vừa trở lại. Và từ đấy, gia đình tôi không bao giờ sum họp được. Cái Tết đầu tiên ở quê nhà, cái Tết độc lập, gia-đình tôi tưởng đâu sẽ được hưởng sum vầy giữa bà con quen thuộc, ngờ đâu chẳng bao giờ có.

Cái Tết độc lập đầu tiên năm Bính-Tuất (1946) ấy, tôi đón nó ở quê nhà người bạn đã đưa tôi đi từ Bình-Thuận ra đây : Quảng Ngãi, huyện Đức-Phổ. Cái Tết xa nhà, lạnh từ ngoài da cho đến tâm hồn (lần thứ nhất, tôi ăn Tết giữa mùa Đông), với nỗi lo âu về người thân ở nơi lửa đạn. Qua năm Đinh-Hợi (1947), tôi ăn Tết ở một chiến khu miền núi Quảng-Ngãi, một cái Tết đơn giản đến tận cùng và co rút lại giữa núi rừng với anh chị em của đài phát thanh tiếng nói Miền Nam nước Việt-Nam. Tết năm sau, Mậu-Tí (1948) bắt gặp tôi co ro ở cửa sổ một trại an trí miền sơn cước, cũng tỉnh Quảng-Ngãi. Nhưng năm Kỉ-Sửu (1949), tôi lại được ăn Tết với cha già đã tản cư ra đây, ở nhà một người quen, cạnh đường thiên lí, gần tỉnh Quảng-Nam. Cha con tôi cũng ý thức cuộc kháng chiến giành độc lập cho dân tộc đã bị lái hẳn sang nẻo khác, lại chẳng biết hai người thân còn, mất ở quê nhà, cái sầu chung nọ, cọng thêm cái buồn riêng này, khiến cha con tôi âm thầm đón Tết, ngồi bên nhau, bó gối mà nhìn ra con đường cái quan thẳng tắp.

Rồi đến cái Tết Canh Dần (1950). Tôi vừa có vợ. Thầy tôi theo một chiếc ghe về Cực-Nam. Bức thư do em gái tôi viết làm tiêu tan nỗi khắc khoải, bồn chồn từ ngày Thầy tôi bước chân xuống thuyền vượt biển.

Hòa-Bình, ngày 27 - 1 - 1950

Anh chị Hai,

(. . .) À, anh chị độ này có khỏe không ? Thầy Má và hai em vẫn mạnh khỏe như thường ; việc làm ăn nuôi sống hằng ngày cũng đủ xài.

Tin cho anh chị hay để mừng.

Anh hai thường bịnh hoạn, em gởi cho chị, nhờ chị săn sóc lúc ốm đau. Ở trong này, hai em săn sóc Thầy, Má lúc tuổi già, anh chị cứ yên lòng.

Sau đây, hai em cầu chúc cho anh chị có nhiều sức khỏe để làm việc đến ngày Độc lập.

Ít hàng thăm anh chị.

Em của anh chị.

N.T.H.N.

T.B. — Tin cho anh chị hay em có thai bốn tháng.

∴

Thầy tôi đã về quê nhà, bình yên, đã sum họp với má, với em tôi. Tôi lại sắp có cháu kêu bằng cậu. Tin vui này đến tôi vào cuối tháng Chạp ta. Và đây là cái Tết đầu tiên từ khi kháng chiến mà tâm trí tôi thơ thới và đón Tết trong một bầu không khí gia đình, gia đình bên vợ. Nơi gia đình vợ tôi tản cư ở về tả ngạn sông Trà-Khúc, có cây cao bóng mát, có vườn ruộng xanh xanh. Tôi chẳng còn ở trong cái cảnh « lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang » nữa và nhất là tôi lại có người bạn đường vui lòng chia những nỗi nhọc nhằn, cay đắng.

Sáng mùng một, khi mặt trời năm mới lên đã khá cao, vợ chồng tôi và vợ chồng L, em vợ tôi cùng nhau đi thăm vài bạn quen người cùng lứa ở trong làng.

Đến nhà người bạn đầu tiên, chúc mừng, uống trà, dùng chút bánh, mứt, định lên xóm trên thăm tiếp mấy người bạn nữa, thì bỗng nhiên tôi cảm thấy trong người bần thần, đầu óc nặng, mắt mệt mỏi lạ lùng. Nhà tôi bảo tôi ở lại nằm nghỉ một chút cho khỏe, lúc trở về, sẽ ghé đưa tôi về nhà. Rồi ba chị em tiếp tục thăm mấy người bạn như đã định.

Tôi nằm nghỉ, mơ mơ màng màng, cảm thấy một nỗi buồn tê tái chầm chậm thấm vào người lúc ấy đang nửa mê nửa tỉnh.

Một giờ sau, khi nhà tôi và hai em trở về, thì tôi trở lại bình thường. Người bạn chủ nhà cho rằng tôi say nắng.

Và ba ngày Tết năm ấy êm đềm trôi, trong hương khói và giữa những người thân mới : mẹ, các anh chị, các em, các cháu.

Bốn tháng sau, ngày 17 tháng 6, nhằm một tối thứ bảy, tôi cùng nhà tôi ngồi trên đường rầy chờ một chuyến xe lửa, thì một đứa học trò tìm tôi đưa một bức thư ngắn của một cậu em đồng hương thường liên lạc với quê nhà. Nó vừa trao thư vừa nói : « Có tin em thầy vắng. » Tôi nhìn nó, chưa hiểu. Nhà tôi vội mở tay tôi, lấy bức thư ra, đọc :

« Anh Ngư,

« Chị Nga chết độ 27-28 tháng chạp âm lịch, đang chửa, bịnh ».

Không có nhà tôi ở bên mình thì tôi chẳng biết bơ vơ đến bực nào.

Nhưng mãi đến cuối năm, tôi mới được thư Thầy tôi.

Tân-Thuận, ngày 15-11-1950

Ngư-Dung,

Thầy Má con gửi lời ra thăm hai con được sức khỏe mọi bề và khuyên hai con lo việc nghĩa vụ cho tròn.

(. . .) Còn sự em Nga hai con qua đời là ngày mồng 1 tháng giêng năm Canh Dần (thứ sáu : 17-2-1950) này ; em hai con chửa mà phải bịnh trúng phong cấm khẩu, chỉ sống được mười hai giờ thời chết. Thuốc Bắc không có, thuốc Tây cũng không, chỉ uống thuốc thường mà chờ chết đó thôi.

Em con mất rồi, sự đau đớn buồn rầu của Thầy và Má không thể kể được : đến nay cũng chưa nguôi được phần nào cả. Thôi ! Thầy dứt lời.

N.H.H.

∴

Thì ra em tôi mất, không phải « độ 27-28 » Tết như chú em nọ nghe nói lại, mà đúng vào ngày mùng một Tết. Tôi rùng mình. Nhớ lại một giờ tâm trí bần thần, nửa mê nửa tỉnh. Tôi không nghĩ ngờ gì nữa Hẳn là trong khoảng đó, em tôi hấp hối. Nhìn cha già từng cứu sống bao người nay đành khoanh tay nhìn con mình chết với đứa con trong bụng, vì không có thuốc, nhìn mẹ yếu chẳng ngờ lại sắp chôn con và cháu, nhìn người chồng tốt cùng nhau gá nghĩa mới được nửa năm mà chẳng thể gởi lại một lời trăn trối, đứa em xấu số này hẳn là dành cho người anh còn lận đận ở phương xa cái ý nghĩ sau cùng của mình, tha thiết đến nỗi khiến tôi bàng hoàng.

Ba năm sau, gặp lại Thầy, Má tôi, điều ức đoán trên đây được xác nhận.

Thành ra cái Tết kháng chiến êm dịu nhất đối với tôi lại là cái Tết vô cùng chua xót cho những người thân yêu nhất đời mình...

≡ sơn - nam

2 | NHƠN một chuyến về thăm nhà ở miền quê, tôi nghe vợ tôi nói :

— Mình à, hôm trước tôi dẫn con bé đi chợ, ngang qua tiệm bán radio. Nó biểu tôi dừng lại rồi đưa ra một đồng bạc mà nói : Má à, mua một đồng bạc radio đem về nhà hát nghe chơi. Tết mà có radio chắc vui lắm.

Tôi hơi buồn. Làm sao mua được một cái radio transistor, vợ tôi và mấy đứa con đang ao ước tha thiết.

Lúc trở lên Sàigòn, tôi cứ đạo thơ thần để tìm thêm công việc làm. Tình cờ, tôi gặp Việt Quang, bây giờ là tổng thơ ký tòa soạn của báo Tiếng-Chuông. Việt-Quang là bạn học với tôi, ở trường Phan-Thanh-Giản, hồi tiền chiến. Tôi ngỏ ý :

— Kiếm một công chuyện gì làm ra tiền coi !

Bạn ta nói :

— Cơ hội sắp đến. Cỡ nầy mỗi báo đăng gần 8 cái tiểu thuyết. Bữa nào tao kêu mầy. Đề về bàn bạc với ổng... (tức là ông Đinh-Văn-Khai).

Vài hôm sau, Việt-Quang nhắn tin. Tôi đến chờ tại phòng khách, ở từng dưới. Mấy cô nữ thơ ký chất vấn lung tung :

— Ông đến đây làm gì ? Nếu có chuyện cần thì nói tại đây. Giờ làm việc của anh em ký giả, ông chủ không muốn bất cứ ai lên trên lầu cả. Ông cho biết tánh danh. Tôi sẽ gọi người ấy xuống.

Tôi nghĩ thầm : «Thiên hạ đồn chẳng sai. Ông chủ nhiệm nầy. «quan liêu » thật. Cô thơ ký gọi lên lầu. Lát sau Việt-Quang đến. Tôi cằn nhằn :

— Tới tòa soạn nầy, bực bội quá, còn hơn đi hầu tòa.

Việt-Quang nói :

— Mày kỳ cục quá. Đừng thắc mắc. Tao giới thiệu rồi. Ổng chịu mầy lắm. Cứ im lặng mà lấy tiền trước. Mỗi tháng 5.000. Mầy cứ yêu cầu mượn 2 hoặc 3 tháng, tha hồ xài Tết.

Ông Đinh-Văn.Khai mời tôi ngồi, nói chuyện bài vở rồi mỉm cười :

— Tôi cho anh mượn trước 12.000 đồng. Tức là tiền lương 3 tháng. Đề anh ăn Tết chơi.

Thế là mỗi tháng có 4.000, mất hết 1.000. Trong một tháng, tôi nhớ đến tình trạng báo chí thời ấy. Báo Sài-Gòn Mới đã bị đóng cửa. Số phận báo Tiếng-Chuông có lẽ cũng vậy. Tôi nhận với điều kiện :

— Dạ, nhưng mà mỗi tháng, ông trừ lai rai một ngàn tôi còn 3.000. Đúng 12 tháng, tôi trả hết nợ.

— Anh viết biên nhận đi.

Tôi vừa viết vừa nói :

— Tôi cần tiền, xin ông cho lãnh số tiền ấy... lập tức.

Ông Đinh-Văn-Khai cau mày :

— Vậy thì... nãy giờ anh viết cái gì đó ? Lấy tấm giấy, viết lại : mượn trước 10.000 thôi, trừ nợ trong vòng 2 tháng rưỡi. Nghĩa là, sau hai tháng rưỡi anh được quyền nói chuyện tiền bạc.

Tôi hơi giận : từ chỗ trừ lai rai mỗi tháng 1.000, tôi đành chịu trừ tất; thay vì 12.000 tôi chỉ còn 10.000 thôi. Viết xong, tôi ký tên. Ông Đinh-Văn-Khai mở bóp, trao cho tôi 2.000 đồng mà nói :

— Lấy đỡ đi. Còn 8.000, sáng mai anh tới...

Thật là hoang mang. Tôi bỏ 2.000 đồng vào bóp, lủi thủi xuống thang lầu. Việt-Quang hỏi. Tôi thuật lại đầu đuôi cuộc đàm phán. Việt Quang lắc đầu :

— Mầy khờ dại quá. Từ 15.000 còn có 10.000. Làm ăn như mầy, hèn gì nghèo suốt đời.

Hôm sau, tôi lãnh thêm 8.000 cho đủ 10.000 Tiểu thuyết của tôi bắt đầu đăng nhưng 15 ngày sau, báo Tiếng-Chuông bị đóng cửa không thời hạn. Hay quá !

Tính cho kỹ, tôi còn thiếu ông Đinh-Văn-Khai 8.000 đồng. Nhiều bạn thân đã hay biết chuyện đó, khen tôi :

— Mày quỵt của ông Khai số tiền đó rồi. Xưa nay, ít ai qua mặt ông. Ông rành luật lệ và rất «nguyên tắc» về mọi chi tiêu. Mày giỏi quá.

Tôi không dám tự hào rằng cao tay ấn hơn ông Khai. Tôi cho rằng mình gặp của hoạnh tài nọ vì mình đã nhận định tình hình khá nhạy, biết chụp giật kịp thời, bao nhiêu cũng được. Số tiền ấy đánh dấu một sự thắng lợi mới về tài lộc, tình cảm trong năm Giáp-Thìn. Suốt năm qua, tôi làm ăn khá giả, lúc nào cũng đủ tiền mua một điếu xi-gà, ăn cơm Tây hoặc đi một cuốc xích-lô. Lá tử vi của tôi sáng sủa rồi chăng ?

Cái máy radio đã sắm được rồi, nhờ tiền của ông Khai. Nó phát thanh đều đều, vẫn còn tốt. Thấy nó, tôi nhớ đến ông Khai. Nhiều lần, gặp tôi ngoài đường, ông vui vẻ chào tôi và không bao giờ ngừng xe hơi lại để nhắc nhở tiền bạc. Tư thất của ông ở đường Công-Lý, tôi biết rõ địa chỉ. Nhưng tôi đến đó làm gì, trong lúc chưa dư giải.

Vậy năm nay, nhơn dịp Xuân về, tôi viết mấy hàng nầy để nhớ tới ông và cầu chúc gia đình ông gặp vạn sự may mắn. Nếu gặp dịp ra báo, chắc ông vui vẻ... hỉ xả món nợ cũ và kêu tôi tới thật gấp, cho mượn thêm một số bạc khác to hơn để ông và tôi, chúng ta cùng xây dựng một tờ « nhựt báo đứng đắn nhứt, Việt-Nam ».

Sơn Nam

≡ túy-hồng

31 HỒI cha còn làm Hạt-Trưởng sở Hoả-Xa, mỗi lần đi thanh-tra tỉnh nhỏ cha đều dắt theo một đứa con dại.

Tàu muộn cuối năm đem những người đi xa về nhà ăn Tết thưa khách nhưng dày chuyện cười, cha con tôi lạnh ngồi ôm đầu gối ở toa hạng nhì ít-ỏi một dúm hành-khách nôn nóng muốn đâm bổ về nhà trước ranh-giới giao-thừa. Bom đạn điên cuồng lắc rắc đây đó. Đường sắt thường bị ủ gài mìn lớn đứt gãy long-lở từng đoạn phải dùng lối chuyền chở «tăng-bo». Đêm 30 đen đủi lạnh teo da, trong toa tàu vui nhộn hành-khách chuyện-vãn thân mật trăm bề ... Chú Cầm, chú Sanh, Bác Luyện, bác Gia, cha con tôi và Cô Thương ! người đẹp lẻ loi đơn chiếc,... tất cả là 12 nhân vật, đàn ông ngồi vịn nhau góp chuyện vui cười cởi mở. Cô Thương đẹp lắm khiến mấy ông Chú, ông Bác nao núng lòng dạ ; tranh-chấp từng lời nịnh, va chạm vấp ngã luống-cuống trong cử-chỉ bợ đỡ và ngay đến cha cũng làm nhiều điều khác lạ. Người mê thương cô gái hung loạn hơn hết là chú Sanh, xếp ga Đồng-Hà về Huế ăn Tết... Thình-lình tàu sục sịch đỗ lại... rồi có tin cầu gãy... tàu bí lối đợi dài. Thôi xong, năm nay bỏ Tết, thiếu-giao thừa, hết mồng một, mồng hai,... gia-đình chen nhau đoàn tụ ăn những thức ăn cổ truyền, bài bạc, mừng tuổi, chúc tụng... Tủi quá. Buồn nhân lên và cộng lại. Nhớ mẹ, nhớ em quá, tôi xích lại bên cha, chú Cầm vuốt má tôi — «Năm nay con bé bị phạt không có Tết ».

Súng bắn đầy đêm cuối năm. Một chút nữa thôi là giao thừa, giờ điểm danh những kẻ có mặt trong gia đình, những kẻ ngoại sổ . . .

Bác Luyện bỗng tươi cười rút ở bao hành-lý một bánh pháo đem treo trên cửa sổ quẹt diêm đốt. Tiếng pháo nổ dòn lốp bốp không tiếng cười reo con trẻ. Rồi có một tràng pháo của ai bắt chước đì-đùng và tiếp nối những tràng lách tách đùng khác trên mỗi toa xe con tàu. Pác Luyện cười ha hả :

— Giao thừa rồi nhé. Bây giờ mỗi toa tàu là một mái nhà ấm cúng... Thôi tụi mình tổ-chức mời đón giao-thừa, tiếp rước Tết ở đây... A-lê, tất cả mứt bánh trái cây dành dụm bới về nhà hãy bày ra dọn ăn chung chạ. Gia đình chúng ta đây rồi. Chúng ta là anh em. Toa tàu này còn là nhà thờ nữa, . . . Gia-đình mình kể cũng đông-đảo, 12 mạng cũng ăn Tết như ai, cũng rước xuân tưng-bừng như ai . . . thân-mật, ấm áp.

Ba chiếc va ly kê cao làm kàn thờ tổ-tiên, khoanh hương cháy tròn là điểm đỏ cho ba ánh mắt đồng qui mặc niệm. Rồi mức ngọt, bánh bùi, thuốc thơm, rượu đắng được xốc ra khỏi bao dăng bày ngang dọc.

Chú Sanh liếm môi cho ướt tiếng nói :

— Gia đình chúng ta lại có một cô em gái thân yêu nữa ohứ, em gái ngoan hiền.

Bác Gia chỉ tôi :

— Cháu gái, cháu hãy đi quanh đây mừng tuổi các chú . . .lì xì một hào mới tinh sương này . . . Những gia đình bên cạnh pháo nổ hân-hoan, tiếng cười nói vỡ đêm dày, cô Thương hai má phủ hồng, mắt ướt chao tròn lăn hình hạt bi. Bánh chưng ăn lót bụng với thịt ướp rồi trái cây khô, mứt rối, mứt dẻo tráng miệng. Thiếu bình trà nóng tầm giọng. Tôi nhai nuốt cầu thả lẫn lộn cả mùi vị. Cô Thương gõ bàn :

— Các anh ăn uống mạnh lên chứ... ớn rồi hả ? Bánh chưng mau ớn, thịt thì cả mỡ... Ngậm một múi chanh đi. Khi mô có đồ ăn ngon béo mà ớn quá nuốt không vô thì uống vài giọt chanh cho trôi chất béo đọng ở cổ họng là ăn được nhiều liền.

Bác Điền trịnh trọng :

— Bây giờ anh em nhà mình phải bầu ai làm anh cả chứ.

Những bàn tay mừng rỡ vỗ đôm đốp, bác Gia nheo mắt nhìn cha :

— Trường hợp này mới biết đức Phật có lý... Ai có con là có nợ, mắc nợ từ kiếp trước nên kiếp này đẻ con ra để trả,... mang con theo mà chịu thiệt. Vậy thằng em độc thân này xin bầu ông anh đây làm anh cả từ-bi.

Tôi nhìn cô Thương xinh đẹp nghĩ thầm : trừ cha ta ra thì ở đây cô mình có đến 9 ông anh vừa độc-thân vừa chưa cưới vợ lần nào nhé ! tha hồ bị vây nhé ! khổ nhé !

Tôi lắc đầu gọi to cha :

— Chú Phán, chú Phán, cháu nhớ nhà, chú dắt cháu đi bộ về ăn Tết với ba má cháu đi.

Cô Thương chúm miệng cười bằng đuôi mắt :

— Ờ ờ, ở đây mười anh đều giữ phòng không, anh mô cũng độc-thân hết . . . Bây giờ hảy kê khai tuổi tác ai đáng làm anh cả.

Mấy ông một loạt bắt cha khai trước, tôi hét : khám căn-cước chứ, mọi người : quên, quên, quên đem rồi ; cuối-cùng cha đành xì ra 34 tuổi . . . và chín kẻ độc-thân kia chưa có ai quá 31 tuổi cả. Tra khẳng. tra đẳng như bác Gia, bác Tề má cũng chỉ mới ba mươi cái xuân rưỡi,

Rượu rót ra, người anh cả cụng ly cô em gái hiền hoà :

— Con gái người ta là em gái mình.

Chú Sanh đỏ mặt :

— Anh thương . . . thương em, em gái . . . gia đình chứng ta

Chú Sum trắng trợn :

— Em gái đẹp của 10 anh . . . ong chúa đa tình

— Trong mấy anh em thương anh nào nhất ?

— Anh nào trẻ, anh nào đẹp trai hơn hết ?

— Em hãy nghĩ tới nỗi lòng thằng đứng-đắn này.

— Cho anh xung-phong bảo vệ đời em gái...

Chiều mồng một, mọi hành-khách qua sông và lên tàu về Huế. Gia-đình chúng tôi tiễn nhau ở sân ga. Phút chốc chia tay Chú Sanh cẩn thận dặn cô Thương :

— Gia-đình chúng ta.

Và cái gia-đình 12 người ăn Tết trên tàu năm sauchỉ còn 2 kẻ ăn Tết chung dưới một mái nhà là Chú Sanh và Cô Thương. Cha con tôi gởi quà chia vui cùng cô chú. Đến bây giờ chúng tôi vẫn được

tin nhau, thư từ lác-đác qua lại, không quên, không ai quên được đêm giao-thừa mặn-mà trên chuyến tàu nằm. Linh hồn của Tết đã ăn thấm vào chỗ sâu nhất của mọi tất lòng mà không một vết đau nhân loại nào có thể chùi tẩy được.

Mùa Đông Huế

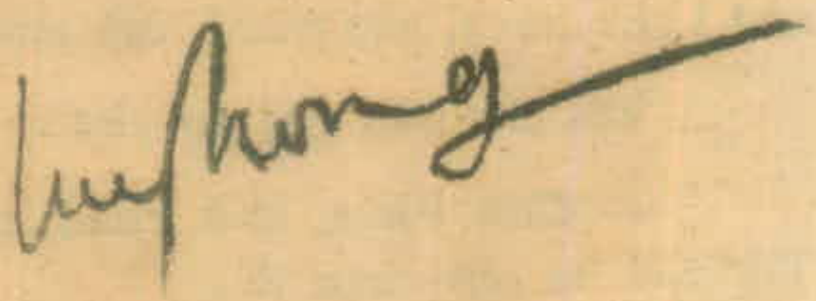

≡ vỗ-hồng

4 | NGÀY mồng bốn Tết năm Ất-Dậu (1945) tôi đi thăm một người em họ lấy chồng ở Phú-Vang, một làng quê thuộc quận Đồng-Xuân. Khi bữa cỗ cúng tạ gia tiên được dọn xuống, chủ nhà khẩn khoản mời tôi ngồi cầm đũa bên cạnh. Cụ Phụng-Bảy, một cụ đồ đã năm khóa lều chõng đi thi, Làng Phú-Vang lúc bấy giờ ít có người đi học quá bậc Tiểu-học nên khi nghe tôi chữ nghĩa khá, cụ Phụng bắt chuyện niềm nở. Từ bàn bạc thế-sự, cụ chuyển sang thơ văn, hết đọc bài xướng đến đọc bài họa. Tôi đang tuổi trẻ háo-thắng cũng liền mượn bút làm bài Tứ-tuyệt :

Xuân nhật tao phùng lão ấu nghi
Tùng lai nan đắc thử giai kỳ
Giang-hồ nhất khứ thiên trùng biệt
Biên nhạn hà thời hảo xứ qui

đại-ý là :

«Nhân ngày xuân, ngẫu nhiên mà già trẻ gặp gỡ nhau. Từ nay về sau khó được một dịp tốt đẹp như vậy.

Vì khách giang hồ một đi là cách biệt ngàn trùng.

Con nhạn bên trời biết bao giờ trở lại chốn cũ. «Sự hiểu biết chữ Hán của tôi có được bao lăm, chỉ vì háo thắng mà lúc bấy giờ hiêu hiêu mãn-ý. Khi tiệc tan, một mình ngồi ngẫm lại, đáng lẽ tự trách mình dốt thì lại chỉ nghĩ đến ý tứ bài thơ quá trệ. Đầu năm khai bút mà bảo « Giang hồ nhất khứ thiên trùng biệt » thì thật là điềm không tốt. Nỗi lo đó ám ảnh tôi suốt cả tuần.

Tháng ba năm đó, Nhật đảo chính Pháp, chính phủ Trần-Trọng-Kim lên cầm quyền. Tôi giã từ quê nhà lên làm việc ở Dalat. Tháng Tám Việt-Minh khởi nghĩa. Tiếp tới, cuộc kháng chiến bùng nổ. Tôi lận đận trên con đường tản-cư chạy giặc, hết bị Nhật chận bắt ở Trại Mát đến bị Pháp rượt bắn ở Tháp Chàm, ăn nhờ ngủ đậu ở suốt dọc đường Cầu-đất, Trạm-hành, Dran, Manương, Nại Tri thủy..., mất hết cả va-li, quần áo, tiền bạc.

Ngày mồng hai Tết năm Bính-Tuất (1946), bị Pháp lùng ở Phương-cựu, tôi mang gùi chạy lánh mình ở một cái đìa cá. Nhìn trời nhìn nước, nhìn từng đám khói ùn ùn bay lên ở mạn B'lap, B' rau . . . tôi nghĩ đến quê hương chắc giờ này đang rộn ràng bánh mứt, xóc dĩa, bài chòi. Tôi nhớ đến câu thơ khai bút đã ứng nghiệm từ cuối năm ngoái cho đến bây giờ và lo rằng không khéo mình phải bỏ thây nơi xứ lạ. Vừa lo lắng, vừa tự trách mình dại dột. Nhân Hiệp-định sơ-bộ ký, tình hình chiến tranh hòa hoãn tôi đáp ghe từ Nại chạy thẳng về cửa Tiên-Châu. Về được đến nhà mừng như sống lại, nhưng lòng vẫn còn áy náy. Phải đợi ngày hôm sau vội vã đón xe ngựa lên làng Phú-Vang, thăm lại nơi cũ, giải cho hết câu thơ trầm trệ « giang hồ một đi là cách biệt ngàn trùng » rồi mới yên chắc là mình còn sống.

Thật là cái dại này kéo thêm cái dại khác.

Volume

≡ trùng-dương

Anh Đ. thân,

5 | *TÔI nhớ lại lời nói của anh, vào buổi sáng sớm hôm Mồng Một năm ngoái, khi chúng mình chia tay — tôi về với gia đình đang chờ đợi họp mặt, anh và Th với căn phòng ký-túc-xá hiu quạnh, nhưng cả ba cùng mang chung một niềm hân-hoan kỳ diệu, — câu nói đó như thế này : « Tết sang năm, chắc chắn là chúng mình mỗi đứa một phương, Đ. sẽ ngồi hồi tưởng lại kỷ-niệm của đêm Giao Thừa năm nay, thay cho tất cả những lời chúc tụng, mà chúng mình có thể gửi đi và nhận được của nhau ! »*

Vâng, đáng thế, anh Đ. ạ. Tôi thiết nghĩ không một lời chúc tụng nào có thể thay thế được kỷ niệm mà tôi, anh và anh Th đã cùng chia sẻ một kỷ niệm thật bất ngờ; thật lí thú thật đẹp, thật trẻ, thật tươi mát, như ánh mặt trời đầu tiên xuất hiện bên kia con sông Saigon, mà chúng mình đã cố chống mắt để đợi suốt đêm Giao Thừa, Anh mỉm cười ? Tôi có thể hình dung ra nụ cười của

anh, nụ cười mà tôi vừa giận vừa ghen với anh — à nụ cười cởi mở, mãn-nguyện của một người mang trong lòng một sự tin tưởng là biết rằng mọi sự không đáng được tin tưởng đều như mình đã biểu lộ. Vâng, làm sao tôi quên được ? Suốt một năm loay hoay với những ý nghĩ do cuộc sống xung quanh mang lại dù muốn dù không — những dự định, ước vọng, hăng say, buồn chán, mệt mỏi, rồi tin tưởng v. v... —, tôi đã bỏ quên nó, bỏ quên cái kỷ-niệm của đêm Giao-Thừa năm ngoái, phần cũng chính tôi muốn quên nó, để có thể gợi lại một cách trọn vẹn hơn trong đêm Giao Thừa năm nay.

Anh Đ. thân, anh có nhớ anh đã thổi sáo cho tôi nghe những bản nhạc gợi lên hình ảnh quê hương anh — xứ Huế —? Tôi rung động theo mỗi rung động của anh. Cũng như anh, anh đã thành thật rung động, khi hát tặng tôi một bản nhạc gợi lại cho tôi hình ảnh quê hương tôi — Hà-Nội — Chúng mình cùng xa quê cùng nhận một quê hương thứ hai — miền Nam, — cùng chia sẻ những ước vọng tuổi trẻ, và nhất là cũng chung niềm băn khoăn thế hệ, để rồi thực sự chẳng biết phải làm gì ? Buồn cười, phải không ? Tôi hơi bực mình một chút về buổi tối hôm ấy : tôi bị rơi vào giữa bọn các anh toàn là dân-miền-Trung-xa-nhà, trong căn phòng câu lạc-bộ của ký-túc-xá nơi các anh ở. Phải thú nhận các anh nói về kỷ niệm quê hương mình hơi nhiều. Nhưng cũng may, vì cuối cùng có anh bạn cao-niên nhất của chúng ta — anh P — Cũng dân miền Trung nhưng lại trưởng thành ở Hà-Nội và còn lưu luyến Hà-Nội hơn cả xứ Huế của anh ! Anh bạn nói với tôi về Hà-Nội, rồi khe khẽ hát những bản nhạc từ thời tiền-tiến . Rồi sau đó, mọi người phân tán trong sự chờ đợi một năm mới — cứ tạm cho là «mới» đi, vì mọi người muốn thế. Tôi anh và anh Th. đi lang thang qua những con đường vắng lặng của thành phố. Có những lúc bàn luận sôi nổi, như khi ngồi ở công viên sau lưng Vương-Cung Thánh Đường, về đủ mọi vấn đề mà khả năng hiểu biết của chúng mình cho phép. Có những lúc cùng im lặng, mỗi người theo đuổi những ý-nghĩ hoặc nỗi nhớ nhung riêng tư về một đối tượng nào đó, như anh nhớ đến M-L và gia đình và sau đó, đã thú nhận sự «ủy-mị» của mình không chút ngượng ngập, vì chúng mình đã nhất định đi đến với nhau bằng sự chân thành mà. Tôi chỉ nhớ có một lúc, tôi bỗng có cái thèm khát vô cùng được thấy mình đang sống ở một miền biển, để chạy ngay ra bãi nghe tiếng sóng vỗ, mặc gió từ ngoài khơi về mơn man da thịt, và xoa dịu những nông-nỗng của một tâm hồn trẻ trước cuộc sống mở rộng như chờ đón, mời gọi, để thấy mình ngơ ngác nửa muốn dấn thân, nửa còn chần chờ như chờ đợi, chờ đợi cái gì, nào ai biết ? ! Và chợt thấy mình có quá nhiều những khúc mắc nội-tâm !

Tôi không quên được khi ba đứa ngồi ở bờ sông, cố chống lại với cơn buồn ngủ kinh khủng của một đêm thức trắng, mong đợi lấy cho được niềm kiêu hãnh của những kẻ đầu tiên thấy được tia sáng mặt trời của một ngày đầu xuân ! Hôm ấy anh cởi áo trong ra, trải trên đất cho tôi ngồi. Người khác nhìn vào cái cảnh ấy không khỏi nghĩ rằng tôi là người tình của anh Nhưng đối với tôi, một người tình săn sóc mình như vậy, không gây cho tôi một sự xúc-động nhiều như khi đó là sự săn sóc của một người bạn. Và hôm ấy, tôi xúc động, cái xúc động được

một người bạn sâu sắc. Và chính anh cũng đã chẳng thú nhận như vậy, là gì! Thú thật với anh, hôm ấy tôi buồn ngủ quá! Anh huýt sáo một bản nhạc cổ-điển. Anh Th. trầm ngâm xa vắng. Tôi tưởng các anh «anh hùng» lắm, nên tôi không dám thú nhận cái nhược điểm của mình. Té ra các anh cũng chẳng hơn gì tôi, nghĩa là cũng đang mỏi chống lại với cơn buồn ngủ như điên! Đêm hôm ấy tôi có cảm tưởng chúng mình là những kẻ lãng-tử không nhà, vì quả thật vào giờ ấy, ngày ấy, đứa nào dám đến gõ cửa nhà ai để xin nằm nhờ, dù là nhà của bố mẹ! Ít ra mình cũng phải tôn trọng lòng tin tưởng vào dị đoan rất truyền-thống của người Việt mình vào những ngày đầu năm chứ!

Nhưng rồi cuối cùng, chúng mình cũng thắng được cơn buồn ngủ! Tia sáng mặt trời đầu trên xuất hiện, làm vỡ dần những mảng trời màu đen in hình cây thánh giá nhỏ của một ngôi thánh đường ở phía bên kia sông, hắt những ánh đỏ xuống mặt sông phẳng lặng. Một năm mới bắt đầu! Lần đầu tiên tôi bắt gặp một niềm hân hoan trọn vẹn như vậy — cái hân hoan của một kẻ thấy được tia sáng đầu tiên của a ngày đầu Xuân như kẻ thấy được niềm hi vọng loé lên sau những ngày đen tối, mệt mỏi! Và tôi chợt nhớ ra mình đã hai mươi. Tôi muốn chạy nhảy, reo hò; nhưng đồng thời tôi cũng muốn ngồi bất động để tận hưởng giây phút thiêng liêng kỳ diệu đó. Và tôi có cảm tưởng mặt trời thuộc về tôi cả anh nữa, mặt trời thuộc về chúng mình, những người trẻ với tâm hồn trẻ, luôn luôn sẵn sàng để chờ đến mọi cảm giác mới lạ, tất cả mọi cái gì mới-lạ... Mặt trời hôm đó thật quyến rũ, anh có thấy? — mặt trời quyến rũ! Thật là một điều hiếm có đối với người đầu xác nhiệt đới sẵn sàng đổ hết mồ hực dọc cho mặt trời! Nhưng dầu muốn dầu không, mặt trời buổi sáng hôm ấy quả quyến rũ thật!

Anh Đ. thân, viết đến đây tôi không khỏi liên tưởng đến một người bạn nói với tôi là anh ta sắp cho ra một tờ báo, lấy tên là «Đi về hướng mặt trời». Tôi nhớ rằng khi nghe anh bạn nói về dự định đó, tôi đã không khỏi thốt kêu lên một cách vô-ý-thức nhưng không phải là không có ý nghĩa (điều này tôi chỉ cảm thấy sau đó) là: « Cho tôi đi về hướng mặt trời với! »

Anh Đ., anh có thể ngờ là câu nói đó đã chứa đựng nhiều hơn tôi tưởng. Đó là một câu gọi với hốt hoảng, một thái độ dứt khoát về một sự lựa chọn? Tôi nhớ rằng tôi hai-mươi. Và tôi nhìn thấy một mùa Xuân mới đang bắt đầu. Thực ra tôi không dám hứa chắc với anh một cái gì cả... Cứ coi đây là một lần «lột xác» trong rất nhiều những lần «lột xác» đã đang và sẽ còn xảy ra đối với một người không muốn-thấy-mình-đứng-lại, như anh, như tôi, như tất cả những người đang trên đường Đi Về Hướng Mặt Trời, để tìm cho mình Một Mùa Xuân. Một Mùa Xuân, anh có nghe thấy không? Vâng, Một Mùa Xuân của Cuộc Đời...

Bạn anh,

T. Nguyên Dương

≡ hồ-hữu-tường

GIÁ NẾU không kể dịp này vào, thì suốt đời tôi nói chung và trong năm mươi mấy cái Tết, tôi chưa từng được ai ôm một bó hoa mà tặng cho tôi. Cái vinh hạnh ấy, tôi thấy thiếu chi người được lãnh, và thường như ăn cơm bữa. Nhưng riêng đối với tôi, có lẽ bè bạn thấy đời tôi là một đời cam khổ, nên e ngại mà không dám ban cho tôi một phút suug sướng dành cho qui phái.

Nhưng đã là thông lệ, tất nhiên có ngoại lệ. Việc ấy xảy ra đầu năm 1946, nhơn ngày mồng một Tết năm Bính-Tuất. Lúc ấy tôi mắc kẹt tại Hà-Nội. Binh lửa vừa nổi ở miền Nam, thì tôi liền nghe tin Tạ-Thu-Thâu bị giết ở Quảng-Ngãi, Trần-Văn-Thạch, Phan-Văn Hùm, Phan-Văn Chánh, . . . bị bắt, và ở Hà-Nội, những chiến sĩ của phái Đệ Tứ Quốc Tế bị khủng bố khắp nơi. Tôi lại nghe tin rằng Việt-Minh tìm bắt tôi, nên tôi phải lánh mình. Sau khi đổi chỗ ở mấy lần, tôi đến trốn nơi một cái phòng ở trong ngõ, sau nhà nhiều người không quen biết. Và chẳng ai biết chỗ ấy.

Sáng mồng một Tết, thình lình có tiếng gõ cửa. Tôi tưởng đâu là công an Việt-Minh đến. Nhưng không, từ ngoài bước vào có bốn thanh niên mà mấy tháng trước tôi có gặp. Một giảng viên ở trường Đại Học Khoa Học, một sinh viên nam về Toán học và hai cô nữ sinh viên học năm chót của Trường Thuốc. Một cô có ôm một cái gói to tướng bọc giấy trắng tinh. Lúc ấy, ở Hà-Nội, sách báo thảy đều in trên giấy bản, mà tìm cho ra một tờ giấy trắng lớn để bọc đồ là một việc xa xỉ vô cùng. Trong phòng chỉ có một cái giường, một cái bàn và hai cái ghế ngồi. Bọn trai chúng tôi giành ngồi lên giường, nhường ghế cho hai cô. Cô ôm gói trịnh trọng nói :

— Trong dịp Tết mà ai cũng mừng Xuân, riêng có anh là cô đơn, cái cô đơn bi đát của con thú bị thợ săn đuổi nà. Một nhóm sinh viên các em cảm súc nỗi cô đơn bi đát ấy của anh, nên cử bốn chúng em đến tặng anh một món quà tươi đẹp. Cho anh sưởi lòng. Xin anh nhận tấm lòng của các em.

Nói xong, rút cây kim cài bó đầu cái gói. Bày ra một bó hoa gờ-lai-đơn rất lớn. Thiệt là sang ! Tôi cảm động và luống cuống, vì trong phòng chẳng có lọ, bình, hay cái chi có thể cắm hoo vào, đành ôm bó hoa mà nói chuyện.

Câu chuyện kéo dài, vì các bạn trẻ muốn cho tôi giải nhiều thắc mắc về tiền đồ của dân tộc, về sứ mạng của thanh niên ta, về lý thuyết, về văn chương, về những dự định của tôi. Chúng tôi nói nho nhỏ, vì sợ lời thốt ra, bị nhiều người ngoài rình nghe ; làm cho câu

chuyện có vẻ thân mật và ấm cúng. Tôi có hỏi tại sao các bạn biết chỗ tôi trốn ở đây mà đến. Anh giảng viên cười đáp :

— Phải nhìn nhận rằng trinh sát của sinh viên còn đắc lực hơn trinh sát của Việt-Minh. Vì chúng tôi đông hơn họ, lòng thành hơn họ và hiểu biết hơn họ. Nếu anh không nhờ sinh viên che chở, anh đã bị họ bắt từ lâu rồi.

Tôi chỉ còn có nước cám ơn nồng nàn, đối với một thế hệ cách tôi từ mười tới mười lăm tuổi.

Giờ đây, tuy bạn trẻ cũng có đôi chút cảm tình với tôi, song không được nồng nàn như vào 1946. Lúc ấy, họ gọi tôi bằng anh, tặng hoa đẹp và nói chuyện thân mật. Bây giờ, sinh viên thầy gọi tôi bằng bác, không ai dám đường đột ôm hoa đến tặng tôi, và cũng không ai dám la cà nói chuyện lâu, sợ tôi mỏi cũng có ; mà biết đâu họ chê tôi già, họ chê tôi chỉ có những tư tưởng lỗi thời, họ chê tôi không theo nổi những cao vọng của tuổi họ ?

Gần hai mươi năm qua, nhớ lại, tôi mến tiếc cái Tết mà đoàn đại biểu của một nhóm sinh viên Hà-Nội, trốn Việt-Minh, lén đến phòng chật hẹp của tôi mà tặng hoa gơ-lai-đơn.

5-1-1965

(mùng 3 tháng chạp Giáp-Thìn)

Hồ Hữu Tường

≡ doãn-quốc-sỹ

7 I KỂ ra thì mỗi giai-đoạn cuộc đời có một mùa Xuân đáng nhớ, đây tôi nhắc đến một mùa Xuân đáng nhớ của một giai-đoạn gần nhất : mùa Xuân di cư đầu tiên năm Giáp-Ngọ.

Vào Sài-Gòn, Đoàn-Sinh-Viên di cư Hà-Nội thoạt đầu ở trường Gia-Long rồi đến khu lều dựng trên khám lớn mà các anh em đặt cho cái tên gợi cảm là làng Thăng-Long. Đến làng Thăng-Long, tuy ở lều rất nóng nhưng chúng tôi ít có thì giờ để nhớ đến cái nóng của lều, vì nào còn đi lấy *cours*, nào đi giao thiệp với chính quyền trong công việc hoạt động của đoàn thể, nào họp bàn làm báo, họp bàn việc đòi Viện Đại-Học trả về cho người Việt để kiện toàn nền độc lập dân tộc. Lúc nào nóng quá thì xuống khu buồng tắm vặn vòi nước cho nước lạnh xối

vào đầu. Lều ngoài cùng sát, với cửa ra vào có đặt máy điện thoại được coi như văn phòng của làng Thăng-Long. Tuy ở lều mà cũng có anh phong lưu đáo-để, có xe hơi từ Bắc mang vào. Đến giờ đi lấy *cours* anh hét lớn : « có tin bộ trưởng bộ Quốc-Gia Giáo-Dục nào đi với tao không ? (tức là Sinh-Viên Văn-Khoa — Anh cho rằng Bộ-Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục sau này phải tốt nghiệp Đại Học Văn Khoa mới đúng) Hoặc : «Có tin bộ trưởng bộ Tư Pháp hay bộ Ngoại Giao nào đi với tao không ? (tất nhiên là sinh viên trường Luật rồi) vân vân...

Làm được hai số báo Lửa-Việt thì chúng tôi sửa soạn cho số ba là số Xuân. Di cư vào Nam, làm báo Lửa-Việt tôi mới có dịp quen các anh Trần-Thanh Hiệp, Thanh-Tâm-Tuyền, Nguyễn-Sỹ-Tế Có những buổi tối lành-lạnh chúng tôi đến nhà in sửa *morasse* rồi đưa nhau đi ăn, uống khuya, đôi khi rủ nhau đi nhảy, không có tiền thì vay. Ra cái điều ta là sinh viên ! Tuy mới chân ướt chân ráo làm báo mà chúng tôi đã thực hiện được một số Xuân khá đồ sộ cả về nội dung lẫn hình thức (Ấy là theo chủ quan tôi thì thế, chẳng biết có bạn nào đã đọc và còn giữ được số Xuân Lửa-Việt cũ có nghĩ như tôi ?)

Báo Xuân phát hành, hết công việc, chúng tôi đi lang-thang trên đường Bonard (Lê-Lợi bây giờ), đi quanh chợ Bến-Thành, lúc nào thấy khát thì kéo lên uống nước mía Viễn-Đông (ngã tư Pasteur Bonard cũ).

Một lần, một anh nâng ly nước mía ngọt-ngào nổi bọt trắng xóa lên nói :

— Nước mía ở đây vừa xinh vừa ngon !

Một bạn khác của tôi cười ngất :

— Thôi đi ông ơi, có tán thì tán thẳng đi, trong này người ta thực thà, «nước mía vừa xinh vừa ngon» bỏ ai mà hiểu được !

Chiều ba mươi Tết năm đó, tại làng Thăng-Long có tổ chức một bữa cơm tất niên thân mật mời nhiều quan khách, nhưng tôi không dự vì tiểu gia đình tôi ăn Tết tại nhà người em họ bên Khánh-Hội vào Nam đã lâu năm (tôi gọi đùa là Bắc Cờ cũ). Không ngồi ở nhà, tôi cưỡi xe đạp lang-thang vào Chợ-Lớn. Những hàng cây Sài-Gòn vẫn là những cái gì đã làm chúng tôi thích thú nhất. Anh Nguyễn-Sỹ-Tế ví chúng là những hàng cột của một thánh đường mênh mông. Tôi đạp xe dưới hàng cây đó nghe tiếng pháo vang động, dội lại tự bốn bề và cảm thấy cô đơn lạ. Tôi nhớ lại miền Bắc mình vừa từ giã, nhớ cha mẹ anh em và những người thân khác còn ở lại ngoài đó. Tuy nhiên đó là cảm giác cô đơn nó làm cho tôi thấy lâng-lâng thơi thới. Nắng Sài-Gòn chan hòa, tiềm năng dân tộc phơi-phới, quốc gia mở sang trang sử mới đầy hy vọng.

Tôi thật không ngờ dân tộc còn phải trải một lần chua sót nữa. Công cuộc xây dựng quốc gia biến thành cuộc đấu thầu chống Cộng của anh em họ Ngô mà sự nhơ bẩn bạo hành làm thui chột mọi nỗ lực vươn tới của quốc gia. Cộng-Sản được thể tiếp tục tung hoành, nhưng mất ánh sáng thần thánh của chánh nghĩa Quốc gia, những hành động của chúng chỉ còn đồng nghĩa với sát nhân Rồi ngọn lửa Quảng-Đức bùng lên... ngót một triệu người xuống đường đợi hụt đám tang Thích-Quảng-Đức.., một triệu người xuống đường đưa trọn một đám tang. Sự xuống đường hồn nhiên, trong sạch và hướng thượng. Sự xuống đường thật của một dân tộc không bao giờ mất tiềm năng mà chỉ biết khéo ủ tiềm năng khi chưa thấy có bàn tay xứng đáng sử dụng. Cho đến nay dân tộc đau thương đó vẫn ủ lấy tiềm năng thần thánh của mình. Hôm nay nhớ lại mùa Xuân đầu di cư, tôi đợi mùa Xuân khác gần đây đánh dấu một vận hội mới, những cặn bã vẩn lên được gạn lọc hết, và dân tộc ta không còn cảnh con côi tìm mẹ.

≡ lê - tất - điêu

8 | TRƯỜNG Mù ăn tết ở một buổi tối tất niên. Hôm đó, tất cả bè bạn của các em trong trường đều có mặt. Cũng có vài người bạn mới mang đến món quà quí giá là những bài ca về mùa xuân. Ngày hôm sau, trường đóng cửa, học sinh sẽ tìm về những cái Tết riêng lẻ.

Phòng nhạc được mở cửa và tất cả đều vui vẻ, hớn hở. Bởi vì nơi đó có nhiều âm thanh và nhiều cánh tay bè bạn giơ ra cho mình nắm giữ, tin tưởng. Sân khấu có đủ micro nhưng không có màn che, hết sức sơ sài, phẳng phất giống như một căn phòng có nền cao. Khán giả ngồi ở phòng tập nghề, trên những hàng ghế dài. Các em trong trường được xếp ngồi xen kẽ với các bạn ở ngoài. Bởi thế, một nửa khán giả ngước nhìn sân khấu và thỉnh thoảng tả lại, một nửa khán giả cúi đầu lắng nghe. Vài em nhỏ đứng sát thềm sân khấu, ngước mặt hướng về một nơi vô định, chăm chú nuốt từng âm thanh. Vẻ thưởng thức vừa thích thú vừa hơi ngỡ ngàng.

Anh Trường, luôn luôn giữ nhiệm vụ đệm dương cầm, xếp chỗ ngồi cho ban nhạc và một mình lo sửa soạn các nhạc khí cần điện. Anh bước từng bước thận trọng trên sân nhấu. Vì đã quen việc, Trường không cần người giúp đỡ. Sân khấu và nơi khán giả ngồi ở chung trong một màu ánh sáng vàng do bốn ngọn đèn cung cấp. Đứng ngoài nghe tiếng cười nói người ta có cảm tưởng trong phòng nhạc có sự vui nhộn xao động. Sự thực, ở đây, mỗi sự di chuyển đều chậm chạp có tính toán để khỏi đụng chạm. Chỉ có niềm vui là không bị hạn chế như vậy.

Cô Nhạc-Lưu vào thăm trường lần đầu, thuộc hàng qui khách, được mời lên sân khấu đầu tiên. Món quà âm thanh của cô là những «giọt mưa thu» buồn rơi trong tiếng gió thì thầm. Mưa đang bay, thì bỗng chợt... tạnh nửa vời vì người hát quên lời. Ca sĩ đành mời mọi người cùng trở về Bến ngự sống trong một buổi đêm tàn. Sự bạo dạn của Nhạc-Lưu bỗng gây không khí hào hứng. Sân khấu không còn là một nơi đáng sợ đối với những người rút rát. Chẳng ai còn viện cớ kém tài hay nhức đầu, sổ mũi, để không góp vui. Món quà ca nhạc càng lúc càng phong phú, khán giả có nhiều cách tỏ lòng ngưỡng mộ tài tử. Vỗ tay, nắm chặt tay người bên cạnh hay bật cười ròn rã. Một chú bé ngồi ghế hàng đầu, mỗi khi gặp đoạn vừa ý, lại đập vào lưng chú ngồi bên cạnh một cái. Chú kia không đoán trước được giây phút vui thú của bạn nên luôn luôn bị giật mình. Một người trình diễn xong có quyền đề cử một người khác. Nhiều người phải kiêm luôn cả nhiệm vụ nắm tay hướng dẫn người được đề cử lên sân khấu.

Cứ cái đà đó, không ai muốn ngừng lại hay muốn rời khỏi phòng nhạc Tiếng chuông reo báo 10 giờ khiến tất cả ngơ ngẩn, tiếc rẻ. Chủ cứ nắm chặt tay khách nói đủ chuyện. Cuối cùng, ông hiệu trưởng quyết định cho di chuyển tất cả mọi sự lưu luyến từ trong phòng nhạc ra khoảng sân cỏ. Đêm mát và cỏ thơm, từng nhóm nhỏ bốn năm người ngồi quây quần nói chuyện hoặc hát cho nhau nghe. Tôi ngồi với Thông. Tài, Bình và Trần-Đại. Bình nói về dự định tương lai khi tốt nghiệp Quốc Gia Âm Nhạc. Tài nắm tay tôi và ca lên một bài thật buồn giọng trầm. Sau đó anh hỏi tôi về những cái Tết vui. Tôi lúng túng làm một cuộc tính sổ : hơn hai chục cái Tết thì có đến mười cái mình không biết xài. Những cái còn lại thì đều khó nhai cả. Việc gặm nhấm dĩ vãng thưởng thức những mùa Xuân đã qua hoàn toàn thất bại. Tôi đề nghị Trần-Đại ngâm thơ. Thông rút ở trong túi ra một ống sáo ngắn và bắt đầu thổi. Thông trầm tĩnh ít than thở, lúc nói chuyện tỏ ra vui vẻ, Bây giờ tôi mới biết nỗi buồn và bóng tối của đời anh được trút vào tiếng sáo. Hình như anh đã khóc âm thầm trong những nốt cao vút, run rẩy

rồi ngân dài. Tiếng sáo rơi vào đêm, tan ra làm cho đêm lạnh và nhè nhẹ buồn. Khi anh ngừng thổi, tôi vỗ vai anh : « Về nhà Thông đừng thổi sáo. Mùa Xuân nghe tiếng sáo của Thông sẽ buồn lặng mà đi không đến nữa. » Thông cười : « Em yêu tiếng sáo hơn mùa Xuân ».

Càng về khuya, sân cỏ càng vắng. Thỉnh thoảng lại có một nhóm đứng dậy chia tay. Buổi tối tất niên tàn một cách chậm chạp và miễn cưỡng.

Khi chia tay, Tài, Bình nói là sẽ trở lại trường rất sớm, hai anh mong chúng tôi sẽ vào thăm dịp đầu Xuân, Chúng tôi chúc tụng nhau ở cổng một cách vui vẻ như sẵn sàng tin cậy các ảo tưởng trong lời chúc. Rồi cánh cửa gỗ đóng kín thế giới chật hẹp của trường Mù và trả chúng tôi về thế giới hỗn loạn bên ngoài...

≡ vũ-bảo

9 | NGÀY

đất nước chưa bị chia đôi, mỗi năm cứ vào đêm giao thừa, thầy tôi và tôi lại đi lễ chùa Ngọc Sơn. Chùa nằm trên một khoảng đất nhỏ, nổi giữa hồ Hoàn-Kiếm và, đi từ ngoài đường Lê-Thái-Tổ vào, phải qua một cái cầu gỗ hẹp bắc ngang hồ, gọi là cầu Thê-Húc. Hai cha con tôi vào lễ, xin một quẻ thẻ đầu năm, rồi ra sân chùa hái lộc mang về xông nhà. Mẹ tôi ở nhà bày sẵn lễ vật lên trên bàn thờ, đợi cha con tôi về là cho đốt một bánh pháo rồi cả nhà làm lễ gia tiên và mừng tuổi lẫn nhau.

Tôi chắc không bao giờ tôi có thể quên được đêm giao thừa cách đây đúng mười hai năm. Cũng như đêm giao thừa năm nay mọi người đêm đó chờ một năm Thìn đi qua và đón một năm Tỵ sắp tới. Gần nửa đêm thầy tôi và tôi lại đi lễ Chùa Ngọc-Sơn.

Đoàn người đi hái lộc chen lấn nhau trên chiếc cầu gỗ nhỏ hẹp và tranh nhau tiến vào chùa. Tôi còn mải nhìn những người đi lễ thì thầy tôi đã bị lớp người xô đẩy nên bỏ xa tôi đến ngoài hai chục thước. Bỗng trong một giây tôi có cảm tưởng là mình không đi trên cầu mà đang đứng trên chiếc thuyền tròng trành. Rồi cả một nhịp cầu trước mặt tôi đổ rầm xuống hồ. Chiếc cầu bắc từ thế kỷ thứ 18, không chịu nổi sức người dẫm đạp đã nằm gục xuống như một kẻ chán đời, chỉ còn trơ lại hai khúc ở hai đầu.

Nhiều đầu người lố nhố trên mặt nước hồ giá lạnh, nhiều bộ quần áo mới đang vùng vẫy như không muốn chịu ướt. Tiếng gào, tiếng thét, tiếng gọi nhau nổi lên thảm thiết giữa tiếng pháo giao thừa.

Đứng trên khúc cầu còn lại ở bên bờ bên này tôi nhớn nhác tìm thầy tôi. Bỗng có tiếng gọi tên tôi ở bên kia vang sang khi cầu đổ thầy tôi may mắn đã đi qua khúc cầu gãy. Tôi kêu lên :

— Thầy ơi !

Năm đó tôi đã ngoài ba mươi tuổi rồi mà tiếng tôi gọi thầy tôi nghe như tiếng một đứa trẻ thơ. Hình như sự mừng vui, đau khổ đều làm cho người ta bé bỏng trở lại.

Tôi trông sang thấy thầy tôi vẫy tay ra hiệu và nhìn vọng một câu tiếng nói tuy có lớn cho tôi nghe rõ, nhưng giọng nói vẫn bình thản như không có gì sảy ra :

— Con về nói với Mẹ cứ làm lễ cúng ông bà trước đi. Một lát nữa thầy về.

Sau Tết đó hơn một năm là đất nước chia đôi. Mẹ tôi và tôi cùng với gia đình di cư vào Nam — Thầy tôi đã mất ở ngoài Bắc. Nhưng cứ mỗi khi Tết đến tôi lại nhớ tới đêm giao thừa trên cầu Thê-Húc.

Nhất là Tết năm nay, lại một năm Thìn gần qua, một năm Tỵ sắp tới. Chắc chắn là đêm giao thừa tôi sẽ lại nghe thấy tiếng thầy tôi :

— Con về nói với mẹ cứ làm lễ cúng Ông bà trước đi.

Chỉ có một cái khác là lát nữa thầy tôi không về.

Vũ Bảo

≡ **vũ-hạnh**

10 / MỖI năm, cứ vào dịp Tết, thầy tôi cho chị em tôi về thăm quê ngoại và thăm mẹ của chúng tôi đã bỏ chúng tôi mà đi, từ lúc tôi mới lên ba, bốn tuổi.

Những chuyến đi ấy không được dì ghẻ chúng tôi tán-thành. Dì tôi thuộc về loại người rất thích ngờ vực và lại lắm lời. Cho nên cứ gần ngày Tết thế nào trong gia-đình tôi cũng có chửi chó mắng mèo, và qua mèo-chó hình như có chị em tôi và thầy tôi nữa. Vốn là nhà nho, thầy tôi giữ vững đường lối,.. trung-dung của đức Khổng Tử nên người không

bênh dì tôi và cũng không bênh chúng tôi. Ông vẫn thích giữ im-lặng như không hề có việc gì xảy ra, để cho « gia-đạo thuận-hòa ». Tất nhiên, chị em chúng tôi luôn luôn là kẻ bại trận. Tuy vậy, tình thương giữa chị em tôi đối với các em, con của dì tôi, lại rất đậm đà. Sau này, tình thương ấy càng thắm thiết. Bởi vì đã khổ vì một người mẹ bạc bẽo với mình, chị em tôi càng hiểu rõ nỗi khổ của những người con có bậc làm mẹ không được mọi người quí trọng. Ngày nay, tôi nhắc lại kỷ-niệm cũ như một sự kiện xã hội và nghĩ rằng các em tôi có đủ trình độ để không lấy đó làm sự buồn phiền.

Chị tôi thường mua hương về giấu kín một nơi và đợi đêm đến, mọi người đã ngủ mới châm hương lên vào bếp thì thắm trước ông bà Táo. Có lần bắt gặp, tôi hỏi :

— Chị làm gì vậy ?

Chị đáp :

— Cầu khẩn cho mụ ác quỉ chết đi.

Trong tình cảnh ấy chỉ có kẻ ăn người ở trong nhà là tỏ ít nhiều thái độ bênh vực chúng tôi. Một lần, thấy chúng tôi bị chửi rủa, một người ở gái còn nhỏ, cô Vân, đợi lúc dì tôi đã ngủ, đến bảo tôi rằng : Đừng sợ. Hồi chiều, tôi nhổ mấy bãi nước miếng vào trong bát nước cho bà ấy uống ». Một người ở trai, lớn tuổi, là anh Ba Hườn, lại đi xa hơn. Có lần anh đã bảo tôi : « Con mụ ấy thiệt dễ ghét. Cứ bảo là pha nước chè phải cho có bọt thì mới chịu uống. Đã mấy hôm rày tôi... đái vào trong bát nước ba bốn lần rồi. »

Tất nhiên, bà dì đáng kính của tôi không hề hay biết gì cả. Sự không hay biết như vậy làm cho những cách chống đối trên đây trở nên vô-ích. Do đó, sau này, khi anh Ba Hườn đã thôi giúp việc nhà tôi và ra Đà-Nẵng học nghề, một hôm tôi mới dọn một bộ mặt lễ phép, làm bộ sợ sệt thưa với bà dì :

— Thưa . . . dì . . .

Bà hỏi :

— Chi đó ?

Tôi rụt-rè đáp :

— Con không . . . dám . . . nói . . .

Bà gắt :

— Cái chi mà không dám nói ?

— Dạ . . . thôi.

— Ớ *tề* ! Cái thằng mới hay cho chớ ! Thì *cứ* nói đi. Có *răng* nói *rứa*, chớ ai làm chi *mô nà* !

— Dạ . . . dạ . . .

— Hử ? Hả ?

— Dạ . . . nói thì sợ dì la.

— Tau không la *mô*. *Chiện* chi rứa ?

— Dạ anh Ba Hườn . . .

— *Mần răng* ?

— Dạ anh Ba Hườn ảnh nói cái hồi ảnh còn ở đây . . .

— Nói cái *chiện* chi ?

— Dạ ảnh đi đái . . .

Dì tôi ngồi dậy trên chiếc võng gai, trợn mắt ngó tôi một cách ngơ ngác. Tôi thấy đã đến lúc phải nói tiếp cho được ngon lành :

— Dạ-ảnh-đi-đái-trong-bát-nước-chè-để-cho-dì-uống hàng - ngày-vì-dì-thích-chè-nổi-bọt.

Tôi tưởng dì tôi sẽ hét to lên. Nhưng không, mặt bà tím lại và bà nằm ngã ra võng, gằn giọng :

— Nói láo !

Hồi đó, tôi hơi thất vọng vì thấy kết quả không được sôi nổi theo như ý muốn. Sau này, nghĩ lại mới biết dì tôi đã quá giận dữ nhưng vẫn còn đủ khôn ngoan để cho tôi khỏi nhìn thấy tâm trạng của bà và cố không gây ồn ào để cho sự việc « làm nổi bọt chè » trên đây khỏi bị lộ liễu.

Vào Tết năm ấy, dì tôi lại tìm mọi cách gây gổ trong nhà vì không muốn để chúng tôi về thăm quê ngoại và mẹ chúng tôi. Mãi đến hôm sáng mồng một, chúng tôi mới khởi hành được. Con đường dài độ mười hai cây số, xuyên qua những *trảng* cỏi dài, qua sông Ly-Ly, và qua nhiều dãy đồi rang chập chùng tiếp nối mới đến con đường quan-lộ dẫn thẳng về chợ Chồm-Hổm là nơi mẹ tôi cư ngụ.

Lúc ấy tôi mới lên chín, hay mười. Chị tôi hơn tôi độ ba bốn tuổi. Buổi sáng tinh sương mồng một, thầy tôi gọi chúng tôi dậy và cho chị em chúng tôi một đồng năm xu, bằng kẽn, để làm lộ-phí. Rồi chị em tôi lên đường. Đến sông Ly-Ly thì trời đã sáng. Cụ già lái đò đang ngồi hút thuốc trầm lặng nơi bãi cát vàng, dưới bóng cây si xanh rợp. Cụ bảo :

— Đưa giúp một buổi sáng nay rồi chiều sẽ nghỉ ở nhà ăn Tết cho hết ngày mai. Đến mốt mới đưa đò lại.

Chị em tôi đi cạnh nhau, trong lòng tôi thấy sung sướng êm đềm. Nỗi buồn hàng ngày ở trong gia đình đã bị xóa tan. Hầu như giữa cảnh đất trời, chỉ có chúng tôi im lặng trong tình chị em ngọt ngào. Con đường đã vắng, ngày Tết lại càng vắng vẻ. Thỉnh thoảng mới gặp vài người mặc quần áo mới, tay ôm lễ vật đi vào trong xóm. Chúng tôi nghe gót giày mình trên quãng đường mai và ngước về chân trời xa, trước mặt, để tìm hình ảnh ngọn núi Tịnh-Sơn yêu dấu của miền quê ngoại chúng tôi.

Sau khi vượt qua một *tràng* chồi rộng thưa thớt xóm nhà, chúng tôi bắt đầu đi đến đồi núi Thanh-Đăng. Vừa tới chân đồi, chị tôi kêu lên :

— Em thấy gì không ?

Theo hướng chị nhìn, tôi thấy từ trên đỉnh đồi có hai đứa trẻ lom khom. Lên gần hơn nữa, mới phân biệt một trai một gái đang quét dọn đàng bằng những cành rang ghép lại. Đứa trai có vẻ là anh, ở vào lứa tuổi với tôi. Đứa gái chừng như nhỏ hơn vài tuổi. Chúng đều gầy gò và mặc áo quần rách rưới. Trên mặt và trên tay chân, mồ hôi loáng ướt. Con đường khá rộng và anh em chúng đã đối diện nhau quét từ trên đỉnh xuống lưng chừng đồi cho sạch rác rưởi, lá khô. Khi chị em tôi đến nơi, cả hai cũng ngừng tay chổi và đứa anh nép bên đàng, nói rất lễ phép :

— Chào chị, chào anh.

Chị em chúng tôi đứng lại, bỡ ngỡ.

Đứa trai nói tiếp :

— Đầu năm tôi quét dọn đường cho chị, cho anh đi được sạch sẽ. Xin chị, xin anh cho chúng tôi một... chút tiền năm mới.

Câu nói gãy gọn nhưng giọng nó như ngập ngừng, xúc động. Chị tôi rút đồng năm xu, nhìn tôi như để hỏi ý. Năm xu thời ấy có một trị giá khá lớn, và đó là tất cả tiền ăn Tết của chị em tôi. Tôi bảo :

— Làm sao bây giờ ?

Chị tôi nói :

— Tội chúng nó quá. Cho chúng nó đi, nghe em !

Tôi lại lưỡng lự. Rồi nói :

— Thế mình lấy gì tiêu Tết ? Hay là hẹn với hai đứa đến mốt chờ mình ở đây, mình sẽ cho nó hai xu.

— Nhưng mà đầu năm của nó, chẳng lẽ...

— Chớ mình không sẵn tiền nhỏ, làm sao ?

Chị tôi nhìn tôi rồi quay sang đứa bé kia, lại nói một giọng ngập ngừng :

— Chỉ có một đồng 5 xu làm sao cho hết hai em ? Ngày mốt, các em ra đây, chị sẽ cho đúng hai xu.

Vẻ mặt của hai đứa bé trở nên lạnh lẽo và chúng không hề nói năng gì nữa. Cặp mắt chúng nhìn chúng tôi một cách van nài nhưng hầu như biết rằng không thể nào hy vọng gì hơn. Rồi chúng đứng im trong khi chị em tôi bước lên đồi. Quay lại, thấy hai đứa bé ngồi sát bên nhau trong một dáng điệu nghỉ ngơi mệt mỏi. Tất cả núi đồi bỗng dưng có vẻ rời rạc, hiu hiu. Màu đất đỏ son cũng không còn vẻ tươi thắm như lúc trước nữa. Chúng tôi không nghĩ ngợi gì thêm nữa về hai đứa bé nhưng hình như Tết năm ấy mất hẳn niềm vui dễ dãi mà chị em tôi cảm thấy mỗi khi xa nhà. Qua ngày mồng ba, chúng tôi xin về. Mẹ tôi và các cậu mợ ân cần bảo nên lưu lại thêm ít ngày nữa. Trước sự ân cần chăm sóc tôi muốn ở nán một đôi hôm nữa, nhưng chị tôi nhất định về. Ra đường, chị bảo : « Có tiền mừng tuổi được năm xu nữa, bây giờ mình cho hai đứa nhỏ ấy năm xu, em cũng không mất gì hết ».

Chúng tôi cố đi thật mau cho đến đỉnh đồi Thanh-Đăng. Tới nơi cảnh vật hoang vắng, không một bóng người. Đất đỏ phơi mình dưới nắng, bụi rang lơ thơ lay động theo ngọn gió núi từ xa đưa về. Từ cao nhìn xuống có thấy rải rác đôi người cày cuốc dưới cánh đồng xa. Chúng tôi thất vọng và chị tôi bảo :

— Chờ đây một lát xem sao. Sợ hai đứa ấy đến trễ.

Đợi đã khá lâu vẫn không gặp hai đứa trẻ. Mặt trời dần dần lên cao, chị em tôi phải ngồi núp dưới cụm rang già. Cuối cùng, tôi mệt mỏi quá, giục chị tôi đi.

Chúng tôi lầng lặng lên đường. Một lát, chị tôi mới nói, một cách hậm-hực :

— Bọn đó không đến vì chúng cho mình nói dối.

Chúng tôi lại im lặng đi. Xuống đến bờ sông Ly Ly, tôi thấy con đò vắng khách, cụ già ngồi trên tảng đá đầu ghềnh bên này. Tôi nói :

— Ông để cho tôi tắm mát một chút rồi sẽ qua sông.

Ông cụ vội bảo :

— Thôi đừng ! Không nên...

Giọng cụ có vẻ lo lắng. Chị em tôi vội lên thuyền. Ra gần giữa dòng cụ thong thả nói :

— Bờ sông ở đây hiểm lắm. Có một đứa nhỏ mới bị chết đuối hôm qua.

Chị tôi vội hỏi :

— Con của ai vậy ?

Ông đáp lờ lững :

— Không biết . . . có hai anh em đi lang thang mấy bữa rày. Nghe nói bọn nó ở với dì ghẻ không nổi nên phải bỏ đi . . . Thằng anh đi tắm hay là mò cua bắt cá chi đó nên lỡ sẩy chân bị nước cuốn đi. Con em ngồi khóc suốt ngày hôm qua trên bờ. Nay nó bỏ đi đâu rồi, không biết.

Chúng tôi ngồi lặng người đi nhìn về phía bờ vắng vẻ mỗi lúc mỗi cách xa hơn. Cảnh vật bỗng đượm một vẻ gian ác khó lường. Hang cây trên bờ, lớp đá đầu ghềnh, mặt nước xanh trong đều giữ một nét đạo mạo giả dối để che đậy những ác tâm như cái bề mặt của cuộc đời này. Tôi thấy chị tôi cúi xuống, vai chị rung lên, rồi chị quay mặt về một phía khác. Khi lên tới bờ bên kia, chúng tôi cùng ngồi rất lâu trên bãi. Mắt của chị tôi đỏ hoe. Riêng tôi, tự thấy bùi ngùi rời rã.

Mãi về sau này khá lâu, một hôm, chị tôi bỗng hỏi tôi rằng :

— Nếu chị em mình ngày đó cho hai đứa ấy năm xu thì thằng ấy có chết không ?

Tôi đáp :

— Nhưng chắc gì đứa chết đuối là thằng nhỏ ở trên đời ?

Tôi muốn lấy sự nghi-vấn để tự dối mình hầu tránh một nỗi thương xót bận-tâm. Chị tôi tỏ vẻ ngạc nhiên :

— Sao nói kỳ vậy ? Chính nó chứ còn ai nữa ?

Rồi chị hỏi lại :

— Nếu mình cho nó cả năm xu ấy thì em nghĩ coi nó có chết không ?

Tôi đáp :

— Làm sao biết được ?

Chị tôi nói bằng một giọng trầm buồn :

— Biết đâu có năm xu ấy anh em chúng nó không đi về phía sông Ly.

Đến ngày tôi tưởng mình có đầy đủ trí óc để giải đáp được rõ ràng thắc mắc ngày xưa của chị Thiêm tôi, thì tôi không thường gặp chị để nói về

chuyện ngày xưa. Hôm đó tôi đang dạy học ở xa, tình cờ muốn về thăm nhà. Tôi băng qua khỏi *nồng* làng thì thấy sau lớp cây thưa ở ven bìa rừng có một đám người lố nhố trước cửa. Tôi đi vội đến, kịp thấy từ xa thầy tôi một tay ôm mặt, đứng cạnh một chiếc quan tài đặt ở trước sân. Cả người tôi lạnh tê đi, tưởng không còn bước được nữa.

Khi tôi thất thểu đến gần, thầy tôi chợt thấy, kêu lên :

— Dũng ơi, chị con đã qua đời rồi !

Rồi thầy tôi nói giữa những tiếng khóc :

— Trong nhà chỉ có mình nó là đứa có lòng. Những người như vậy thì trời lại không cho sống.

Tôi chợt chua xót nghĩ thầm : « Chẳng lẽ chỉ có những loài độc ác mới có quyền sống dai sao ? »

V. Linh

CÂU CHUYỆN TẾT THỨ 11 ≡ vân-trang

11 | NHÀ chị Bảy có bà con với tôi. Cũng không hẳn là bà con, nhưng thân hơn người xa lạ. Chị là em ruột của anh rể tôi, vậy thì đối với tôi, vai chị là thế nào, hở bạn ?

Thôi, tính toán cho thêm lòng dòng, chỉ biết là cả anh chị đều thương tôi như em và ngược lại, tôi cũng rất kính mến anh chị. Tánh anh chị dễ dãi nên tôi tới lui thân mật như người trong nhà. Muốn ăn uống hay cần dùng thứ chi, tôi tự tiện tìm lấy không phải thưa gởi gì cả.

Bà cụ, mẹ chị, đã quá bát tuần, nhưng người còn tráng kiện. Bà hay sắm sửa mọi thứ lặt vặt trong nhà, nhất là vào dịp Tết. Năm nào bà cũng tự đi mua dưa hấu, bưởi, các thứ trái cây, trà, bánh mứt để chưng, cúng trên bàn thờ và để đãi khách.

Ngày thường, tôi tới lui thân mật, Nhưng ngày Tết, tôi cũng tới chúc Tết. Năm nào, bà cụ cũng cho tôi ăn đủ thứ mứt bánh, nhưng tôi đặc biệt thích ăn dưa hấu.

Luôn luôn, bà cụ mua ba hạng dưa. Hạng nhất, trái to gần bằng... vòng tay của một anh học sinh đệ ngũ thì để chưng trên bàn thờ vài trái, còn lại để trên đầu tủ quần áo của chị, cao quá với; muốn lấy phải bắc

ghế khó khăn. Hạng nhì, tức loại dưa trung bình, thì bà để trên đi-văng trong buồng ngủ, còn hạng ba, trái chừng bằng đầu gối, thì bà cụ chất dưới bộ ván nhà bếp, đặc biệt để đãi khách nhi đồng quanh xóm.

Biết tánh tôi, nên năm nào tôi tới chúc Tết, bà cụ cũng lựa trong số dưa «trong buồng» một trái thật ngon xẻ cho tôi ăn. Cố nhiên, tôi không sao ăn hết. Dầu thích, đâu bà sai lại nuốt nguyên một trái dưa hấu, dầu là cỡ trung bình, cho cái bụng nó phình lên bằng trái dưa sao? Cho nên, dầu chưa lần nào được đãi một trái dưa trên «đầu tủ» tôi cũng không kêu nài.

Năm đó, tôi đưa hai chị bạn thân tới thăm bà cụ và anh chị Bảy, gặp lúc mọi người đều kẹt ở sòng bài nhà bên cạnh. Con gái của chị qua thông tin, bà cụ từ bên kia truyền lệnh vọng sang bên nầy cho tôi:

— Mời bạn ngồi chơi đi cháu! Mứt và nước trà trên bàn thờ đó, bưng xuống mà giải khát với nhau. À! vô buồng lấy thêm trái dưa, xẻ ra chị em thấm giọng với nhau. Chị Bảy mầy nó về tới bây giờ đó.

Tôi vâng lời ngay. Nhưng không dọn mứt, vì tôi thích dưa hơn, và cũng không « vô buồng lấy dưa » như lời bà bảo, mà bắc ghế đứng lên lấy dưa trên đầu tủ. Tôi lựa một trái liệu là ngon nhất, ôm thẳng ra sau bếp, tìm dao. Đầu năm, phải xẻ trái dưa to đãi bạn, và chúng tôi những ba người, « trong buồng » không phục vụ đủ.

Thiên địa ơi! Tiếng dao vừa chạm bàn nghe cái cụp, vỏ dưa vỡ đôi ra, tôi điếng người, sửng sốt! Một thứ bầy nhầy đỏ sẫm, nhão nhẹt, vữa sũng trong ruột dưa.

Tôi vội vàng trở lên, đứng lên ghế lựa thêm hai trái nữa. Lần nầy, tôi chú ý lựa hai trái non hơn, nghĩa là vỏ nó ít cứng hơn, mầu nó tươi hơn, và gân chìm hơn. Nhưng ruột nó vẫn y như trái đầu! Tôi mất tinh thần, vội dồn tất cả vỏ vào trong thùng rác, trở lên nhà trên dọn mứt trà mời bạn; làm thinh đứt về chuyện dưa. Dầu là học thức, tân tiến chiến, nhưng nếu cho thấy ba trái dưa ấy thì mấy bà cũng đến hồi hộp suốt năm!

∴

Sau khi khách về, tôi dẫn tay chị Bảy ra sau, chỉ sáu cái vỏ dưa lo lắng nói với chị:

— Bác mua dưa như vầy, may mà không xẻ trước mặt khách.

Chị nhìn vào thùng rác rồi cười rũ, bảo tôi:

— Em lẩm chó bà già làm sao được? Dưa đó là để chưng, chớ đâu phải để ăn? Có bao giờ em thấy ở nhà xẻ dưa trên đầu tủ không.

Tôi hết sức ngạc nhiên, hỏi lại thì chị giải thích :

— Việc đời nó như vậy chớ sao ! Cái gì mà om sòm, to lớn, được phô trương rầm rộ thì chỉ là thứ rỗng ruột, chỉ dùng để... phô trương ! Ai mà lầm ngốc như em vậy, tội nghiệp quá chừng !

Vài tuổi nữa, đủ khôn, em sẽ định được thực chất của mỗi hạng... dưa chẳng muộn gì, đừng buồn em !

Bài học trừu tượng quá, mà tôi thì không mấy sáng suốt. Thành ra từ đó đến giờ tôi cứ giữ chắc là không bao giờ xẻ dưa hấu để mời khách ngày Tết. Dưa nhỏ thì sợ không hên, mà dưa lớn thì coi chừng... rỗng ruột.

Về quê ai, Tết đâu sau khi ngưng chiến (1955)

Gần đến nơi rồi, em thấy chưa ?
Đường đi lúc lắc, nắng lưa thưa...
Có gì man rợ trong cây, đá.
Em sợ giờ đây, nghĩ cũng vừa.
Xe thồ cót két, rừng nghiêm bóng,
Bụi trắng xôn xao, lớp lớp đùa...
Đến suối, trâu ngừng, vui nước hát,
Mời em hớp một miếng trời ưa. (1)
Hết rừng, đến ruộng vườn xanh mộng,
Tiếp cát, chân ai cứ cứ lùa,
Nhưng có anh bên cùng nhịp bước,
Đường dài, đường nặng, rồi cũng thưa.
Biển xanh bỗng mở chân trời mát,
Anh đãi em thêm miếng nước dừa
Mát ngọt thanh thanh như phút gặp..
Em nhìn mà mắt chẳng đong đưa.

***

Quê chồng em đó, mến thương chưa ?

Tân-Phong-Hiệp, Tết Ất-Mùi năm 1955

NGUIỄN-NGU-I

---

(1) Đi đường rừng, nắng, khát, gặp con suối trong phản ánh một mảnh trời thì ai chẳng thích uống vài hớp.

tìm lại mùa xuân

Khi tiếng súng diệt thù không nổ nữa
Cũng là khi thôi nếp sống học trò
Tôi bỏ lại mùa Xuân sau cánh cửa
Biệt mái trường vai nặng gánh buồn lo

Từ đấy đến nay mười năm tiếp nối
Trong vòng chăn tội rụt cổ co đầu
Tháng giêng về đất trời tươi mở hội
Mùa Xuân tôi vẫn biệt tích nơi đâu

Hòa trong giọng lớp người quen sợ sống
Tôi cũng run cũng khóc cũng kêu gào
Chiếu độc thoại mãi buông vào khoảng trống
Nào mưa đầy nửa âm hưởng chiêm bao

Từ đấy đến nay mười năm bỏ phí
Tôi giật mình soi bóng xuống thời gian
Chào vĩnh quyết lật trang đời ủy mị
Vui bà con xin góp mặt chung bàn

Tìm thấy lại mùa Xuân xanh thuở nhỏ
Dưới mái nghèo hầm hút bạn nhà quê
Nơi tóc trắng Cụ gần kề nắm cỏ
Nơi miệng hồng bé uốn lưỡi a b

Dù vắt vả mai làm trưa đủ nấu
Dù tuổi thơ không tấm bánh đồng quà
Xuân vẫn thắm với tia nhìn phúc hậu
Xuân vẫn tình với nụ nhoẻn môi hoa

TRẦN-HUIỀN-ÂN

12-64

Je vous dirai tout bas le nom
des sources où, demain, nous
baignerons un peu courroux (1)

Saint-John Perse

Phen nữa
trôi qua tờ lịch khác
Mang theo không mấy
phải quên nhiều
Cho thoảng tan
rồi cũng vậy
Những thời gai mạc
đáng bao nhiêu
Chúc nhau mùa lắm hoa
Cùng nhau chia nợ đắng
Chung nhau trời nắng xanh
Góp một cơn tranh cỏ
Xa nguồn
vốt bông lừa ham muốn
Ngoi lên để tới
tượng vàng ỹ
Gặp dốc nhường leo trước
Đi quanh ai nói quanh
Đua hái và quen bỏ
Chửa đối
hãy mong tìm cửa thoát
Lời vang không chữa vết đau dài
Hơn chi
thà ngoan như lụa trắng
Quá trưa
cũng tặng một ngày mai

Đất động
lấy gì nâng bước ngã
Dốc hờn nyhiêng mãi vực dầu sôi
Trống thúc hồi đề vỡ
Lịnh đồng reo ngược gió hai phương
Tiếng nguyền thay áng văn
Trông xa
ngờ vượt mức
Cán cân trên sóng bạ lần đảo
Gỗ vướng mười năm
ngại đứt dây
Ôm núi
vòng tay đo nửa thước
Cờ tiên tình nước tận chân mây
Nghe đầu chiều sắp xuống
Đầu non vẫn thích cao
Hương khuây đêm ngỏ
chờ tin sáng
Tạm đón trăng về thăm hội cúc
Trót phiền
yêu vẫn nhớ
Màu-lá-cây
đợi gửi giữa ngày mai

Thủy - Triều XIX

D. T.

---

(1) *Ý m dịch theo nghĩa đen* : Tôi sẽ nói thầm cho mọi người biết tên những dòng suối nào là nơi chúng ta sẽ tới mai đây, để ngâm cho đỡ mát một cơn thịnh-nộ tinh-thuần.
(*thi-hào S.J. Perse*)

KẾU GỌI

LÊ-ĐÌNH-PHẠM-PHÚ

Bộ-lạc khổ đau
Từ hỗn-nguyên mịt-mù
Như hóa thân là da vàng dân Việt
Lịch-sử nghẹn-ngào biến-cố muôn thu.
Như kiếp làm người khóc tiếng ban-đầu
Lời ca kì-bí

Đã cháy hoen màu da thời Bắc thuộc
Phận nghèo canh-tang lòng phải đẳn-đo
Mộng Thực-dân rắp tâm từ viễn quốc
Ai san-định giùm hai tiếng Tự-Do ?

Nên chúng ta thiết-tha làm Trưng-Vương
Làm Ngô-Quyền viết cờ Phục-Hưng

Nhưng lòng chúng ta đã chín căm hờn
Sức mạnh toàn dân như Cửu-Long giang
Khí-thế sắt-son ngàn phương hội-tụ
Chúng ta vùng lên không bao giờ thúc-thủ
Nhận yêu thương là tiếng kinh cầu.

Lũ hung thần còn chạy đi đâu ?
— Còn ẩn núp chỗ anh em mình đố-kỵ
Súng gươm chúng ta bị nhìn khinh-thị
Học-thuyết nào rồi cũng chối từ.
Nhưng con người nhớ tiếng khóc thôi-nôi
Nhìn nhau về thân-phận
Cùng hàng ngũ chúng ta không gây hấn
Lũ hung thần rẫy chết đời đời
Đúng với lòng tin lịch-sử kêu đòi.

(trong «Máu Đỏ Da Vàng»

truyện ngắn

lê - tất - điều

Đồng cỏ trong sương

« Em Kim,

CÒN năm hôm nữa chúng ta mới quen nhau đủ một tháng. Vậy mà hào quang của đoạn thời gian ngắn ngủi này đã làm tan biến tất cả những tăm tối, u uất của mấy năm trời anh đã sống. Anh không ngờ có lúc được dừng lại vui đùa quên đời nhiều đến thế.

Thanh niên ngày nay muốn theo đuổi nghiệp gì thì cuối cùng cũng gặp nhau ở cái nghiệp cầm súng. Đường nào cũng dẫn vào quân đội. Các bạn anh đứa nào đạt được đến tuổi ba mươi đã được kể là có số thọ. Có đứa tuần trước mới tươi cười thết mình một chầu phở, tuần sau đã phải tặng lại nó một vòng hoa tang. Không đứa nào dám hoạch định một chương trình cần quãng thời gian dài tới hai năm. Cuộc sống biến thành một cơn gió lốc kỳ lạ cuốn mọi người đi. Bọn anh cũng bị xoay tròn trong đó và nhiều lúc chỉ còn biết ngơ ngác nhìn. Tự nhiên, đứa nào cũng sinh ra ước muốn một điều gì thật tầm thường. Có đứa yêu nhạc yêu, sách. Có đứa thích đi lang thang tất cả các buổi chiều. Có đứa lại say mê một nữ tài tử điện ảnh đã chết để ý nghĩ khỏi bơ vơ. Riêng anh, anh thèm tuổi trẻ.

Em có đôi mắt nhìn giăng cả nụ cười lên không gian. Nhưng em lại cố tỏ ra nghiêm nghị để được coi là người lớn. Em sợ không ai coi em là quan trọng. Khuôn mặt mười sáu phụng phịu đòi truất phế sự ngây thơ. Nhưng sự ngây thơ không bao giờ bại.

Em có thể ghi trong nhựt ký : « Chiến lợi phẩm đầu tiên mình thâu được trên chiến trường tình cảm là một lọ dầu chải tóc». Anh rất ghét việc chải tóc cẩn thận, lâu nay vẫn sống yên ổn với cái đầu xù. Mái tóc vô chính phủ bao giờ cũng có những sợi cong lên ở phía sau và xỏa xuống phía trước. Anh sẵn sàng đem mái tóc đó đến ra mắt những nhân vật đáng kể là quan trọng. Nhưng anh không đủ can đảm trình nó ra trước mặt em. Lọ dầu chải tóc của anh gặp sức tiêu thụ vượt mức, vơi rất chóng

Mỗi khi anh sửa soạn đến thăm em, mái tóc biến thành điều quan trọng số 1. Tất cả các sợi tóc đi lạc xuống trán đều được đưa về chánh đạo một cách thận trọng, nâng niu. Làm cho chúng ngoan ngoãn nằm xuôi chiều đâu phải là chuyện dễ. Nhiều sợi thình lình lại ngóc đầu lên, quyết đứng vào hàng ngũ phe đối lạp. Vì thế, khả năng ấp đảo của lọ dầu luôn được dùng. Mái tóc mất sự thoải mái, hơi nặng nề như bị đóng hộp Đến gần cửa nhà em. anh còn phải soát lại một lần, đề phòng sự phản nghịch của những sợi tóc thuộc thành phần bất hảo, lâu nay quen tự do, phóng túng.

Điều cực khổ nhất là vào buổi tối, dầu chải thấm vào chân tóc, đầu ngứa ngáy khó chịu lạ. Đành phải vác cái đầu nặng xề đi gội. Một tuần lễ đầy công việc quan trọng bỏ dở mà tối nào cũng hì hục gội đầu ! Lũ bạn anh trố mắt :

— Làm gì mà vệ sinh dữ thế ?

Chỉ còn nước nói dối :

— Tao gội cho mát, tỉnh táo để thức khuya Gội đầu thay cho việc uống cà phê

Lũ bạn tin vì anh thức khuya thật. Nhưng không phải vì cà phê, vì gội đầu mà vì ngồi nhớ hình ảnh em cười.

Anh chỉ có một cái áo trắng mặc vừa đẹp Suốt tuần, anh phải tính toán làm sao cho đúng ngày thứ bảy thì tiệm giặt xong. Anh chỉ yên tâm khi đến gặp em với cái áo đó. Có lần áo mặc đã được một ngày, chiều thứ bảy, trước khi đến gặp em, anh xoay trần ra là áo lại một lần. Lúc mặc cái áo còn nóng hổi vào người, anh mới thấy là mình kỳ quặc, lần thần. Bỗng dưng thích trang điểm hơn cả đàn bà.

Soi gương ở nhà rồi, trên đường đến nhà em, anh lại tìm cách ngắm mình không biết bao nhiêu lần nữa. Lúc ở nhà em về anh luôn luôn có cảm tưởng mình cần nói hàng ngàn chuyện mà chưa nói được câu gì. Tự nhiên giận cái miệng không làm việc cho xứng đáng công lao sửa sang mái tóc.

Hôm đem máy hình của tòa soạn đến chụp cho em, anh đã thức trắng gần trọn đêm, cắm đầu làm việc trong phòng tối. Chỉ có anh, ánh đèn mờ, và hộp giấy trắng. Vậy mà căn phòng vẫn vui về mở một dạ hội thầm lặng. Hình em nghiêm trang, mỉm cười, lúc tươi, lúc sầu như đột ngột hiện ra từ cõi hư vô, lóng lánh dưới làn nước. Mặt nước sáng hơn khối thủy tinh trong làm rung động những cái nhìn trẻ trung mà sâu thăm thẳm. Anh huýt gió hàng giờ vì yêu đời.

Buổi sáng, ôm tập hình dầy cộm, anh phóng xe như bay về nhà ngâm nước thêm. Hình ảnh em đầy trong tâm hồn anh và cũng đầy hai chậu nước cỡ lớn. Nhà anh không có máy hấp khô. Đành phải đưa em lên mái nhà và còn phải ngồi canh không cho gió quyến rũ em bay đi. Em mở to mắt thản nhiên nhìn bầu trời xanh, Mắt anh bắt đầu lờ đờ vì quá mệt.

Bay giờ thì hình ảnh em đã tung lưới bủa vây anh khắp bốn phía tường... »

Trường đọc lại đoạn vừa viết, mỉm cười. «Minh lại đùa rồi.» Đã nhiều năm, trong tình yêu, không bao giờ anh giữ thái độ quá khích. Sẵn sàng « chân trong, chân ngoài. » Cảm thấy nguy cơ, anh rút lui liền. Anh chưa viết nổi một bức thư khiến người con gái cảm động. Một đứa bạn khuyên Trường :

— Nên phiêu lưu một chuyến. Mày sẽ thấy thú tuyệt với của sự tuyệt vọng.

Trường xoa cằm lởm chởm râu, trả lời :

— Lúc này tao không thích tuyệt vọng, dù tuyệt vọng vì một lý do khá vui tai là tình cảm.

Cứ thế, văn phẩm về tình duyên của anh luôn luon lạc đề.

Trong tòa soạn chỉ còn Trường, họa sĩ Trần, ngọn đèn và chiếc quạt thức tỉnh. Con đường phía trước, qua một chiều xon xao, đang ngủ yên. Vũ trải sáu tờ báo, ngủ ngay dưới chân bàn, hai tay khoanh lại vì lạnh. Trần cũng khoanh tay, ngồi tựa vào tường, đầu cúi. Tờ giấy trước mặt hắn có những hình vẽ và có cả những câu thơ. Lâu nay hắn hết tiền mua màu. Chỉ còn hai ống màu xanh và màu vàng là đầy Hắn đang dự định mở đầu cho một họa phái dùng toàn màu xanh, màu vàng. Hắn còn hăng hái làm thơ ca tụng hai màu đó.

Chuông điện thoại rợm lên một tiếng nhỏ rồi reo dài. Trần ngước mắt nhìn, băn khoăn. Trường nhét bức thư dưới chồng bản thảo, nhấc ống nghe.

Giọng chàng phóng viên ở đầu giây líu ríu, hồn hển :

— Có một đoàn người, không biết xuất phát từ đâu, đang kéo qua đường C. Có lẽ họ sẽ qua toà báo mình. Dám bị đập lắm. Anh cần thận. Lúc này hỗn quân, hỗn quan...

— Không. Có lẽ họ đi về hướng chợ. Buổi tối, báo mình đóng cửa. Cứ yên chí, tôi sẽ tắt đèn. Cho biết thêm chi tiết ?

— Khoảng chưa đầy một trăm người. Nhiều trẻ con mười ba, mười bốn tuổi. Họ đi như chạy. Dĩ nhiên hăng hái, đằng đằng sát khí.

— Họ la hét gì ? Có biểu ngữ không ?

— Không có biểu ngữ. Cuộc biểu tình loại cấp tốc. Chỉ thấy họ la hét gọi người tham dự. À, nhiều người có cầm gậy.

— Gạch, đá ?

— Có, nhiều. Hiện giờ, họ đang xà vào nhặt gạch ở trước một căn nhà đang xây.

— Anh nên đi theo. Chắc có nhiều chuyện lạ. Nhớ để xe ở xa, không lại bị vạ lây. Đủ chi tiết, nếu quan trọng, nhớ về tòa soạn ngay.

Trường buông ống nghe, ra lan can. Dưới nhà, cửa sắt đóng kín chỉ có mình ông già gác đêm nằm ngủ bên chồng báo cũ. Trần châm thuốc hút và cúi xuống viết thêm một dòng trên bản thảo.

Một tiếng hò vang lên ở cuối đường. Chàng thanh niên hiện ra đột ngột, tay vung gậy gỗ làm hiệu « tiến ». Hắn vừa nói vừa rướn, nhảy lên để nhấn mạnh cho những điều hắn đang nói. Rồi hắn lẫn vào giữa đám người ở phía sau vừa tràn lên, Chỉ vài giây sau, cái gậy của hắn lại vung vẩy dẫn đầu. Hai tay áo thanh niên được xắn lên tới nách. Đầu hắn xù, xồ tnng về phía trước. Đôi mắt nhìn âm u lẫn trong bóng tối, hắn cúi đầu đi một đoạn. Rồi, bỗng như bị một sức đẩy kỳ bí nào, cả thân mình hắn tung lên. nhảy nhót. Tiếng hắn đã khản Các âm cao đột ngột biến mất. Câu nói của hắn thành ra thiếu nghĩa, nức nở.

Trường tì tay vào lan can, quay lại nói với Trần :

— Cậu tắt giùm cái đèn. Lý do an ninh.

Vũ bị tiếng động lôi dậy, lặng lẽ tiến ra đứng cạnh Trường. Hắn vừa ngơ ngác nhìn vừa gãi những nốt muỗi đốt trên tay.

Đoàn người đi ngang trước tòa báo. Một vài đứa bé cỡ mười hai, mười ba tuổi đi sát cạnh chàng thanh niên và tỏ vẻ chỉ huy bằng cách hò hét thật hăng. Có đứa kéo lê đầu gậy trên đường. Có đứa

nháo nhác chạy lên, chạy xuống. Cái đuôi của đoàn người cũng có võ trang đủ gạch, đá, gậy gộc nhưng tiến lên một cách hiền lành hơn. Vài người đàn bà, tóc búi ngược, quần xắn tới đấu gối cặp tay nhau đi vui vẻ, tự tin.

Chợt, giữa đám đông có tiếng hét :

— Tòa báo X. này ! Tụi nó cũng viết bậy lắm !

Một viên đá bay lên, đập vào cái rèm treo trước lan can. Mấy viên khác đập vào cửa sắt thình thình. Nhưng lời hết tội đó không lan xa, nhất là nó không do nhóm người đi đầu khởi xướng. Đám đông không dừng bước. Trần chửi tục cùng lúc với tiếng lầu bầu nguyền rủa của ông lão dưới nhà.

Đám đông khuất vào một con đường rẽ. Tiếng ồn ào vẳng lại nhỏ hơn tiếng lá cây cọ vào mái tôn ở sau nhà. Trường mở đèn. Vũ trở lại cái giường bằng giấy báo, thở dài.

— Còn lôi thôi lắm.

Hắn ngáp dài :

— Đừng cậu nào đánh thức tôi nhé. Mệt quá. Sẽ cố dậy viết lúc năm giờ.

Vũ làm việc suốt ngày nên luôn luôn chịu thua cơn buồn ngủ. Uống cà phê căng bụng cũng vô ích.

Ông lão gác đêm mất ngủ, lẹp kẹp lên thang. Cụ đến với cái điếu ở góc phòng. Que diêm xoè lửa, cụ bảo :

— Lộn xộn mãi phiền quá !

Cái điếu rên một hồi dài. Cụ tròn miệng thở khói, mắt mê mải nhìn sự mong manh, êm à quấn lấy nhau, cuồn cuộn bay cao, Cụ có vẻ một nông phu đang nhớ nhung cánh đồng màu mỡ.

Trở xuống thang, ông lão khom người, tiếng lầm bầm lẫn trong tiếng dép :

— Lộn xộn mãi, chả có lúc nào yên...

Giọng ông lão khô, trầm, quanh quẩn dưới chân thang. Trường cảm thấy cầu thang giản dị và buồn.

Anh nhấc một xấp giấy ghi tin tức đầy về phía Trần :

— Bắt đầu viết chứ.

Trần xua tay :

— Làm giùm hết đi.

— Ta sẽ phải thức suốt đêm ?

— Được không ?

— Cũng được. Nhưng cậu làm trò gì ?

— Ta làm thơ.

— Hừ.

— Thật mà, mình đang cảm hứng lạ lùng. Trưa nay mình đi xích lô về nhà. Ông phu già lão, gày khô. Cụ hỏi về nghề nghiệp mình. Mình cho cụ biết một ít tin tức. Ông cụ thở dài : «Nước mình khổ quá ha». Câu nói tầm thường, vậy mà mình cảm thấy nôn nao khổ sở quá. Mình quay lại nhìn, ông cụ đang nhổm lên đạp xe, mặt ngước cao, cái mũ trễ ra phía sau...

Trần chăm chú nhìn trang giấy trước mặt. Câu nói sau hình như không dính dáng gì đến những điều hắn vừa hăng hái nói ra :

— Bỗng dưng, bây giờ mình muốn nói về những vì sao, những vì sao trên đỉnh núi.

Trường xếp lại chồng giấy cho gọn. Tất cả sự xao động ghê gớm, quan trọng trong ngày đang nằm trong đó. Tai nạn, chiến tranh, đói khổ... và những vụ lộn xộn hồi chiều Biết đưa cái gì lên hàng đầu ? Cùng một lúc tất cả như mất hết nguyên nhân, mất sự quan trọng. Sự tan nát đáng sợ nằm ở trận tiền hay ở một nơi nào khác ? Quê hương này đã viết trên mặt báo chí biết bao nhiêu thảm kịch ? Anh đọc lần lượt từng bản tin. Sự thống khổ nằm rải rác ở khắp nơi.

Trời vào đêm, gây gây lạnh. Vũ cựa mình, phát muỗi Trường với tay tắt quạt. Trần gục đầu xuống bàn không ngủ, mắt đăm đăm nhìn bàn tay đùa rỡn với cái nắp bút.

Các phóng viên chạy tin lần lượt gọi điện thoại hoặc đưa bài thẳng về tòa soạn. Sự việc xảy ra ở nhiều nơi, nhưng giống nhau.

Để tìm một thái độ rõ ràng trước nhịp thở dốc của thời sự, Trường làm việc một mạch tới gần năm giờ sáng. Anh đến nằm cạnh Vũ, nghĩ tới Kim và bà mẹ ở bệnh viện... Trần cũng được nàng thơ ru ngủ gục ngay trên bàn viết.

Giấc ngủ ngắn như không hề có. Trường mở đôi mắt cay sè nhìn những con chim sẻ đang nhảy nhót trên cây phía sau tòa soạn. Lá xanh, nắng hồng, chim hót, tất cả khiến Trường cảm thấy chóng tỉnh táo, dễ chịu.

Thợ sắp chữ đã tới đông đủ. Trường giao bài xuống thang nhảy ba bậc một, định về. Nhưng ông chủ nhiệm vừa đến cổng tòa soạn. Dạy sớm là một đại sự đối với ông chủ nhiệm, bởi thế ông ta chỉ dành việc đó cho những dịp quốc gia gặp đại sự. Ông chặn Trường lại hỏi :

— Sao ?

— Rất nhiều vụ lộn xộn.

— Việc chiều qua kết thúc thế nào ?

— Nhờ Trời, các đám đông đều được giải tán hết.

Ông chủ nhiệm quay nhìn ra đường, bĩu môi nghĩ ngợi, chớp mắt luôn. Đó là một cử chỉ giúp ông tự cảm thấy mình có tài và quan trọng. Ông hỏi :

— Viết lập trường chưa ?

— Rồi.

— Đứng về phe nào ?

— Chả có phe nào hết. Bàn chuyện viển vông để chờ đợi

— Ừ, phải.

Vừa nói ông chủ nhiệm vừa gật gù. Có lẽ sự gật gù đó đã bắt ông nhớ đến một chuyện khác.

Người phu quét đường chầm chậm đưa từng nhát chổi trước cửa tòa soạn. Hắn nhìn vết gạch, đá làm lõm vài chỗ trên cánh cửa sắt, rồi nhìn sâu vào phía trong, thắc mắc. Cả một khoảng đường dài chưa có nắng, mát dịu. Trường nhớ đến tên mấy đứa bạn. Anh học thuộc lòng chỗ đóng quân của từng người, Khi dò theo bản tin chiến sự đêm qua, anh đã bắt gặp hai địa danh quen thuộc. Hai thằng bạn đang ở chiến địa. Anh nói :

— Sáng nay tôi cần ngủ.

Trường đi quanh một vòng thành phố. Dấu hiệu của một tình hình căng thẳng nằm rải rác khắp các phố đông. Về nhà, Trường đi ngủ với sự thắc mắc : « Mẹ được giải phẫu từ chiều hôm qua, không hiểu lúc này còn sống hay đã chết rồi ? »

∴

Khoảng giữa vai và cổ bà cụ bỗng hơi sưng lên. Triệu chứng giống ung thư. Các bác sĩ quyết định giải phẫu. Nghe tiếng «phải mổ» bà cụ tưởng như số mình đã đến ngày mạt. Suốt nửa tháng trời cụ

mua đèn nhang cúng vái, nghĩ rằng ngôi mộ tổ tiên bị «động». Sự phò tá của thần thánh hoàn toàn vô hiệu quả. Cụ đành miễn cưỡng trông cậy ở khoa học.

Ngày nào cụ cũng lôi những tấm hình «quê Bắc» ra ngắm nghía. Ảnh cũ, nhàu và ố. Rảnh rang cụ đi thăm họ hàng. Họ hàng tiếp đón hỏi han như sắp tiễn bà cụ lên đường đi xa. Có lần, bà cô bà dì Trường đến ngủ đêm tại nhà Trường. Ba người thức thâu đêm để nhắc chuyện «quê Bắc». Chuyện dòng sông, ngôi đền, cây gạo có ma ở đầu làng... Chuyện ông bác suốt đời chỉ «ra Hà-Nội» có bốn lần mà lần nào cũng đem về một thành tích bị lừa, bị mất cắp. Ba người thi nhau nói. Câu chuyện trở thành nóng hổi như mới xảy ra chiều hôm trước Hình như không một chi tiết nào được bỏ sót. Mỗi cái tên người bị đọc sai là được đính chính ngay. Rồi những giấc mơ về thăm quê Bắc cũng được kể lại tỉ mỉ. Người sống, người chết lần lượt được gọi về để họp thành một thế giới cũ kỹ mà đầy thương nhớ. Cách quê hương mấy ngàn cây số nhưng tâm trí chưa ra khỏi đầu làng !

Trường nghĩ. « Mẹ nhớ Bắc quá nên mẹ sợ chết hơn mình».

Suốt ngày bà cụ phân vân, suy tính, dọn dẹp nhà cửa. Bệnh viện bắt cụ ở lại hai tuần trước ngày giải phẫu. Mấy ngày đầu, bà cụ nhất định không chịu mặc đồng phục bệnh nhân. Trường vào thăm, mẹ Trường than :

— Ở đây không ốm rồi cũng phát ốm. Ngày nào máy bay trực thăng cũng về. Người bị thương nhiều quá.

Tâm trí bà cụ bị tiếng máy bay ám ảnh. Những chiếc máy bay hiện nguyên hình khổng lồ, lướt trên các ngọn cây trước khi đậu xuống sân cỏ đã đè nặng bầu trời bệnh viện. Những con đường trong bệnh viện thường yên tĩnh đến độ lành lạnh. Bà cụ nghĩ ra những phương pháp trốn về. Đợi ngày gần mổ sẽ vào. Trường phản đối.

Mấy ngày sau hai mẹ con quen dần với bầu không khí lạnh lùng rã rời của bệnh viện. Trường coi nơi đó như một căn nhà chứa nỗi buồn vĩ đại nhất. Đến thăm mẹ anh lững thững đi qua từng dãy phòng bệnh nhân. Anh không dám nhìn thẳng vào những khuôn mặt xếp hàng trên hiên luôn luôn bất động trong một vẻ chờ đợi thiết tha Hình như anh chỉ cần nhìn một người nào hơi lâu là người đó sẽ tưởng anh đến để tìm, thăm hỏi. Sự chán nản, sầu khổ hình như phảng phất trong từng làn gió nhẹ, từng ngọn cỏ ở hai bên lề đường. Đôi khi, trên thành một khung cửa sổ, anh bắt gặp một hình hài không toàn vẹn ngồi bất động như một pho tượng.

Bà cụ giới thiệu Trường với những người bạn mới trong phòng. Họ vui vẻ với nhau như những người trong một gia đình, Khi Trường

đến thăm mẹ, họ vui chung với bà cụ. Đối diện với giường của bà là giường của một cô bé mười bốn. Người ta khó có thể tưởng tượng rằng một cô bé như vậy sinh ra dời để chịu thiếu một chân. Khuôn mặt trắng như sữa, tròn đẹp. Đôi mắt sáng, cái nhìn ngây thơ, dịu dàng, quí phái. Một buổi tối, cô bé dắt tay đứa em trai nhỏ đi coi chiếu bóng, một trái lựu đạn nổ giữa cuộc vui. Đứa em chết ngay. Cô bé bị thương khắp mình. Riêng chân trái thì không sao cứu được.

Được giải phẫu xong, trở lại giường nằm, cô bé kể lại cảm giác khiếp hãi khi sắp lên bàn mổ cho mọi người nghe. Giọng kể bình tĩnh, cười cợt. Nhưng chỉ buổi sáng hôm sau, khuôn mặt xanh xao của cô bé thêm ngơ ngác, sợ hãi Nó đắp chăn suốt ngày để che cái chân cụt. Mỗi lần bắt buộc phải bỏ chăn nó phân vân nhìn đỉnh màn một lúc rồi mới quyết định. Khi người ta đem đến đôi nạng, cô bé khóc sụt sịt suốt buổi.

Cô bé có một người anh bằng Trường, thỉnh thoảng vào thăm em với mấy trái cam. Vì thế, Trường đến, nó thường nhổm dậy, nhìn ra. Một nửa thân hình ở ngoài chăn bừng sống lại với đầy đủ vẻ chờ đợi ngây thơ. Cái chân tật nguyền thì vẫn ẩn trốn trong chăn, bất động.

Ở một giường khác, người đàn bà được chữa vết thương nơi cổ có khuôn mặt hiền hậu, giản dị. Bà ta bị quân địch cắt cổ trong một vụ chúng cướp đồn. Người chồng mất tích Người vợ hấp hối với vết chém chí mạng. Nhưng bà ta được cứu sống. Vết sẹo trên cổ nhăn nhúm, đỏ hỏn. Thoáng trông, người ta tưởng nơi đó còn vết dao cứa ngang và những tia máu tung tóe ra hai bên.

Người đàn bà nằm ở cuối phòng có cánh tay trái bị nát. khi khỏi, cử động khó khăn. Bà ta hay để trần cánh tay đó, thỉnh thoảng nhìn lại từng vết sẹo. Người chồng nằm ở trong một phòng dãy bên. Hai người bị nạn cùng ngày. Người chồng tỉnh dậy ở bệnh viện với đôi mắt mù và một bên tai điếc hẳn. Cô y tá kể lại rằng buổi chiều hôm sau ngày tỉnh lại, cơn đau dịu xuống, ông ta ngạc nhiên hỏi to :

— Phòng này còn ai nằm nữa không ? Sao chẳng có ai nói chuyện gì cho đỡ buồn.

Chiều nào ông ta cũng nhờ người dắt, lần mò sang thăm bà vợ. Cả thân hình vạm vỡ của ông ngượng nghịu trong dáng bước chập chững sợ hãi của đứa trẻ con. Khuôn mặt, từ sống mũi tới đỉnh đầu còn quấn băng. Vài vết cháy nám còn điểm trên cằm, trên má Ông hay ngước cao mặt lên như một người đang ngộp thở, cần tìm

không khí. Mỗi lần được dìu lên thềm, ông ta vội vàng quay lại nói với người đưa đường :

— Cảm ơn... cảm ơn.

Cặp môi run run, lếng túng, hình như ông ta chưa quen với sự được nâng niu, giúp đỡ.

Hai vợ chồng hay nói chuyện về số tiền được lĩnh trong tương lai. Người chồng nói nhiều. Bà vợ im lặng nghe, đôi mắt nhìn không chăm chú. Lâu lâm, bà ta mới mở miệng. Vì cần nói to khiến cả phòng nghe được nên bà ta nói thật ngắn, Khi bà ta im tiếng rồi, ông chồng còn nghiêng chiếc tai lành về phía vợ chờ đợi. Hai đứa con trai nhỏ của cặp vợ chồng này suốt ngày say mê giở xem hình màu trong một tờ tạp chí mà bệnh viện tặng cho bệnh nhân. Chúng đùa nghịch, đuổi nhau quanh quẩn bên giường. Chúng có vẻ hiểu rất lờ mờ về tai nạn của cha mẹ.

Đoạn kết bi thảm của chiến tranh, của tai họa, được dồn lại dãy phòng này và khắp các phòng khác. Từng dãy nhà dài trên một vùng đất mênh mông không chứa hết nạn nhân. Mỗi ngày lại có vài lần các tàu lá trên ngọn cây rung động dữ dội với sức gió của động cơ máy bay. Vài bệnh nhân nhìn về phía sân cỏ, đợi chờ những hình thức thảm khổ, tan nát mới.

Bà cụ thích đứng tì tay ở bờ tường trước hiên và hỏi về tình hình «bên ngoài». Với bà cụ, mỗi ngày phải có một chuyện lạ «Bên ngoài» không bao giờ có thể bình yên lâu được. Bà cụ kể lể về những chuyến máy bay trực thăng, ca tụng mấy ông bác sĩ làm việc suốt đêm với tiếng nước xối ào ào ở phía phòng giải phẫu. Trường kêu :

— Mẹ đã rát lại còn thích xem người bị thương.

Bà cụ nói :

— Tao quen rồi.

Câu chuyện của bà cụ khiến Trường có một cảm giác mới khi đọc những bản tin tức ở tòa soạn. Mỗi con số đã trở nên sinh động. Mỗi dòng ngắn ngủi tường thuật về một trận đánh mới đều đưa trí tưởng tượng của Trường đến với những chiếc máy bay trực thăng đứng sững trong không khí một lát rồi hạ xuống bãi cỏ xanh. Cánh quạt thét gió ào ào...

Ba ngày trước hôm chịu giải phẫu, bà cụ trốn về nhà suốt một buổi sáng. Thân nhân không có quyền biết gì về cuộc giải phẫu.

Bệnh viện giữ lệnh đó rất nghiêm. Trường chỉ được vào thăm khi cuộc phấn đấu giữa bà và tử thần đã có kẻ thắng kẻ bại.

∴

Khoảng hơn 3 giờ chiều, Trường thức dậy. Giờ này, bệnh viện đã mở cửa. Sự lo ngại, hồi hộp của anh sẽ ngắn hơn. Số phận bà cụ lúc này cũng có thể kể là rõ ràng rồi. Còn hay mất? Anh tưởng tượng đến những bàn tay khéo léo của mấy bác sĩ ngoại quốc, nhưng anh cũng nhớ đến vóc dáng gầy ốm, mong manh của mẹ.

Đường nhựa mềm, ướt cuốn dưới hai bánh xe. Nắng chiếu rát mặt và làm hoa mắt. Tay lái xe rung mạnh. Trường có cảm tưởng mình đang được bay lướt trong một không gian nóng nảy, khó chịu lạ thường. Cổng bệnh viện mở rộng. Người vào, người ra đều mệt mỏi và lo buồn.

Gửi giấy xong, Trường hấp tấp đi trên con đường đá chưa tráng nhựa. Một chiếc trực thăng bay thấp, sắp xuống. Cái bóng đen khổng lồ của nó vụt lướt qua anh. Trường ngước nhìn. Chàng phi công cũng đang ngó xuống. «Hắn lửng lơ giữa trời một cách vững vàng, oai vệ quá». Khi Trường đi đến chỗ rẽ cuối dãy nhà quay mặt ra lộ thì chiếc trực thăng đã đáp xuống, cánh quạt vẫn xoay tít. Một vài thân thể có đắp chăn, che vải được khiêng ra. Nhiều người đến thăm bệnh nhân, đứng thành hàng ngoài sân cỏ, nhìn một cách tò mò. Họ xem máy bay và cả những thứ do máy bay đem về.

Trường vào căn phòng bà cụ nằm trước đây. Đứa bé cụt chân nhìn thấy anh đầu tiên. Nó đang ôm một con búp bê lớn, đẹp, mái tóc vàng lòa xòa. Trường mỉm cười để chào nó. Nó cười lại một cách ngượng nghịu rồi đặt tay lên mái tóc búp bê, vuốt ve. Người đàn bà có vết sẹo ghê gớm ở cổ hỏi to:

— Đến thăm ai cụ hả? Mồ rồi. Đâu còn ở đây.

Cái giường dành cho bà cụ đã có người khác nằm. Trường chưa hết cảm thấy bỡ ngỡ thì bà ta đã thêm:

— Bà cụ được mổ cùng một lượt với con nhỏ ở phòng bên. Đứa nhỏ tỉnh lâu rồi chỉ còn bà cụ... Anh ra cổng xin giấy vào phòng lạnh thì thăm được. Không hiểu giờ nầy tỉnh chưa. Bà cụ yếu quá..

Bảng chỉ đường đến «phòng lạnh» cùng hướng với bảng dẫn về «phòng hồi sinh» và «nhà xác» Nhà nuôi xác sống và nhà chứa

xác chết cách nhau không xa. Con đường nhỏ, dài và vắng. Cỏ hai bên lề mọc cao, tự do chồm cả lên mặt nhựa.

Câu nói: «đứa nhỏ tỉnh lâu rồi, chỉ còn bà cụ...» khắc thành nét sâu trong trí nhớ của anh. Anh nhớ đến những ngày mẹ ngồi nhìn hình «quê Bắc», những đêm bà nằm nói chuyện «quê Bắc». Cổng dẫn vào phòng lạnh nhỏ, có bốn năm người đang ngồi đợi. Ông y tá tươi cười yêu cầu Trương nhập vào hàng ngũ bốn năm người đó. Ai vào thăm bệnh nhân cũng phải mặc áo choàng trắng, theo chân người hướng dẫn. Trường không đứng yên lâu được. Anh đi men theo hành lang nhỏ ở phía sau, ngó qua các khung cửa kính. Anh gặp nhiều con người bất động được gói trong chăn, đệm màu trắng toát. Tất cả chìm trong giấc ngủ bệnh hoạn. Kính mờ, đèn trong phòng không sáng, Trường không sao nhìn rõ mặt được người nào. Anh trở lại phòng đợi.

Phòng đợi vừa có thêm một người. Hắn gầy, khuôn mặt hiền đến độ hơi ngơ ngẩn. Vạt áo nhét trong quần không kỹ, trễ xuống hai bên hông một cách mệt mỏi. Nhìn mặt hắn, Trường thấy đầy đủ mọi nét quen thuộc, nhưng anh lại chắc là mình chưa gặp hắn lần nào. Hắn nói với người y tá:

— Xin ông kiếm giùm xem ở đây có bệnh nhân nào tên là Nguyễn-Thành-Văn...

— Ông ra xin giấy ngoài cổng...

— Thưa ông trễ quá rồi.

Người y tá xem đồng hồ rồi gật đầu.

---

chân tình

Đừng đến rồi ra lại phải đi
Đề lòng thêm mãi chuyện chia ly
Lầu hương ngườiước đôi đầu chụm
Đường vắng ai thương một kẻ về
Nếu mọi tơ duyên tình vẹn cả
Thì bao kiếp sống nghĩa còn chi
Sao không giữ lấy màu thanh đạm
Như ánh trăng lồng mặt nước khuya

BÙI-KHÁNH-ĐẢN

— Ông vừa nói bệnh nhân tên gì nhỉ?

— Nguyễn-Thành-Văn.

Cái tên được nói lên lần thứ hai khiến Trường giật mình. Người y tá đi vào phía trong. Trường đến trước mặt chàng kia :

— Xin lỗi . . . anh vừa nói Văn, có phải anh Văn mới ra trường ?

Thanh niên mở to mắt nhìn Trường, ngạc nhiên, chờ đợi. Trường suy nghĩ, kiếm thêm chi tiết :

— Văn đai nâu nhu đạo ?

Thanh niên mỉm cười, vui buồn lẫn lộn.

— Vâng. Thưa, anh là bạn của anh em ?

Trường không trả lời câu hỏi, ngần người :

— Văn bị thương sao ?

Thanh niên chỉ một ngón tay lên trán :

— Anh ấy bị thương ở đây. Đạn phá ra phía sau, nặng lắm. Mới được đưa về.

Không đợi Trường hỏi, thanh niên bắt đầu kể sơ lược về cuộc hành quân của Văn. Văn bị nạn. Các chi tiết về việc chữa chạy v v .. Cứ chỉ hất ngón tay trở lên mỗi khi cần nhấn mạnh vào câu nói của hắn nhắc Trường nhớ tới dáng điệu đặc biệt của Văn Đến sân tập. Văn trở thành một trung tâm cung cấp sự vui cười. Trường rất thích

---

ân nghĩa

Năm lần gặp gỡ, bốn lần say
Đem cái trường-sầu lấp cỏ cây
Đời chót buông theo hàng chữ lệch
Lòng nghe vọng mãi tiếng tơ gầy
Mấy tao ân nghĩa mòn tâm sự
Đôi cánh chim trời lạc hướng mây
Đành nhẽ dở dang là định-mệnh
Cớ sao sầu đấy vẫn buồn đây

BÙI-KHÁNH-ĐẢN

tập với anh ta mặc dầu lâu lắm anh mới quật ngã anh ta được một cái nhờ may mắn. Trường than :

— Muốn thắng cậu mình phải áp dụng lối đánh du kích.

Văn bước đi chậm và vững. Đòn chân của anh ta gọn và mạnh. Nhiều khi Trường bị quật xuống thảm trước khi cảm biết mình bị đánh. Nhưng mỗi đòn anh ta tung ra đều có một vẻ độ lượng chừng mực. Khi Trường bị nhấc bổng, quay nửa vòng, hai chân chĩa thẳng lên nóc nhà, anh liền cảm thấy Văn lùi lại một chút. Việc «hạ cánh» của Trường tuy mạnh nhưng luôn luôn được bình an. Những hôm có việc gì buồn, Văn ít nói. Anh tìm Trường và bảo :

— Hôm nay có chuyện bực mình. Xin cậu quật giùm mấy chục đòn.

Rồi anh ta xịu mặt, thân thể mềm, ì ra như bao gạo. Trường tha hồ dẫn anh ta đi khắp sân đánh đông, đánh tây, Văn không thèm né một đòn nào. Trường quật anh ta như quật một người bằng cao su Khi nào Trường đánh ẩu, không chịu xuống thấp và vào đòn thật sát, anh ta mới đánh một đòn phản cảnh cáo. Lúc mệt nhoài, cả hai quì trước mặt nhau sửa áo. Trường hỏi :

— Nỗi buồn văng ra chưa ?

— Rồi. Chỉ còn chút đỉnh.

Văn tả cảm giác :

— Lúc nãy các thớ thịt dãn ra, thân thể mình mềm xìu. Nỗi buồn bị đánh tê chết giấc, đầu óc thảnh thơi, khoan khoái.

Dần dần Trường cũng có những cảm nghĩ giống như anh ta. Giờ đến sân tập biến thành những phút giải trí hoàn toàn nhất. Lên thảm rồi, khỏi cần lo, nghĩ gì. Chỉ có mình và đối thủ. Cả hai hình như sống trong bầu không khí của một canh bạc nhỏ. Phải tính toán từng bước đi, phải làm sao vào đòn cho đúng lúc. Nhưng sự tính toán đó không làm mệt thần kinh chút nào. Sự phấn đấu cũng được thu hẹp lại, trong phạm vi những người bạn.

Ngày ông thày định cho mấy vũ sinh đi đấu giao hữu, Văn được cử vào hàng ngũ huấn luyện viên, tập luyện cho « gà nhà ». Anh ta vừa truyền thụ tài nghệ, kinh nghiệm cho đàn em vừa đùa cợt :

— Khi đấu, thỉnh thoảng hét đại lên một tiếng, càng lớn càng hay để áp đảo địch thủ bằng võ mồm. Đó là chiến tranh tâm lý. Hôm đó, võ phục phải sạch sẽ. Đừng có ai mang bộ quần áo cả tuần không giặt đi đấu với hy vọng chiến thắng bằng hơi ngạt.

Một vũ sinh hỏi :

— Lỡ gặp một địch thủ to lớn hơn nhiều quá thì làm sao anh ?

— Nhu thuật chỉ hơn nhau ở kỹ thuật.

— Lỡ nó vừa to vừa lớn kỹ thuật ?

— Thế thì phải đem theo một cái dìu, nếu nó ném mình lên nóc nhà cũng còn có cách mà xuống.

Rồi Văn chỉ vào một vũ sinh gầy ốm, cao lỏng khỏng :

— Cậu này trước khi giao đấu nên đeo trước ngực một cái bảng : «Attention ! Fragile !»

Cuối cùng Văn nghiêm trang bảo cả bọn :

— Đừng có ai nhét khăn mặt trong áo để lau mồ hôi. Ngoài võ ý ra, các thứ khác lạ đều có thể được coi là ám khí.

Nhưng đôi khi, Văn nghiêm trang thực sự. Anh ta khoanh tay ngồi im lặng thật lâu ở một góc thảm. Hai vai hơi nhô lên, đầu cúi mắt nhìn không chớp. Một lần, thấy Trường ngồi cạnh, anh ta bảo.

— Cậu trông xem. Ông thầy mình có vẻ tự tin, bình thản và oai nghiêm quá.

Trường nhìn nét mặt Văn rồi quay nhìn ông thầy dậy võ. Sống mũi Văn cao thẳng, gợn sáng ánh nắng cửa sổ, Đôi mắt anh ta bị thần tượng trước mặt thu hút. Ông thầy dậy võ đã quỳ xuống bên chiếc cột gỗ, phía trên có treo hình vị sáng lập nhu đạo Ông khoanh tay, đăm đăm nhìn đám học trò tập dượt. Cả thân hình ông cấu tạo bằng những nét mạnh, dường như đã biến thành một khối đá vững chắc, khó lay chuyển, Nhìn ông, Trường liên tưởng đến một cột gỗ khổng lồ màu nâu đậm, thản nhiên đứng hàng ngàn năm giữa một ngôi đền cổ, giúp tường mái chống chọi với thời gian

Trường gật đầu :

— Ông tự tin và oai thật, vì ông khỏe hơn người.

Văn lắc đầu nhè nhẹ, giọng nói chầm chậm như say mê :

— Không phải. Vì ông là người Nhựt, ông được quyền sung sướng và kiêu hãnh, ông có một quê hương hùng mạnh, lúc nào cũng đáng tin. Tại mình muốn bằng ông có thể được, nhờ tập luyện liền mấy chục năm. Nhưng quê hương mình muốn bằng quê hương ông, sự cố gắng phải kéo dài rất nhiều thế kỷ.

Trường cảm thấy câu nói của anh ta lạc đề, lạ. Bỗng dưng anh ta rơi vào sự tính toán về hàng chục năm, trăm năm trong tương lai. Cử chỉ anh ta thì vừa nghiêm trọng lại vừa có vẻ lần thần quờ quạng trong một giấc mộng.

Rồi việc anh ta nhập ngũ cũng có một vẻ quờ quạng, âm thầm như vậy. Không một lời báo trước, không một cuộc giã từ quan trọng.

Bây giờ, số mệnh cuốn anh ta vào đây với vết thương nặng trên trán.

Người y tá già, giữ nhiệm vụ hướng dẫn, trở ra. Ông ta trao chiếc áo choàng cho Trường rồi quay nhìn người em Văn, lắc đầu :

— Bệnh nhân đó không có đây. Ông hỏi bên phòng « hồi sinh » xem. Mấy bệnh nhân mới đều được đưa cả vào đó thì phải.

Thanh niên chào mọi người rồi hấp tấp quay ra nắm tay một đứa nhỏ khoảng mười tuổi, có lẽ là em hắn, đứng chờ bên gốc cây trứng cá. Hai anh em đi tắt trên bãi cỏ, tiến về phía phòng hồi sinh. Bãi cỏ còn ướt nước mưa. Bước đi của thanh niên làm tóe nước. Đứa nhỏ bám vào tay anh, nhấc thật cao chân mỗi khi bước, để tránh cỏ may. Cái quần nó mặc trễ xuống, dây thắt lưng tụt ra một đoạn dài, vắt vẻo bên hông.

Người y tá nói với Trường :

— Ở phòng hồi sinh là bịnh nặng lắm.

Trường thắt xong dây lưng, vội vã đi theo ông y tá hướng dẫn. Thời gian thăm bệnh chỉ có năm phút. Đi hết hành lang ngoài, anh rẽ vào bầu không khí lạnh lẽo, trầm lặng của dãy phòng nuôi những sự sống mỏng manh. Màn vải trắng, mùi thuốc tạo thành một thế giới mê sảng, nặng nề. Ông y tá lẫm nhẫm số giường rồi dẫn Trường đi vào sau một tấm vải căng ngang căn phòng giữa. Ông nói :

— Bà ấy đã tỉnh. Khỏe rồi. Mới ngủ lại đó.

Bà cụ được gói trong cái chăn màu trắng, nằm nghiêng trên giường. Khuôn mặt chỉ là những dấu xương nhô lên, tái ngắt. Nơi cổ còn dấu máu lấm tấm quanh chỗ bị băng. Cạnh đầu bà cụ có ba bốn múi cam, có múi bị nhấm nát, có múi đã khô cong. «Bà cụ sống» Trường nghĩ thế và đứng ngẩn ra bên giường chăm chú theo dõi nhịp thở trên mảnh chăn mỏng. Ở giường bên cạnh, một người đàn bà rên rỉ đều như thở, bà ta kêu nóng, đau, khát nước. Cả khuôn mặt lấm tấm vết thương hình như khô lại, nóng hổi. Ông y tá nói nhỏ : « Đề

yên bà ấy ngủ ». Trường không dám nhúc nhích. Năm phút thăm bệnh nhân thoảng yua, cảm giác vui mừng và nặng nề lẫn lộn.

Ra khỏi phòng lạnh, Trường đến cửa phòng hồi sinh. Anh ngạc nhiên không thấy ai chờ đợi và cũng không có một cánh cửa nào còn mở. Anh đi quanh quẩn một vòng, ngắm nghía từng khung cửa kính. Ý nghĩ « Văn đang nằm trong đó » khiến Trường cảm thấy dãy nhà có vẻ thân mật với mình. Anh đi xa vào mấy con đường quanh đó để kiếm hai người em của Văn rồi quay lại.

Cho đến lúc Trường nhận ra trời âm u, hơi tối không phải vì có một đám mây đen mà vì mặt trời lặn đã lâu, anh băn khoăn đi ra cổng. Con đường nhựa đã vắng hẳn. Nhiều dãy nhà biến thành bóng đen in trên nền trời. Trường thấy hai người em của Văn đứng trong phòng đợi gần cổng. Anh bước như chạy lên mấy bực thềm. Thanh niên và đứa em nhỏ cũng vừa quay ra. Trường nghe rõ tiếng một nữ nhân viên trong phòng đợi nói với theo :

— Việc giấy tờ giản dị lắm, sáng mai là xong. Chúng tôi sẽ giúp ông phương tiện đem xác về.

Thanh niên thấy Trường, đứng sững lại, đôi mắt đỏ ngầu ngơ ngẩn nhìn. Đôi mắt ấy hình như cứ đỏ ngầu, bất động, không thể nào nhắm lại được. Đứa nhỏ thì nước mắt đã chảy tới mũi, miệng, cằm. Cả khuôn mặt ướt át đang thổn thức trên những thớ thịt ở hai bên má trên hai cánh mũi phập phồng. Trường cũng dừng lại ở lưng thềm. Thanh niên nói nhỏ, nhiều tiếng thoảng qua như thầm thì :

— Anh ấy chết rồi... Em phải về báo cho nhà biết.

Không để cho Trường kịp nói một lời nào, hắn bước vội ra cổng, quên cả nắm tay thằng em nhỏ. Hắn cúi đầu, lầm lì băng qua đường. Đứa nhỏ vừa xếch quần vừa nhìn phải, nhìn ttái, chạy theo. Dây lưng quần vẫn lủng lẳng, đập vào đùi đứa nhỏ như cây roi thúc ngựa.

« Bà cụ sống, Văn chết rồi ». Ý nghĩ đó, Trường cứ nhai đi nhai lại mãi trên đường về. Đường thì dài quá. Anh cố gắng không nghĩ gì thêm. Cơn bão ý nghĩ sẽ cuồn cuộn đến, khó ngăn cản. Anh nhất định cố gắng không nghĩ gì. « Tụi bạn mình chết la liệt », ý nghĩ này chợt phá hàng rào cản. Rồi Trường nhớ đến những người bạn đã ngã xuống. Chúng nó biến đi nhanh, bất ngờ, nhiều quá đến nỗi có lúc anh còn tưởng có thể sẽ gặp lại vài đứa đi lang thang trên một con đường đông đúc của đô thành. Anh luôn luôn quên rằng đứa này, đứa kia đã chết rồi. Có đứa chết trên vài dòng cáô phó, chết trên cửa miệng báo tin của một người bạn khác, chết trong một bức điện tín.

Và Văn, hắn cũng chết đột ngột trên đôi mắt đỏ ngầu, ngơ ngẩn của thằng em.

Trường về thẳng tòa soạn. Chưa có ai đến. Ông già gác cửa giao cho anh một số giấy tờ lặt vặt. Anh hỏi :

— Các phóng viên có đem về chuyện gì lạ không ?

Ông lão lắc đầu :

— Hôm nay yên tĩnh hoàn toàn.

Trường gạt chồng bản thảo sang một bên, trông thấy bức thư viết dở cho Kim. Anh nhấc ra định viết tiếp ; « . . . Hình ảnh em tràn đầy trong giấc ngủ của anh và còn chộp lấy ý nghĩ của anh ngay khi anh thực dậy . . . ». Nhưng anh để lại bức thư vào chỗ cũ, viết nhanh vào một tờ giấy trắng « Vũ — Tao có việc đi, sẽ trở về muộn — Có việc gì gấp làm giùm ».

Trường đứng dậy, chậm chạp xếp lại chồng giấy, không biết đi đâu. Đến sân tập ? Để báo tin buồn cho vài bạn thân của Văn, để, bắt chước Văn, nói với một đứa :

— Hôm nay có chuyện bực mình. Xin cậu quật dùm mấy chục đòn.

Anh chợt nhớ đến giọng nói nghiêm trang của Văn khi anh ta nhắc đến hai tiếng «quê hương». Hai tiếng đó đột nhiên khiến Trường hình dung ngay đến cảnh một cánh đồng cỏ tươi non chìm trong sương mờ, phía xa có hàng cây hiện hình chỉ có từ thân đến ngọn. Rồi anh nghĩ đến núi và đến biển,« Hay mình đến nhà Kim và đòi nghe hát». Nàng hỏi sẽ : « Anh muốn nghe bản gì ? ». Trường chưa biết mình sẽ chọn bản gì — nhưng anh muốn lời ca nhắc đến núi cao và biển rộng.

Trường lấy một đồng bạc cắc trong túi tung lên và nghĩ : «Sấp đến nhà Kim. Ngửa : đến sân tập». Đồng bạc rơi xuống, nẩy tung lên, lăn tròn như một bánh xe, lừng lững chui vào một gầm tủ chứa báo cũ, ghi một vệt sáng mờ trong đó.

Và giữa căn phòng rộng, vắng, chập chờn bóng tối, chàng thanh niên buồn buồn bước từng bước, rồi lom khom cúi xuống bên chiếc tủ, chán nản quơ tay tìm định mệnh.

LÊ-TẤT-ĐIỀU

HOẠT CẢNH

võ phiền

— Đứa nào trang trí hội trường, dốt quá . . .

— Sao vậy ?

— À, bác, Xin lỗi.

Chắc bác muốn nói bàn thuyết trình viên sát mép sân khấu quá, phải không . . .

— Đúng. Tấm màn buông phía sau. . .

— Tấm màn sau ghế ngồi lấn tới trước, diễn giả thiếu chỗ. Biết thế, nhưng hủ rạp no kêu quá trời. Nó năn nỉ, xin đừng có hạ tấm màn xuống. Màn ảnh *cinémascope* căng hơi cong, khó lắm. Mỗi lần mình muốn cho diễn giả có chỗ rộng, hạ màn xuống, sau nó phải thuê người căng lại. Tháng này tổ chức học tập nhiều, tuần nào cũng mượn rạp hát của nó một vài lần, chết cái túi tiền nó . . .

— À bác có giải thích mới hiểu . . .

— A ! bộ com-lê ngon lành quá ta.

— Khỏi nói.

— Mới đóng kỳ đi họp vừa rồi ở Sài-Gòn hả ? Bao nhiêu đó ?

— Ba nghìn. Riêng tiền « pha-xông » một nghìn bảy.

— Một mình ông đã sắm hai bà rồi, ông còn làm tốt thế, khổ cuột con gái xứ này quá.

— Cho nó khổ . . .

. . . — Thưa cụ, nhánh lan lưỡi trâu . . .

— Anh nên gọi đúng tên, lan nghinh xuân.

— Dạ, lan nghinh xuân. Nhánh lan cháu cháu đưa cụ kỳ trước không thấm vào đâu. Kỳ vừa rồi, ghé An-Túc, cháu có xin được hai nhánh đẹp quá trời, Tiếc quá, lên tới Plei Piom. . .

— Lại đồng bào đồng đảo xuống xe đánh gãy . . .

— Hì-hì cụ, tài thiệt.

— Tháng trước, anh Nguyên tìm mua cho tôi được nhánh lan thạch hộc cọng vuông. Lượt về cũng bị gãy như thế . . .

— Trời !

— Tôi có sẵn thứ thạch hộc cọng tròn, đang chờ mãi thứ cọng vuông . . . Thế mới tiếc chứ . . .

. . . — Ông canh nông !

— A ! bác !

— Hường về chưa ?

— Tuần sau . . .

. . . — Nè toa, Hường mua ở đâu vậy ?

— Bên Pháp.

— Đắt không ?

— Tính ra bạc Việt-Nam không đầy bốn trăm mà mười giống hường

— Toa gửi mua . . .

— Moa phải nhờ ông ty trưởng canh nông mua giùm, kẻ làm cây giống mới xin được ngoại tệ.

— Toa mua những thứ nào ?

— *Mojave* . . .

— Ơ ! thứ đó đàng moa có, tội gì mua ở Pháp, Màu đỏ, hồng hồng, có « ven » (gân), phải không ? . . . Moa không thích mấy.

— *Virgo*...

— Tên như thế thì phải màu trắng. Phải không ?

— Phải. *Miss France* . . .

— Màu gì ?

— Đỏ

— Sao lại đỏ. Đời ông Thorez, *Miss France* mới màu đỏ, chứ đời ông De Gaulle cũng còn đỏ nữa hả?

— *Grimpant Mme P. S. Dupont* . . .

— Dây leo hả? Chơi hoa sao chọn thứ tục tĩu vậy, Grimpant *sur* Mme . . .

— Lưu manh thế . . .

Hậu trường đông nghẹt người, nghe rào rào. Mọi người ngồi yên, không có ai đi lại lộn xộn, nhưng cái đám đông bất động ấy cứ mỗi lúc mỗi ồn thêm lên.

Chợt mọi người ào ào đứng lên. Ông tỉnh trưởng vào từ cái cửa ở phía sau hội trường có hai người cảnh sát đứng gác. Ông ta thấp, tiến tới ở đường trống giữa hai hàng ghế, người đưng ở các hàng ghế ngoài nhìn vào không trông thấy ông ta. Tiến đến hàng ghế đầu, ông ngừng, quay lại, nhoẻn cười, chào chung tất cả các ông ty trưởng, quận trưởng, thân hào thân sĩ, rồi ngồi xuống. Bết mọi người đang chú ý đến mình, ông to làm một vài cử chỉ : mở hột nút áo, nghiêng người về phía ông chánh án ngồi bên cạnh nói vài câu chuyện. Ở xa, trông thấy ông ta cười, nói nhanh, lắng tai nghe, rồi nghiêm mặt lắc đầu, rồi bùng ra cười xòa, rồi mở to mắt, ngạc nhiên... Nét mặt linh động cố ý. Sau lời mời của người xướng ngôn viên, ông ta đứng dậy, nói với một câu cuối cùng với ông chánh án, mỉm cười ; rồi ông ta cài vội hột nút áo vét-tông, quay mặt tới trước, nụ cười vụt tắt thình lình... Ông ta biến hẳn ra một người khác, tiến lên diễn đàn.

Hội trường im phắc. Ông tỉnh trưởng bắt đầu nói. Ý nghĩa công cuộc dinh điền thì vẫn đại khái như là những điều đã nói năm ngoái. Ông ta dài dòng, ngừng lại nhiều lần, suy nghĩ, và sử dụng nhiều lời lớn lao : « cuộc Nam tiến trăm cay nghìn đắng của dân tộc », « xứng đáng với công nghiệp mở mang bờ cõi của tiền nhân », « đất Việt-Nam do người Việt-Nam khai phá » v.v...

Tiếng rì rào trong hội trường lại rụt rè nổi lên. Quận trưởng Hồi mã kề tai quận trưởng Thanh-Trì :

— Toa ghi cho moa cái địa chỉ.

— Ông ty trưởng canh nông biết...

— Thì cứ ghi vào đây coi...

— Roseraies Pernet — Ducher, Lyon (France)... Ducher... D-U-C-H... ER, Ừ ! E, .R... Đúng rồi.

— Toa mua về có gốc nào bị hư, không nứt mụt ?

— Tất cả.

Ông cụ Phạm-Trọng-Trì, nhân sĩ, nắm cánh tay người cán bộ phòng dinh điền kéo sát về phía mình :

— Chuyến này ngày nào lên đường ?

— Nghe nói 16 dương lịch... Vâng, tháng sau, nếu không có gì trở ngại.

— Lại anh..

— Thưa cụ vâng, đáng nào thằng này cũng không thoát khỏi. Cụ thích thứ lan nào ? nhất điểm hồng..

— Nhất điểm hồng, nhất điểm hoàng... tôi có cả. Anh để ý coi có thứ lan trường kiếm... Cám ơn..

Tiếng rì rào chợt im lặng. Ông tỉnh trưởng đi thẳng vào vấn đề :

— ... Trong ba năm qua số di dân lên Cao Nguyên ngót 128 nghìn người. Tỉnh Quảng - Nam dân số một triệu, có 45 nghìn di dân. Quảng-Ngãi dân số chỉ có 650 nghìn. mà cũng trên 20 nghìn di dân. Tỉnh ta, nam phụ lão ấu ngót một triệu người mà trong ba năm chỉ mới có mười nghìn người đi dinh điền...

(Tiếng xì xào nổi lên khắp phòng. Có cả tiếng cười).

... Tổng thống trách cán bộ tỉnh ta chưa khéo léo, (diễn giả dừng lại, nghiêm trang, chờ tiếng lào xào nổi lên, rồi chờ cho tiếng ấy dịu xuống). Cụ phàn nàn như thế ; tôi lặp đúng nguyên văn : «chưa khéo léo». Năm nay chính phủ ấn định cho tỉnh ta năm nghìn di dân. Dĩ nhiên đó là mức tối thiểu, hơn được càng hay...

Hội trường xòa ra như tiếng thở mạnh đồng loạt của bốn trăm con người. Tiếng ồn ào kéo dài, không ngăn cản được. Diễn giả kết thúc qua loa, không được chú ý.

Bắt đầu cuộc thảo luận.

Ông quận trưởng An-Nghĩa đứng lên :

— Vừa rồi ông tỉnh trưởng cho biết trong ba năm qua riêng quận Thanh-Trì vận động được ba nghìn di dân, các quận khác không tới một nghìn rưỡi. Vậy xin hội nghị mời đại biểu quận Thanh-Trì lên trình bày kinh nghiệm vận động.

Hội trường nhao nhao tán thành, cười nói ồn ào. Chủ tọa đảo mắt tìm ông quận trưởng Thanh trì. Ông nầy đứng lên tiến xuống tận phía cuối phòng họp. Có vài tiếng la :

— Yêu cầu ông quận Thanh-Trì lên máy vi âm.

Có tiếng cười rúc rích nghịch ngợm. Quận Thanh-Trì vẫn tiến xuống dưới phòng, giơ cao một bàn tay về phía sau như chận lại các tiếng kêu la đang đuổi theo. Một lát, ông tìm được người thư ký trưởng, đẩy lên. Đó là một người còn trẻ, vóc nhỏ bé, gầy, cằm mỏng, môi mỏng, da mặt vàng bệnh hoạn, nét mặt nghiêm chỉnh quá đáng. Anh ta ôm một cái cặp bìa cứng đựng nhiều hồ sơ. Đứng trước máy vi âm, anh ta có vẻ lo lắng, mắt chớp liền mấy cái nhấp nháy sau cặp kính cận thị. Sau khi kính thưa chủ tọa, kính thưa ông tỉnh trưởng, thưa khắp các ty sở trưởng và toàn thể hội trường, sau khi nắn lại cái nút-cà-vạt, hắng giọng, anh ta lên tiếng, nói rằng dân Thanh-Trì tình nguyện đi dinh điền nhiều là vì họ nghèo, ngoài ra quận không có kinh nghiệm vận động nào đặc biệt.

Hội nghị phá lên cười. Người thư ký trưởng mân mê nút cà vạt, ngập ngừng không chịu lui về chỗ ngồi. Khi tiếng cười dứt, anh thêm : kết quả tốt ở quận ấy một phần cũng có nhờ nơi cán bộ khéo giải thích. Hội trường lại phá lên cười, Anh ta dừng lại, phân vân, nhìn khắp phòng. Bỗng anh ta trông thấy anh quận trưởng Thanh-Trì cũng đang toát miệng cười với mọi người ; anh ta liền nhoẻn miệng cười theo, yên lòng, và rời máy vi âm, thong thả bước về cuối phòng.

Một người mặc sơ-mi trắng, có dương xanh phớt, thắt chiếc cà-vạt màu đỏ, quá ngắn, khổ to, xoè ra đầy ngực, đứng lên nói :

— Tôi xin đề nghị hai ý kiến. . .

Chủ tọa gõ cây bút chì vào mặt máy vi âm nhè nhẹ, vươn cổ dài ra.

— Xin cho biết quí danh. . . quí danh. . .

Người thắt cà-vạt đỏ mải nói, không để ý. Có tiếng từ đám đông hội trường đáp lại :

— Đại diện xã Tường Mỹ !

Vị đại diện giật mình, ngừng lại một chút, rồi tiếp tục :

— . . . Một là trước tiên chúng ta đích thân cố gắng thuyết phục cho được lấy vài người Tôi quả quyết bất cứ ở quận nào cũng có thể tìm được vài người tự nguyện đi dinh điền. Rồi chúng ta đài thọ một ít sinh hoạt phí cho những người ấy, nhờ họ vận động bà con xóm giềng. Dĩ nhiên là họ thực tâm muốn rủ ren kẻ khác theo mình Đồng bào họ nghe nhau hơn là nghe cán bộ. Ý kiến thứ hai là nhờ di dân vận động di dân. Yêu cầu ông tỉnh trưởng xin tổng ủy phủ can thiệp các địa điểm trưởng dinh điền cho phép các di dân đi đợt trước, hiện thời cơ sở làm ăn đã có kết quả, cho phép các di dân ấy trở về thăm làng cũ. Xin cho mỗi xã một người. Tôi dám chắc nếu họ có dịp

trở về nguyên quán, gặp gỡ đồng bào, trình bày công chuyện làm ăn của họ, thì thế nào đồng bào cũng nghe. Cán bộ mình nói, ăn thua gì...

Tiếng ồn tán thành mỗi lúc mỗi lớn. Một người có tuổi, mặc quốc phục, đứng lên giơ cao một tay về phía chủ tọa như tuyên thệ trước tòa, xưng : « đại diện Hà Thanh », rồi phát biểu ý kiến :

— Xin thưa ngay rằng chúng tôi đây là cán bộ cũng không thực sự được trông thấy tận mắt cảnh làm ăn trên dinh điền nó ra làm sao, nó thành công rực rỡ tới bực nào. Tại hội trường nầy tập hợp đông đủ các đại diện xã trong toàn tỉnh, tôi xin hỏi mấy người có thể trình bày được với đồng bào xã mình những điều rõ ràng cụ thể về sinh hoạt tại một địa điểm dinh điền ? Năm ngoái tỉnh có cho ba đại diện xã đi quan sát tận chỗ, ba vị đó hiện nay chưa chắc còn tại chức cả. Chừng nầy người, ba bốn trăm người cùng đi khoe khoang dinh điền, mời mọc đồng bào bán nhà bán ruộng đi dinh điền mà không ai trông thấy dinh điền, hoặc chỉ một vài người trông thấy dinh điền thì ăn nói sao được ? Xin thưa ngay chúng tôi được đồng bào trong xã tín nhiệm, chúng tôi quí sự tín nhiệm ấy, quí lắm, và chúng tôi chỉ dám mạnh dạn nói ra với họ những điều gì tự chúng tôi thực sự tin tưởng. Xin thưa ngay như vậy... (Tiếng rì rào se sẽ nổi lên. Đại diện Hà-Thanh quay về phía thính giả, không bắt gặp gì khả nghi, bỗng trở nên hung hăng). Các vị làm việc từ cấp quận trở lên, quí vị ở cao cấp, quí vị là công chức, nay đổi đi chỗ này mai đổi đi chỗ kia quí vị không phải là người địa phương. Lời nói của quí vị cốt cho hay, cho được việc. Thưa... còn cán bộ xã chúng tôi không phải như vậy. Chúng tôi sống chết ở địa phương. Chúng tôi làm việc với bà con chòm xóm, với những kẻ có liên hệ, thân thuộc với chúng tôi từ bao nhiêu đời kiếp trước, mà cho tới sau này đời con đời cháu chúng tôi cũng không dứt hết liên hệ. Chúng tôi không đổi đi đâu được, không chạy đi đâu mà trốn được hậu quả của lời mình nói, của việc mình làm đối với đồng bào. Xin thưa ngay cho cụ thể. . bây giờ chúng tôi xúi đồng bào đi dinh điền, mai kia mốt nọ nếu họ làm ăn nên, gặp lại chúng tôi — mà thế nào cũng phải gặp nhau — họ còn mời uống chén nước tỏ lòng biết ơn ; trái lại, nếu như theo lời chúng tôi mà họ đi nhằm chỗ ma thiêng nước độc, họ bán trâu bán ruộng, rồi làm ăn thất bại, khuynh gia bại sản, họ oán chúng tôi suốt đời, họ có chết đi thì giòng dõi của họ oán con cháu chúng tôi, chúng tôi mặt mũi nào gặp nhau nữa.

Hội trường xôn xao, tiếng ồn cắt đứt lời ông đại diện xã Hà-Thanh. Ông Tỉnh-trưởng liếc nhanh một khóe mắt lên nét mặt ông đại diện rồi nhìn thẳng về trước mặt, nghiêm trang. Chủ tọa liếc trộm lên vẻ mặt ông tỉnh trưởng, lo ngại, rồi đưa một ngón tay lên gõ thử máy vi âm vài cái nhè nhẹ, sắp sửa nói, thì vị đại diện xã đã lên tiếng trước :

— . . . Xin thưa rằng không phải chúng tôi không tin tưởng chính sách. Cấp trên hiểu cho chúng tôi chỗ đó. Chúng tôi tin rằng chính phủ chủ trương đúng, lúc nào cũng vì lợi ích của đồng bào. Toàn thể anh em cán bộ cơ sở chúng tôi luôn luôn tin tưởng như vậy... Thưa... (Tiếng xì xào, vài tiếng cười rúc rích Ông đại diện xã ngẩng lên, nhìn hội trường bỗng mỉm cười vội vã đáp lại một dấu hiệu bắt gặp ở đâu đó trong đám đông rồi tiếp tục mạnh dạn) Thưa . . nhưng chính sách là một việc mà thi hành là một việc khác. Tôi xin đan cử một vài thí dụ Những ông kỹ sư được phái đi tìm địa điểm dinh-điền — tôi giả sử có một vài ông — thiếu trách nhiệm, hấp tấp, vội vã, chọn phải chỗ đất đào ba mươi thước giếng không có nước, hay chỗ đất chỉ được lớp mặt là trồng trọt được, năm trước năm sau đã bày lớp xấu lớp sỏi ra. Những kíp chuyên môn phải đi phá rừng chặt cây làm việc chậm trễ, khi đồng bào lên tới nơi bị vất xuống giữa rừng hoang, không chỗ trú thân, họ không hoang mang sao được. Thưa . . . lại còn những ông địa điểm trưởng, có ông quan liêu gặp đồng bào di dân nào không kịp cúi đầu chào liền gây sự, tát tai ; có ông bất lực, kém tháo vát, chạy gạo không kịp kỳ, bỏ đói đồng bào; có ông . . . thưa, xin lỗi . . . tôi phải nói sự thật... không khỏi có những ông nghĩ tới cái túi riêng của mình nhiều hơn là tới số phận di dân... nghĩa là những ông tham lam (Tiếng ồn ào, cười nói nổi lên, lộn xộn). Xin thưa ngay là những điều chúng tôi nêu lên không phải không có căn cứ . . . Trường hợp như thế, đưa đồng bào đi . . . khác nào đem con bỏ giữa chợ . . .

Hội trường xôn xao, mất trật tự, tranh nhau nói rào rào . . . Diễn giả ngừng lại, ngẩng mặt nhìn. Chủ toạ kề miệng sát máy vi âm kêu gọi :

— Xin quí vị giữ trật tự ! Xin trật tự ! Vị nào phát biểu ý kiến xin mời lên diễn đàn . . .

Ông đại diện Hà-Thanh giơ cao cả bàn tay xoè, ngăn lại, mặt ngoảnh về chủ toạ. Chủ toạ liền bảo :

— Yêu cầu ông đại diện Hà-Thanh tóm tắt ý kiến.

— Tôi xin tóm tắt. Xin thưa : thượng cấp cần để cho cán bộ cơ sở lên quan sát tình hình dinh điền, gặp lại những di dân đưa đi các năm trước để tìm hiểu cụ thể vấn đề. Như thế trước khi cán bộ bắt tay hô hào đợt mới.

Lại ồn ào. Thừa lúc diễn giả ngừng nói, chủ toạ lên tiếng :

— Có nhiều vị muốn phát biểu. Xin giơ tay. Chúng tôi ghi thứ tự . . . Vâng, chúng tôi xin ghi . . . Bây giờ ông đại diện xã Hà-Thanh đã phát biểu xong . . .

Ông này nhìn phản đối, giơ một bàn tay lên, nhưng nửa chừng hạ xuống, bỏ máy vi âm, trở về chỗ ngồi. Tiếng chủ toạ lại vang lên :

— Ông tỉnh trưởng muốn nói. Dạ, xin mời . . . Yêu cầu hội nghị giữ trật tự...

Một lúc sau, ông tỉnh trưởng đứng lên, tiến về phía diễn đàn, bước đi nhanh, lưng thẳng, người cứng nhắc. Đứng trước máy vi âm, ông quặt tay trái gát ra sau lưng, rồi bắt đầu :

— Về ý kiến của ông đại diện xã Tường-Mỹ, tôi hoàn toàn tán đồng ở điểm thứ nhất. Xin hội nghị ghi làm kinh nghiệm : cố gắng xây dựng một số di dân nòng cốt, nhờ họ rủ rê thêm. Về điểm thứ hai thì không chắc được thỏa mãn. Tôi xin nhắc lại ; ông đại diện Tường Mỹ yêu cầu cho mỗi xã một di dân từ dinh điền trở về giúp cán cán bộ vận động. Chắc chắn không thể được, bởi vì những di dân hiện ở Cao nguyên họ cũng đang bận làm mùa, không thể bỏ công bỏ việc của họ mà về đây giúp chúng ta đông đảo đến mức yêu cầu. Tỉnh ta có gần trăm xã, nếu mời cho được trăm người thì quá nhiều... Nhưng tỉnh sẽ thương lượng mời về mỗi quận năm ba người. (Ngừng lại một lát)

Còn về ý kiến ông đại diện xã Hà-Thanh... (Ông tỉnh trưởng bỗng nhoẻn cười, thân mật, ưu ái, coi thường. Rồi như hối hận rằng cái cười ấy đã hạ thấp ông đại diện xã xuống nhiều quá, diễn giả liền nói). Ý kiến xã Hà-Thanh rất đáng lưu ý. Ấy là một ý kiến hay. Tỉnh vẫn chủ trương như thế. Năm ngoái tỉnh đã đưa ba vị đại diện xã và mười vị thân hào, thân sĩ trong tỉnh lên Cao nguyên quan sát dinh điền, năm nay tỉnh cũng dự định tổ chức một chuyến đi như thế. Số thân hào năm nay sẽ giảm bớt xuống, số đại diện xã tăng lên. Có thể tới năm người chẳng hạn. Nhưng không thể nhiều quá. Chắc ai nấy đều đồng ý rằng các vị điều khiển xã không thể nào đồng loạt bỏ xã tất cả để đi Cao nguyên, nhất là vào lúc này. (Hội trường cười). Vậy thì năm vị, nhưng trong năm vị đó thế nào cũng có ông đại diện xã Hà-Thanh. (Hội trường cười. Diễn giả dừng lại, nhường mọi người cười trước, rồi thong thả cười theo). Những vị đại diện đó quan sát về sẽ trình bày lại cho các vị không đi được rõ những điều tai nghe mắt thấy. Ta sẽ tổ chức những cuộc họp từng quận để các vị ấy trình bày. Tôi mong giải pháp ấy được mọi người bằng lòng. Các vị đại biểu không tin ở giấy tờ tài liệu, không tin lời nói hay của cấp trên, không tin những lời cổ động hô hào, nhưng các vị chắc chắn là phải tin nhau chứ. (Ngừng lại, chờ in xuống tiếng xôn xao vừa nổi lên trong hội trường). Vả lại được những người như ông đại diện xã Hà-Thanh đi về thuật lại, làm sao mà không tin ? (Cười lắm ĩ. Ông đại diện Hà-Thanh đưa tay lên gãy nhẹ chót mũi, cảm thấy có nhiều người nhìn mình. Chợt ông ngoảnh mặt sang bên phải, chộp ngay tại trận ông chủ tịch phong trào xã Hà Mỹ đang cười. Hai người bạn nhìn nhau, bật cười, thẳng thắn, vui vẻ).

Ông tỉnh trưởng thình lình đổi sắc mặt, nghiêm trọng :

— Nói về những khuyết điểm trên Cao-Nguyên của những cán bộ tiếp cư. Cái đó thế nào cũng có, tất nhiên phải có. Nhưng đó không phải là lý do để mất tin ở chính sách, để phân vân, gieo rắc quanh mình sự hoang mang lương lự. Đó không phải là lý do để làm cho cán bộ vận động dưới này ngần ngại, chán nãn. Ai làm việc cũng có khuyết điểm. Nên biết rằng trong những kỳ họp ở tổng ủy, các ông vùng trưởng, địa điểm trưởng trên ấy họ cũng kêu ca phàn nàn chúng ta dữ lắm chứ phải không sao ? Họ kêu có nơi đưa người lên quá chậm, trễ mùa mưa, thành thử phải nuôi di dân suốt năm ăn rồi nằm không chờ mùa tới, có nơi đưa quá số, có nơi đưa thiếu số, có nơi chọn toàn những thành phần đàng điếm, chơi bời, bất mãn . . . Bên nào cũng có khuyết điểm, ra làm việc thì phải biết như vậy để khỏi thất vọng, chứ không phải biết để mà thất vọng. Nếu cán bộ trên Cao-Nguyên thấy dưới này chúng ta làm có chỗ không hết trách nhiệm, có chỗ sai, mà họ phản đối, bỏ việc ; hoặc giả nếu chúng ta ở dưới này nghe nói những chỗ sai của họ mà bất mãn, không tích cực thực hiện chính sách thì hỏng cả (Ngừng lại để thăm dò phản ứng) Không ! Chúng ta không bỏ qua những khuyết điểm của họ, những cái đó làm trở ngại công tác vận động di dân của chúng ta. Những trở ngại đó chúng ta phải nêu lên, trình lên thượng cấp, đòi hỏi sửa chữa, như là điều kiện thiết yếu để có thể tiến hành vận động có kết quả. (Ngoảnh về phía chủ tọa). Tôi yêu cầu hội nghị nêu và ghi lại những dư luận bất lợi trở ngại, cho công cuộc vận động này. Chúng ta sẽ chuyển lên cấp trên.

Ông tỉnh trưởng vừa mở hột nút áo vét-tông vừa trở về chỗ ngồi.

Một người thấp bé, đã già, đeo kính trắng, hai ba lần giơ tay, xin lên nói, giữa sự ồn ào của hội trường. Chủ tọa mời :

— Xin ông quận trưởng Hòa quý phát biểu.

Người thấp bé mừng rỡ, hớn hở chạy lên :

— Theo tôi, có ba kinh nghiệm đáng lưu ý Thứ nhất là vai trò của các vị lãnh đạo tôn giáo ở các địa phương : các cha sở, các nhà sư . . . Lời nói của các vị đó có ảnh hưởng hơn là lời của mọi cán bộ tuyên truyền. Năm ngoái, trong số thân hào, nhân sĩ được mời đi quan sát dinh điền không có vị linh mục hay hòa thượng nào. Thứ nhì là cán bộ phải tỏ ra gương mẫu. Dân họ thường nói với nhau : « À ! Dinh điền mà sướng thì cán bộ họ giành cho bà con thân thuộc họ đi hết, có đâu tới mình ». Bà con mình không đi thì mình có nói gì đồng bào họ cũng ngờ. Vậy trước khi vận động người ngoài phải vận động bà con mình cái đã... Không phải tôi nói để cười... Trong đợt di cư 57, lũ em lũ cháu tôi đi tất cả hai mươi đứa. Nếu ông đại diện nào cũng cho bà con mình đi trước thì dân họ sẽ tranh nhau mà đi . . . Tôi cam đoan... Thứ ba là vận động được người, phải cho lên đường đi ngay, đừng để chần chờ lâu ngày...

Người thấp bé vừa quay bước xuống, một người mặc quốc phục, áo dài đen còn lẵn ũi tươm tất, tóc hớt ca-rê, đứng bật lên, chạy tới máy vi âm :

— Xin tỉnh trưởng lưu ý cho điểm thứ ba của ông quận-trưởng Hòa-Quý. Kỳ năm ngoái có người tình nguyện di cư bán nhà bán ruộng hết, rồi ăn chờ tháng nay qua tháng nọ, mãi hết cả tiền vẫn chưa tới lượt đi. Gia đình đó kéo tới trụ sở hội đồng xã nằm vạ xin ăn. Chúng tôi khổ tới chết.

Hội trường xôn xao, vui vẻ. Diễn giả quay lại trả lời chủ tọa :

— Đại diện xã Tân-Uyên,

Diễn giả nghiêng mình, vươn tới trước, một ngón tay giơ lên chận ngang trước miệng, tỏ ý nói riêng với một người. Xong, vội vàng quay đi.

Chủ tọa tuyên bố lớn :

— Ông đại diện xã Tân-Uyên vừa cho ý kiến. Xin cám ơn. Ngoài ra, vị nào có kinh nghệm gì ngoài ý kiến của những vị đã nói, xin phát biểu.

Lại một người khác, không kịp giơ tay xin phép chủ tọa, đi thẳng tới bàn thuyết trình :

— Xin thưa. Từ trước tới nay phát huy chính nghĩa quốc gia : chúng tôi phát huy được ; tuyên truền rằng thế giới tự do lớn mạnh, cộng-sản sụp đổ. Cán bộ chúng tôi tuyên truyền được ; quả quyết quốc gia thắng, cộng-sản đang thảm bại. Chúng tôi quả quyết được. Được tất. Được lệnh bảo nói, chúng tôi họp đồng bào lại, nói, to nhỏ, thuyết phục, và chúng tôi trình lên là đồng bào tất thảy đều nghe theo chúng tôi. Cái đó đúng, vì làm sao họ không nghe được ? Nhưng lần này thì xin thú thiệt là chúng tôi gặp khó : họ nghe chưa đủ, họ phải tin. Tin đến cái độ sẵn sàng bỏ nhà, bỏ ruộng, bỏ mồ ông mả cha, bỏ quê hương làng mạc ra đi. À, cái đó cán bộ chúng tôi.. ít kết quả lắm. Để có thể tin như thế, dân họ không căn cứ ở lý luận, ở lời hay lẽ phải, họ căn cứ ở uy tín của người nói. Vì vậy, trong chuyện này, tôi có ý kiến xin tỉnh đừng quá trông cậy phó mặc công việc cho cán bộ tuyên truyền cơ sở. Xin để cho những cán bộ này phát huy chính nghĩa giải thích thế giới tự do lớn mạnh v v.., còn như mời đồng bào đi Cao nguyên làm ăn thì tôi xin ó ý kiến trước hết là mời ông tỉnh trưởng, đích thân ông tỉnh trưởng, rồi đến các vị phó tỉnh trưởng, rồi đến đích thân quí ông quận trưởng chịu khó đi tiếp xúc với đồng bào. Có lẽ quí vị cũng nói y như cán độ cơ sở nói, nhưng dân họ nghĩ : « Không lẽ ông tỉnh trưởng nói không thiệt ?» và họ tin hơn. Thứ đến, chúng tôi xin kêu gọi các vị lãnh đạo tôn giáo. Phải nài các vị ấy ra tay giúp đỡ chúng ta mới được...

Chủ tọa :

— Xin cảm ơn. Chúng ta vừa trở lại ý kiến ông quận trưởng Hòa quí. Hội nghị có ý kiến nào khác, xin yêu cầu phát biểu...

Diễn giả ngừng lại, bỡ ngỡ ; sự cố gắng vắt vả của mình vừa bị gạt đi một cách đáng tiếc. Nhìn thấy trong đám đông có nhiều bàn tay giơ lên, nhiều người xin nói, diễn giả níu máy vi âm lại, vội vã :

— Chúng tôi cũng xin tỉnh giải quyết cho vấn đề có nhiều di dân bỏ dinh điền trốn về, nói xấu chính sách. Đó là trở ngại số một. Đã nhiều lần chúng tôi trình lên mà chưa được giải quyết.

Diễn giả rời máy vi âm, trở về chỗ. Ông quận trưởng Hòa quí đón lại, kêu tên, giơ tay vẫy. Diễn giả đến bên cạnh, hớn hở, ông quận trưởng né mình, nhường một nửa ghế, kéo người kia ngồi xuống, quàng một tay lên vai; hai người nói, sôi nổi, rôi rít.

Ông tỉnh trưởng tươi cười đáp :

— Nếu chúng ta độc tài thì chuyện đó giải quyết mau : an trí, tù, là xong. Nhưng chúng ta nặng về giáo dục. Lâu nay chúng ta đã kiên trì xây dựng họ. Nếu họ vẫn xuyên tạc chính sách thì lần nầy các ông cứ mời thẳng họ về tỉnh. Tôi đã dự định mở một lớp học tập dài hạn cho hạng người đó.

Một người đứng lên, cao lêu nghêu, mặc côm-lê tuýt-xo, đeo kính trắng lấp lánh :

— Thưa tỉnh trưởng, em không sợ hạng người khó giải thích Nếu họ không hiểu thì em giải thích cho họ hiểu. Nhưng cái khó là họ hiểu hết rồi mà họ không chịu đi.

Hội trường phá lên cười. Người xưng em tiếp tục :

— Thưa tỉnh trưởng ở địa phương em, cứ gần tới kỳ vận động dinh điền là số người ấy trốn đi quận khác làm ăn; ít lâu, hết thời hạn di cư rồi, họ trở về Họ hiểu chính sách là tốt đẹp, họ cai lý không nói với em, nhưng họ không chịu đi. Thưa, nếu em dân chủ thì không vận động đủ số di dân ấn định ; mà em ép họ, họ kêu tới tỉnh, tỉnh lại khiển trách em.

Cả hội trường cười, ồn ào. Tiếng cười dứt, lại vẫn giọng nói của người xưng em tiếp tục :

— Thưa, tỉnh trưởng định lẽ nào...

Ông tỉnh trưởng nghiêng người về phía bác sĩ trưởng ty Y tế nói chuyện, chợt ngừng một chút xíu, lắng tai đón một câu nói của diễn giả, kín đáo, rồi vội vàng tiếp tục nói chuyện. Bác sĩ trưởng ty đáp lại, và ông tỉnh trưởng tỏ vẻ chăm chỉ, nhíu mày, gật đầu, rồi mỉm cười, cố gắng phô bày vẻ chăm chú. Ông tỉnh trưởng cố tỏ không quan tâm đến diễn giả,

Người xưng em dứt lời, Hội trường xôn xao một lúc lâu. Chủ tọa lần lượt nhìn xuống đám đông rồi nhìn về phía ông tỉnh trưởng, chờ đợi, phân vân, ngần ngại.

Ông tỉnh trưởng đứng lên, bước thoăn thoắt đến trước máy vi âm, ngẩng cao mặt, chờ tiếng ồn ào lắng xuống :

— Tỉnh biết sự khó khăn đó. Cấp trên không bao giờ cho phép ta bắt ép dân chúng. (Ngừng lại một lúc) Trước hết, anh em hãy tận lực vận động, giải thích, làm thế nào cho dân chúng chịu xung phong đi. Phải làm như vậy... (Ngừng lại. Trong phòng khó thở). Nhưng cuối cùng, hết cách giải thích, thì... chúng ta cũng phải dùng các cách khác mời họ đi cho được (Nổi lên cái gì như tiếng thở ra khoan khoái rất dài, tiếng thở tập thể của toàn hội trường. Như toàn thể vừa lật trúng lá bài chờ đợi đã lâu. Ông tỉnh trưởng đứng yên, chiếu xuống đám đông một cái nhìn ước lượng, cân nhắc, tính toán. Khi những lời bàn tán bắt đầu nhóm lên, thì ông ta liền lên tiếng, tiếp tục). Có điều chúng ta phải tuyệt đối vô tư. Ép người nào đó là vì cái lợi của người ấy, chứ không phải vì tư thù tư oán. Mình chọn trong làng trong xóm những người thực là nghèo túng, không ruộng đất của cải, rồi phân công cán bộ luân phiên nhau đến khuyên nhủ, mời họ, riêng từng người một. Cùng cực mới ép họ đi. Sau này họ sẽ biết ơn. Trái lại nếu trong thôn trong xã có những người khá giả, hoặc trung lưu, họ đang buôn bán, hoặc đang làm thợ, hoặc đang dự tính xin lập cái máy xay, dựng cái lò gạch... mà vì họ xung đột với ta hay là vì dự tính của họ đe dọa tới quyền lợi ta mà cán bộ chúng ta tống họ đi khỏi xã, đẩy họ lên cao nguyên, thì tức là chúng ta phá hoại chính sách đó. Tôi đặt hết tin tưởng vào quý vị quận trưởng, quý vị đại diện xã, vào các đoàn thể các ngành, các giới. Danh dự tỉnh ta v. v. . .

Không mấy người chú ý đến đoạn sau, ông Tỉnh trưởng kết thúc nhanh : mong hội nghị tiếp tục thảo luận kỹ càng, chúc hội nghị thành công, xin lỗi phải cáo biệt hội nghị vì bận công vụ.

Ông tỉnh trưởng vừa bước ra khỏi hội trường tiếng ồn nổi lên không thể dập tắt. Mọi người bàn cãi thảo luận riêng với nhau, cười hô hố tự do, chủ tọa sau vài lần kêu gọi trật tự bị thất bại đành tuyên bố nghỉ giải lao trong mười phút.

***

Ông Quận trưởng Hải-Mã vừa cho Nguyên biết chắc chắn anh rể của chàng lần này không thoát khỏi bị thải hồi. Ông ta phân trần : « Tôi đã nói nhiều lần. Tệ quá, anh ấy không nghe. Đã làm bậy rồi lại cứ giấu tôi cho đến đến lúc chót. Chuyện vỡ lở, tỉnh biết hết, làm thế nào được ».

Nguyên biết tin đó trước khi ông quận Hải-Mã nói. Một nhân viên văn phòng của ông ta mách cho chàng. Anh Khảo mất việc, chàng không quan tâm mấy. (Năm ngoái, trong dịp chọn dì dân đi dinh điền, chàng ngờ rằng

anh đã vơ vét trên vạn bạc. Năm nay chưa gì anh đã dậm dọa) Nhưng chỉ Lê hiện đang ở nhà chàng. Chị vừa đưa cháu Ngân vào chữa chiếc răng sâu ăn Chị chưa biết, chị không bao giờ biết gì về những điều quá quắc của anh Khảo.

Trưa nay chàng về nhà sẽ gặp chị Lê... Nguyên tưởng tượng, suy nghĩ. Cho đến khi ông cụ Phạm-Trọng-Trì đến bên cạnh, mời chàng một điếu thuốc. Chàng trở lại những ý nghĩ về Lộc . . .

. . Ông quận Hồi-Mã hít mạnh một khói cuối cùng rồi vứt mẩu thuốc ra đám cỏ ngoài hội trường. Một làn khói nhỏ bay lên. Mẩu thuốc lặn mất trong bụi cỏ lớn. Thình lình ông quận trưởng chợt nghĩ tơi người cán bộ ông mới gặp chiều hôm trước. Người đó cũng hút cho đến khi điếu thuốc chỉ còn một chút xíu mới vứt bỏ Những cử chỉ dè dặt, cẩn trọng, của người đàn ông bệnh tật gầy yếu ấy biểu lộ trong cách gạt rụng tàn thốc, những cử chỉ săn sóc đến điếu thuốc trong khi hút, săn sóc một cách điềm đạm, không vồ vập, thèm muốn. những cử chỉ ấy ám ảnh ông quận trưởng. Đó là một liên khu ủy ? một tỉnh ủy ? một chính trị viên tiểu đoan ? Bên chi công an còn ngờ vực, chưa biết rõ Ông đã bảo họ đưa thẳng lên ty, nhưng anh chi trưởng trình bày ly kỳ về người cán bộ mời bắt được, và nhiều lần tỏ ý muốn ông gặp mặt. Ông đến trại giam, không ngờ người ấy già đến thế. Già và rất là bình tĩnh, điềm đạm. Ông quận trưởng mời người ấy một điếu thuốc. Có lẽ đó là điếu thuốc đầu tiên sau nhiều ngày nhịn hút. Phong cách người cán bộ thực đứng đắn, giản dị, và vững vàng. Người ấy nói chuyện với ông thong thả, gần như thân mật, tuy không chịu tiết lộ gì về tổ chức và hoạt động của mình. Những điều người ấy nói về đời riêng, ông có cảm tưởng là thành thực : « Ông biết. Tôi không còn cái tâm trạng say mê nữa . . . Sức khỏe cũng ảnh hưởng... Nhưng ở xã hội bên này, tôi biết đi về đâu ? Để cho hết băn khoăn tôi chọn bên kia . . . đời mình ít ra có một mục đích...» Khi ông tỏ ý muốn có một cử chỉ tử tế, người ấy cười : « Ông cho tôi mượn ít sách. Tôi có cái thói quen hay đọc từ hồi nhỏ nằm không buồn quá. Thứ gì cũng được : kiếm hiệp, truyền kỳ, trinh thám . . . Mấy hôm nay tôi được ông bạn cùng phòng này cho mượn cuốn kinh nhật tụng . . . » Người ấy sụp mắt ngó xuống theo dõi ngón tay út của mình ngo ngoe gạt chút tàn thuốc. Người cán bộ biết rõ với tuổi tác, với tình trạng sức khỏe của mình, vụ sa lưới pháp luật lần này sẽ kết thúc cuộc đời... Một mớ sách nhảm, chút khói thuốc, những đòi hỏi ít oi ấy ám ảnh ông quận tưởng Hồi-Mã như sự tàn lụi điềm tĩnh một của kiếp sống. Một tập hồ sơ dày, những lời đồn đại về một đời hoạt động ly kỳ... và sự thực đơn giản của một đời người. Ông quận trưởng Hồi Mã nghĩ đến con số năm trăm dì dân chia cho phần mình, đến những loại hường sẽ gởi mua... Rồi hình ảnh người cán bộ đối phương thưởng thức tiến thuốc lại trở về ám ảnh ông...

...Một nhóm bốn ông đại diện xã (đại diện xã Tân-Uyên đứng giữa, chủ động) và hai ông chủ tịch phong trào, tiếp tục cãi nhau về những vấn

đề đã nêu lên trong cuộc hội nghị. Xã Tân-Uyên vẫn nhất quyết vận động di dân không khéo bằng việc giữ chân họ cho đến ngày lên đường. Cần nhất là tỉnh phải định một ngày lên đường và phải giữ chắc lời hứa. Ai lại để xảy ra trường hợp có người bán hết gia sản trong đợt di dân năm trước mà lật bật thế nào trễ mãi đến năm sau mới được đi !

...Phó trưởng ty Công-Chánh nghĩ đến đứa con gái gầy mặc cái váy đầm màn đen, áo cổ rộng, ló xương lưỡi hái, đứng trên lề đường ban sáng. Nó là một đứa học trò mười lăm mười sáu tuổi, một tay xách cặp Thân hình con gái của nó chưa nẩy nở : chân tay dài ngẵng, ngực mới nhú Khi chiếc Land Rover của ty công chánh lướt ngang qua mặt nó thì con bé đang kiễng chân lên, vươn dài người tới trước một tay nó bóp chặt môi dưới và huýt lên một tiếng, như tiếng còi cảnh binh. Nó buông tay, rùn cổ lại, trưởng ty Công Chánh là một kỹ sư trẻ mới ra trường. Ánh mắt nghịch ngợm vui sướng, cử chỉ hồn nhiên của đứa con gái, bắt gặt bất ngờ một buổi sáng, kích thích người công chức trẻ rất mạnh. Viên kỹ sư nghĩ đến đàn én năm nọ trên nóc chợ Chợ-Lớn, hồi mình còn đi học. Trong nhiều tháng trời — hồi đó — chàng lẫn lộn giữa những ồn ào của thành phố, giữa xi-măng, nhựa đường, vôi, sắt v.v... của thành phố ; bỗng một buổi chiều đi ngang qua Chợ-Lớn, chàng chợt nghe tiếng kêu ríu rít, ngẩng đầu lên, và bàng hoàng trước cảnh hàng vạn con én bay tán loạn trên nền trời, xung quanh nóc chợ Có những tiếng kêu, những quang cảnh, nó lôi ta tách ra tạm thời khỏi cuộc sống đều đận hàng ngày. Và khiến ta ngẩn ngơ khi phải quay về khuôn khổ. Người phó trưởng ty tiếc hôm nay mình không được đi ra công trường ở đèo Ô-Cuộc hội họp thực dài dòng, bực bội...

∴

Buổi chiều, hội trường vơi mất gần nửa. Các ông ty rrưởng, và cả những ông quận trưởng cũng đều vắng mặt (thư ký trưởng đi thay thế).

Thuyết trình viên mang kính cận thị, ngồi nói dài dòng như trong quán giải khát :

— Yêu cầu đừng chọn những người trai trẻ độc thân. Những phần tử đó đi đến nơi, chiều chiều chải tóc đi dạo, trai gái mèo mỡ, ba bốn tháng sau chán rồi trở về. Họ không chịu cảnh buồn ở chỗ núi non. Về tới làng, quay ra xuyên tạc chủ trương chánh sách.

Yêu cầu các xã đừng chọn đàn bà nhiều con dại. Xin các vị cứ cười. Nhưng đàn bà quá nhiều con thì đừng nên mời. Năm ngoái có danh sách gia đình mười hai người : một bà góa và mười một đứa con, đứa lớn nhất mười ba tuổi, đứa nhỏ nhất mới bảy

tháng... Vâng, vâng... đàn bà như thế «sản xuất » nhanh, nhưng không thể tham gia sản xuất được.

Yêu cầu quí ngài đừng chọn những người không biết làm ruộng. Năm ngoái có xã không vận động được đủ số, gần tới ngày mãn hạn kỳ vội vàng giới thiệu bậy một số tiểu thương và năm anh thợ hớt tóc, lên tới đó hai tháng, không còn đủ đầu tóc để hớt nữa, bỏn anh trốn về. Xin quí vị cứ cười, nhưng bốn anh thợ hớt tóc vẫn còn đó, sẵn sàng để đi chơi xa một chuyến khỏi tiền xe, xin đừng có xã nào mời họ lần nữa.

Thưa .. đây cũng là một vấn đề quan trọng, yêu cầu chú ý cho : xin lập danh sách di dân đúng theo thể kiểm tra. Và đặc biệt là cán bộ nhớ nhắc lại cho mỗi người biết tên mình. Năm ngoái — năm ngoái, lúc nào cũng nhắc tới năm ngoái biết làm sao được : lịch sử dinh điền ngắn ngủi có thể, mới có vài năm, Năm ngoái địa điểm trưởng kêu tên ông Nguyễn-Văn-Kỳ mười lần, ông ta không thưa. Tìm kiếm ngót mười lăm phút: Rốt cuộc có người chợt nhớ ra đập vai ông ta, nói : « Kìa ! họ kêu tên bác, Kỳ là tên bác đó, sao không thưa ? » Ấy là vì ở trong làng thường gọi nhau bằng tên con.

Thưa . . . lại còn như thế này nữa. Năm ngoái, vâng lại năm ngoái, có một chuyến đi định khởi hành vào năm giờ rưỡi sáng. Mọi người lên xe rồi đếm lại dư hai người : đáng lẽ đoàn có 507 người mà thành ra 509, Soát lại lần nữa : còn 506 người. Thưa, dễ đâu ? người ngồi chèn chúc trên mười một chiếc xe, trời lờ mờ tối, đếm sao khỏi lộn một vài người. Lúc đó đã sáu giờ rưỡi. Trời mưa như trút. Cán bộ đội tơ đội nón chạy lui chạy tới đếm kỹ lần nữa : lại 509 ! Đành phải lấy danh sách ra kêu tên từng người một. Bấy giờ mới lòi ra hai người. Té ra là hai đồng bào nhà ở gần trại tạm trú thấy sẵn có xe chở di dân nhân tiện muốn quá giang một chuyến lên An-Khê chơi ! Đoàn xe hôm đó khởi hành tám giờ rưỡi, trễ ba giờ Yêu cầu quý vị năm nay kiểm soát thật chặt chẽ đoàn nào tự kiểm soát đoàn nấy, trưởng đoàn chịu trách nhiệm rõ ràng.

Thưa . . .

Thỉnh thoảng thuyết trình viên dừng lại chờ cho tiếng ồn ào dịu lắng xuống rồi lại tiếp tục. Y như một người đi đường nhẫn nại nhường nhịn đám người chen lấn vượt qua mình.

Khi ngừng nói, thuyết trình viên ngẩng cao, nhìn về xa. Nhưng mắt kém, ông ta không trông thấy đến cuối phòng.

Hội trường tản mác thưa thớt dần.

***

Nguyên nghĩ đếm Lộc.

Hay nhất là cái lúc nàng ngước mắt lên. Lâu lắm nàng mới ngước mắt lên một lần. Trong công sở xung quanh nàng toàn là nhân viên đàn ông, chỉ có nàng và một nữ thư ký đánh máy đã có tuổi. Nàng cúi mặt xuống giấy tờ, yên lặng, hàng giờ, tính toán giữ gìn từng cử động. Lâu, nàng mới đứng lên, đi sang bàn người nữ thư ký, hoặc ngước mắt lên một chút, nghỉ ngơi. Và đó là lúc trông nàng hay nhất.

Thoạt mới ngẩng lên, mắt nàng hơi có một chút ngơ ngác, hướng thẳng về trước, không biểu thị, «vô ngã». Rồi nàng rút chân ra, né tránh chân bàn, bỏ ra phía ngoài, đứng lên, đi, lững đững, chậm rãi. Cử chỉ uể oải, buồn buồn. Cử chỉ như đượm giấc ngủ, mềm, ấm áp.

Nguyên không thể nào không kín đáo theo dõi nàng những lúc ấy. Cái giấc ngủ nặng nề ngấm đầy cơ thể nàng lúc ấy, chính là cái cảm tưởng của kẻ biết mình bị chú ý ; và không hề thờ ơ đối với sự chú ý đó. Đó chính là sự xúc cảm, là cái nết đa tình của nàng. Đa tình một cách hết sức đoan trang, nghiêm chỉnh, đến nỗi trông như là lạnh lạt, uể oải, mỏi mệt, chán ngán.

Nguyên quả quyết : nếu nàng không đa tình, nàng sẽ.. nhanh nhẹn, mau mắn hơn ! nghĩa là nàng sẽ giản dị, tự nhiên hơn. Mỗi cử chỉ của nàng sẽ không cân nhắc như thế, do đó nó sẽ không có cái vẻ hệ trọng đến thế. Nàng sẽ không có cái vẻ thường xuyên tắm mình trong một cơn ngủ như thế. Mọi cử động của nàng có cái chậm chạp như thể là nhúng, là giầm mình trong một giấc chiêm bao triền miên, — cái chậm chạp của nhánh rong ngo ngoe mềm mại dưới đáy nước

Giấc ngủ ? Không. Đó là sự chú ý của người chung quanh. Sự chú ý đó, cái ý thức của nàng về sự chú ý đó tạo nên một bầu không khí đặc biệt vây lấy nàng, hãm chậm lại mọi cử chỉ, hoạt động của nàng. (Nó hãm chậm lại cả một động tác nhỏ nhặt, tỉ dụ khi mí mắt của nàng mở rộng để ngước mắt lên). Cả khối thể xác của nàng ẩn trong bầu không khí ấy, thành ra một khối cảm xúc, rất dễ thương tổn. Sự cẩn trọng của nàng làm cho ta thấy rằng thân thể nàng là cái gì vô cùng mong manh, hết sức dễ thương tổn. Một cái nhìn xoi bói có thể làm tổn thương đến nó... Thế mà, Nguyên không sao không nhìn, không theo dõi được.

Tháng sau Nguyên lại phải đi. Chàng sẽ không còn ngồi cùng một phòng với nàng nữa. Sau đợt đưa di dân năm nay, trở về, chắc gì chàng lại trở về phòng cũ ? chắc gì Lộc còn ở phòng cũ ?

Những khi nghĩ ngợi, chàng có thói cắn móng tay.

(trích Vỡ đầu)

VÕ PHIẾN

Thanh-Tâm-Tuyền

TRUYỆN DÀI

CÁT LẦY

PHAN THỨ NHẤT

I

Sự cô đơn của buổi chiều tỉnh nhỏ nổi trên gác phố. Ánh nắng như một đốm lửa bất động, sáng không chói (ngọn lửa đam mê yếu ớt) che mặt tiền dãy nhà chật kín cửa ; dãy nhà này trước kia là phòng ngủ, mỗi căn đều có hàng rào gạch ra tới sát lề đường vây lấy miếng sân xi-măng. Một mảng tường hông của căn nhà đầu dãy phố chính, cắt thẳng góc với phố này, khuất tối hoen ố rêu phong của những mùa mưa cũ, viền một bên đường (Bích chương quảng cáo, khẩu hiệu tuyên truyền chồng chất lem luốc). Cổng chào giấy phết dựng một lần không tháo gỡ dùng cho mọi dịp lễ — màu nâu xỉn và màu vàng kim nhũ bay hết óng ánh như một niềm vui quen lạnh nhạt — quay lưng với vùng nắng trước nhà việc thị xã trông xuống vườn bông trên phố chính dẫn tới chợ, bến xe, bến sông. Sự vật đột hiện trong hình thù biệt lập như một bộ mặt nhăn nhó. Hiện tại trở nên xa mút như một nhịp cười. Cùng lúc sức hút đè nén của vật thể và sức đẩy tách lìa bớ vơ trong chân không chống chỏi nhau và thần trí rạn nứt, thụ động, rã rời như một lớp tường cũ kỹ bỗng dưng xụp đổ.

Trời dần dần dịu, rớt xuống lượn lờ như một tấm khăn choàng mỏng trong gió. Cảnh vật khép lại, trời lên. Buổi chiều này từ những ngày nào trôi dạt về trong thoáng chốc như dấu tích mông lung. Trên khu đồi xa, đường

cây cao um tùm, vọng tiếng reo hò của trẻ nhỏ. Kèn xe hơi bị kẹt thốt kêu không dứt. Một tiếng gọi giọng kim sắc gọn tan trong thinh không.

Con đường đất dốc thoải, cứng sạn, nối con lộ chính dẫn vào chợ và quốc lộ bọc vòng ngoài châu thành đưa tới cao nguyên. Dãy nhà dài chừng mươi căn, căn cuối cùng nằm bên bờ đường lở của quốc lộ -- những góc đá xanh tròn nhẵn — nhìn sang một khu vườn chuối rậm, cách đường một con mương um cỏ sũng nước. Căn nhà ấy Hiệp và Thuận đã ở. Tôi đứng nhìn. Hai cánh cửa gỗ khóa trái, đóng chặt. Những khe hở cúp xuống, như những mi mắt đã khép. Thuận đã chết. Không còn ai ở, có lẽ không còn ai dám đến ở. Cửa sẽ đóng vĩnh viễn.

Hồi chiến tranh một gia đình cũng đã tự sát trong nhà ấy. Gia đình này từ Sàigòn tạm lánh lên tỉnh gồm hai vợ chồng, cùng bốn đứa con. Người chồng xếp đặt chốn ở cho vợ con yên ổn, bỏ chạy xa hơn nữa vào chiến khu. Một bữa lén về thăm nhà, người chồng bắt gặp vợ ngoại tình chém vợ sáu dao, lấy giây siết cổ bốn đứa con trước khi đâm cổ tự vẫn. Nhà bỏ hoang một thời. Viên Trưởng Ty Công An của tỉnh thời bấy giờ mua được căn nhà với giá rẻ. Không rõ vì cảm tình đặc biệt hay có mối liên hệ nào, viên Trưởng Ty Công An cho một người đàn ông miền Bắc, bị đưa về tỉnh an trí vì hành vi chính trị, tới ở, phái thêm một nhân viên thuộc hạ, vừa làm chân giúp việc vừa có phận sự canh chừng người bị giữ. Người đàn ông này ít người thấy mặt, ông ta không khi nào xuất hiện, chỉ quanh quẩn ở phòng trong ; hàng xóm cũng không hề nghe lọt tiếng ông. Lâu lâu viên Trưởng Ty Công An sau giờ làm việc hay buổi tối rảnh rỗi, ghé thăm người bị giữ chuyện trò ; người ta chỉ nghe tiếng nói ồm ồm của y, tuyệt nhiên không thấy tiếng đáp lại và có cảm tưởng như y đang nói với hồn ma nào đó. Một buổi sáng (buổi mai non như vết thương mới nguyên), nhân viên có phận sự canh chừng phát giác người đàn ông tự tử cùng với người đàn bà đến thăm ông tối hôm trước do viên Trưởng Ty đưa lại. Hồi đó người bị giữ đã ở được cả năm yên lặng, không chuyện gì xảy ra, nên nhân viên lo việc canh giữ ỷ y, tối bữa trước bỏ đi xem cải lương rồi về ngủ với mèo bỏ mặc người đàn ông và người đàn bà được tự do. Hai người dùng lưỡi dao cạo cắt mạch máu cổ tay và khi nhân viên canh giữ trở về họ đã chết lâu. Người đàn bà trẻ đẹp mặc áo trắng — vài người kể cận nom thoáng thấy, lúc từ xe díp của viên Trưởng Ty Công An bước xuống, có lẽ là tình nhân của người bị giữ tận ngoài Hà Nội tìm vào Do vụ này viên Trưởng Ty Công An phải đổi khỏi tỉnh, bán rẻ căn nhà cho má Diệp, Nhà khóa cửa bỏ trống cho tới hồi di cư Hiệp và Thuận đến mướn.

Chị Thuận. Chị Thuận. Trí đây. Sau cánh cửa kia là cõi chết, tôi không bước vào được. Tôi đứng ngoài, dán mình vào tường, ướt như

chuột, trong đêm mưa giông tháng mười. Hai tay tôi đọng thình thình vào cửa sổ, lay khắp mọi cánh, kêu gọi tuyệt vọng : Chi Thuận, chị Thuận Ba bốn giờ sáng, mưa tạt trôi tiếng gào của tôi. Ngay phút ấy tôi chưa hay biết gì hết, tôi chỉ nhập vào sự sợ hãi tăng dần thành kinh hoảng do tưởng tượng dồn đẩy, tôi không ngờ Thuận ôm ghì cái chết quằn quại với biết bao nhiệu đồng lõa. Chị Thuận, chị Thuận. Cửa không mở, không khi nào mở nữa. Nó khép lại những gì tôi muốn nhìn. Không còn ai sau đó. Hiệp, Thuận và Diệp. Tôi trông từ xa mái ngói nâu xuôi dốc thản nhiên như một khoát tay không nghỉ. Trong thời gian Hiệp và Thuận trú ngụ, cửa ngoài cũng ít mở. Trong ngày một lúc vào buổi sáng, người qua đường có thể nhìn thấy Hiệp ngồi uống trà, hút thuốc lá, đợi giờ đến trường nơi bàn tiếp khách giữa nhà ; một lúc buổi chiều mát Thuận hé cửa đón thêm ánh sáng để làm việc. Nàng ngồi trước bàn máy may bên cửa vào buồng trong, dang nhìn nghiêng im mỏng. Mỗi lần từ Sài gòn về ghé thăm, tôi ngập ngừng trước thềm, ngại sẽ khua động vào sự trống trải. Hiệp và Thuận có hay vắng mặt, nhà không ghi một dấu tích. Ngó qua cửa sổ thấy tường vôi trần không tranh ảnh trừ một tấm lịch sơn màu đỏ thẫm chỗ bàn máy (một nhánh lau gẫy mầu vàng không nền, bóng, trơ vơ); đồ đạc gọn ghẽ, giản dị : bàn ghế mộc, máy may với chiếc ghế đẩu, cái ghế bố vải xanh dựng bên vách. Căn nhà như vẫn không thuộc về ai, lần nào vào tôi cũng cảm tưởng đứng ngoài vòng thân cận của sự vật. Tôi ngồi trên những cái ghế nhẵn trơn, mặt và lưng ghế dốc cong, tay tựa cứng uốn lượn rõ rệt, ngó mặt bàn tròn nổi vân, những mảnh tường xanh, khuôn mặt, dáng dấp, cử chỉ của chủ nhân, ngó mãi và gặp toàn ảo giác. Hiệp và Thuận lẩn khuất bên nhau giữa sự lặng lẽ đắm chìm như những sự vật được bỏ không, ngăn nắp, sạch sẽ. Ngoài đường hiếm xe cộ qua lại, lâu lâu một chiếc thổ mộ lọc xọc leo hoặc đổ khúc dốc ngắn trước nhà.

Thuận chết ở buồng trong. Nơi đó tôi chưa một lần đặt chân tới. Tấm màn vải hoa, những chùm cúc vàng nhạt, buông rũ che khuôn cửa. Tôi thường tưởng tượng, và nghĩ chắc đúng, nơi chốn riêng biệt của Hiệp và Thuận. Giường rộng nệm phẳng như không có người nằm, bàn viết lớn nặng khó xê dịch, cái tủ đứng không gương soi (tại sao không gương soi ?) và những khoảng trống thừa dành cho hai người di chuyển không vấp phải nhau. Một cửa sổ mở ra sân, nhìn lên khoảng trời với đỉnh cây rậm như rừng, hàng cây trên con phố thuộc khu đồi sau lưng nhà. Sân hẹp và sạch không bể chứa nước, chỉ có một chiếc « phuy » đen trát hắc ín cao ngang tầm ngực (Thuận phải kiễng gót cúi mình múc nước, mái tóc trễ lệch một bên những đêm mùa hè sáng) bên mấy chiếc thùng thiếc mỏng xếp hàng đều đặn. Một buổi chiều mưa lớn tôi đã được bỏ ngồi ngoài bàn khách một mình trong khi Hiệp và Thuận vào nhà hứng nước. Cái máng xối di động hắt nước ầm ầm xuống đáy thùng mỏng. Vào những tối mùa khô, Hiệp và Thuận

xếp thùng trên chiếc xe gỗ bánh sắt, tự tay đẩy xe đến nhà ông Pháp chuyên nước về dùng.

Con đò quay ngang mũi rời bến chợ. Vào đầu mùa trái cây, thuyền san sát trên bờ, chất đống những càng xế măng cụt, sầu riêng, chôm chôm, mít.. Chiếc xuồng bảy lá rộng thênh với hai người qua sông — một thanh niên dắt theo chiếc xe may mới gắn đèn lớn nhỏ cổ dài trên tay lái và tôi quay mũi về phía quán nổi. Quán cây, rào lan can thưa trông đủ bốn mặt, những nhịp hình chữ nhật với hình chéo góc, các bàn trải vải ny lông xanh đỏ chưa có khách, bốn mảnh mái chụm vào nhau trên đỉnh. Buổi chiều đã nhẹ lắm sắp sửa tan nhanh. Từ thành lính trên dọi đất, sông toả vòng, vang hồ kèn đồng rời rạc, khúc âm thanh vàng xỉn như nắng. Đường dọc bờ sông cây thẳng tắp đuổi ra ngoài châu thành, vượt khỏi cây cầu ngắn trên một lạch nước cạn mặt nhựa hóa thành đất bụi đỏ, nằm dưới chân đồi um tùm cất các công thự trong tỉnh. Toà tỉnh trưởng đứng trên cao ngó xuống qua các cây và đường vòng. Bên, sông lấn sau hàng dừa nước chi chít, nhấp nhô chuyển động chiếc xe đò muộn trên con đường liên quận.

Sông lớn hiền lành — không còn vẻ hoang vu sắc bén trong những trưa ngút nắng đứng đợi đò, mặt nước chói như tấm gương lớn, bờ lở m chỏm tràn lấn những bụi ô rô dầng dặc như điệu « ví dầu, hò ơ » của má tôi ru đứa cháu ngoại để hoang trong trái bếp. Không còn là nỗi sợ hãi trong đêm giông, nằm một mình nhà trên, kê cửa sổ, thân thể lột truồng, cuốn trong mền và giấc ngủ xao xuyến đàu đâu ; nghe gió từ cuối sông trở ngược thổi băng qua đồng trống, đập các tầu lá dừa, đám cây ngoài vườn, cùng tiếng nước ào ào miên man, tưởng như sông chảy siết biến dạng, muốn lụt ngập trôi phăng cả một vùng vườn tược nhà cửa. Cảm giác tiêu tan trong giông cuồng bạo của tạo vật, cơn dục trơ trọi đốt cứng thân xác. Mai sáng trở dậy, nhà sạch ẩm cũ, đất cát mềm đi, lá cây rũ nước, nước tuôn đầy bốn phía, trong các mương lạch. Thầu xa lạ như trời nhờ nhờ đục khói trên đồng ướt sũng. Tôi thả tay xuống nước, ngập đến cườm tay — sức nước chảy ngược, tách rẽ những ngón tay. Tuổi trẻ trôi mất như dòng nước nhờn luồn qua các kẽ ngách, chỉ để lại cảm giác ẩm và chìu nặng. Tuổi trẻ ở lại khuất sau cái chết của Thuận, cái chết của Diệp, và cơn mù mịt của thần trí (một vùng nín thinh tuyệt đối) từ đó tôi bị thảy trả lại ôm theo sự tĩnh mịch khuya khoắt.

Bóng tối đang bôi nhòa cảnh vật trên bờ sắp tới, dìm dần nó xuống thấp ngang với mặt nước. Tôi vẫn còn đang ở giữa sông. Tiếng mái chèo tạt nước ì ụp. Người thanh niên bấm vài tiếng chuông xe máy nghe kêu chơi. Sau những ngọn cây đang nhỏ dần, điện châu thành thắp lên từng chập đẩy xa

thêm những phố tối dưới chân đồi. Khu chợ nhấp nháy đèn khí của những xe quán. Những ánh điện lưng chừng ngọn cây, quay mặt vào phố, sẽ sáng dần mãi lên rồi từ từ nhạt bớt theo đêm và lênh đênh. Đêm nào, tôi tông cửa chạy cuồng dưới mưa trong sức thôi thúc vô phương hướng. Trên đường đất trơn trượt men theo lạch nước chảy qua nhà, không khí no hơi xình lầy, những giọt nước như roi quất vào mặt, tôi chỉ còn là những vung vẩy của tứ chi và hơi thở dồn đứt. Tôi nhảy xuống nước lội. Không phải con sông này, hiện giờ mặt nước lặng và nghiêng sánh. Con sông kia như một vòng tay lạnh lẽo, dữ tợn choàng siết lấy mặt mũi tôi với sức mạnh tàn bạo của trí nhớ ấu thơ. Lội khỏi bờ vài mươi thước, tôi thả ngửa, hớp những đám mưa phủ xuống mặt như bàn tay mỏng ấm. Mày là Trí, mày là Trí. Mày không điên đâu Tôi không thể nào điên được thì đúng hơn. Trở lên bờ, nghe tiếng má tôi và chị Hai kêu hò sau đám mưa kín như lưới khít, những khoảng vườn xa, dưới nền trời nhợt nhạt như sắp rạng ; chạy về núp trong lỗ chó ngoài rào.

— Mấy người vô trong cho tôi vô. Lạnh quá rồi.

— Mày đâu, Trí ?

— Chuyện chi vậy Trí ? Con sao đó Trí ?

— Tôi ra ngoài sông tắm. Má khỏi lo, tôi không điên đâu. Để cho tôi ngủ.

— Ra sông tắm giờ này ? Trời đất ôi. Xức dầu đi con.

— Má liệng đó cho tôi. Tôi ở truồng mà.

Tôi co quắp ôm lấy mình trong mền, tứ chi bải hoải. Mùi dầu cay nồng làm ứa nước mắt, nỗi hư không ghì siết, vây bọc. Mưa mỗi lúc thêm dữ. Con sông lại xô trườn ngoài xa, tuôn vào giấc ngủ.

Con đò vẫn trôi chậm, xuôi theo giòng chênh chếch. Người đàn ông lái thuyền thân ngả trên nền xám nhạt của khoảng không, đưa đẩy theo nhịp chèo. Người thanh niên đứng giữa lòng thuyền, chốc chốc lại bấm chuông, và lắng tai nghe Tôi ngồi đầu mũi thuyền, cầm ống lon méo mó múc nước trong sạp thuyền trút ra sông.

Tôi bước lên bờ, dẫm chân trên những miếng đá lún ngập dưới sình Người bạn đồng hành lên trước. vá chiếc xe máy trên vai đã đặt xuống đất Hắn thót lên yên, chiếc xe loạng choạng chao nghiêng, hai chân dung đưa tìm bàn đạp. Hắn lấy được thăng bằng, đạp chạy tới trong đường vào xóm giữa những bụi cây, hàng dừa bên lạch, vườn tược làm đặc bóng tối loãng nhạt từ ngoài đồng lùa vào và giữa mùi hương nồng pha trộn của hoa cỏ bùn đất. Tiếng chuông xe rối rít, bình điện quay xè xè theo vòng bánh, giây

sên nhấn trên mấu răng cưa, ổ líp bỏ lơi, tắt dần sau lối quanh. Tôi đang trên con đường về nhà, không ai trong thấy tôi. Gà đã lên chuồng, chỉ còn nghe những tiếng lục cục trong ức và ổ rơm lạo xạo. Những con chó rút vào phía trong rào cất tiếng sủa. Những ánh đèn dầu tù mù như tiếng nói động trong các nhà. Tôi nghĩ con đường này không dẫn tôi trở về quá khứ, tôi không về, tôi lại đi ngang qua thêm một lần nữa trong đời, lần chót.

Đẩy cánh cửa rào, đi trên những viên gạch vuông xếp lối hàng một, qua sân trước — mùi dạ hương, bóng những chậu kiểng, tàn trứng cá, cây ổi thưa cành, cây mận, cây điều lá rậm — tôi bước lên thềm. Mái ngói thấp xuống đằng sau lưng. Tôi dừng lại nơi ngưỡng cửa, thanh gỗ chắn ngang đụng ống quyển. Tôi từ cõi chết trở về và tôi đã về đến nhà. Ánh đèn le lói dưới nhà ngang, trên nhà im vắng. Tôi gõ nhẹ mấy tiếng lên cửa. Vệt sáng trên thềm sau lung lay, chuyển động. Ngọn đèn giơ cao xuất hiện trong khung cửa tỏa ánh sáng về trước, đẩy lui khuôn mặt của má tôi vào bóng mờ.

— Ai ngoài đó ?

Giọng nói run rẩy như ngọn sáng lung linh. Tôi cố gắng thốt : Con, Trí đây má. Cánh cửa mở, tiếng động khô kéo dài. Tôi nheo mắt vì ngọn đèn soi lên ngang tầm mặt.

— Ủa, con. Trí.

Má tôi né seng bên nhường lối. Bà nói lắp bắp : Con, Trí, con ở đâu về tới ? Tôi bước vô, đi vào quãng trống nằm trong bốn cây cột giữa nhà. Và tôi đứng trơ, không nói cũng không nghĩ. Má tôi đặt cây đèn xuống bộ ván bên cửa và bà ngồi ngay xuống nức nở. Ngày trước khi cha tôi chết, tôi bảo : thôi má đừng khóc nữa, má tôi nín ngay lúc đó. Bộ ván má tôi ngồi cập kênh, ngựa đặt trên mấy miếng gạch bể, nơi ấy xưa là chỗ nghỉ của bà và chị Lệ. Trong góc chéo đối diện với bộ ván là khu vực riêng của tôi. Giường sắt hẹp một người, cọc mùng cao lênh khênh. Bàn học, sách vở vẫn xếp thành chồng gọn gàng hơn trước. Ngoài cửa sổ, cây vú sữa lá dầy. Những vật ấy thuộc về tôi, không chút xê xích thay đổi trong khi tôi vắng mặt. Giả thử tôi đã chết hoặc mai kia tôi sẽ chết, sự hiện diện của tôi vẫn còn đó. Tôi đã tạo dựng được nó giữa những người thân, bằng độc đoán, tàn nhẫn và hung hăng. Những sự vật ấy vững mạnh vô lối như cuộc hiện hữu còn đồ của tôi. Bên bộ ván, trên cái tủ gỗ sơn đen chắc chắn đựng quần áo, vật dụng hàng ngày, đặt bàn thờ cha tôi. Phần đất của tôi từ cửa sổ đến cửa ngoài, không đồ đạc, chỉ trơ hai chiếc băng dài đặt sát vách không dùng đến. Không ai đi qua cửa trước, qua giàn trên này, trong mấy năm gần đây, trừ tôi. Khách tới thăm má tôi hay chị Lệ đều đi vòng theo lối ngoài vườn để vào nhà ngang. Tôi sống

biệt lập nghênh ngang và vây kín thế giới của mình trong vòng cô đơn dữ dội.

— Chị hai đâu má ?

— Nó bồng con xuống xóm Đình.

Tôi tới ngồi trên giường của tôi. Má tôi đưa cánh tay áo quệt nước mắt. Bà đi gài cửa lại, bỏ xuống nhà dưới. Cây đèn vẫn để yên trên bộ ván, ngọn sáng chốc chốc lại phựt lên nhún nhảy. Lát sau bà trở lên, mở tủ kiếm mùng mền xếp lại dưới chân giường cho tôi.

— Con ăn cơm chưa ?

Bà lén ngó tôi, hơi lùi về sau, chờ phản ứng quen thuộc của tôi : Cơn nóng nảy thình lình phát ra những tiếng la ngắn, những câu đáp cộc lốc. Tôi chỉ nhíu mày rồi lại mỉm cười. Bà ngạc nhiên, vịn vào thành giường. Bóng của bà mờ mờ ở sát ranh giới của thị trường, không còn đè nặng như ngày trước.

— Con về ở luôn nhà há ?

Bà lại bắt đầu nói, run rẩy cảm động. Rồi câu chuyện cứ ngắt quãng trong nức nở. Tôi tan hoãng dần vào trong bầu không khí thân thuộc chốn cũ. Bà tưởng không bao giờ bà còn gặp lại được tôi, Khi bà hay tin dữ, vội vàng cùng chị Lệ lên tìm tôi. Tôi đã ra khỏi bệnh viện và biệt tích.

— Không ai rõ con đi đâu ?

— Con ở dưới Saigon.

— Tại sao con không về nhà, không báo tin về nhà ?

Tôi không trả lời được. Sự thật tôi cũng không thiết nhớ những ngày ấy tôi đã làm gì, tôi đi đâu. Cái chết hụt bỏi trắng một quãng ngày tháng. Lúc ấy tôi chỉ còn tôi, một cõi hư vô rung động. Dường như tôi có được đưa vào bệnh viện Chợ Quán, chữa bệnh thần kinh. Mày không điên nổi, nếu mày điên mày sung sướng biết mấy. Tôi trở về tỉnh để thấy trên các sự vật chiếu lại những hình ảnh của tôi, những hình ảnh khó mà rũ bỏ. Tôi chú mục vào bức hình bán thân của Thuận lồng khung còn nguyên vị trên một chồng sách. Người đàn bà ấy đang nhìn thẳng và xa như muốn bắt gặp những vật khuất ở sau lưng kẻ đối diện. Mái tóc đen mướt không uốn ôm khuôn mặt thuôn nghiêm trang kín đáo. Tấm hình này tôi bắt gặp trong một cuốn sách mượn của Hiệp và dấu lấy, màu thuốc phai lợt trông như bức chân dung họa bằng chì than.

— Tội nghiệp con Diệp. Mà thương nó. Ba má nó đã đổi xuống lục tỉnh.

Tôi vẫn nhìn người đàn bà trong hình. Lúc lâu thị giác mỏi mệt nhập nhòa, giật mình ngó lại, má tôi đang quay lưng đi xuống nhà dưới

Tôi còn lại cô đơn, những ý nghĩ đáp xuống mặt buồn bã rồi vụt bay đi như những bóng chim nhỏ lao nhanh trong buổi chiều chạng vạng.

Trước đó vài phút, bầu trời xanh thoảng, len giữa những đám tối trong vườn màu lửa lưu huỳnh chấp chới. Và con trăng đầy mọc. Vùng chân trời đỏ ửng nhô lên một chúm cầu dần dần thành hình chiếc dù không bị hút xuống mặt đất mà bồng lên không, thành quả bong bóng hơi màu cam. Lên cao chừng ngón tay con trăng khựng lại. Cánh đồng bên kia lạch nước bật sáng trắng, nước dưới lạch chảy thao thiết hơn.

Căn nhà đã yên ngủ trong bóng vườn cây phủ quanh như ngôi nhà mồ. Bốn bức tường ẩm quanh năm mái rêu phong cũ như chùa cổ nền gạch tàu đỏ hỏa vì chùi rửa mỗi ngày, không khí giam hãm giăng tấm lưới khít của tình yêu đan kết bởi hai người đàn bà góa bụa chụp xuống tôi như một con mồi ngon. (Con thú vùng vẫy phá phách chạy lồng trong rừng). Tôi đứng ngoài. Trăng sáng rỡ như một hiện tượng kỳ lạ tôi chưa hề được thấy lần nào. Sự lan tràn xao xuyến của tạo vật bủa vây. Hạnh phúc mềm mại vuốt ve các giác quan. Hạnh phúc đột ngột hé mở vòm cửa bất trắc, biếc và vắng. Hạnh phúc thiết tha chới với như giọng hát đang ngân lùa thời gian vào trong mình rồi sẽ tắt chỉ còn âm vang. Hạnh phúc vô lý không nên có, khích động sức hủy hoại ngầm dưới đáy thân, tôi đã từng từ chối quyết liệt. Có lẽ mối định mệnh thắt chặt từ đó. « Anh kỳ cục lắm. Anh sợ hạnh phúc » « Phải anh sợ hạnh phúc » « Anh không sợ, nếu anh yêu em » « Anh yêu em, anh yêu em. Nhưng anh sợ » « Không, anh không yêu em. Anh muốn được chết trước em mà ». Diệp, Diệp, tôi tự dưng kêu khẽ.

Tôi đứng bên bờ nước, bị thôi miên trong sự huyền hoặc của ánh sáng và hình thể quanh mình, không còn sức chống cưỡng. Cái sức mạnh vẫn thôi thúc tôi ngày trước đã liệt. Gió thổi là tới từ những bãi cỏ đồng, qua mặt nước đang dâng. Tôi yên tĩnh nghe hơi thở, tự khử mình vô tri giác như một thân cây trong vườn. Những bước thiên nhiên mơ hồ dạo qua thân thể.

Một tiếng kêu chợt tan trong luồng sáng đang chảy Vài giây sau tôi quay mình ngó lại. Chị Lệ bồng con đứng khuất dưới bóng cây vú sữa Đứa nhỏ gục đầu trên vai mẹ. Chiếc áo bà ba trắng ngắn. Khuôn mặt chị là một vệt sáng bầu dục trong bóng mờ của tàn cây.

— Phải Trí đó không ?

Chị sang tay đổi vai gối cho con. Đứa nhỏ bị động, khẽ rên trong cổ, chị ấm ứ trong miệng điệu ru không thành lời. Chị đợi cho đứa con im ngủ lại mới lặng thinh. Chị đứng một chỗ hướng mặt về phía tôi, đưa cánh tay rảnh lên cao trong dáng ngập ngừng bối rối. Có lẽ chị vuốt tóc, nhưng tôi chỉ trông thấy một vệt trắng dài cử động.

— Trí về hồi nào ?

Chị tiến vài bước tới chỗ thoáng và dừng lại, khoảng cách giữa chúng tôi là độ dài của sự nín lặng đang rung. Dưới ánh trăng chị hiện rõ, đầy đặn yên tĩnh. Cặp mắt chị hút lấy những ánh xanh ướt. Tóc chị cắt cụt, mọc bờm xờm tới gáy, chiếc khăn đội đầu chị giữ trong tay. Chị đã xuống tóc để cầu nguyện cho đứa em trai được bình yên vô sự, tôi biết như thế, như hồi xưa khi tôi bị tù. Mái tóc của chị mềm ướt, óng ả, đẹp nhất xóm lúc tuổi con gái. Trông chị với mái tóc ngắn như một bà cốt trẻ đẹp trần tục và ma quái.

— Thôi chị về nhà cho con Liễu ngủ.

Chị xoay mình chậm chạp, hy vọng tôi cất tiếng. Những bước rịu rịu đạp lên bóng mình. Chiếc bóng nhỏ bị nuốt vào trong gian nhà ngang. Chị không đốt đèn, mò mẫm trong bóng tối. Tôi không chú ý vẫn nghe những tiếng rõ rệt phân biệt. Má tôi còn thức. Chị Lệ ru con khi đặt nó xuống ngựa, má tôi ho húng hắng. Im lặng bốc lên theo vùng xôn xao của cây cỏ côn trùng. Tiếng nước sối rửa chân bên hàng hiên, tiếng guốc đi trên nền đất. Tôi nhìn suốt tôi như một kẻ khác đứng giữa bóng đêm biếc như một khối pha lê.

(còn tiếp)

THANH-TÂM-TUYỀN

---

lời ru mùa xuân

I

Ru em giấc ngủ võ-vàng
mùa xuân vỗ cánh thiên-đàng mộng-du
ru em hơi thở ao tù
chìm sâu mi khép lá thu trải sầu
lời ru tiếng nấc qua mau
giấc mơ dã-thú tuổi cau mặt buồn.

II

Ru em võng nhẹ hơi sương
vòng tay đan gối chiếu giường cỏ tươi
ngủ đi em suốt đời người
vùi trong tiềm-thức nụ cười thơ-ngây.

HUY-LỰC

Giấc ngủ mùa Xuân

Tặng Hoàng-Lộc

cho tôi khóc chiều nay khi gió nổi
lòng hắt hiu như rừng xuống sa mù
thương nhớ mẹ gọi tên người thêm tải
nghe mùa xuân về đó cũng hoang vu

hai tay nhỏ không che tròn nỗi khổ
nhà tôi nghèo bão lụt đói nghèo thêm
nỗi hy vọng trần truồng không manh áo
thôi trọn đời nước mắt rưới cơm đen

ôi cuộc sống đau thương từng giấc ngủ
hai mươi năm từ mở mắt vào đời
đã lạc lõng như một loài hoang thú
con đường nào chấp nhận bước chân tôi ?

trời quê hương hôm nay mưa sùi sụt
mùa xuân về che mặt đứng sầu bi
mỗi thân thể hằn vết thương chia cắt
mỗi linh hồn đau nhức chuyện phân ly

trong đêm tối vẫn thấy người ngã xuống
ruộng vườn xưa hoang dại tiếng dơi cười
ngày nội chiến nồ tan tành sự sống
máu anh em bè bạn hãy còn rơi

cho tôi khóc bằng lệ già của mẹ
dìu linh hồn bay vút khỏi thương đau
trong giấc ngủ tiếng em cười lụa xé
bỗng mùa xuân cao giọng hát mai sau

TẦN-HOÀI DẠ-VŨ

TRUYỆN 2 KỲ :

Trùng - Dương

VỪA ĐI VỪA NGƯỚC NHÌN

CHẲNG lẽ từ nhà đến đây, chả để nói gì ngoài mấy câu ngắn ngủn, trắng trợn : «Anh sẵn tiền không? Em cần tiền». Ý nghĩ đó làm Hiền thấy ngao ngán.

Nàng lật lật tờ báo trên bàn. Trang nhất «tít» lớn chạy dài, nói lên những biến cố xảy trong ngày kèm theo đó là những tấm hình chụp cái đám đông nhốn nháo, biểu ngữ đông đặc. Nàng nghe một cách lơ đãng những lời than vãn của ả ăn về nhân tình thế sự. Có một lúc Hiền tưởng mình có thể phát cáu lên được. Nàng để hai tay trên túi trong một dáng điệu chểnh mảng và nhìn chúng chăm chú như nhìn những vật lạ. « Thật chả có gì lạ cả. Thật thế. Chả có gì lạ cả ». Nàng nói thầm trong đầu rồi ngửa cổ nhìn lên trần nhà trơ trụi, nhìn căn phòng trơ trụi. Một ý nghĩ đến với Hiền : nàng cũng trơ trụi như thế. Có một lúc, nhận ra vẻ lơ đãng không thích hợp của mình, Hiền chợt nhìn vào mặt Bản, chăm chú quan sát. Bản có một thân hình to lớn hơn kích thước trung-bình của một người Việt. Hiền nhớ rằng đã có một độ mình thích cái kích-thước ấy, thích một cách rất trong-sạch, lãng mạn, một ý thích không vẩn

đục bởi thèm muốn. Nhưng Hiền vẫn than-phiền, một mình, về lố phục sức cầu thả của Bản. Nếu Bản mặc sơ-mi hẹp hơn và đừng cài manchette, nếu dáng điệu Bản khoan thai hơn... Hiền không nói ý nghĩ đó ra bao giờ. Và Hiền cũng không hề than phiền về điều đó. Mọi tư tưởng, mọi tình cảm bây giờ đã thay đổi.

Hiền đổi thế ngồi, đáng sốt ruột, đột ngột ngắt lời Bản :

— Sau anh không lắp một cái quạt trần ở phòng này ?

Bản chợt ngừng nói, ngẫm nghĩ như không hiểu lời Hiền, rồi đáp sau một giây im lặng :

— Có cái quạt đứng ở đàng kia rồi.

Hiền nói nhỏ trong miệng :

— Em chỉ hỏi anh sao không lắp một cái quạt trần ở trong phòng này. Tiện hơn quạt đứng.

Bản dáng ngơ ngẩn :

— Ơ... Quạt trần hả? Không. Quạt đứng tiện hơn chứ.

Hiền ngó cái quạt đứng và lấy làm ngạc nhiên về kích thước to lớn của nó.

Một luồng gió đưa từ nhà dưới lên. Hiền ngừng phe phẩy bàn tay. Làm sao để nói thẳng với Bản rằng nàng cần tiền ? Hiền nghĩ đến bộ sách quí mà nàng thèm muốn có để giữ làm vật sở-hữu, đến những món tiêu vặt-vãnh cần thiết. Thật chả tốn là bao, đối với Bản.

Bản uống thêm một ngụm nước trà, rót nước thêm vào li của gã và li của Hiền. Hiền nâng li nước lên uống lấy lệ. « Giá mình đi làm để khỏi phải lụy ai ? Nhưng làm cái gì ? Rồi chán mắt thôi. Vả lại mình còn muốn học. Không cần biết học để làm gì. Hắn hứa giúp mình kia mà. Mình có tin được không ? » Hiền thuộc loại người tin rằng mình có tài và phải được học lên cao, bằng bất cứ phương tiện nào. không học nó phí cái chí đi. Hiền muốn làm một cái gì khác hơn mọi người. Từ bao giờ nàng vẫn sợ giống mọi người, sợ tầm-thường rồi dần dần lẫn lẫn sự tầm thường và bình-thường làm một. Hiền mê man đi vào thế-giới phức-tạp bằng một sự cố-gắng lúc ban đầu, rồi dần dần không thể tự tìm hiểu được rằng sự phức tạp đó là do bản-chất hay vì thích rồi thành quen. Hiền đi đến kết-luận mà thực ra không kết luận gì cả, là : cả hai.

Nàng nghe tiếng Bản nói :

— Thật vô-nhân-đạo quá !

Hiền hơi ngơ ngác, rồi chợt hiểu nỗi băn khoăn của Bản. Nàng góp chuyện, không mấy nhiệt thành :

— Thế theo ý anh, thì nên bỏ án tử-hình đi, à ?

— Nên bỏ lắm, Mạng người là quí, bắt người ta đi tù là đủ rồi. Người ta đang sống, lôi ra bắn chết đi, còn nghĩa lí gì nữa ?

— Anh quên rằng đây là một vụ ăn chính trị và mình phải xét vấn đề dưới khía cạnh chính trị.

— Chính trị thì bắt đi tù. Dùng biện pháp xử tử là dã man.

Bản vừa nói vừa lắc đầu. Gã lại chép miệng, Hiền không nén được một tiếng cười ngắn. Nhưng gã không để ý đến thái độ đó của Hiền. Hiền vẫn nghĩ rằng ở gã có một vẻ lơ là đối với người đối thoại. Hình như, đối với gã, có một người để gã nói chuyện với là đủ, và gã không cần biết người đối thoại với mình nói những gì, phản ứng ra sao về những điều gã nói mà nhiều khi chính gã cũng chẳng để ý đến sự mâu thuẫn ở ngay trong những ý kiến gã nêu ra. Hiền ngạc-nhiên ở sự kiên nhẫn của mình. Thỉnh thoảng, Hiền gặp có những người tới thăm gã có vẻ khúm núm, nói ra những câu đầy vẻ trọng vọng gã, Hiền thường nghĩ rằng sở dĩ họ hành động như vậy vì gã có tiền, vì gã đi xe Huê-Kỳ, vì gã ở nhà lầu năm tầng, gã làm chủ một hãng dầu thơm. Hiền ghê tởm cho cả hai bên, ghê tởm cho con người phải lụy đồng tiền. Nhưng bây giờ chính Hiền cũng giống họ, sự ghê tởm vẫn còn nhưng trở thành một tình cảm ấu-trĩ, có cũng như không, và chỉ đáng giá bằng một cái nhún vai. Mọi sự trở thành tự nhiên, như cuộc đời.

Hiền tiếp tục những suy tưởng của mình trong khi vẫn nghe Bản một cách lơ đãng. Tiếng Bản :

— Ở những nước văn minh bên Âu Châu, người ta bỏ án tử hình. Thật nước mình còn mọi rợ quá !

Hiền nghĩ đến một nước nào đó ở Âu-Châu còn giữ án tử hình, nhưng đặt dưới một hình thức khác : tử-tù không bị xử bắn, cheo cổ hay lên ghế điện mà bị xóa tên, coi như không có mặt trên cõi đời. Hiền tự hỏi không biết trong trường hợp ấy, « người tử tù » nghĩ gì ? Hắn có cảm thấy cô độc ghê gớm khi bị xóa tên sống cũng như ở không trong cái xã-hội loài người. Dần dần sự lạnh nhạt của người đời cũng như cách cư xử của họ coi như không có hắn ở cõi đời này, có gây cho hắn cái cảm tưởng đã chết, và linh hồn còn vương vất nhưng không có cách nào để giao cảm với những người xung quanh, nhất là với những người thân yêu ?

Hiền nói, giọng uể oải :

— Thực ra, án tử hình đôi khi cũng cần thiết.

Bản lắc đầu :

— Không. Nên hũy bỏ đi nếu muốn văn minh...

— Án tử hình không liên can gì đến trình độ một văn minh của nước.

Bản vẫn lắc đầu như không nghe những gì Hiền vừa nói.

— Theo anh, nên bỏ.

— Bỏ thì bỏ !

Hiền đáp xong, cười nhỏ và ngả lưng vào thành ghế. « Ăn thua gì đến mình đâu. Thật chẳ ăn thua gì đến mình cả ». Hiền chăm chú nhìn những bông hoa màu tím cà bằng nylon. Im lặng. Hiền nghĩ rằng đã đến lúc nói ra cái ý định của mình, mục đích của buổi đến thăm ngày hôm nay. Nhưng mà mở miệng ra, nàng lại nói sang chuyện khác :

— Sao anh không cắm hoa thật ? Đâu có tốn kém lắm ? Căn phòng sẽ sống động hơn.

Bản nhìn bình hoa đặt giữa bàn. Hiền nhận thấy vẻ thẫn thờ trên nét mặt gã — cái vẻ chán ngán của một gã giàu có đã làm Hiền thích thú dạo mới lớn. Nhưng bây giờ, Hiền cần tiền. Không cần lãng mạn.

Bản chép miệng :

— Hoa thật lại phải thay luôn.

— Có lẽ . . . — Rồi nàng bỗng chăm chú nhìn gã — Anh có vẻ còn thương hai kẽ bị xử tử lắm ?

Bản cười không có vẻ thiện chí tí nào trong cái cười ấy, Rồi gả bỗng vồ lấy tờ báo trên bàn chìa ra trước mặt Hiền :

— Này coi người góa phụ này... Em có đọc bài tường thuật chưa ? — Và không chờ đợi, Hiền trả lời tiếp — Nghĩ đến thời cuộc mà phát chán !

Vừa lúc ấy Hoa bước vào nghe được câu cuối cùng của chồng, đi lại bẹo má người đàn ông, cười với Hiền.

— Ông Bản bây giờ ông thương người dữ hông, cô Hiền ? Nói xong cười hề hề 2 mắt híp lại hàm răng trắng đều.

Hiền cười đáp lại lời người đàn bà trẻ, Hoa kéo ghế ngồi xuống bên chồng. Chiếc bụng sắp đến ngày sinh nặng nề, Hiền hơi chua chát nghĩ rằng mình cứ lu mờ dần mỗi khi Hoa cho ra đời một đứa nhỏ của hai người. Hiền không nuối tiếc gì cả, không đau khổ gì cả vì nghĩ rằng mình không có liên hệ tình cảm gì với Bản hết. Mọi sự đã lui về quá khứ cùng với cái si mê bồng bột của tuổi trẻ

và sự chóa mắt không suy tính trước những hứa hẹn, viển vông. Nhưng cảm giác chua chát vẫn đến tự nhiên.

Sự có mặt của Hoa làm Hiền biết rằng chưa phải là lúc thuận tiện để nói điều mình muốn nói. Hoa là người đàn bà xuất thân từ gia đình thuộc miền Nam, ngày thơ và hiền. Người vợ kể chuyện với Hiền về cuộc hôn nhân của họ. Một lần Bản đến nhà nàng chơi, thăm ông anh nàng . . . Lúc đi qua căn buồng để ra cầu thang lên lầu phía sau. Bản gặp Hoa ngồi vắt vảo bên giường với lũ chị em đông đảo, hai chân buông thõng và đong đưa trong khoảng trống, tay chống trên giường, dương đôi mắt màu nâu lên nhìn người bạn của ông anh. Bản yêu cái dáng điệu ngây thơ và hồn nhiên ấy và nhất quyết hỏi nàng làm vợ, mặc dầu ttong số chị em nàng, những người chị mới chính là kẻ đáng đi lấy chồng hơn cả. Khi lấy Bản, Hoa mới mười bảy tuổi. Thực giản dị.

— Nếu anh có cách gì, anh sẽ bỏ án tử hình.

Hiền cười khẩy :

— Được án tử hình là phúc, phúc hơn đi tù. Đoàng. Đoàng. Một loạt súng. Một phát cuối thi ân. Linh hồn lìa khỏi xác trong khoảnh khắc. Thế chẳng sướng hơn sao ? Còn đi tù : mãn kiếp khổ.

Hiền phác một cử chỉ chán-nản bằng tay. «Nói thật chứ tôi còn lạ gì anh, lòng thương của anh chỉ là một thứ xa xỉ phẩm, hơn thế nữa, đặt không đúng chỗ và mù quáng. Tôi đang cần tiền. Tiền. Anh nghe thấy không ? Tôi ngán chuyện thời sự rồi. Tôi cũng ngán xem anh đóng kịch rồi. Anh biết không ? Không vì cần tiền, tôi đã chẳng giữ liên lạc với anh đến ngày hôm nay.

— Nhất định phải bỏ án tử hình.

— Thì anh còn đợi gì nữa mà không nhảy ra chính trường, để có dịp bày tỏ quan niệm nhân đạo của mình ?

Hiền cười nữa, nhưng vì nghĩ đến cái gì mình đang cần, nên nàng điểm vào câu nói một nụ cười hiền hòa, đầy thiện cảm. Xong, Hiền thấy chán ngán mình, những tình cảm ấy chỉ thoáng qua, Hiền khẽ nhún vai, nghĩ thầm : «Có sao đâu ! Có sao đâu, kia chớ ! » Và Hiền nghĩ đến những trang giấy trắng mịn, chữ in rõ ràng và đẹp của những bộ sách mà nàng vẫn ao ước có, để thấy rằng mục đích của mình không có gì đáng phải xấu hổ cả.

Mặc dù, mặc dù nàng cũng còn cần tiền để tiêu vặt. Nhưng Hiền vẫn không dám nói rõ ý định của mình.

— «Anh sẵn tiền không ? Em cần tiền để. . . »

Thực dễ dàng quá, nhưng Hiền thấy ngượng. Hiền ngửa mặt nhìn lên trần nhà. Một con thạch sùng nhỏ đang đớp mồi. Nàng nghĩ rằng con người tiến triển để thấy mình thiệt thòi hơn loài vật. Loài vật sinh trưởng với bản-năng tự kiếm sống từ lúc còn nhỏ. Nhưng con người không còn có sẵn bản năng ấy nữa, bởi nó sinh sống trong một xã hội có tổ chức, có qui củ mà sự chen chân vào đòi hỏi những tập luyện, những quen biết, những tay chân và v.v..

Bản mở hộp thuốc lá mà gã khoe là mua từ bên Pháp về (Từ ngày ở Pháp về, gã khen sự sang trọng của Pháp hết mình. Nhưng gã vẫn phải trở về Việt-Nam dù gã dư sức để sống ở bên ấy. Hiền nghĩ đùa : về V. N sống thì mới có dịp khoe đất Pháp, đồ Pháp, lối sống theo Pháp, ăn kiểu Pháp, ngủ kiểu Pháp v.v... chứ ! Hiền cũng không hiểu sao nàng hay khôi-hài về Bản, hay đúng hơn nàng không muốn tìm hiểu, để phải đối diện với một câu trả lời mà nàng không muốn phải nghe đến : rằng nàng ghét Bản, thù Bản vì sự thắng cuộc của gã. Nhưng Hiền muốn nghĩ khác đi : vì Bản lố-lăng và hươu vượn và v.v...) Nhìn Bản châm thuốc, Hiền muốn xin một điếu, nhưng lại thôi. Hiền nghĩ rằng mình sẽ ghét Bản hơn nếu gã nhìn nàng bằng cái nhìn ngạc nhiên, tò-mò, nếu thấy nàng hút thuốc. Thế nào mà gã chẳng vừa nói vừa cười — dù rằng Hiền vẫn cho là gã có cái cười bộc-tuệch, vô hại, dù đã lớn tuổi — : « Bây giờ cũng hút thuốc cơ à ? » Hiền khẽ nhún vai một cái nhẹ, nhìn lên bức tường trống trơn ở trước mặt. Bọn đàn ông có những lúc ngạc nhiên một cách xuẩn ngốc và độc tài. Hiền nhớ một lần ngồi trên xe với một người bạn già viết báo. Khi nàng thản nhiên rút một điếu thuốc trong bao Ruby để trong hộc xe của lão, châm lửa hút và phà khói vào tấm kính trước mặt, lão nhìn nàng hơi ngạc nhiên và cười cười. Hiền bực mình nhìn lại rất ngạo và hỏi trống-không, khác hẳn với cách sử sự thường ngày của nàng :

— Bộ ngạc nhiên lắm hả ?

Lão cười và quay đi. Hiền lầm bầm : « Làm như thuốc lá chỉ để dành riêng cho đàn ông và bọn gái chơi không bằng ấy » Hiền sinh bực tức như những hôm trời mưa to phải ngồi đợi mưa tạnh trong chiếc xe lên cửa kính kín mít. Ý nghĩ ấy làm Hiền ngửa cổ lên trần nhà và thở ra rất dài. Chỉ có cái ngạc nhiên của Phan khi thấy nàng hút thuốc lần đầu là đáng yêu hơn cả. Hiền bùi ngùi khi nghĩ đến Phan. Nàng nhắm mắt lại và du mình vào một cảm-giác kỳ diệu xa xưa. Phan đi lại chỗ nàng nằm, cúi xuống bật lửa từ chiếc bật lửa xinh xắn, món quà tặng của một ông bố hiếu con mà Hiền vẫn thèm muốn có ông bố ấy và món quà tặng mang cùng ý nghĩa ấy — cho nàng

châm thuốc. Xong, anh ngồi xuống mép giường, nhìn nàng thở khói bằng cái nhìn ngạc nhiên lẫn thích thú. Anh cười nói :

— Lần đầu tiên thấy Hiền hút thuốc.

— Thì sao ?

— Trừ má Li ra (Li là bạn thân nhất của Phan), Phan vẫn không ưa đàn bà hút thuốc. Có lẽ vì những người đàn bà hút thuốc mà Phan gặp thường là hạng người không đứng đắn. Nhưng Hiền hút thuốc thì Phan lại thấy đẹp.

Phan xưng tên với Hiền, không bao giờ xưng « tôi ». Hiền quen với lối xưng hô gần gũi ấy. Ở Phan vừa có vẻ hung bạo, lại mà có vẻ dịu dàng, Hiền biết mình thèm khát vô cùng được đối xử dịu dàng, săn sóc triu mến — mặc dù đã rất nhiều lần Hiền muốn phá phách tàn nhẫn

Hiền bỗng cắt đứt ý nghĩ về Phan « Ích gì đâu. Thật là có ích gì đâu. Mình đã không giữ được bàn tay ấy đặt lên trán mình, để làm dịu đi những ý nghĩ nung nấu, bởi chính bàn tay ấy cũng đang cần phá phách... » Hiền thở ra. « Nên hỏi hắn tiền hay không nên ? Thôi à ? Nhưng mình cần. Tìm đâu ra. Hỏi hắn một câu chăng ? Hắn thiếu gì tiền. Vả lại, chính hắn phải cung cấp cho mình... » Phải ? Môi Hiền hơi mím lại. Hình ảnh quá khứ đột nhiên xuất hiện, dù Hiền đã chẳng muốn nghĩ đến điều đó nữa, chẳng muốn nghĩ đến điều đó nữa. Một căn phòng nhỏ, tối nhưng khá sạch sẽ — một thứ sạch sẽ của khách sạn làm khó chịu và lợm giọng, — một cái giường trải drap trắng tinh ấn ngữ hết nửa căn phòng, một bộ bàn ghế đánh si đen bóng, với một phòng tắm, vài đôi guốc mộc thô kệch, đen sỉn. Tất cả những chứng nhân của tội lỗi. Còn gì nữa ? Và gã mình trần. Và Hiền ngây thơ chưa biết gì ? Hiền trở thành đàn bà từ đấy. Không ai hay biết. Trừ hắn và Hiền. Câu nói đầu tiên hắn nói khi thấy Hiền ngày hôm sau, là : « không trách được người ta bảo gái phải hơi trai như thài lài phải cứt chó. » Hiền muốn nôn vào bát phở đang ăn. Hiền không chịu nổi. Tình yêu là thế ư ? Chao ôi. Thật cay đắng. Hiền vẫn nghĩ rằng tình yêu chỉ có thể là trăng, là sao, là gió, là những cái cầm tay, là những nụ-hôn, là ánh mắt đưa trao. Nhưng về nhà soi gương, Hiền vẫn không khỏi nhận thấy mình đẹp hơn, mình quyến rũ hơn, má Hiền hồng hơn, môi Hiền mọng và đẹp hơn. Làm sao ghét nổi mình cho được ? Hiền âm thầm chịu đựng sự đổ vỡ của những hình ảnh mình ấp ủ, của giấc mơ tuổi trẻ. Nhưng thôi, nghĩ đến làm gì nữa ? Giá mình làm dữ ? Có bằng chứng hắn hòi. Hắn có thể bị kiện về tội dụ dỗ gái vị thành niên. Nhưng thay vì thế mình im chuyện đó đi vì không thích bị cho là dại dột. Mình kiêu hãnh không thèm

khóc khi biết rằng không còn gì nữa ? Hiền bĩu môi, không biết để tự khinh hay khinh gã, hay khinh bỉ cuộc sống mà nhiều lúc nàng đã chán ngán quá đỗi .Có lẽ tất cả. Hiền khẽ rùng mình. Giá mình có thể chết được ? Sao có những người tự tử dễ dàng thế ? Tại tâm hồn họ giản dị, không phức tạp như mình ? Hay tại mình chưa đạt đến mức tuyệt vọng để có thể tự tử ? Tại mình còn kỳ vọng vào cái gì đó ? Tại . , . ?

— Cô Hiền ở lại ăn cơm, nghen ?

Hiền giật mình, ngơ ngác :

— Ơ . . . Chị bảo sao cơ ? . . .

∴

Mỗi một bước xuống cầu thang Hiền nghe cả sức nặng của thân mình đổ dồn xuống hai gót chân như muốn nẩy lên và tung cả thân thể nàng vào khoảng trống bên dưới. Hiền muốn chạy như bay xuống cầu thang, nhưng lại sợ sẽ nhào đầu xuống đất. Hiền muốn chết nhưng lại sợ ngã cầu thang ! Ý nghĩ mỉa mai ấy vẫn chẳng làm Hiền bác bỏ sự giữ thăng bằng cho thân thể.

Không muốn nghe những tiếng guốc của Bản vẫn gõ lóc cóc trong khi gã lên cầu thang, nhưng chúng vẫn đập vào tai Hiền. Những âm thanh lộn xộn, chát chúa ấy như tiếng cười ngạo khô khan. Hiền khẽ nhún vai và tiếp tục xuống thang. « Có gì đâu. Có gì đâu mà phải ngượng, kia chứ ? Mình hỏi xin tiền — việc mà chính hắn cũng hứa giúp mình nữa — hắn nói không sẵn và hứa tháng sau sẽ đưa. Thế là mình ngượng và cảm thấy nhục. Và bực mình vì đã ngượng và nhục ! »

Lúc chia tay ở nơi cầu thang tầng lầu, Bản nói :

— Tháng sau em lại chơi ?

« Nghĩa là tháng sau em lại lấy tiền ». Hiền cười gượng, không biết vì ngượng hay buồn vì không có tiền. Cả hai. Rồi gã đi lên. Rồi Hiền đi xuống. Gã vừa bước lên thang vừa chạy, lên với vợ với con, — người vợ hiền lành không bao giờ tin rằng chồng lại có thể phản bội mình. Nhưng gã đã phản bội vợ gã, không, gã chả bao giờ phản bội vợ gã cả. Gã chỉ thèm muốn Hiền, thèm muốn như người ta thèm muốn của chua sau một thời gian không ăn. Một cách rất tự nhiên, Thế thôi. Còn Hiền đi xuống, xuống với sự buồn nản, rỗng tuếch của nàng. Hiền tự hứa đây là lần cuối cùng nàng đặt chân đến đây. Để chẳng bao giờ Hiền đặt chân trở lại đây nữa. Chẳng bao giờ. Căn nhà ấy gợi lên những kỹ-niệm mà Hiền muốn quên. Hiền tự ái. Đồng thời Hiền bực vì cái còn lại ấy.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRÙNG-DƯƠNG

NGUIỄN-NGU-Í

Đông Hồ, thời mơ một « Santiniketan » tại một góc trời non nước Việt

Sống và viết với ĐÔNG - HỒ (1)

Ngày 27 tháng chạp năm tân sửu (1961), chiếu lệ hằng năm, chúng tôi — một số bạn văn — cùng rủ nhau đến thăm thi sĩ Đông-Hồ, tác giả *Cô gái Xuân*, thầm nghĩ sẽ thấy cái gì không giống những năm rồi. Các anh Đông-Xuyên, Giản-Chi, Thiên-Giang, Hư-Chu, Lộc-Đình (2) và tôi đến thư trang *Yiễm-Yiễm* trước giờ mời một chút. Chủ nhân đã sẵn sàng để đón chúng tôi tự bao giờ, có anh bạn Trinh-Tường, hàng xóm với thư trang, đang cùng chủ nhân quanh quẩn dưới mấy gốc mai già.

Thư trang hôm ấy đã biến thành Mai trang.

Sách vở đã náu bóng cả rồi để nhường chỗ cho những gốc mai già nghiễm nhiên chiếm khắp gian phòng. Trên mặt tủ gương, một gốc. Cạnh quầy, thêm một gốc. Bên máy điện thoại, thêm một gốc nữa. Là cả một rừng mai. Cành tua tủa, ngang ngạnh, vướn cả lối ra vào, cành đã nở hoa, cành vừa mới nụ, toát ra một mùi hương thanh đạm, khiến khách thấy mình như xa hẳn chốn kinh kì bụi bặm liên miên, sắc màu sặc sỡ. Nhìn quanh chỉ gặp toàn là câu đối cùng tranh thủy mặc.

Làm sao mà ghi lại đây hết những tranh và câu đối của nhà «đại ẩn», chỉ xin chép lại một câu đối Nôm, tiêu biểu cho văn chương ngày Tết:

«Giấy trải thắm tươi sao, chữ nghĩa viết cho trời đất đẹp»,
«Pháo kêu dòn dã lắm, tiếng tăm góp để nước non vui.»

---

(1) Tên thật: Lâm-Tấn-Phác, sanh ngày 8-3-1906 ở làng Mĩ-Đức, tỉnh Hà-Tiên (Nam-Việt). Tác phẩm đầu tiên: *Thơ Đông-Hồ*, do Nam-Kí xuất bản, Hà-Nội, năm 1932.

(2) Tức anh Nguyễn-Hiến-Lê.

Trước mặt chúng tôi, là con đường rộng của đô thành, xe qua lại nhìn mà mỏi mắt, mà đây, cách lề đường mươi thước, không khí như trong trở lại, lòng người như thanh cao hơn, thấy như mình đang trở lại một nơi rừng vắng khe sâu, có chim ngàn bướm nội. Những mau lẹ, những ồn ào, những chụp giựt như ngừng ngoài cửa thư trang, để nhường chỗ cho niềm thơ thới, ý hiền hoà... Nhất là khi nhìn chủ nhân ung dung với bộ y phục thời xưa, quyện khói hương trầm, càng tăng thêm phong thái những thất hiền lục dật.

Chủ nhân vui vẻ mời ngồi, nhưng chúng tôi cứ xúm nhau quanh quẩn dưới gốc mai lạ. Thì ra, đây chẳng phải thứ mai mà ta thường thấy bầy bán quanh chợ Bến Thành. Mấy gốc bạch mai này là tự Hà-Tiên, quê hương của Đông-Hồ, gởi tới.

Giống mai này trồng quanh đàn-Sơn-Xuyên, đàn Xã-Tắc ở Bình-San, thời họ Mạc. Giống bạch mai này cùng loại với «cây mai cách dưới đèo» của Bạch-Mai thi xã khi xưa của Tôn-Thọ-Tường, hiện còn ở đồn Cây-Mai trong Phú-Lâm (Chợ-Lớn).

Giống bạch mai này là loại mai mù u, miền nhiệt đới, có khác với hoa bạch mai ở Tàu, ở Bắc, miền ôn đới,

Nhưng mà sắc trắng của hoa thì cũng đến mực trắng và mùi thơm của hoa thì cũng đến mực thơm. Ướp trà đã ngát, mà tẩm rượu càng thêm đượm. Mỗi vị khách nếm thử một chén «bạch mai quỳnh dịch» do chủ nhân «giám chế» với hoa tươi. Có ai đó đã nói một câu :

«Hớp một miếng rượu này, có cảm giác như nuốt cả một rừng mai vào lòng !»

Ở đầu bàn, treo một bức tranh thủy mặc vẽ mấy nét lan, vắt ngang, đề bốn chữ thảo «vương giả hương đình».

Mười một hàng chữ son Tàu, quốc ngữ ngòi lông, viết đè lên nền thủy mặc:

Quần hào tập đại
Lão bạng sinh châu
Ngọc duẫn hoành hành
Phượng hoàng chi
Hỗn độn sơ khai
Kiền khôn thủy điện
Bình thủy tương phùng
Đông hồ xuân sắc

∴

Bồ đào ngọc dịch
Vũ di kì chủng

Cử toạ có người đọc đi đọc lại, ngâm nga như một bài từ, phảng phất điệu « *Cán khê sa* », hay là điệu « *Giá cô thiên* », mà đố có ai cắt nghĩa... Mãi cho đến khi tiểu đồng bưng lên mấy dĩa « Tập đại quần hào », rồi tiếp liền món « Lão bạng sinh châu », chừng đó mới vỡ nghĩa, bài từ kia là một ... thực đơn điển cố.

Đông-Hồ với cây quạt khi xa ngọn gió hồ Đông

Có người cười cười : « Chủ nhân hẳn đã thức trắng mấy canh mới tìm được tên cho thực đơn . . . *Bốn-Phương* (3) này ! Xưa là « bát bửu », lâu nay là « tám món ăn chơi », phút này, với mấy anh em người ở mỗi phương trời tụ lại, chẳng ai dám tự nhận mình là hào hùng anh kiệt, nhưng quả là mỗi người một vẻ, thì tập đại thành các mặt văn nhân tại Thư trang này, cũng gần đúng đó ! »

Có người nghiêm trang : « Chủ nhân phải khai mạc cho cái món... *Lão bạng sinh châu* này. Còn chúng tôi thì nếm thử món... *Bào ngư dồn thịt* vậy.

Có người bông đùa : « *Mang trăng phô màu ngọc* », trúc vốn là trực tiết mọc thẳng, đứng, sao đây lại ngang, y như là hoành hành công tử. Họa có Tuyết nữ chủ nhân mới đoán nổi là Asperge nấu cua ! »

Một bóng hồng thấp thoáng ở cửa Thư trang.

(3) *Bốn-Phương*, tên nhà xuất bản của anh.

Chủ nhân vội ra đón. Khách cũng vội chào người nữ sĩ xem «trang trọng khác với » ấy Vân-Trang nữ sĩ lại không thích ngắm hoa mai, mà vì bản thực đơn quyến rũ, «đòi» chủ nhân cho vào nhà . . . bếp thăm nàng Mộng-Tuyết đang bận rộn cạnh đám than hồng, tủ lạnh, để thử nhìn tận mắt cái món « Bình thủy tương phùng » món chi mà tên nghe thi vị quá.

Trong khi đó thì Hư-Chu vẫn « một mình » với nắm « hương đạo liệp » cầm tay, chẳng buồn để ý đến ai, trầm ngâm bài thơ « Đề cố viên hoa » của chủ nhân vừa khai bút trên tờ hồng đơn dan ở gốc mai :

« Tây vọng Hà-Tiên mãn lộ trần
« Nhất chi tâm đáo cố viên Xuân
« Bạch đầu hốt giác phồn hoa mộng
« Y cựu thanh cao ngã cố nhân ».

Rồi tác giả « Thơ Nghiên Hoa Mộng » gật gù dịch thoát :

Ngoái lại vườn quê bụi ngập đầy
Một cành chợt đến nở hương Xuân
Bạc đầu sực tỉnh cơn mơ tục
Mà cố nhân vày vẫn cố nhân.

Hư-Chu vừa ngâm xong bài thơ dịch thì thằng cháu Thư-Lâm đã dán vào bình hoa nhỏ tờ giấy màu hoàng yến của Mái-Trăng-Non. Thất tiển muội cũng đã dịch sẵn rồi :

Mù mịt Hà-Tiên ngập bụi đường
Một cành, xuân đến tự quê hương
Phồn hoa chợt tỉnh, sương pha tóc
Mà cố nhân còn vẹn sắc hương.

Về bài thơ tứ tuyệt « Đề cố viên hao » này, sau còn có nhiều bản dịch.

Xin chép lại một bài của Bùi-Khánh-Đản :

Thăm thẳm Hà-Tiên bụi khuất đường
Vườn xưa Xuân gởi một cánh hương.
Cố nhân vẫn giữ màu thanh lịch
Riêng khách phồn hoa tóc điểm sương.

*

Tôi đọc lại những dòng này, mà lòng không ngăn được nỗi bâng khuâng. Nhớ và tiếc một cái gì vừa đậm đà vừa man mác, mà chắc rằng từ nay trở nên chút vang, chút bóng một thời.

Tôi vừa quay điện thoại cho anh (mà ba tháng nay tôi chưa gặp lại), thì một giọng lạ ở bên kia đầu dây nói cho biết rằng «ông Đông-Hồ đã dọn về Gia-Định, tạm ở nhà người con gái lớn». Thế là *Yiễm Yiễm thư trang* (viết Yiễm-Yiễm, đọc Diễm-Diễm, tôi nhớ lại sáu chữ này viết ở các quảng cáo thư trang đăng trên các báo, những năm đều góp mặt với các hiệu sách khác ở Sài-Thành), thế là thư trang có cái tên viết khác lối thông thường đã không còn, sau mươi năm tô điểm non nước Hà-Tiên cùng tịch và mười...bốn năm hoạt động ở chốn kinh kì huyên náo. Mười bốn năm! Sao anh không rán cho qua cái Tết con Rắn này để cho đúng con số «mười lăm năm ấy»... Tôi tìm lại bài thơ Tết năm rồi — cứ gần hết một năm Trăng là anh có một, đôi bài thơ Tết làm quà cho thi văn hữu gần xa, in xinh xắn trên cánh thiếp có nền hoa (nền do chính tay anh vẽ), đều đặn từ ngày thư trang Yiễm-Yiễm Sài-Gòn chào đời. Năm rồi, thơ Xuân vẫn đến, song phong bì không quen thuộc, thiếu cảnh chim tung khắp bốn phương, và thơ thì lại đánh máy trên một tờ giấy lớn thông thường. Hai bài thơ của Tết quí mão ấy, như báo trước ngày nay. Nhưng lúc bấy giờ, đọc thơ, chỉ thấy Đông-Hồ mới buồn buồn, nay đọc lại, sao lại cảm người chủ nhân của thư trang Yiễm-Yiễm đã sầu sâu ?

Sáu chục ba trăm mới một ngày
Xinh xinh mười bốn tuổi thơ đây
Mực đen cho đậm tình sông núi
Giấy trắng làm tươi ý nước mây
Nhà hẹp lòng khuông trời đất rộng
Đêm tàn in nếp gió trăng đầy
Mong manh chút phận đôi tờ mỏng
Không nát thời gian với cỏ cây.

Tóc gội phồn hoa điểm trắng dần
Quanh đây năm bảy bạn đồng thân
Ngẫm say người ngọc lòng trang sách
Bán rẻ vần thơ giữa chợ trần
Giấc bướm chưa tan hồn bạch điệu
Đường hoa còn luyến gót thanh xuân
Nước trong in bóng vành gương cũ
Tròn một lần trăng khuyết một lần.

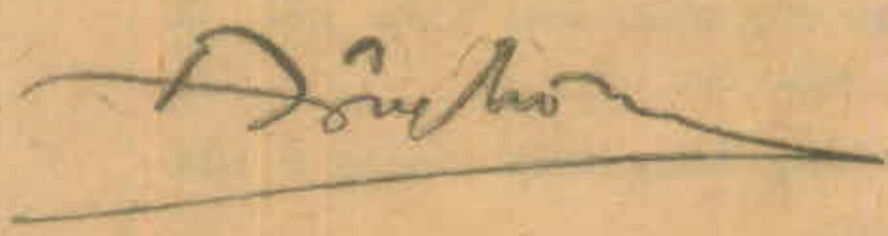

Tết quí mão 1963

Sáng hôm sau, tìm đến thăm anh, tôi không khỏi nghĩ đến những cái tên. Trước, anh ở đường Nguyễn-Thái-Học, một cái tên cách mạng lẫy lừng; nay, anh ở đường Lam-Sơn, một cái tên lịch sử sáng chói. Thời.. tiền chiến, anh chủ trương tuần báo «Sống» ; thời hậu chiến, anh giám đốc nhà xuất bản «Bốn-Phương». Sự tình cờ, cũng như sự chọn lựa, đã khiến cái bút hiệu hiền lành và thơ mộng Đông-Hồ lại đi cùng với những tên người, tên đất, tên các hoạt động giấy mực gay gắt vị đấu tranh nồng cháy. Một bạn có nói với tôi từ lâu, rằng . . «Đông-Hồ chẳng những chỉ say mê với văn chương, mà còn có dính líu xa gần đến đôi phong trào cách mạng ...» Tôi chẳng lấy làm lạ. Một người yêu tiếng mẹ thiết tha tự thuở thiếu thời, giữa lúc nó bị khinh khi, bạc đãi, một người trân trọng giữ gìn một áng thơ xưa một bức họa cổ, đôi thú thanh tao của tiền nhân . . . thì tình đối với nước non — nhất là khi non nước mình lại ở trong tay người — hẳn là nồng nàn, thắm thía. Vậy nếu nhà thơ . . .thơ thẩn cạnh hồ Đông ba mươi năm về trước ấy, có trực tiếp hay gián tiếp tham gia cách mạng, âu đó cũng là điều dễ hiểu . Nhưng chẳng biết hỏi đến việc xưa, người thầy giáo, người nhà báo, người bán sách, người xuất bản . . . gần sáu mươi này, có vui lòng thổ lộ chút gì chăng ?

Mấy chữ phấn trắng « Quỳnh-Lâm thư thất» (*Quỳnh* viết với *i*) viết trên cánh cửa xanh cho tôi biết mình đã tới nơi Anh có hai cháu ngoại rất được cưng. cháu trai lớn, Thư-Lâm, anh đã lấy đặt tên cho một ấn quán, còn cháu gái, thì nay anh mới lấy đặt cho chốn ở đầy sách này. Thư-Lâm ấn thư quán, Quỳnh-Lâm thư thất phải chăng anh muốn truyền lại cho cháu mình cái nghề in nghiệp sách. cái nghề nghiệp mà anh biết cái nhọc nhằn, bạc bẽo rõ hơn ai ?

Chánh tả chữ «Quỳnh» làm tôi vui vui. Cái vui vui gặp người đồng điệu trong việc thống nhất cách viết âm « i ». Xưa, khi bảng hiệu *Yiễm-Yiễm thư trang* được thượng lên, thiên hạ cho rằng anh cố tình lập dị để quảng cáo hiệu sách mình, chớ ít ai biểu giùm anh thưởng ứng các nhà cải cách chữ quốc ngữ, lấy *y* (*chữ «dơ» quốc tế*) thế cho *d*, để *đ* (σ) thành *đ̉* (σ)như chữ Anh, chữ Pháp, cho gọn gàng việc viết, việc đánh máy. . .

Tôi đẩy cửa bước vào, thì gặp phải cái sân ngang bộn bề gỗ, vôi, gạch cát : nhà đang sửa chữa lại; và nhà sau thì bề bộn sách, vở cột lại từ chồng.

Anh chị đang lo chỉ và sửa bên ngoài, dọn bên trong. Trong tình trạng này, thì dầu có trổ tài hỏi rất nhiều đi nữa, rốt lại chắc được chẳng bao nhiêu.

Anh đưa tôi vào phòng khách, tự tay thu dọn những chồng sách, báo để có chỗ ngồi.

Thấy tôi để ý đống sách mỏng để trên bàn, anh nói :

Đông-Hồ trong một buổi tiếp tân tại Bách Khoa, ngồi giữa Cụ Á-Nam và nhà văn Bình-Nguyên-Lộc

— Đó là những lời tôi phát biểu trong buổi lễ ra mắt của viện Đại học Vạn-Hạnh, ngày 22 tháng 11 vừa qua. Một tờ báo có in lại, nhưng mà sai sót nhiều. Chẳng lẽ đính chánh hết, tôi mới cho in lại, để viện phát cho sinh viên, tôi giữ một số để tặng bạn bè. Nhờ anh trao lại cho các bạn quen biết.

Trong khi anh viết lời đề tặng và kí tên, tôi ngồi đọc áng văn mới nhất của anh, thích thú nhất ở đoạn này, đoạn tôi được thấy anh tóc đã nhiều bạc mà trí chưa già:

« Đối với viện, chúng tôi chưa dám ngỏ lời ca tụng. Việc mới bắt tay, biết ca tụng làm sao cho nghiêm chỉnh được bây giờ. Mà chúng tôi tưởng viện cũng đâu có muốn nghe làm chi những lời ca tụng.

« Chúng tôi không ca tụng, mà chúng tôi đã rất bằng lòng. Chúng tôi đã bằng lòng với ý nghĩ của mình, bằng lòng với quan niệm của mình hoài bão lâu nay.

« Lâu nay, chúng tôi không quan niệm được Phật giáo là chỉ khu khu trong một việc khổ hạnh trường trai, khu khu trong một việc khua chuông gõ mõ, hay khu khu trong một việc đúc tượng xây tháp, khu khu trong một việc cúng dường cầu siêu, tịnh độ đàn tràng.

« Mà chúng tôi lại quan niệm rằng Phật giáo phải làm những gì khác hơn những điều trên đó, để nối lại truyền thống, nhóm lại phong khí của thời Lí thời Trần xưa đã mất.

«Chẳng những tiếp nối mà còn phát động hơn thêm để đáp ứng kịp thời và đúng mức với cảnh ngộ nước nhà, với hoàn cảnh quốc tế, với trào lưu tư tưởng ý thức hệ hôm nay».

Tôi thích cái thái độ trí thức, cái tư tưởng tiến bộ của người được mời phát biểu ý kiến và cảm tưởng này, tôi lại thích cái dáng dấp riêng biệt của lời văn. Tôi thấy đối với anh, giới phê bình có một điểm bất công. Người ta hay nhắc nhở đến nhà thơ Đông-Hồ, mà dường như quên lững

nhà văn từng ở bên hồ Đông và ở am . . . đại ẩn ! Văn anh đặc sắc hơn thơ, vài bạn lâu năm của anh cũng nhận thế.

Biết ý định tôi, anh cho biết hiện đang bận như tôi thấy đó, lại người không được khoẻ, vậy tôi hãy nghĩ viết ra một số câu hỏi, anh sẽ cố trả lời sau. Còn giờ, thì là nói chuyện không đề.

Anh, niên khoá này, được mời giảng ở Đại học Văn khoa.

— May mà mỗi tuần có hai giờ, chớ nhiều nữa chắc là khó khăn !

— Ông khoa trưởng nhờ anh phụ trách môn . . .

— . . . *Văn chương quốc âm miền Nam*. Môn tôi thích. Từ lâu, tôi định soạn một quyển sách về đề tài này. Tài liệu gom góp cũng tạm cho là đầy đủ để có thể bắt tay vào việc. Nhưng mà rồi, khi thì yếu đau, khi lại mắc việc này việc nọ, đành để đó. May được giao môn này, thì mình tự bắt buộc mình mỗi tuần phải xong một chương sách. Hết niên khoá, thì sách cũng viết xong. Bằng không, cứ để mình tự do, thì chẳng biết bao giờ mới rồi cuốn sách.

— Ông khoa trưởng nhờ anh đảm nhận môn này, thật là đã biết chọn đá gởi vàng. Tôi thấy không ai xứng đáng bằng anh. Anh là người miền Nam Anh lại để ý đến từ lúc nó phôi phai đến khi nó trưởng thành. Tài liệu vốn đã ít, so với Bắc và Trung, lại ít được công bố. Anh nhờ có sẵn một số, sưu tầm một số, thì gặp dịp này, thật là «nhất cử. .tam lợi». Lợi cho anh chị em sinh viên, lợi cho anh, và lợi cho... Văn chương quốc âm miền Nam nữa !

Anh cười, tôi tưởng như đọc được trong cái cười nhẹ nhàng ấy một ý trách nhẹ nhàng : « Anh đã quá lời !»

Tôi chợt hỏi:

— À mà cái miền Nam, ranh giới nó được định từ đâu, anh ?

— Chương trình cũng gồm vỏn vẹn có mấy chữ đó :«*Văn chương quốc âm miền Nam*». Cái gì cũng thế. Để yên thì thôi, soi mói thì rắc rối. Miền Nam này có phải là Miền Nam tự do ngày nay chăng, nghĩa là từ sông Bến-Hải đến Hà-Tiên? Hay là miền Nam đây, là phần đất của Nam-Kì Lục-Tỉnh. Lúc nó còn là Thủy-Chân-Lạp, giang san của người Miên, thì làm gì có văn chương quốc âm của ta. Vậy chỉ từ khi chúa Nguyễn bắt đầu đi đến lập ấp vào Thủy-Chân-Lạp, từ khi chúa Nguyễn cho mấy nhóm người Tàu« phản Thanh phục Minh» khai khẩn về lập nghiệp ở Bà-Rịa, Biên-Hòa, Mĩ-Tho, Hà-Tiên, là mới bắt đầu xây đắp mầm móng nền văn chương quốc âm miền Nam vậy.

Giọng anh thân mật, bình thường, lộ chút gì ấm áp vui vui

Nhắc lại cuộc Nam tiến của dân tộc, đoạn mở mang bờ cõi sau cùng, tự nhiên là phải nói đến mảnh đất Hà-Tiên với dòng họ Mạc khai khẩn nó rồi dâng cho chúa Nguyễn. Tôi cho rằng mảnh đất tận cùng đất nước ấy, họ Mạc phiêu lưu, dũng cảm và tài hoa nọ, cùng người trắng góc ngồi đây, có liên hệ với nhau một cách lạ kì, mà ta có thể cho

« họ » là một « bộ ba » khó thể tách rời. Vùng hoang vu giáp giới biên thùy Miên-Việt, cạnh vịnh Tiêm-La này, phải nhờ tài cai trị, tài khẩn hoang của họ Mạc và lớp đồng chí lưu vong (không chịu thờ nhà Mãn-Thanh, lại vui lòng thần phục chúa Nguyễn) mà thành một phần của đất nước ta, có tổ chức hẳn hòi ; rồi đến người mang bút hiệu Đông-Hồ, sinh trưởng tại Hà-Tiên và mang một phần máu Trung-Hoa trong huyết quản, đem thi văn mà giới thiệu cảnh trí quê mình cùng sự nghiệp của lớp người đã gây dựng và tô điểm nó. Khiến ta nói đến Hà-Tiên, là nhớ đến họ Mạc, rồi hai cái tên địa lí và lịch sử này gợi đến cái tên văn học : một cuộc hôn phối hay ho và lí thú.

Đông-Hồ thành ra là sử gia họ Mạc và thi nhân của Hà-Tiên. Một bài phú Đông-Hồ, một thiên biên khảo « Hà-Tiên Mạc thị Sử » đã làm anh thành ra linh hồn của Hà-Tiên. Nên thời tiền chiến, anh em văn nghệ sĩ ở Bắc, cũng như ở Trung, Nam, thường hễ có dịp đi ngang qua cái miếng đất hiền lành, hẻo lánh này, là thế nào cũng tìm đến «quấy rầy» anh — dù đã quen nhau bằng thư từ, hay vốn còn xa lạ.

Bây giờ, nghe anh nói về Hà-Tiên, về họ Mạc, thì quả là một điều thích thú.

— Đất Hà-Tiên lúc ấy ở vào vị trí đặc biệt. Mạc-Cửu là kẻ giang hồ khí phách, hẳn là từng nuôi cái mộng « hùng cứ một phương hải tần ».

Hộp thư

— Bọn Sơn-Tùng, *sinh viên Đại học Văn khoa; Sài-gòn*-Cám ơn bạn đã cho biết ý kiến của các bạn về các cuộc phỏng vấn của tôi trước kia và mới đây, những điều ước mong của các bạn, tiếc thay tôi không thể làm thỏa mãn được vì khuôn khổ tờ báo và mục đích tôi nhắm không cho phép.

Về quan niệm, kinh nghiệm, phương pháp làm việc, hẳn bạn đã thấy tôi đã hỏi các nhà văn trong cuộc phỏng vấn ba năm trước, và bạn cũng đã thấy kết quả như thế nào, còn tiểu sử và tác phẩm, bạn có thể xem lại cuộc phỏng vấn trước

Mong bạn thông cảm cho.

Nguiễn-Ngu-Í

Nhưng gặp cái thế không thể đứng một mình một cõi được.

« Khi thì chúa Nguyễn giúp một ông hoàng Cao-Miên lưu vong, xua quân qua ; khi thì vua Xiêm ủng hộ một ông vua Cờ-Me thất thế, xua quân lại. Cái giang san nhỏ mà họ Mạc ra công khui phá và khai hóa ở vào một tình trạng gần như cánh hoa trước gió. Cảnh ngộ nghĩ cũng lạ thường. Đứng riêng một góc trời, không thể được.

Anh im lặng hơi lâu. Chẳng hiểu anh nhớ lại non nước Hà-Tiên xa cách quá lâu hay thân thế những người xây Phương-Thành, dựng Chiêu-Anh-Các ? Phần tôi, tôi cũng không hỏi gì anh

thêm, trí bận nhớ lại một bài cổ thi trường thi của anh « Nghĩ vịnh họ Mạc ở Hà-Tiên », đăng báo Nam-Phong ba mươi sáu năm về trước, mà sau này anh có sửa mấy chữ, một bài thơ cho ta thấy một Đông-Hồ với nguồn cảm hứng khác.

Chẳng đội trời Thanh-Mãn
Tìm qua đất Việt bang
Triều đình riêng một góc,
Trung hiếu vẹn đôi đường ;
Trúc thành vững vũ lược,
Anh các cao văn chương;
Tuy chửa là cô quả
Mà cũng đã bá vương ;
Bắc phương khi vỡ lở
Nam-Hải lúc kinh hoàng ;
Giang hồ lòng lang miễn,
Hàn mão thân chiến trường ;
Đất trời đương gió bụi,
Sự nghiệp đã tang thương.
Anh hùng lọ thành bại,
Tuẫn tiết còn hiển vang.
Bình-San mây khói giận,
Đông-Hồ trăng nước gương ;
Tấm sự sau xưa đại,
Nghìn thu một tấc vàng.

Anh nhắc tôi dùng nước. Tôi mới hỏi thăm anh về dự định viết lại lịch sử của họ Mạc ở Hà-Tiên, vì có lần anh cho tôi biết thiên biên khảo về họ này đăng ở tạp chí Nam - Phong năm 1929, anh thấy chưa được như ý, có nhiều tài liệu mới, và anh vẫn để công sưu tầm từ ấy nhẫn nay.

— Với tài liệu thu thập được, cũng có thể khởi công rồi đấy. Nhưng mà, anh thấy đó... (anh nhìn gian nhà đang bề bộn, rồi nhìn bàn tay gầy guộc, xanh xao nằm nghỉ trên mặt bàn)

— Những tài liệu ấy, chắc là toàn Hán văn ?

— Hán văn có, mà Pháp văn cũng có.

— Pháp văn ? Hẳn là một ông cố đạo nào đó...

— Anh đoán sai. Của một tay giang hồ.

— Khách giang hồ lại nói đến khách giang hồ ! Hẳn là có nhiều điều lạ.

Anh gật đầu.

— Tay giang hồ người Pháp tên Poivre này đã từng đến đất Hà-Tiên lúc ấy. Người đồng thời nói lại, ta dễ tin hơn là người sau. Huống chi người Âu-Châu, nói chung, họ có tài quan sát và óc phê phán. Tôi còn nhớ trong thiên du kí của ông ta, đoạn dính líu đến họ Mạc ở Hà-Tiên, với của người Pháp vùng Lyon thời ấy, quê ông, và cho rằng chế độ thuế má của họ Mạc hợp lí và công bằng hơn.

Nhưng họ Mạc chẳng những là những người có tài dụng võ, có óc tổ chức, mà cũng là những tao nhân mặc khách. Và về mặt sau này, nhóm Chiêu-Anh-Các do họ sáng lập đã chiếm một vị trí đặc biệt trong nền văn chương quốc âm miền Nam.

— Một điều lạ, họ là Người Tàu mà lại thích làm thơ Nôm. Người đi chinh phục lại bị chinh phục lại !

Mà kẻ tài tình này lại là cô nàng Việt ngữ. Nghĩ cũng lạ lùng : tiếng Việt mình có cái sức quyến rũ phi thường.

Ấy thế, mà chính những đứa con — phần đông — lại rẻ rúng tiếng mẹ mình, cách đây không lâu, thời nước ta thuộc Pháp. Phải chăng thái độ phụ phàng trên đây đã là một trong những cớ khiến anh đi ngược trào lưu thuở ấy, khi anh tuổi mới hai mươi : không đua đòi học tiếng Pháp, mà chú tâm trau giồi tiếng Việt, tập tành viết quốc văn, lại mở trường — Trí-Đức học xá — để thực hiện cái mộng : chuyên dạy bằng tiếng nước nhà trong suốt tám năm trời (3), với châm ngôn gửi gắm trong câu đối treo nơi thầy trò hằng ngày gặp gỡ :

« Trí thức làm nước, đạo đức làm màu, chắt vào học tươi vun chồi quốc ngữ ».

« Đông-Hồ là nghiên, Tô-Châu là bút, sắc gió mây trang điểm bức Phương-Thành.

Tình yêu tiếng mẹ, anh đã truyền thắng bằng lời nói cho em cháu tỉnh nhà tại học xá. anh lại truyền qua bài giảng dạy bằng thư từ cho những môn đệ ở xa. Tình yêu đất nước, anh gợi cho học trò bằng lối giáo dục gần thiên nhiên : những ngày nghỉ học, thầy trò đem theo mo cơm bầu nước thăm hòn này, viếng động nọ, chơi mũi kia...

Thuở thiếu thời, anh sống và làm gần như đúng theo nguyện vọng, lúc về chiều, chưa về bầu bạn với thiên nhiên mà lại hãm mình giữa những chồng sách, báo, sau một thời gian dài hoạt động cho chữ, nghĩa, chẳng biết anh có bực mình đôi chút gì chăng. Anh không trả lời, chỉ cười, tôi hiểu cái cười độ lượng ấy có giá trị như câu : « Thời buổi này con người «tày» bao nhiêu thứ, ai đời lại hỏi như thế chớ ? » Thì tôi hỏi việc khác vậy, việc thường thôi.

— Về đây, anh thấy dễ chịu hơn ngoài Sài-Gòn ?

— Dễ chịu hơn nhiều. Xe cộ gần như chẳng có. Ít tiếng ồn, không bụi bặm, là khoẻ rồi. Nhưng đêm đêm, lại thường nghe tiếng súng.

Đến phiên tôi mỉm cười, nhớ đến hai câu thơ của anh trong bài « Chinh chiến ».

Ôi đến bao giờ chinh chiến hết ?
Hỡi làm chi nhỉ ! chuyện hoang đường.

Nhưng dầu anh có « đại ẩn » ở kinh kì, « trung ẩn » ở ngoại ô hay « tiểu ẩn » ở nơi thâm sơn cùng cốc, thì anh cũng chẳng thế nào thoát cái « nợ »... thơ. Được biết anh còn hai tập thơ chép tay: *Bội lan hành* và *Thăng-Long hành*, tôi hỏi anh chừng nào cho chúng góp mặt với *Trình trắng*, *Cô gái Xuân*, *Thơ Đông-Hồ*. Mắt anh cười trước, rồi mới đến miệng mở lời :

— Thơ của tôi ra đời, không do ý tôi muốn. Mà đã ba lần như vậy. Nói, anh em có lẽ không tin. Tôi làm thơ, rồi để đó, chớ không định xuất bản. *Thơ Đông-Hồ*, như anh biết, do nhà Nam Kí xuất bản năm 1932. Ông Nam-Kí có một người quen, người này làm

(3) Từ 1926 đến 1934.

công chức, đối vào Hà-Tiên. Ông ta làm quen với tôi, mượn mấy tập thơ chép tay của tôi về xem. Khoảng ấy, nhà Nam-Kí đang khởi công bộ Văn đàn bảo giám, do Trần-Trung-Viên trông nom, có cụ Á-Nam tiếp tay. Anh bạn công chức kia cho ông Nam-Kí hay tôi có mấy tập thơ còn nằm trong bản thảo, ông Nam-Kí ngỏ ý muốn xem qua; anh bạn ấy mới sao một tập gởi ra Hà-Nội. Chẳng biết có phải nghĩ rằng thơ tôi cũng thuộc vào loại thơ . . . cổ như thơ trong Văn đàn bảo giám, cần phải in ra kẻo rủi thất lạc thì thiệt thòi cho văn học, mà ông Nam-Kí xuất bản «Thơ Đông-Hồ». Cụ Á-Nam có sửa một số chữ. Trong tập thơ đầu này, có nhiều bài tầm thường, ấy là vì tôi chưa kịp tuyển chọn. «*Còn cô gái Xuân*» ra đời năm 1935 là do anh Lê-Tràng Kiều muốn Vị-Giang văn khố của anh ở Nam-Định có những bài thơ mới của nhà thơ ở Hà-Tiên», để có anh có em và để cổ động cho phong trào thơ mới mà anh tận tình binh vực.

— Nhưng mà «*Trinh trắng*» thì do nhà Bốn-Phương của anh xuất bản.

— Bốn-Phương ấn hành, nhưng nào phải do ý muốn của Đông-Hồ ! Số là năm 1961, bộ giáo dục cử tôi đi hội thơ quốt tế mỗi hai năm họp lần thứ năm tại Knokke-le-Zoute ở Bỉ. Anh Thái-Văn-Kiểm bảo tôi, đại ý tôi đi dự hội thơ quốc tế mà đi tay không, thì coi không được, phải có chút quà gì, thì giờ còn để cho in một tập thi tuyển, Tôi nghe cũng phải. *Trinh trắng* ra đời trong trường hợp đặc biệt này, và do anh bạn họ Thái đưa ý và thúc đẩy.

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa đã nhận được :

— **Vòng thời gian** tập thơ của Phổ-Đức do tác giả gửi tặng. Sách dày 68 trang, gồm trên 40 bài thơ do Đinh-Hùng vào đề Duy-Thanh minh hoạ — giá 50 đ.

Hòa-Đồng số 1 và 2, tuần báo phát huy văn minh tổng hợp, gồm các bài của Ô.Ô. Nguyễn-Lương-Hưng, Phạm-Long-Điền, Hồ-Hữu-Tường, v. v. . .

— **Nhạc tuổi xanh** (Học-sinh ca) tập nhạc của Ông Phạm Xuân-Thông soạn, gồm 19 bản nhạc, chia thành 3 phần : Học Đường, Thiên Nhiên và Lý Tưởng. Tập nhạc do Phạm - Duy giới thiệu, tác giả trình bày và gởi tặng. Bản đặc biệt không ghi giá bán.

— **Giang hồ chưa trắng nợ đôi tay** thơ của Lương-trọng-Minh do Cẩm-La-Sơn-Châu xuất bản, tác giả gửi tặng. Tập thơ gồm 52 bài thơ. Sách dày 74 trang, bản đặc biệt không đề giá bán.

Lưu Đầy và Quê Nhà, tập truyện (quyển 1) của Albert Camus, được giải Nobel 1957. do Vũ-Lưu-Đình dịch, Giao-Điểm xuất-bản.

Sách dày 72 trang. Bản quý không ghi giá bán.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

— Nhưng rồi vào giờ chót, anh chẳng đi được !

— Bộ Giáo dục muốn tiết kiệm công quĩ, nên giao anh Hà-Thượng-Nhân nhơn đi dự hội nghị Vô tuyến truyền thanh ở Anh, tạt qua Bỉ dự hội nghị Thơ luôn thể.

— Thật là nhất cử lưỡng tiện. Nhưng có những cái tiện suy ra không lợi, tôi nói lợi về « thể thống quốc gia ». Ai lại đem Vô tuyến nhập một với Thi ca !

« À ! Tôi nhớ anh em lúc bấy giờ có ý trách anh Hà-Thượng-Nhân sao lúc đi không mang giúp một ít *Trinh trắng* để biếu hội nghị. Anh không đi được, mà có *Trinh trắng*, thì cũng như anh có đi.

— Trách anh Hà-Thượng-Nhân, thì oan cho anh ấy. Chính sau này, về, hay tôi có dự bị sẵn món quà thơ, anh tỏ ý tiếc rằng chẳng hay gì hết, không thì anh đã mang nó đi rồi.

— Anh kể trường hợp ra đời của *Thơ Đông-Hồ*, *Cô gái xuân*, *Trinh trắng* mà quên trường hợp tập thơ bằng văn xuôi anh khóc chị cũng do nhà Nam-Kí xuất bản, hai năm sau tập thơ đầu.

— Anh muốn nhắc đến Linh-Phượng? Cũng do ông Nam-Kí. Trước, ông làm thầy cò cho Nam-Phong. Ông được xem *Linh-Phượng* trước độc giả, và chính tay ông sửa ấn cảo. Ông lấy làm thích. Nên sau này, ông xin tôi xuất bản.

— Về *Linh-Phượng*, tôi có nghe một giai thoại này, chẳng biết đúng hay không, nhờ anh cho biết. Người ta đồn rằng ông Nam-Kí rao sắp in quyển *Hai giọt lệ* gồm có *Linh-Phượng* của anh và *Giọt lệ thu* của Tương-Phố mà chẳng hỏi ý kiến hai tác giả. Nhưng cả hai cực lực phản đối việc «phối hợp» này và viết thư trách nặng nhau sao lại cho phép nhà xuất bản làm công việc phạm đến chỗ thiêng liêng của mình. Đến chừng vỡ lẽ ra thì mới hay chánh danh thủ phạm là nhà xuất bản ! Từ chỗ tưởng « thù » hóa ra là « bạn ». Và duyên văn tự từ « biến cố » đó nối liền sông Tương với lại hồ Đông. Chẳng biết sự thật có phải thế không ?

Anh chỉ cười. một cái cười chẳng biết có nên hiểu là xác nhận hay phủ nhận.

∴

Như lời anh dặn, sau đó, tôi gởi anh tám câu hỏi. Nhưng khi đúng ngày hẹn đến, thì anh chưa trả lời câu nào.

Một tuần sau. tôi lại thăm anh ; mai phải giao bài cho nhà báo. Thấy anh còn mệt rõ ràng, tôi chẳng nhắc đến tám câu hỏi nọ. Chẳng biết vì đâu mà chúng tôi bàn đến Thượng Hội đồng mới đây và Hội đồng Nhân sĩ năm rồi. Chừng ấy tôi mới hay anh đã được mời làm nhân sĩ, anh đã chối từ ngay. Vì anh tự xét mình bất tài trong việc cứu quốc từ lâu, chỉ có thể góp chút sức mọn vào công cuộc văn hóa mà thôi ; người ta bảo rằng trong các công tác của Hội đồng Nhân sĩ, có dành phần cho văn hóa, anh đáp rằng anh không tin, người ta cho anh hai mươi bốn tiếng đồng hồ để nghĩ lại, anh cho là

vô ích, vì ý anh đã quyết. Tôi cười.

— Hèn chi năm rồi, anh có bài trên Bách-Khoa bàn về danh từ « nhân sĩ » ! Nhưng mà chẳng biết cuộc đời đất nước tiến bộ hay anh tiến bộ ; dưới chế độ họ Ngô, anh không dám từ chối chức Hội trưởng hội nhà Văn ; dưới chế độ này, anh dám chối từ cái « chức » nhân sĩ.

Anh lại cười. Tôi nhìn theo mắt anh, xem có đám mây trắng nào trôi trên khoảng trời xanh trước mặt. Từ giã anh tôi nghĩ viết bài về anh. tôi có nên để ở cuối : *có thể còn nữa*, vì nếu anh còn khỏe và vui trong ba ngày Tết, sực nhớ lại chút công đeo đẳng của người bạn đã khổ tâm vì đã phải lạm dụng tính quen biết gần một phần tư thế kỉ để mong anh làm một việc mà lòng anh chẳng muốn, vì «thấy chẳng ích gì ai, chỉ làm nhàm tai thiên hạ».

Trên đường về, tôi băn khoăn tự hỏi : thấy rõ cái tuổi già, sức yếu, và cái bất mãn (bất mãn ai ? bất mãn gì ? tôi không được biết, và cũng không muốn biết) của người bạn đàn anh này, tôi có nên buồn giùm anh như một số bạn chung, vì thêm vào đó, thấy anh gặp khó khăn trên đường sinh sống, hay tôi lại nên vui, vì thấy anh đã sống trọn vẹn cho những giấc mơ tuổi trẻ của mình : anh xuất thân là nhà mô phạm, anh đã dám giã từ trường « nhà nước » để mở trường dạy học theo ý mình; anh yêu văn chương, thì anh đã mở tiệm sách, ở tỉnh nhà, rồi ở kinh đô; anh từng viết báo cho người thì lại từng chủ trương báo cho mình, lại giám đốc nhà xuất bản, lại làm tổng phát hành báo... Cái gì rồi chẳng tàn, phai, kết thúc. Theo tôi, anh sung sướng hơn bao người chẳng thể thực hiện một điều ước mơ nhỏ nhặt. Và dầu trong đôi nghề mà nhiều người cho rằng anh để mất chất « thơ », vì quá thực tế, quá chặt chẽ như mọi nhà kinh doanh khác, tôi nghĩ anh cũng có thể tự hào rằng anh đã chia ranh giới rõ ràng cho phần : *mộng* và *thực*. Ở thời buổi này, gặp một người phủ nhận mình là nhà nho, nhưng trong cuộc sống, lại hưởng hầu hết cái thú thanh nhã của nho gia chân chánh : chơi chữ (chữ Tàu và chữ ta), chơi câu đối, chơi hoa, chơi sách, chơi tranh cổ, chơi đồ xưa, diễn thuyết về thơ thì phải có đỉnh trầm... Cái mà lắm người cho là kiểu cách, tôi lại thấy vẻ đáng mến của một cái gì sẽ không còn cửa, mà có lẽ mình chẳng thấy được lần thứ hai.

Về nhà, trước xấp giấy nằm chờ viết tiếp, tôi nghĩ : viết về Đông-Hồ, đã mở với Tết thì phải kết bằng thơ; Thơ mới không có, thì Thơ xưa vậy. Tôi may mắn giữ được một bài thơ Xuân của anh, cũ đã hai mươi lăm năm, nhưng chưa in trên báo, sách. Tôi lại biết vì sao « nó » có. « Nó » phải có để kèm theo món quà chung trả lại cho các bạn thân những người bạn mà tôi may mắn được qnen thân — đã gởi cho anh lúc năm cùng tháng tận. . .

Tạ tình Xuân nữ

Nghĩ đến thi nhân lúc túng nghèo
Năm tàn xuân mới cảnh đìu hiu
Góp đem bốn biển tình tri kỉ
Giời tặng ba mươi tấm diễm kiều

Ba mươi xuân nữ biết bao duyên
Để giải cho ai mối não phiền
Mà để cho ai mua chuộc lại
Bao nhiêu xuân sắc cành thần tiên
Đã trót từ xưa hẹn với lòng
Soi gương thanh đạm nước hồ Đông
Từng quen nô giỡn làn mây gió
Chưa biết xôn xao bến lục hồng

Xuân về. Hờ hững với Xuân về
Suông nhạt riêng vui giữ lấy lề
Ngõ trúc êm đềm xe ngựa vắng
Hoa cười pháo nổ, giấc xuân mê
Dám phụ tình em, Xuân nữ ơi!
Lòng xuân lạnh lẽo tự lâu rồi
Em về thưa lại người tương thức
Rằng khách thành Phương kính gởi lời

Cảm tạ lòng ai lệ mấy hàng
Thẹn mình không xứng tấm iêu đương
Đàn xưa, nợ cũ chưa thành kén
Tơ mới tằm Xuân chẳng dám vương

(ngày Xuân kỉ mão, 1939)

Tháng cuối năm Rồng, 1965

NGUIỄN NGU-I

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

★

DIVISION VIETNAMIENN

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Td. : 23.741 —23.742

●

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane.**
Protoxyde d'Azote — Argon etc..

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électriquel
Installations de garothérapie

Notre service technique d'application est à la disposition de a clientèle pour toutes études et installations.

SINH HOẠT

Những bước tiến về dân-chủ của Việt-Nam Cộng-Hòa trong năm 1964 (*)

12 tháng vừa qua đối với Việt-Nam quả thực mang nhiều biến cố nhất từ mười năm trở lại đây.

Nếu năm 1963 được đánh dấu bằng cuộc đấu tranh của Phật-Giáo và sự vùng lên của quân đội cùng nhân dân đạp đổ chế-độ Ngô-Đình-Diệm thì năm 1964 ghi lại bao nhiêu sự việc trọng đại đã xảy ra trên đất nước Việt-Nam. Đầu năm (30/1) một cuộc «chỉnh lý nội bộ» thành công của quân đội, bảy tám tháng sau (13-9) một cuộc đảo chánh thất bại của một nhóm quân nhân, rồi cuối năm (20-12) lại một cuộc «hót rác» hộ chính quyền của Hội-đồng quân-lực. Người dân càng dày thêm kinh nghiệm được nếm trải, trong có một năm, chính sách của cả ba chánh phủ: Nguyễn-Ngọc-Thơ, Nguyễn-Khánh, và Trần-văn-Hương, được sống dưới bốn thể-chế của Hiến-Ước I, Hiến-Ước II, Hiến Chương Vũng Tàu 16-8 và Hiến Chương lâm thời 20-10.

Dân chúng cũng không thương tiếc bao nhiêu khi thấy hai cơ quan lãnh trách nhiệm đại diện cho dân là Hội đồng nhân sĩ và Thượng-Hội-Đồng quốc-gia mỗi cơ quan đều chỉ tồn tại được trên dưới ba tháng. Lý do truất bỏ, Hội-Đồng nhân sĩ là để bầu cử Quốc-Hội lập-hiến và giải tán Thượng-Hội-Đồng quốc-gia là vì cơ quan này «bị thao túng bởi những phần tử phản cách-mạng, chủ trương chống đối tinh thần đại đoàn-kết quốc-gia, phản lại quyền lợi tối cao của đất nước vv... »

Năm 1964 là năm có nhiều thay đổi : thay đổi chính phủ, thay đổi Hiến-Chương, và thay đổi cả những

(*) Thuật theo tài liệu : các nhật báo trong năm 1964.

người lãnh đạo chính trị lẫn quân sự của Hoa-Kỳ tại V.N. nữa : Tướng M. Taylor được cử sang thay thế đại sứ H. Cabot Lodge và Tướng William C. Westmoreland thay thế cho Tướng Paul D. Harkins vào hạ tuần tháng 6-64.

Đặc điểm của năm 1964 tại Việt-Nam là các cuộc tranh đấu chính trị diễn ra liên miên từ đầu năm đến cuối năm, dưới hình thức các cuộc hội-thảo chính trị và biểu tình tuần-hành ; Nhất là từ tháng 6 trở đi, tại Thủ-đô gần như tháng nào cũng đều có những cuộc xuống đường hay những cuộc hội thảo đả kích sôi nổi, không kể những cuộc « biểu dương lực lượng » của tôn-giáo nhân dịp những đám tang đặc biệt. Tháng 6 : Khối công giáo biểu tình ; tháng 7 : sinh viên học sinh biểu tình chống Trung-Lập; tháng 8 : sinh viên biểu tình chống độc-tài và chống Hiến-chương Vũng-Tàu; Biểu tình đẫm máu trước Tổng-Tham-mưu đòi lưu giữ H. Đ. Q. Đ. C. M.; tháng 9 : công nhân, do Liên-hiệp nghiệp-đoàn lãnh đạo, tổng đình công và biểu tình nhân vụ Vimytex, đòi tự do nghiệp đoàn, tự do hội họp ; tháng 10 : Biểu tình đả đảo Sihanouk, các cuộc hội thảo chống H. Đ. N. D. C. Q. Huế ; tháng 11 : những cuộc hội thảo và biểu tình chống chính phủ... Đau thương nhất là trong không khí sôi động đó, đã có nơi bùng lên những cuộc xô sát đẫm máu : Đà-Nẵng, Qui-Nhơn, Sài-Gòn (tháng 8-64), những cuộc xô sát nảy sinh hoặc do sự hiểu lầm, hoặc do những thủ đoạn khích động của thực dân, cộng-sản.

1964

2-1 : Khai mạc Hội đồng nhân sĩ.

30-1 : « Chỉnh lý nội bộ » của quân đội do Trung tướng Nguyễn-Khánh lãnh đạo và được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quân nhân cách mạng, sau đổi thành Hội đồng quân đội cách mạng.

2-2 : Chính phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ từ chức.

4-2 : Bác sĩ Nguyễn-Tôn-Hoàn về nước do lời mời của Trung tướng Nguyễn-Khánh.

7-2 : Hiến ước tạm thời số II.

8-2 : Chính phủ Nguyễn-Khánh được thành lập với các Phó Thủ tướng đặc trách bình định : Bác sĩ Nguyễn-Tôn-Hoàn, đặc-trách văn hóa xã-hội : Thiếu tướng Đỗ-Mậu, đặc-trách kinh-tế tài chánh : Giáo sư Nguyễn-Xuân-Oánh.

Trung tướng Dương-Văn-Minh giữ nhiệm vụ Quốc-trưởng.

19-2 : Sắc-luật về Báo chí.

28-2 : Sắc-luật tổ-chức Tòa-án Cách-Mạng. T. A. C M. họp tại Huế xử vụ Phan-Quan-Đông ngày 26-3 ; họp tại Sài-Gòn xử vụ Ngô-Đình-Cẩn ngày 16-4, xử vụ Đặng-Sĩ ngày 2-6, xử nhóm Nguyễn-văn-Y, Dương-Văn-Hiếu... ngày 8-6 và giải tán ngày 26-6.

22-3 : Thành lập Ban chỉ-đạo của Hội-đồng quân đội Cách-Mạng do Trung tướng Nguyễn-Khánh làm chủ-tịch.

Cũng từ đầu năm 1964 những cuộc tranh đấu chính trị sôi nổi đã diễn ra ở miền Trung, về những vụ xử án Phan-Quang-Đông, Ngô-Đình-Cẩn, Đặng-Sĩ..,Sự ra đời của Hiến-Chương Vũng-Tàu 16-8 là nguyên nhân của cuộc tranh đấu chống «bạo quyền quân-phiệt độc tài» và nguyên nhân tạo lập «Lực lượng sinh viên học sinh tranh đấu» cùng « Hội-Đồng-Nhân-Dân-Cứu-Quốc» Huế, mở đầu cho những đợt tổ chức «Lực lượng sinh viên học sinh tranh đấu» và «Hội-Đồng N. D. C. Q.» các tỉnh miền-Trung. Phải ghi nhận rằng chưa năm nào miền-Trung phải chịu nhiều tai ương như năm vừa qua: Những cuộc tranh đấu chính trị ở một vài địa phương cũng đã vô tình làm đổ máu dân chúng lại đến trận bão 15-9 tàn phá Đà-Nẵng và tiếp theo là hai trận bão lụt khủng khiếp nhất trong ngót thế-kỷ nay đối với đồng bào các tỉnh : Quãng - Nam, Quảng-Tín, Quảng - Ngãi, Bình - Định, (trận thứ nhứt) Khánh-Hòa, Bình-Thuận, Ninh-Thuận (trận thứ hai). Những cuộc cứu trợ tận tình, tận lực tổ chức trong mấy tháng nay vẫn chưa hàn gắn được phần nào vết thương lớn lao đó của các tỉnh bị thiên tai.

Biến cố tại Bắc-Việt hồi đầu tháng 8 - 64, ngư lôi hạm cộng-sản tấn công khu trục hạm Huê-Kỳ và oanh tạc cơ Huê-Kỳ trả đũa một số căn cứ xuất phát hải quân của cộng-sản Bắc-Việt từ Quảng Bình đến Hòn Gay, mở đầu cho một tình trạng khẩn trương được ban bố

5-4 : Sắc-luật giải tán Hội đồng nhân sĩ và tổ chức bầu cử Quốc hội lập hiến trong vòng từ 4 đến 6 tháng tùy theo điều kiện an-ninh từng vùng.

30-4 : Sắc-luật về Quy chế báo chí.

9-5 : Ngô-Đình-Cẩn bị hành quyết ở Sài-Gòn và Phan-Quang-Đông ở Huế.

7-6 : Biểu tình của Khối Công giáo tại Sài-Gòn.

13-6 : Đại-hội soạn thảo Quy chế Đảng phái tại Hội-trường Diên Hồng Sài-Gòn.

20-6 : Tướng William C. Westmoreland được cử sang Việt-Nam thay thế tướng Paul D. Harkins.

23-6 : Ông Henry Cabot Lodge xin từ chức Đại-sứ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam và tướng Maxwell Taylor được bổ nhiệm thay thế, có ông Alexis Johuson phụ tá.

5-7 : Phái đoàn Liên-Hiệp-Quốc điều tra về ranh giới Miên-Việt từ Nam-Vang qua Sài-Gòn.

19 và 21-7 : Những cuộc biểu tình chống Trung-Lập và chống chủ trương Trung-Lập hóa Miền Nam của De Gaulle.

2-8 : Biến cố tại vịnh Bắc Việt : khu-trục hạm Maddox trong đệ thất hạm đội Huê-Kỳ bị những ngư-lôi-hạm của Cộng-Sản tấn công tại vịnh Bắc-Việt.

trên toàn quốc kéo dài đến tận ngày nay. Nếu trong dịp đó người ta hy vọng có thể mở rộng chiến cuộc ra tận miền Bắc để giải quyết chiến trường miền Nam thì người ta cũng lo ngại sự tăng cường can thiệp của Trung Cộng, sự trả đũa của Cộng-Sản Bắc-Việt nên có lúc các thành phố Huế và Đà-Nẵng đã phải đề phòng bị oanh tạc và Sài-Gòn cũng phải tập phòng không và đào hầm trú ẩn. Cũng trong dịp nầy, trong một cuộc họp báo, Trung Tướng Nguyễn-Khánh đã tiết lộ rằng tới ngày đó, quân lực của Cộng Sản tại miền Nam Tự do đã lên tới 150.000 người, trong đó có 34.000 quân chính quy. Dân số Việt-Nam Cộng-hoà có 14 triệu rưỡi người thì 8 triệu rưỡi sống tại những ấp Tân sinh và vùng tự do, gần hai triệu ở trong vùng Cộng-Sản kiểm soát và ngót bốn triệu còn ở trong các vùng mà ta đương phải tranh chấp với địch.

Nhìn chung trong năm 1964 thì sự việc quan trọng nhất vẫn là sự chuyển tiếp chính quyền từ quân sự sang dân sự vào ngày 26-10-64, đánh dấu một giai đoạn mới trong tình hình chính trị tại Việt-Nam từ sau Cách-Mạng 1-11 và biểu lộ tinh thần yêu nước, trọng tín nghĩa của các vị lãnh đạo Quân-Lực Việt-Nam. Nhớ lại cách đây chưa đầy 5 tháng, với Hiến chương 16-8, mọi quyền hành lúc đó đều tập trung cả trong tay vị Chủ-tịch Hội-đồng Quân-đội Cách-mạng cũng là chủ tịch Việt-Nam Cộng-Hòa. Nhờ cuộc đấu tranh kịp thời và quyết liệt của sinh

3-8 : Chiến hạm Maddox và Turney Joy lại bị tấn công ban đêm bởi những ngư lôi hạm của Cộng-Sản tại vịnh Bắc-Việt.

15-8 : Phi cơ Huê Kỳ oanh tạc 4 căn cứ xuất phát hải quân và một kho xăng của Cộng-Sản Bắc-Việt tại Hòn-Gay, Lộc-Chân, Phúc-Lợi và Vinh.

7-8 : Tình trạng khẩn trương được ban bố trên toàn lãnh thổ Việt-Nam tự do.

16-8 : Hiến Chương Vũng-Tàu được ban hành : Trung tướng Nguyễn-Khánh được bầu làm chủ tịch Việt-Nam Cộng-Hoà.

24-8 : Vụ xô sát do sự hiểu lầm xảy ra giữa những người biểu tình và những người cư ngụ tại trại di cư Thanh-Bồ ở Đà-Nẵng làm một số người chết và một số lớn bị thương.

25-8 : Các cuộc biểu tình của sinh viên Sài-Gòn vào các ngày 21, 22, 23, 24, 25-8 tranh đấu chống độc tài và chống Hiến-Chương Vũng-Tàu, được sự đồng-tình và ủng-hộ của dân chúng, nên đã thâu được thắng lợi hoàn toàn ngày 25-8 : H.Đ.Q.Đ.C.M ra tuyên-cáo thâu hồi Hiến chương 16-8 và sẽ tự giải tán v.v..

26 và 27-8 : Hội-đồng quân-đội cách-mạng họp trong hai ngày 26 và 27-8 đã quyết định : Hủy bỏ Hiến chương 16-8, tự giải tán và một

viên, học sinh với hậu thuẫn của dân chúng đồng tình trong cuộc chống độc tài, đòi tự do dân chủ, và cũng nhờ thiện chí của các tướng lãnh, bao giờ cũng «để quyền lợi tổ quốc và dân tộc lên trên hết» nên Hiến-chương phản dân-chủ 16-8, kéo dài vô hạn định giai đoạn chính quyền quân sự, được sớm hủy bỏ và «Quân Lực V N.C.H. trở về nhiệm vụ thuần túy quân sự». Do đó «giải pháp dân sự» đã được thực hiện từ mấy tháng nay mà tình đoàn kết quân dân vẫn bảo tồn được chặt chẽ.

Cũng nên ghi lại rằng năm 1964 có hai cuộc khủng hoảng chính trị : cuộc thứ nhứt kéo dài một tuần từ sau ngày H. Đ. Q. Đ. C. M. giải tán (27-8) tới ngày Thủ tướng Nguyễn-Khánh dưỡng bịnh tại Đà-Lạt trở về Sàigòn cải tổ nội các. Cuộc thứ nhì kéo dài ba tuần lễ từ sau khi Hội-Đồng Quân-Lực giải tán Thượng Hội-Đồng Quốc-Gia (20-12) đến ngày 9-1-65 vừa qua...

∴

Trong thời thịnh trị của họ Ngô, đã nảy ra một huyền thoại về «Ngô Tổng-thống» là dân chúng không ai đủ tài đức để thay thế Tổng thống được, nhưng khi anh em họ Ngô ngã xuống rồi thì người ta có quan niệm ngược lại gần như bất cứ kẻ nào cũng có thể nắm giữ chức vụ nguyên-thủ trong nước được cả, nếu cờ đến tay mình. Thế là một huyền thoại tan vỡ. Nhưng trong năm 1964 vừa qua còn sụp đổ biết bao huyền thoại như vậy nữa : huyền-thoại Nguyễn-Tôn-Hoàn, huyền-thoại về các chính-đảng, huyền-thoại về các nhân sĩ, các nhà cách mạng, các chánh

«Ban lãnh đạo lâm thời quốc gia và quân lực» được thành lập gồm có các tướng Dương - Văn - Minh, Nguyễn-Khánh, và Trần-Thiện-Khiêm

Chiều 27-8, một cuộc biểu tình trước Tổng-Tham-Mưu, có sảy ra xô sát : 6 người chết và một số bị thương.

Xung đột tại nhiều nơi trong Sài-Gòn, có người chết và bị thương, tại các ngày 27 và 28-8

28-8 : Tại Huế từ ngày 21-8 « Ủy ban sinh viên học sinh tranh đấu » tổ chức biểu tình chống độc tài quân phiệt, bỏ bãi khóa, bãi thị, — Ngày 22-8 lại biểu tình và thành lập « Lực lượng học-sinh sinh viên tranh đấu ». Các cuộc biểu tình, bãi khóa được tổ chức liên tiếp vào các ngày 24, 25, 26-8 và ngày 28-8 thành lập Hội-Đồng Nhân-Dân Cứu-Quốc tại Huế do B. s. Lê-Khắc-Quyến làm chủ-tịch, mở đầu cho phong trào thành lập các Hội Đồng Nhân Dân Cứu Quốc tại các tỉnh miền Trung sau này.

28-8 : Phó Thủ tướng Nguyễn-Xuân-Oánh được ủy quyền điều khiển Chính phủ trong thời gian Trung tướng Nguyễn-Khánh dưỡng bệnh tại Đà-Lạt.

29-8 : Giới nghiêm tại Sài-Gòn.

1-9 : Bác-sĩ Nguyễn-Tôn-Hoàn đệ đơn xin từ chức

khách đã từng ra tù vào khám.. Chính quyền mà nhiều người mơ ước nắm giữ quả thực là nơi thử lửa của các nhân tài. Nhà lãnh tụ Đại-Việt, các vị đại diện đảng phái trong chính phủ Nguyễn-Khánh, khi bước ra khỏi chính quyền là bước thẳng vào quên lãng của nhân dân sau khi đã phô bày hết tài đức của mình cho công chúng rõ.

Ngày 13-6-64 tại Hội-trường Diên-Hồng có Đại-Hội các đảng phái chính trị để soạn thảo một Quy-chế đảng phái. Người ta không rõ sau đó Ủy-ban soạn-thảo đã làm việc được tới đâu rồi, nhưng nghe chừng hồi đó cũng đã có tới trên dưới 40 hồ sơ các đoàn thể chính trị xin thành lập. Thế mà trong những biến cố trọng đại, như khi sinh viên tranh đấu chống Hiến-chương 16-8 chẳng hạn, người ta không hề thấy một đoàn thể chính trị nào lên tiếng hay tham dự. Sự «im hơi lặng tiếng» kỳ càng và khôn ngoan đó đã làm lớp người trẻ tuổi thắc mắc không ít.

Rồi tới những cảnh các hệ-phái trong một Đảng, ở cùng một địa phương đả kích, bôi nhọ lẫn nhau công khai hay đôi khi còn khai trừ lẫn nhau trên mặt báo và có trường hợp chính lãnh tụ cũng bị khai trừ kiểu đó nữa. Sự suy yếu của các đảng-phái còn bộc lộ ở tên Đảng, tên Khối, tên Lực-lượng, Mặt trận, nay thay mai đổi, nay liên kết dưới danh hiệu này mai qui tụ thành một tổ chức mang tên khác, như tuồng các tạp-chí ra bộ mới vậy. Cái cảnh khi tan khi hợp đó làm cho người nào có muốn chú ý đến các đoàn thể chính

4-9 : Trung tướng Nguyễn-Khánh từ Đà-Lạt trở về Sài-Gòn ngày 3-9, họp báo ngày 4-9, tuyên bố trở lại chính quyền, chấm dứt cuộc khủng hoảng chính trị. Các tổng trưởng, thứ trưởng quân nhân xin từ chức.

5-9 : Bác-sĩ Nguyễn-Tôn-Hoàn phải rời khỏi Việt-Nam.

7-9 : Trung tướng Dương-Văn Minh được cử làm Chủ tịch Ban lãnh-đạo lâm-thời Quốc-Gia và Quân-Lực với những quyền hành của một Quốc trưởng.

8-9 : Quyết định của Ban lãnh đạo về Thượng-Hội-Đồng Quốc-gia mà Trung tướng Dương-Văn-Minh được ủy nhiệm triệu tập.

9-9 : Nội các Nguyễn-Khánh cải tổ. Bác sĩ Nguyễn-Lưu-Viên được mời giữ Bộ Nội vụ ; Ông Trần-Văn-Hương được mời làm Đô-trưởng Sài-Gòn. Các tướng Đôn, Kim, Đính, Xuân, Vỹ được trả tự do và giao hoàn Bộ quốc Phòng xử dụng.

13-9 : Đảo chính bất thành của nhóm quân nhân dưới quyền chỉ huy của Trung tướng Dương-Văn-Đức.

20-9 : Cuộc nổi dậy của một số đơn vị dân - sự chiến - đấu Thượng tại Ban-mê-Thuột và Quảng-Đức : bắt đầu từ 20-9, chấm dứt và hàng phục ngày 28-9 sau khi các yêu sách đã được thỏa mãn.

trị cũng khó mà theo dõi được. Các đảng phái bị coi thường tới mức mà có buổi họp báo, hội thảo, trật tự không sao duy trì nổi đến mức biến thành ẩu đả và có chính khách đã xanh mặt, vỡ đầu hay tháo chạy. Do đó người ta không ngạc nhiên khi thấy có những vị đại diện đảng này phái nọ, có thể bị bắt giữ khá lâu mà cũng không thấy phản ứng gì của các đảng phái liên-hệ, hầu như hậu thuẫn của các vị đó chỉ là các bà xã ở nhà mà thôi !

Trong một năm qua, ba chánh phủ nối tiếp nhau lên xuống làm cho mọi người đều thấy quyền chính lúc này là một thứ thật bấp bênh, chứ không còn là nơi chốn «vinh thân phì gia» vững vàng như những năm trước nữa. Các vị nào tham chánh tất là để thực hiện một hoài bão chính trị mà mình đã bao năm ôm ấp hay một chương trình ích-lợi quốc dân mà mình đã dày công nghiên cứu. Nhưng người ta rất đỗi ngạc nhiên thấy tâm lý «hưởng lạc» vẫn bộc lộ ở những công thự được tu bổ, công xa được thay nệm, phòng giấy được sửa sang... mỗi khi đổi chủ. Nghe đâu ó vị sau khi sửa chữa công ốc mình cư ngụ được thực xứng hợp với chức vụ của mình rồi, còn muốn xây thêm cả cái hồ bán nguyệt cho đẹp ý.. phu nhân nữa; có vị khi nhận chức bắt thay hết cả mọi vật dụng trong văn phòng cho được mỹ thuật hơn và có vị còn đòi rằng văn phòng chưa thực đủ tiện nghi thì chưa chịu bước chân tới sở. Quan tâm đến những thứ phụ thuộc như vậy, trách nào đối với địa vị của mình là thứ chính yếu, người ta không quyết tâm củng cố

21-9 : *Tổng đình công và biểu tình của Liên Hiệp Nghiệp đoàn Đô-Thành Sài-Gòn Gia-Định nhân vụ Vimytex.*

26-9 : *Lễ giới thiệu Thượng Hội-đồng Quốc-gia tại Hội trường Diên-Hồng, gồm 17 hội viên và ông Phan-Khắc-Sửu được bầu làm Chủ tịch.*

15-10 : *Tòa án binh Vùng 3 chiến thuật họp xử vụ nhóm quân nhân và thường dân đảo chính bất thành ngày 13-9.*

20-10 : *Hiến-chương lâm-thời do Thượng Hội Đồng Quốc Gia soạn thảo, được ban hành.*

Thống tướng Lê-Văn-Tỵ từ trần.

24-10 : *Ông Phan-Khắc-Sửu được toàn thể Thượng Hội-Đồng Quốc-Gia bầu làm Quốc trưởng Việt-Nam-Cộng-Hòa.*

26-10 : *Ban lãnh-đạo lâm-thời Quốc-Gia và Quân-lực đã bàn giao quyền điều khiển quốc gia cho tân quốc trưởng Phan-Khắc-Sửu, chấm dứt giai đoạn chính quyền quân sự.*

30-10 : *Ông Trần-Văn-Hương được quốc trưởng mời thành lập tân chánh phủ.*

31-10 : *Ông Trần-Văn-Hương trình bày chương trình hành động của Chính phủ sẽ thành lập trước Thượng Hội Đồng và Quốc trưởng ký sắc lệnh bổ nhiệm ông làm Thủ tướng Chánh*

bằng đủ mọi cách. Người ta coi cái chức vụ mình nhận lãnh cũng như phương tiện mình hưởng dụng là những thứ mà không thể rời bỏ được và phải bám cho thực chặt. Bám cho tới vài tháng sau rớt xuống mới tỉnh ngộ và lại đến lượt người kế tiếp, cứ thế mãi . . . sao ?

Khi Cộng-sản nắm chánh quyền là danh từ «dân chủ» được trưng ra rồi gắn liền vào chính thể thành danh hiệu «Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hoà» vẫn còn giữ mãi đến ngày nay như một mỉa mai đối với thực chất độc tài tàn bạo của chế độ Bắc-Việt, mà tới nay không còn lường gạt được ai nữa. Đến triều-đại họ Ngô, người ta lại được nghe luôn luôn nói đến « dân chủ» và lần này là thứ « dân chủ chân chính » rồi rốt cuộc thực ra lại vẫn chỉ là một chế-độ phản dân-chủ man rợ nhất. Có phải vì thế mà một khi người dân được giải thoát khỏi chế độ cũ là thiết tha bảo vệ những quyền tự-do dân-chủ mà mình đã bị tước đoạt trước đây, đôi khi đến quên cả những đòi hỏi quan trọng không kém là những đòi hỏi về « công bằng xã hội ». Tự do dân-chủ trở thành một nhu cầu, tựa như mọi nhu cầu khác để con người sinh sống. Bởi vậy mới có những phản ứng chống độc-tài, chống Hiến-Chương phản dân-chủ. Cũng bởi vậy mà trong lời Tuyên-cáo của Hội-Đồng Quân Nhân Cách-Mạng, khi vừa hạ xong chính quyền cũ là có ghi ngay ở hàng đầu rằng : « *Quân đội không chủ trương thiết lập một chế độ độc tài*, vì ý thức rằng khí giới sắc bén nhất để chiến thắng Cộng-sản là, Dân-chủ, Tự-do» và khi Hội Đồng Quân Đội Cách-Mạng tự giải

phủ sau khi có sự chấp thuận của Thượng Hội đồng.

1-11 : *Vụ Việt cộng phá hoại trường bay Biên-Hòa.*

4-4 : *Nội các Trần-văn-Hương được thành lập với hai Phó thủ tướng là ông Nguyễn-Lưu-Viên và ông Nguyễn-Xuân-Oánh.*

10-11 : *Trận bão lụt tàn phá miền Trung tại các tỉnh : Quảng-Nam, Quảng - Tín, Quảng - Ngãi, Bình-Định.*

22-25/11 : *Những cuộc biểu tình và bãi khóa chống chính phủ.*

27-11 : *Lệnh thiết quân luật được ban hành tại Sài-Gòn Gia-Định.*

12-12 : *Bão lụt lần thứ hai ở miền Trung tàn phá Khánh-Hòa Bình-Thuận, Ninh-Thuận.*

17-12 : *Hội-Đồng Quân-Lực được thành lập do Đại-tướng Nguyễn-Khánh làm chủ tịch.*

20-12 : *Hội-Đồng Quân-Lực giải tán Thượng Hội-Đồng Quốc-Gia, «cô lập» một số hội viên T H.Đ., chính khách, sinh viên tại Kon-Tum.*

24-12 : *Vụ phá hoại của Việt-Cộng tại cư xá Brink đường Hai Bà Trưng Sài - Gòn, nơi cư ngụ của các sĩ-quan Huê-Kỳ.*

27-12 : *Quốc-trưởng Phan-Khắc-Sửu và Thủ-tướng Trần-văn-Hương ra thông cáo bày tỏ quan điểm đối với biến cố 20-12-64.*

tán, Tuyên cáo cuối cùng cũng không quên nhấn mạnh : «Quân-Lực V.N.C.H... bảo vệ quốc gia chống Cộng-Sản, Trung-lập, Thực dân và *mọi hình thức độc tài phản quốc* ». Phát triển ý thức tự do dân-chủ, phát triển tinh thần chống độc tài dưới mọi hình thức, cũng là phát triển tinh thần chống Cộng, vì Cộng-sản là chế độ độc - tài khắt khe nhất trong mọi chế độ độc tài có thể có được trên trái đất này.

Được nhắc nhở đến luôn luôn không kém gì danh từ « dân chủ » là hai tiếng « cách-mạng ». Sau khi lật đổ chánh quyền cũ, quân đội không muốn rằng sự chỗi dậy của mình chỉ để làm một cuộc đảo chính mà còn muốn vươn tới một cuộc cách - mạng toàn-diện và ý hướng cách - mạng đó được thể hiện ngay tại cái tên của cơ quan lãnh đạo quốc gia là « Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng ». Tiếc rằng công cụ làm cách mạng hồi đó lại chỉ là chính phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ mà báo chí đã diễu là «con rùa hành chánh» nên sau ba tháng « cách mạng ôn-hòa » cả quân và dân đều không ai thỏa mãn cả. Sau cuộc Chỉnh lý 30-1-64, Trung tướng Nguyễn - Khánh đã phê phán nhà cầm quyền của ba tháng cách mạng đầu tiên là «đã gây chia rẽ và quá chậm chạp nên không theo kịp đà tiến của Cách-mạng...» « đã chỉ lo vụ lợi hoặc hưởng thú vui riêng » không kể rằng còn những kẻ « tỏ ra tinh thần nô lệ, dọn đường cho chính sách Trung-lập bán nước hoặc mến tiếc chế độ thối nát của họ Ngô». Một lần nữa, người cầm đầu cuộc chỉnh lý lại xác nhận quân đội «muốn thực hiện cuộc Cách-mạng toàn diện để xây dựng một chế độ dân chủ thực sự».

Phải công nhận rằng so với chính phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ thì chính phủ Nguyễn-Khánh có tiến bộ hơn, gạt bỏ được óc bè phái, óc địa phương và thành phần chính phủ có các đại diện đảng phái, với người đủ ba miền, Nam, Trung, Bắc. Tuy nhiên nói cách mạng thì dễ mà làm thì thực khó, cho nên chính phủ Nguyễn-Khánh sau rốt cũng chỉ làm cách mạng được nửa chừng, từ việc thanh toán chế độ cũ bằng Toà-án cách-mạng cho tới việc đặt cơ cấu dân-chủ cho Quốc-gia bằng Hiến - Chương 16-8, qua những sự việc như « Quy chế đảng phái » thai nghén mãi mà không sao sinh đẻ được, « Quy chế báo chí » ra đời như một quái thai mà L.s. Trần-Văn-Tuyên đã cho là «phản cách mạng» và «khắc nghiệt hơn những hạn chế thời thực dân phồn thịnh » (1). Nhận định chung về những nhà lãnh đạo giai đoạn chính quyền quân sự, thiếu tướng Nguyễn-Cao - Kỳ trong một bài diễn văn đọc tại buổi họp « Lion's Club » đã nói như sau : « Những người được ủy nhiệm lãnh đạo cách mạng đã không lợi dụng được thời cơ vì từ ý niệm đến bản chất họ không phải là những người cách mạng » (2) và trong buổi nói chuyện với Hội-Đồng chủ-tịch sinh viên Saigon ngày 6-1 vừa qua, Thiếu Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ cũng nói thêm : «Chủ trương phải cách mạng thật sự chớ

(1) Chính Luận ngày 10 và 11-5-64

(2) Chính Luận ngày 16-12-64

không phải cách mạng nửa vời, dẫm dớ như trong năm vừa rồi ». (3)

Phải chăng mọi sự xao động, rối ren trong suốt năm vừa qua một phần lớn chính là vì người cầm quyền bản thân không cách-mạng lại chưa ý thức được mức độ khát vọng tự do dân chủ của nhân dân nên luôn luôn lúng túng, việc làm mâu thuẫn với lời tuyên bố và gây nên một sự bất mãn gần như thường trực, thể hiện qua những cuộc đấu tranh chính trị dai dẳng hết đợt này đến đợt khác, hết địa phương này đến địa phương khác.

Tất nhiên Cộng-sản đã lợi dụng mọi dịp để đào sâu thêm hố chia rẽ giữa chính quyền với dân chúng, nhưng chính hiểm họa Cộng-sản cũng lại là động cơ thúc đẩy chính quyền quân đội và dân chúng ý thức nguy cơ của đất nước, mà luôn luôn chụp lấy cơ hội thuận lợi gần gụi nhất để sớm giải quyết mọi xích mích, xung đột, dẹp tự ái, lợi quyền, để vươn tới đoàn kết cho khỏi suy giảm tiềm lực chống Cộng. Chứng cớ là sự nhượng bộ của H.Đ.Q.Đ. C.M. trong cuộc đấu tranh 25-8, sự hoà giải các vụ xô sát suýt biến thành xung đột tôn giáo, sự hòa giải để chấm dứt các cuộc khủng hoảng chính trị v v . . .

Cho nên, sang năm 1965, chúng ta có thể hy vọng rằng những người có trách nhiệm nắm giữ vận mệnh quốc gia sẽ rút được bài học lớn của năm trước mà không vấp phải các sai lầm cũ nữa và «giải pháp dàn xếp» sẽ thành công với những bước tiến vững chắc trên chặng đường thiết lập các cơ cấu dân chủ cho quốc gia như toàn dân mong đợi.

THẾ-NHÂN

(3) Tự do ngày 8-1-65

Đã phát hành

Lưu đầy và quê hương

tập truyện của Albert Camus

bản dịch: Vũ - Đình - Lưu

Giao-Điểm xuất-bản

Quyển I **Giá 20 đ**

CÁI LƯỚI

TRUYỆN DÀI CỦA DUY-LAM
GIAO - ĐIỂM XUẤT - BẢN

MỘT MÓN QUÀ TRANG NHÃ
MÀ NGƯỜI NHẬN SẼ THÍCH
THÚ VÀ GIỮ GÌN MÃI MÃI

---

nhà xuất bản Lá Bối đã phát hành

- **TÌNH NGƯỜI** *của Tâm-Quán.*
  truyện của một chú tiểu do chính chú tiểu viết
  GIÁ 30đ.

- **ĐẠO PHẬT đi vào cuộc đời** *của Nhất-Hạnh*
  tập khảo luận về những vấn đề then chốt của Đạo Phật và Dân Tộc.
  GIÁ 45đ

Xuất hành đầu năm, nhớ

Đi về hướng mặt trời

để tìm gặp những người yêu văn-nghệ hướng về ánh-sáng sự-thực «ĐI VỀ HƯỚNG MẶT TRỜI» tờ báo do Vũ-Hạnh chủ trương với những bạn văn thiết tha với lý tưởng cầm-bút.

BÁO RA MỖI THÁNG 3 KỲ

---

sẽ cho phát hành vào đầu mùa này ba tác phẩm :

- **THƯ SINH** *kịch thơ của Minh-Đức Hoài-Trinh*
- **U-HOÀI** *tập truyện của Doãn-Quốc-Sỹ (in lần thứ hai)*
- **ĐÔI CÁNH GÃY CỦA THIÊN THẦN** *tập truyện của Vinh-Lộc.*

Bản quý của những tác phẩm trên giá thống nhất 100đ. Xin gửi bằng thiếp phiếu mẫu số CH-1418 về cho Doãn-Quốc-Sỹ, trương mục 16.22 Chánh Trung Khu Saigon

Hòa Đồng

tuầnbáopháthuyvănminhtổnghợp

Chủ nhiệm : Nguyễn-Lương-Hưng — Thư kí tòa soạn : Nguiễn-Ngu-Í

Tòa soạn : 383, Phan-thanh-Giản — SAIGON

Những bài :

- Phục hưng — Tượng trưng *của nhóm Hoà-Đồng.*
- Một dấu hiệu mới — Xuân nhân loại *của Nguyễn-Lương-Hưng.*
- Giáo dục ngoài học đường và giáo dục quần nhân tại ngũ — Một lớp người bị bỏ quên *của Phạm-Long Điền.*
- Thư gởi ông Sáng, đầu sư Cao-Đài giáo — Bài giải về «Thuốc trường sanh » — Văn chương sáng giá — Phân trầu — Huyền thoại về đức Phật Thầy Tây-An — Mùa Xuân chim lạc *của Hồ-Hữu-Tường* . . .

SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA